BỘ CÔNG THƯƠNG

NGÀNH CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

70 NĂM

14/5/1951 - 14/5/2021

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

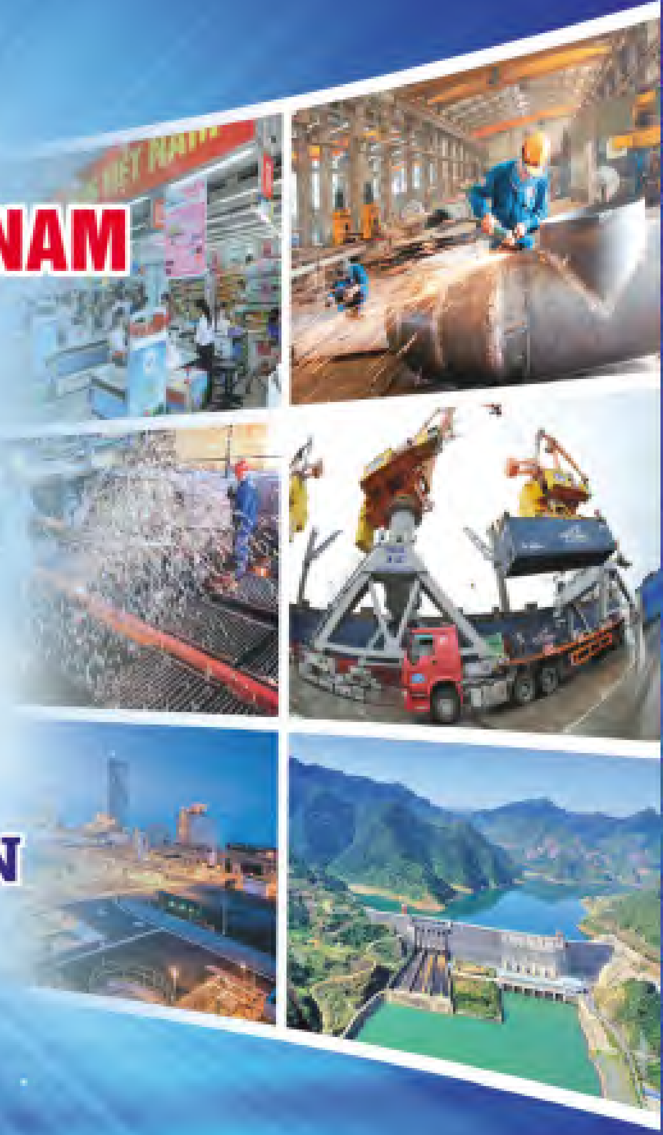

NHÀ XUẤT BẢN
CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG

70 NĂM

14/5/1951 - 14/5/2021

NGÀNH CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

70 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

NHÀ XUẤT BẢN
CÔNG THƯƠNG

THƯ CHÚC MỪNG CỦA ĐỒNG CHÍ PHẠM MINH CHÍNH

ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ - THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Nhân kỷ niệm 70 năm ngày truyền thống ngành Công Thương

Nhân dịp kỷ niệm 70 năm ngày truyền thống ngành Công Thương, thay mặt Chính phủ, tôi thân ái gửi tới các đồng chí lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành Công Thương lời thăm hỏi thân thiết và lời chúc mừng tốt đẹp nhất!

Trong suốt chiều dài lịch sử xây dựng và phát triển của đất nước, ngành Công Thương luôn có một vị trí đặc biệt vô cùng quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, quản lý bao trùm nhiều lĩnh vực, có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của đất nước, hội nhập quốc tế và chăm lo đời sống của nhân dân. Ở mỗi giai đoạn lịch sử, ngành Công Thương luôn là ngành kinh tế quan trọng, tạo ra của cải vật chất cung cấp cho nhu cầu xã hội. Mỗi thành công của Cách mạng Việt Nam đều mang đậm dấu ấn thành tích của ngành Công Thương Việt Nam qua các thời kỳ.

Trong 70 năm qua, ngành Công Thương nỗ lực, quyết tâm cao và đã đạt được thành tựu to lớn trên nhiều mặt: sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì đà tăng trưởng; hoạt động xuất nhập khẩu, hội nhập quốc tế và phát triển thị trường ngoài nước vượt chỉ tiêu được Quốc hội và Chính phủ giao. Đặc biệt, năm 2019 có thể được xem là năm đặc biệt thành công của xuất nhập khẩu nước ta khi thiết lập kỷ lục mới với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu vượt mốc 500 tỷ USD. Hàng hóa mang thương hiệu Việt đã có tại siêu thị của hầu hết các quốc gia trên thế giới, quy mô các mặt hàng xuất khẩu tiếp tục được mở rộng. Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu tiếp tục cải thiện theo chiều hướng tích cực, giảm hàm lượng xuất khẩu thô, tăng xuất khẩu sản phẩm chế biến, sản phẩm công nghiệp, tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu; Công tác khai thác cơ hội từ cam kết hội nhập được thực hiện có hiệu quả hơn những năm trước. Tới nay, chúng ta đã tham gia đàm phán và ký kết 17 hiệp định tự do thương mại song phương và đa phương.

Tôi đặc biệt ghi nhận những nỗ lực cải cách trong công tác hoàn thiện thể chế, xây dựng cơ chế, chính sách; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, xóa bỏ các điều kiện đầu tư kinh doanh không còn phù hợp của Bộ Công Thương, góp phần xây dựng một Chính phủ liêm chính, kiến tạo và hành động.

Đất nước ta bước vào giai đoạn tăng tốc để hoàn thành Chiến lược phát triển đất nước của Đảng, trong đó Chính phủ đặt mục tiêu phát triển kinh tế nhanh và bền vững, do đó, nhiệm vụ đặt ra cho ngành ngành Công Thương trong những năm tiếp theo vô cùng quan trọng. Tôi tin tưởng rằng, với truyền thống 70 năm vẻ vang của Ngành, tập thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành Công Thương sẽ đoàn kết, đồng lòng, vượt qua khó khăn, thách thức để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, đóng góp to lớn hơn nữa cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thay mặt Chính phủ, tôi biểu dương những kết quả to lớn và rất có ý nghĩa mà ngành Công Thương đã đạt được trong 70 năm qua.

Xin chúc toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành Công Thương mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Thân ái!

PHẠM MINH CHÍNH
Ủy viên Bộ Chính trị
Thủ tướng Chính phủ

THƯ CHÚC MỪNG CỦA ĐỒNG CHÍ TRẦN TUẤN ANH
ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ - TRƯỞNG BAN KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

Nhân kỷ niệm 70 năm ngày truyền thống ngành Công Thương

Các đồng chí thân mến,

Nhân kỷ niệm 70 năm ngày truyền thống ngành Công Thương (14/5/1951 – 14/5/2021), tôi xin gửi tới toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động ngành Công Thương qua các thời kỳ lời chào thân ái và lời chúc mừng nồng nhiệt.

Trải qua 70 năm xây dựng và phát triển, các thế hệ cán bộ ngành Công Thương luôn nỗ lực vượt qua khó khăn, gian khổ, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trong thời kỳ Đổi mới, ngành Công Thương đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của một ngành kinh tế đóng vai trò chủ chốt trong xây dựng nền tảng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và đi đầu trong chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Kế thừa truyền thống vẻ vang của các giai đoạn trước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý và điều hành của Nhà nước, ngành Công Thương trong giai đoạn 2016-2020 đã phát triển toàn diện, có nhiều đóng góp quan trọng vào củng cố ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế và an ninh năng lượng quốc gia, thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Các đồng chí thân mến,

Ôn lại chặng đường 70 năm qua, chúng ta bày tỏ lòng biết ơn vô hạn đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, các nhà lãnh đạo tiền bối của Đảng, Nhà nước, các đồng chí lãnh đạo ngành Công Thương qua các thời kỳ. Chúng ta mãi ghi nhớ sự quan tâm, ủng hộ và phối hợp chặt chẽ, hiệu quả của các ban, bộ, ngành trung ương, các địa phương, các cơ quan, đoàn thể, các đối tác trong nước và quốc tế. Chúng ta cũng gửi lời tri ân sâu sắc đến các thế hệ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động ngành Công Thương đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Công Thương và đất nước.

Với cá nhân tôi, những năm tháng công tác trong ngành Công Thương là niềm vinh dự lớn lao, để lại nhiều tình cảm ấm áp và kỷ niệm tốt đẹp. Từ đáy lòng mình, tôi xin chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo, tập thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức ngành Công Thương qua các thời kỳ đã luôn ủng hộ và giúp đỡ tôi hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian công tác trong ngành Công Thương.

Các đồng chí thân mến,

Khi chúng ta cùng nhau ôn lại truyền thống 70 năm rất đỗi tự hào của ngành Công Thương cũng là thời điểm đất nước ta đang đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ công cuộc Đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chủ động, tích cực và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Nhân dân ta đang kỳ vọng vào tương lai phát triển tươi sáng của đất nước, trong đó có kỳ vọng vào sự đóng góp nhiều hơn nữa của ngành Công Thương. Trước yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới, tôi mong ngành Công Thương tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang, nêu cao đoàn kết, trách nhiệm, tự lực tự cường, không ngừng phấn đấu vươn lên, đổi mới, sáng tạo mạnh mẽ, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, cùng cả nước thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chiến lược và định hướng phát triển kinh tế- xã hội đất nước.

Với tình cảm thân thiết, tôi thân ái chúc toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động ngành Công Thương qua các thời kỳ sức khỏe, hạnh phúc và nhiều thành công.

TRẦN TUẤN ANH

Ủy viên Bộ Chính trị

Trưởng Ban Kinh tế Trung ương

Lời tựa

Tháng 2 năm 1951, tại thủ đô kháng chiến giữa căn cứ địa Việt Bắc diễn ra Đại hội lần thứ II của Đảng. Đây được coi là đại hội kháng chiến và kiến quốc khi cùng lúc chúng ta phải đương đầu với thực dân Pháp, đồng thời xây dựng cơ sở vật chất ở những vùng do cách mạng kiểm soát. Sau Đại hội, để thực hiện mục tiêu kiến quốc, Đảng và Nhà nước đã có những quyết sách quan trọng nhằm hoàn thiện các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế. Theo đó, ngày 14-5-1951, Chính phủ ra Sắc lệnh số 21-SL đổi tên Bộ Kinh tế thành Bộ Công thương và Sắc lệnh số 22-SL thành lập Sở Mậu dịch trong Bộ Công Thương.

Tháng 2 năm 2021, Đại hội Đảng lần thứ XIII tổ chức tại Thủ đô Hà Nội đã xác định chiến lược phát triển và mục tiêu cụ thể của Việt Nam trong chặng đường sắp tới, hướng đến xã hội phồn vinh vào dịp kỷ niệm 100 năm thành lập nước (2045).

70 năm đã trôi qua giữa hai kỳ Đại hội, lịch sử ghi nhận những trang hào hùng và oanh liệt nhất của Đảng, Nhà nước và nhân dân trong bảo vệ Tổ quốc và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. 70 năm cũng là khoảng thời gian ghi nhận những bước phát triển, trưởng thành của ngành Công Thương trong sứ mệnh phát triển công nghiệp và thương mại phục vụ nhu cầu của nền kinh tế và đời sống nhân dân.

Việt Nam, từ nền kinh tế thuần nông nghiệp, trải qua thời gian dài khó khăn do chiến tranh tàn phá và bao vây cấm vận, đã tiến hành Đổi mới và hội nhập thành công. Năm 2020, quy mô nền kinh tế đạt khoảng 343 tỷ USD, đứng trong top 40 nền kinh tế lớn nhất thế giới và xếp thứ 4 trong cộng đồng ASEAN; GDP bình quân đầu người đạt 3.521 USD, xếp thứ 6 ASEAN; vươn lên xếp thứ 22 thế giới về quy mô kim ngạch và năng lực xuất khẩu, xếp thứ 26 về quy mô thương mại quốc tế. Đây là cơ sở để Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII xác định mục tiêu:

- Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

- Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

- Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Nông nghiệp sẽ vẫn tiếp tục giữ vai trò quan trọng, nhưng là một nền nông nghiệp được công nghiệp hóa, ứng dụng công nghệ cao. Hướng tới mục tiêu chiếm lĩnh thị trường thế

giới, hàng hóa thương hiệu Việt cần phải trở thành thương hiệu mạnh trong các sân chơi FTA mà chúng ta đã tham gia và các thị trường truyền thống, thị trường tiềm năng, đồng thời nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp và hoạt động thương mại, nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Để thực hiện các mục tiêu phát triển đất nước trong thời kỳ mới, trách nhiệm của ngành Công Thương là không hề nhỏ. Nhưng với truyền thống đoàn kết, tinh thần tự lực tự cường, trách nhiệm cao, chủ động sáng tạo, đồng sức đồng lòng, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành Công Thương sẽ vượt qua mọi gian nan, thử thách để hoàn thành tốt nhiệm vụ, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của toàn ngành Công Thương mà Đảng và Nhà nước đã giao phó, góp phần quan trọng vào việc hiện thực hóa các mục tiêu phát triển Đất nước như Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII đã đề ra.

Ngành Công Thương đã và sẽ luôn đồng hành với từng bước phát triển đất nước!

NGUYỄN HỒNG DIÊN
Ủy viên Trung ương Đảng
Bộ trưởng Bộ Công Thương

“Bản lĩnh Công Thương
Khát vọng Công Thương.”

ỦY VIÊN TRUNG ƯƠNG ĐẢNG, BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG
NGUYỄN HỒNG DIÊN

Ngành Công Thương Việt Nam 70 năm hình thành, xây dựng và phát triển

(14/5/1951 - 14/5/2021)

Ngày 14 tháng 5 năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 21/SL đổi tên Bộ Kinh tế thành Bộ Công Thương đã mở ra trang sử vẻ vang, hào hùng của ngành Công Thương Việt Nam. Trải qua 70 năm xây dựng và trưởng thành, ngành Công Thương đã có những đóng góp quan trọng vào thành tựu của cách mạng Việt Nam, trong kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc, cũng như trong phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhất là trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và hội nhập mạnh mẽ trong những năm gần đây.

Chặng đường 70 năm hình thành xây dựng và phát triển của ngành Công Thương luôn gắn liền với mốc son lịch sử phát triển đất nước và dân tộc, với những dấu ấn và đóng góp quan trọng của các thế hệ lãnh đạo, cán bộ công chức, viên chức, người lao động ngành Công Thương.

Ngay sau khi được thành lập, ngành Công Thương đã được tôi luyện trong gian khó để trưởng thành cùng với cả nước vừa phải kháng chiến chống giặc, vừa phát triển kinh tế trong điều kiện nghèo nàn, thiếu thốn. Thời kỳ 1945-1954, công nghiệp và thủ công nghiệp kháng chiến được xây dựng, đặc biệt là công nghiệp quốc phòng đã góp phần không nhỏ đáp ứng nhu cầu chiến đấu và tiêu dùng, với việc Chính phủ chủ trương mở lại các mỏ than, gấp rút phục hồi các nhà máy cơ khí, nhà máy giấy cả ở chiến khu... Các thế hệ hôm nay luôn ghi nhớ sự gian khó trong lao động của anh chị em trong xưởng công binh chế tạo vũ khí, các nhà máy chế tạo bông băng, thuốc men cho ngành y tế, cung cấp giấy cho ngành giáo dục, ngành in phục vụ sách báo tuyên truyền.

Trong những năm kháng chiến gian khổ, bị địch bao vây kinh tế, đóng góp với ngành công nghiệp non trẻ, các cán bộ ngành thương mại đã lăn lộn cùng đồng bào trong các vùng để phá thế bao vây kinh tế và chia cắt của địch, thực hiện khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng” với những hình ảnh còn nhớ mãi về các đoàn dân công hỏa tuyến “chị gánh anh thồ” vận chuyển lương thực nhu yếu phẩm cho tiền tuyến. Chính sách khuyến khích mở rộng việc buôn bán của Chính phủ đã giúp hàng hóa được lưu thông tự do trong toàn quốc nên dù hàng hóa trong thời kỳ này khan hiếm, người dân vẫn có thể mua được dễ dàng các loại hàng hóa thiết yếu phục vụ đời sống sinh hoạt hàng ngày ở các chợ. Với tất cả tấm lòng trân trọng, các thế hệ ngày nay luôn ghi nhớ công ơn và tự hào về thế hệ kháng chiến - kiến quốc của ngành Công Thương, góp phần cho sự thành công của công cuộc kháng chiến, lập lại hòa bình, cùng cả nước làm nên chiến thắng vĩ đại mùa xuân năm 1975.

CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH MỞ RỘNG VIỆC BUÔN BÁN CỦA CHÍNH PHỦ ĐÃ GIÚP HÀNG HÓA ĐƯỢC LƯU THÔNG TỰ DO TRONG TOÀN QUỐC

Khi đất nước thống nhất, ngành Công Thương cũng như toàn nền kinh tế, phải đối mặt với những hậu quả do chiến tranh để lại và hệ quả của cơ chế thời chiến đã dẫn đến kinh tế phát triển trì trệ, trình độ quản lý thấp, lại bị ảnh hưởng nặng nề của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp... Chính từ những khó khăn, thách thức này, ngành Công Thương đã có bước chuyển mình, đổi mới mạnh mẽ, đóng góp vào công cuộc Đổi mới của Đảng, tạo nên bước ngoặt lịch sử trong sự nghiệp phát triển kinh tế nước nhà.

Công cuộc Đổi mới, với Nghị quyết của Đại hội VI (1986) nhấn mạnh cần tập trung thực hiện ba chương trình kinh tế lớn (Chương trình lương thực thực phẩm, Chương trình hàng tiêu dùng và Chương trình hàng xuất khẩu), tạo tiền đề cho đẩy mạnh công nghiệp hóa ở giai đoạn tiếp theo. Việc thực hiện ba chương trình kinh tế lớn trong giai đoạn 1986-1990 và những năm tiếp theo đã tạo bước chuyển mạnh mẽ ở các cấp, các ngành, ngành Công Thương cùng với cả nước đạt kết quả rất đáng khích lệ, lạm phát bị đẩy lùi, kinh tế

phát triển, đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế, xã hội trong nhiều năm.

Những cải cách kinh tế được thực hiện trong 35 năm đổi mới đã cho thấy những chuyển biến rất cơ bản của ngành Công Thương. Ngành tiếp tục phát huy vai trò, vị trí đầu tàu, chủ chốt đối với nền kinh tế, đi đầu trong công tác hội nhập quốc tế và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đóng góp quan trọng nhất và lớn nhất vào tổng GDP và thu ngân sách nhà nước hàng năm, tạo việc làm cho hàng triệu lao động, nổi bật ở những điểm sau:

Ngành công nghiệp đã vươn lên trở thành một trong những quốc gia có năng lực cạnh tranh toàn cầu ở mức khá cao, thuộc vào nhóm các quốc gia có năng lực cạnh tranh công nghiệp trung bình cao và đưa nước ta cơ bản hội nhập thành công vào chuỗi giá trị toàn cầu với một số ngành công nghiệp có năng lực cạnh tranh toàn cầu và có vị trí vững chắc trên thị trường thế giới như dệt may, da giày, điện tử, đồ gỗ... Cơ cấu sản phẩm công nghiệp xuất khẩu đã có sự dịch chuyển tích cực khi tỷ trọng sản phẩm công nghệ cao và vừa của Việt Nam tăng lên đáng kể, tạo cơ sở hình thành một số tập đoàn công nghiệp tư nhân có quy mô lớn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

> **NGÀNH TIẾP TỤC PHÁT HUY VAI TRÒ, VỊ TRÍ ĐẦU TÀU, CHỦ CHỐT ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ, ĐI ĐẦU TRONG CÔNG TÁC HỘI NHẬP QUỐC TẾ VÀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN HẠI HÓA ĐẤT NƯỚC, ĐÓNG GÓP QUAN TRỌNG NHẤT VÀ LỚN NHẤT VÀO TỔNG GDP VÀ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HÀNG NĂM, TẠO VIỆC LÀM CHO HÀNG TRIỆU LAO ĐỘNG.**

Ngành năng lượng đã cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu năng lượng cho nền kinh tế, hạ tầng lưới điện được đầu tư khá toàn diện, đảm bảo cơ bản độ tin cậy về cung cấp nguồn điện và đưa điện lưới quốc gia tới hầu hết mọi miền của tổ quốc từ vùng sâu, vùng xa tới biên cương, hải đảo và cơ bản hoàn thành công tác điện khí hóa nông thôn; ngành dầu khí đáp ứng 75-80% nhu cầu về các sản phẩm xăng dầu trong nước và mức dự trữ chiến lược xăng dầu quốc gia; ngành than cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu cho sản xuất của các ngành kinh tế quan trọng trong nước. Cả 3 lĩnh vực: điện, dầu khí và than đều nằm trong nhóm 10 ngành công nghiệp lớn nhất. Chỉ số tiếp cận điện năng đã liên tục cải thiện thứ bậc xếp hạng, đứng thứ 27 trên tổng số 190 quốc gia và nền kinh tế, góp phần quan trọng trong việc nâng cao môi trường kinh doanh của Việt Nam.

> **XUẤT KHẨU TỪNG BƯỚC KHẲNG ĐỊNH VAI TRÒ LÀ ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG CỦA ĐẤT NƯỚC VỚI ĐÓNG GÓP LỚN CỦA QUÁ TRÌNH MỞ CỬA HỘI NHẬP MẠNH MẼ TOÀN DIỆN TRÊN NHIỀU LĨNH VỰC**

Xuất khẩu từng bước khẳng định vai trò là động lực tăng trưởng của đất nước với đóng góp lớn của quá trình mở cửa hội nhập mạnh mẽ, toàn diện trên nhiều lĩnh vực, với việc đã ký kết 15 FTA, trong đó có các FTA quan trọng như CPTPP, EVFTA..., qua đó đưa nước ta trở thành một trong những nền kinh tế hội nhập toàn diện nhất thế giới; công tác kiểm soát nhập khẩu ngày càng có hiệu quả để bảo vệ sản xuất trong nước, nâng cao năng lực độc lập, tự chủ của nền kinh tế và góp phần dịch chuyển thành công nước ta từ một quốc gia liên tục nhập siêu sang xuất siêu trong những năm cuối kỳ Kế hoạch.

Thương mại nội địa luôn giữ vững đà tăng trưởng ổn định ở mức cao, qua đó cùng với xuất khẩu và đầu tư là trụ đỡ quan trọng để góp phần vào bảo đảm thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đưa

Việt Nam trở thành một trong những thị trường bán lẻ hấp dẫn nhất toàn cầu; công tác kết nối cung cầu đã được thực hiện tốt, đảm bảo tạo nguồn hàng ổn định giữa các nhà sản xuất trong nước với các hệ thống phân phối lớn trên toàn quốc với sự lớn mạnh của hàng hóa Việt. Thương mại điện tử trở thành một xu hướng phát triển mạnh mẽ trong bối cảnh số hóa nền kinh tế và đang dần trở thành một động lực tăng trưởng mới của ngành.

Để triển khai các điều ước quốc tế vào cuộc sống, ngành Công Thương đã gắn kết công tác nội luật hóa các điều ước quốc tế với cải cách thể chế, đặc biệt là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế nhằm đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, bảo đảm sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, chống buôn lậu, gian lận thương mại. Bộ Công Thương đã chủ trì xây dựng, báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét thông qua nhiều luật có ý nghĩa quan trọng như: Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Luật Điện lực; Luật Quản lý ngoại thương; Luật Cạnh tranh sửa đổi; Luật Bảo vệ người tiêu dùng; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Sở hữu trí tuệ; Luật Hóa chất; Pháp lệnh Quản lý thị trường.

THƯƠNG MẠI NỘI ĐỊA LUÔN GIỮ VỮNG ĐÀ TĂNG TRƯỞNG ỔN ĐỊNH Ở MỨC CAO, QUA ĐÓ CÙNG VỚI XUẤT KHẨU VÀ ĐẦU TƯ LÀ TRỤ ĐỠ QUAN TRỌNG ĐỂ GÓP PHẦN VÀO BẢO ĐẢM THỰC HIỆN MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ.

Trong những năm qua, ngành Công Thương đã nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó, đi đầu trong hội nhập kinh tế quốc tế, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh và kiểm tra chuyên ngành, cải thiện môi trường kinh doanh. Quá trình tái cơ cấu ngành ngày càng đi vào thực chất và hướng vào lõi công nghiệp hóa, hiện đại hoá. Công tác cải cách thể chế đặc biệt được chú trọng. Công tác phòng vệ thương mại được triển khai đồng bộ, toàn diện và tích cực để bảo vệ sản xuất và lợi ích người tiêu dùng. Công tác theo dõi, phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, gian lận xuất xứ, quản lý thị trường, điều tiết các cân đối cung cầu đã góp phần quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, đóng góp tích cực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Công tác tổ chức cán bộ, đào tạo nguồn nhân lực và phát triển khoa học công nghệ được triển khai một cách đồng bộ và toàn diện ở tất cả các khâu.

Với những kết quả và thành tích đạt được, ngành Công Thương vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng Huân chương Sao Vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập và nhiều phần thưởng cao quý khác. Nhiều đơn vị, cá nhân trong ngành được nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ Đổi mới, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Nhìn lại chặng đường 70 năm xây dựng và phát triển, trong mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ, với mỗi tên gọi khác nhau, dù chức năng, nhiệm vụ có thay đổi, nhưng ngành Công Thương vẫn luôn tự hào giữ vai trò tiên phong trong xây dựng và phát triển kinh tế của đất nước. Chúng ta đang trong năm 2021, năm khởi đầu thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, đặt ra nhiều yêu cầu, đòi hỏi cấp thiết, vừa phải hoàn thành vượt mức các mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2021, vừa làm tốt công tác chuẩn bị và sẵn sàng triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của cả giai đoạn. Nhiệm vụ, trọng trách đặt ra trong

giai đoạn mới là hết sức nặng nề trong khi bối cảnh thế giới và trong nước ẩn chứa nhiều thách thức và cơ hội đan xen. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự dịch chuyển mạnh mẽ của dòng thương mại và đầu tư quốc tế, đặc biệt là bối cảnh hậu Covid 19... cùng với nền tảng phát triển vững chắc trong những năm qua mở ra cho chúng ta những thời cơ để cơ cấu lại ngành, áp dụng chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh, phát triển thương mại điện tử, chuyển đổi mô hình hướng tới tăng trưởng nhanh và bền vững. Phát huy những kết quả đã đạt được, trong giai đoạn phát triển mới, toàn ngành Công Thương cần tiếp tục đổi mới, sáng tạo, đoàn kết, đẩy mạnh phong trào thi đua, thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ, đặc biệt cần tập trung thực hiện một số nội dung trọng tâm:

Một là, quán triệt sâu sắc Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025; nhanh chóng cụ thể hóa và thực hiện những nhiệm vụ được phân công trong Chương trình hành động của Chính phủ nhằm thực hiện Nghị quyết. Đặc biệt, cần nhấn mạnh việc thực hiện nhiệm vụ này trong bối cảnh thực hiện cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, hội nhập sâu rộng, thực hiện các FTA thế hệ mới...

Hai là, triển khai quyết liệt Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; quyết tâm hoàn thành các chỉ tiêu phát triển ngành năm 2021; Thực hiện nghiêm Nghị quyết số 02/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm cải thiện môi trường kinh danh, nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Ba là, xác định thể chế, chính sách là khâu đột phá quan trọng nhất trong phát triển ngành Công Thương. Trong đó, đặc biệt lưu ý tới hoàn thiện hệ thống thể chế xử lý, ứng phó với các vấn đề mới như: Luật Công nghiệp, Luật Thương mại điện tử, Luật Phòng vệ thương mại, sửa đổi Luật Thương mại... Nhanh chóng xây dựng và triển khai thực hiện các chiến lược lớn về phát triển ngành Công Thương để tạo lập các định hướng chiến lược lớn cho phát triển ngành, như: Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn 2021-2030; Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa giai đoạn 2021-2030; Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.

Bốn là, lấy quy hoạch và làm tốt công tác quy hoạch làm công cụ trọng tâm để xử lý bài toán thu hút đầu tư xã hội cho phát triển ngành Công Thương. Thông qua việc xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện thực chất, hiệu quả các quy hoạch phát triển, trong đó có quy hoạch vùng, thì vấn đề phân bổ nguồn lực, thu hút đầu tư, tạo cực tăng trưởng, liên kết vùng... sẽ được giải quyết theo đúng quy luật của thị trường. Qua đó, giảm áp lực về đầu tư từ ngân sách nhà nước, xử lý được những hạn chế trong mô hình điều phối mang tính hành chính đối với các vùng kinh tế trọng điểm hiện nay.

Trước mắt, cần tập trung hoàn thiện trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để thông qua và tổ chức thực hiện Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, có xét đến 2045; Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Năm là, tiếp tục tập trung tái cơ cấu ngành Công Thương theo hướng đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nền kinh tế nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của ngành, tận dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để số hóa, công nghệ hóa phương thức sản xuất, kinh doanh, giảm chi phí trong sản xuất công nghiệp và thương mại; phát triển các mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số như thương mại điện tử và nâng cao khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu và khu vực.

Tận dụng tối đa lợi thế về độ mở cửa thương mại để phát triển nhanh, chuyên sâu một số ngành công nghiệp nền tảng, chiến lược, có lợi thế cạnh tranh và thu về lợi ích cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu, có tác động lan tỏa đến các ngành kinh tế khác như: công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp điện tử, công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản; công nghiệp dệt may, da giày nhưng ưu tiên tập trung vào các khâu tạo giá trị gia tăng cao gắn với quy trình sản xuất thông minh, tự động hóa; ưu tiên phát triển một số ngành lĩnh vực cơ khí như: ô tô, máy nông nghiệp, thiết bị công nghiệp, thiết bị điện...

Sáu là, tập trung thực hiện đồng bộ và triển khai hiệu quả các hiệp định thương mại tự do (FTA) đã có hiệu lực, các cam kết trong WTO và Cộng đồng Kinh tế ASEAN, đặc biệt là năng lực thực thi và hiện thực hóa các FTA để mở rộng thị trường xuất khẩu, kiểm soát có hiệu quả nhập khẩu.

Trong đó, Việt Nam cần tập trung tận dụng cơ hội của các FTA quan trọng đã ký kết như EVFTA, CPTPP, UKVFTA, RCEP... để góp phần củng cố và bảo đảm an ninh kinh tế, nâng cao vị thế đối với các quốc gia thành viên trước các xu hướng bảo hộ đang ngày càng diễn biến phức tạp; đẩy mạnh việc đa dạng hóa thị trường và mặt hàng xuất khẩu, cơ cấu lại các ngành hàng xuất khẩu hiệu quả hơn, cải cách về thể chế, tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng một cách quyết liệt hơn; nâng cao chất lượng hàng hóa theo hướng đáp ứng các quy định về TBT, SPS, yêu cầu về tiêu chuẩn môi trường, chất lượng sản phẩm và quy tắc xuất xứ hàng hóa.

Bảy là, đẩy mạnh phát triển thương mại nội địa để khai thác có hiệu quả khu vực thị trường gần 100 triệu dân với sự gia tăng cao của tầng lớp trung lưu. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử để khai thác có hiệu quả sự phát triển mạnh mẽ của xu hướng số hóa nền kinh tế từ thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; tổ chức lại lực lượng quản lý thị trường theo mô hình mới nhằm tăng cường công tác kiểm soát, đảm bảo chất lượng hàng hóa, kiểm soát và phòng chống có hiệu quả việc lưu thông hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng.

Để thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của ngành Công Thương cần phải đồng lòng nhất trí, đoàn kết gắn bó với quyết tâm lớn và trách nhiệm cao để thực hiện nhiệm vụ được giao và phát huy truyền thống vẻ vang 70 năm hình thành và phát triển (1) thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Hiến pháp và pháp luật đối với mỗi cán bộ, công chức và người lao động; giữ vững nguyên tắc, kỷ luật, kỷ cương hành chính của nhà nước; (2) đẩy mạnh thực hiện chế độ phân cấp, phân quyền theo quy định của pháp luật để phát huy tính chủ động, sáng tạo gắn liền với trách nhiệm của mỗi tổ chức, cá nhân trên từng vị trí được giao; (3) tăng cường công tác phối hợp với các bộ, ban, ngành Trung ương và địa phương và các đối tác nước ngoài trong thực thi nhiệm vụ bởi Bộ Công Thương là bộ đa ngành, chịu trách nhiệm quản lý nhà nước trên rất nhiều lĩnh vực của nền kinh tế; (4) đảm bảo việc tổ chức thực thi một cách đầy đủ, nghiêm túc các chỉ đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước đối với các nhiệm vụ giao cho ngành, trước mắt, cần bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, mà cụ thể là những nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Đại hội; (5) làm tốt công tác phục vụ doanh nghiệp, phục vụ nhân dân để nhận được sự ủng hộ, đồng tình của nhân dân, doanh nghiệp, thực thi Chính phủ kiến tạo./.

NGUYỄN HỒNG DIÊN
Ủy viên Trung ương Đảng
Bộ trưởng Bộ Công Thương

"Công Thương Việt Nam
Khơi nguồn nội lực
Vững bước vươn xa."

Phần I

BẢNG VÀNG NGÀNH CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **1418**/QĐ-TTg	
	Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH
Về ngày truyền thống ngành Công Thương Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Để phát huy vai trò, truyền thống ngành Công Thương Việt Nam với việc thành lập Bộ Công Thương lần đầu tiên vào ngày 14 tháng 5 năm 1951 theo Sắc lệnh số 21-SL của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam);

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Lấy ngày 14 tháng 5 hàng năm là "Ngày truyền thống của ngành Công Thương Việt Nam".

Điều 2. Việc tổ chức ngày truyền thống ngành Công Thương Việt Nam phải bảo đảm yêu cầu tiết kiệm, giáo dục truyền thống và đạo đức cách mạng của cán bộ, công chức ngành; có hình thức biểu dương, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xây dựng ngành, gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Căn cứ các quy định hiện hành và nội dung, yêu cầu tại Điều này, Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn tổ chức thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Công Thương, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG
(đã ký)

Nguyễn Tấn Dũng

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính QG;
- BQL KKTCKQT Bờ Y;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN,
  các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b). A.

HUÂN CHƯƠNG SAO VÀNG

Tặng thưởng Huân chương Sao Vàng cho Ngành Công nghiệp,
đã có nhiều công lao to lớn, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội
và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ đổi mới 1986 - 2000.

Tặng thưởng Huân chương Sao Vàng cho Ngành Thương mại,
đã có nhiều công lao to lớn, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội
và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ đổi mới 1986 - 2000.

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

Tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh cho Bộ Công Thương, đã có công lao to lớn, có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG NHẤT

Tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất cho Bộ Công Thương, đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

SƠ ĐỒ CÁC BỘ TIỀN NHIỆM

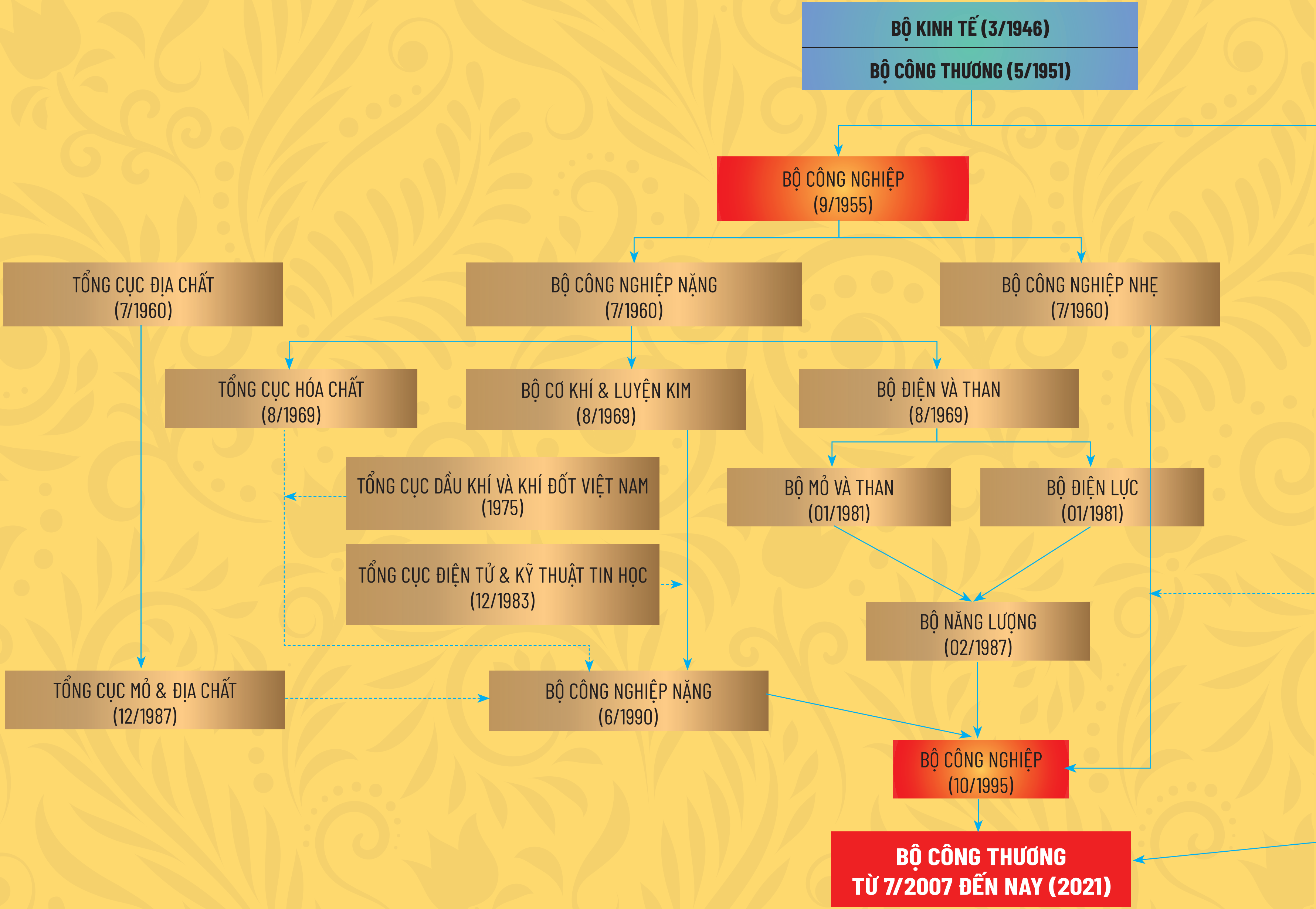

CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

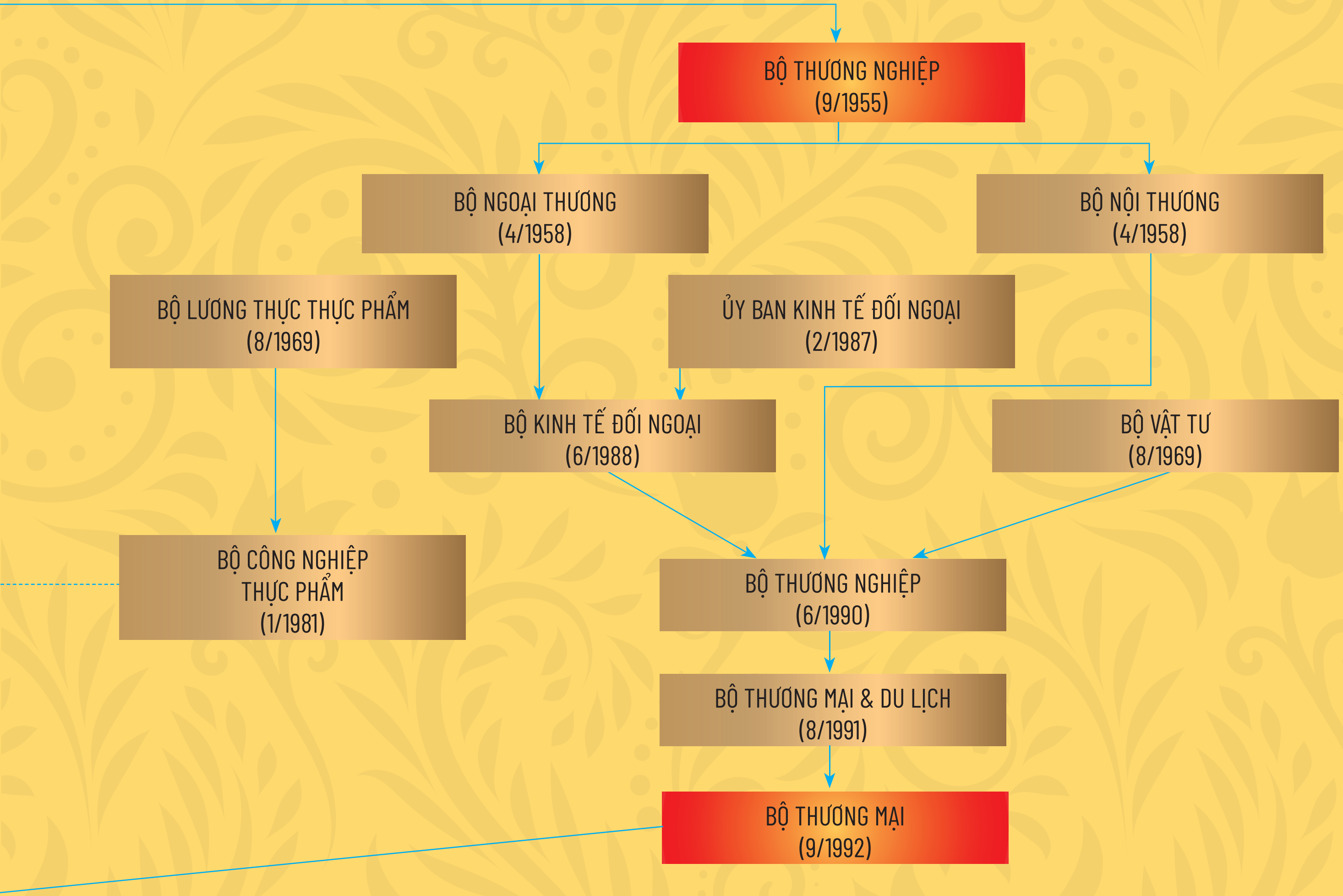

DANH SÁCH
BỘ TRƯỞNG
QUA CÁC THỜI KỲ

BỘ CÔNG THƯƠNG (5/1951 - 9/1955)

Ông PHAN ANH
(5/1951 - 9/1955)

BỘ THƯƠNG NGHIỆP (9/1955 - 4/1958) và (3/1990 - 8/1991)

Ông PHAN ANH
(5/1951 - 9/1955)

Ông HOÀNG MINH THẮNG
(3/1990 - 8/1991)

BỘ NGOẠI THƯƠNG (4/1958 - 3/1988)

Ông PHAN ANH
(4/1958 - 1976)

Ông ĐẶNG VIỆT CHÂU
(1976 - 02/1980)

Ông LÊ KHẮC
(02/1980 - 6/1986)

Ông ĐOÀN DUY THÀNH
(6/1986 - 3/1988)

BỘ NỘI THƯƠNG (4/1958 - 3/1990)

Ông ĐỖ MƯỜI
(4/1958 - 01/1961)

Ông NGUYỄN THANH BÌNH
(02/1961 - 10/1966)

Ông HOÀNG QUỐC THỊNH
(10/1966 - 1977)

Ông TRẦN VĂN HIỀN
(11/1977 - 01/1981)

Ông TRẦN PHƯƠNG
(01/1981 - 4/1982)

Ông LÊ ĐỨC THỊNH
(4/1982 - 6/1986)

Ông HOÀNG MINH THẮNG
(6/1986 - 3/1990)

DANH SÁCH

BỘ TRƯỞNG

QUA CÁC THỜI KỲ

(tiếp)

BỘ VẬT TƯ (8/1969 - 3/1990)

Ông TRẦN DANH TUYÊN
(1969 - 7/1976)

Ông TRẦN SÂM
(7/1976 - 8/1982)

Ông HOÀNG ĐỨC NGHI
(8/1982 - 3/1990)

BỘ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI (3/1988 - 3/1990)

Ông ĐOÀN DUY THÀNH
(3/1988 - 3/1990)

BỘ THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH (8/1991 - 10/1992)

Ông LÊ VĂN TRIẾT
(8/1991 - 10/1992)

BỘ THƯƠNG MẠI (10/1992 - 2007)

Ông LÊ VĂN TRIẾT
(10/1992 - 1997)

Ông TRƯƠNG ĐÌNH TUYỂN
(1997 - 01/2000)

Ông VŨ KHOAN
(01/2000 - 2002)

Ông TRƯƠNG ĐÌNH TUYỂN
(2002 - 2007)

BỘ CÔNG NGHIỆP (9/1955 - 7/1960) và (10/1995 - 7/2007)

Ông LÊ THANH NGHỊ
(9/1955 - 7/1960)

Ông ĐẶNG VŨ CHƯ
(10/1995 - 2002)

Ông HOÀNG TRUNG HẢI
(2002 - 2007)

BỘ CÔNG NGHIỆP NẶNG (7/1960 - 12/1969) và (3/1990 - 11/1995)

Ông NGUYỄN VĂN TRÂN
(7/1960 - 02/1967)

Ông LÊ THANH NGHỊ
(02/1967 - 11/1967)
(Phó Thủ tướng kiêm chức)

Ông NGUYỄN HỮU MAI
(11/1967 - 12/1969)

Ông TRẦN LUM
(3/1990 - 11/1995)

DANH SÁCH

BỘ TRƯỞNG

QUA CÁC THỜI KỲ

(tiếp)

BỘ CÔNG NGHIỆP NHẸ (7/1960 - 10/1995)

Ông KHA VẠNG CÂN
(7/1960 - 1975)

Ông VŨ TUÂN
(1975 - 02/1977)

Ông TRẦN HỮU DƯ
(02/1977 - 4/1982)

Ông NGUYỄN CHÍ VU
(4/1982 - 02/1987)

Ông VŨ TUÂN
(02/1987 - 02/1990)

Ông ĐẶNG VŨ CHƯ
(02/1990 - 10/1995)

BỘ LƯƠNG THỰC VÀ THỰC PHẨM (8/1969 - 01/1981)

Ông NGÔ MINH LOAN
(1969 - 4/1979)

Ông HỒ VIẾT THẮNG
(4/1979 - 01/1981)

BỘ CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM (01/1981 - 6/1986)

Ông VŨ TUÂN
(01/1981 - 6/1986)

BỘ ĐIỆN VÀ THAN (8/1969 - 01/1981)

Ông NGUYỄN HỮU MAI
(8/1969 - 4/1974)

Ông NGUYỄN CHẤN
(4/1974 - 01/1981)

BỘ MỎ VÀ THAN (01/1981 - 02/1987)

Ông NGUYỄN CHÂN
(01/1981 - 6/1986)

Ông TRẦN ANH VINH
(6/1986 - 02/1987)
(Quyền Bộ trưởng)

BỘ CƠ KHÍ VÀ LUYỆN KIM (8/1969 - 3/1990)

Ông ĐINH ĐỨC THIỆN
(1969 - 1971)
(Bộ trưởng Bộ Giao thông kiêm chức)

Ông ĐINH ĐỨC THIỆN
(1971 - 3/1974)

Ông NGUYỄN CÔN
(3/1974 - 11/1977)

Ông NGUYỄN VĂN KHA
(11/1977 - 02/1987)

Ông PHAN THANH LIÊM
(3/1987 - 3/1990)

BỘ NĂNG LƯỢNG (02/1987 - 10/1995)

Ông VŨ NGỌC HẢI
(02/1987 - 9/1992)

Ông THÁI PHỤNG NÊ
(10/1992 - 10/1995)

BỘ ĐIỆN LỰC (01/1981 - 02/1987)

Ông PHẠM KHAI
(01/1981 - 02/1987)

DANH SÁCH
BỘ TRƯỞNG
QUA CÁC THỜI KỲ

(tiếp)

BỘ CÔNG THƯƠNG (8/2007 - 4/2011)

Ông VŨ HUY HOÀNG
(8/2007 - 4/2011)

BỘ CÔNG THƯƠNG (4/2016 đến nay)

Ông TRẦN TUẤN ANH
(4/2016 - 4/2021)

Ông NGUYỄN HỒNG DIÊN
(4/2021 đến nay)

LÃNH ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG HIỆN NAY

Bộ trưởng
NGUYỄN HỒNG DIÊN

Thứ trưởng
TRẦN QUỐC KHÁNH

Thứ trưởng
ĐỖ THẮNG HẢI

Thứ trưởng
CAO QUỐC HƯNG

Thứ trưởng
ĐẶNG HOÀNG AN

"Trong suốt chiều dài lịch sử xây dựng và phát triển của đất nước, ngành Công Thương luôn có một vị trí đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Ở mỗi giai đoạn lịch sử, ngành Công Thương luôn là ngành kinh tế quan trọng, tạo ra của cải vật chất cung cấp cho nhu cầu xã hội. Mỗi thành công của Cách mạng Việt Nam đều mang đậm dấu ấn thành tích của ngành Công nghiệp và Thương mại Việt Nam qua các thời kỳ."

Phần II

NGÀNH CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
70 NĂM VỮNG MẠNH
CÙNG ĐẤT NƯỚC

14/5/1951 - 14/5/2021

I. Chủ tịch Hồ Chí Minh với ngành Công Thương

PHỦ CHỦ TỊCH

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gửi hội nghị Mậu dịch

Ngày 20 tháng 9 năm 1951

Nhân dịp hội nghị, tôi gửi lời thân ái hỏi thăm các đại biểu, và tất cả các cán bộ và nhân viên Mậu dịch.

Từ đầu năm đến nay nhờ học được kinh nghiệm quý báu của nước bạn, và do cán bộ cố gắng, nên công tác Mậu dịch đã chuyển hướng và tiến bộ hơn trước. Nhưng khó khăn còn nhiều, cần phải khắc phục nhanh chóng.

1- Cán bộ từ trên xuống dưới cần thấm nhuần chính sách Mậu dịch, đồng tâm nhất trí để mới làm tròn nhiệm vụ kinh doanh của mình, mới giúp đỡ tư nhân kinh doanh, để ổn định vật giá, thúc đẩy sản xuất, và đảm bảo cung cấp.

2- Cán bộ cần hoan nghênh ý kiến và những lời phê bình của dân, để sửa chữa sai lầm, và làm cho dân thấy rõ mục đích mậu dịch là làm lợi cho dân, để mọi người đều giúp đỡ nó phát triển và tiến bộ.

3- Cán bộ Mậu dịch nắm nhiều tiền bạc và hàng hóa trong tay, rất dễ hủ hóa nên mọi người phải ngày ngày trau dồi đức tính cần kiệm liêm chính.

Mậu dịch là một công tác rất quan trọng. Chính phủ và tôi luôn luôn theo dõi. Mong trong hội nghị này anh em sẽ kiểm thảo chủ trương, lề lối làm việc, rút thêm kinh nghiệm, ra sức sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm, để làm cho Mậu dịch ngày thêm phát triển, thêm vững mạnh để làm cho Mậu dịch thật thà phụng sự lợi ích của nhân dân.

Chào thân ái và quyết thắng

Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh với giới Công thương năm 1946

Bác Hồ thăm Nhà máy Xe lửa Gia Lâm ngày 19-5-1955

Bác Hồ trên công trường than mỏ Đèo Nai (30-3-1959)

Bác Hồ thăm xưởng May 10 (8-01-1959)

Bác Hồ thăm mỏ thiếc Cao Bằng (1960)

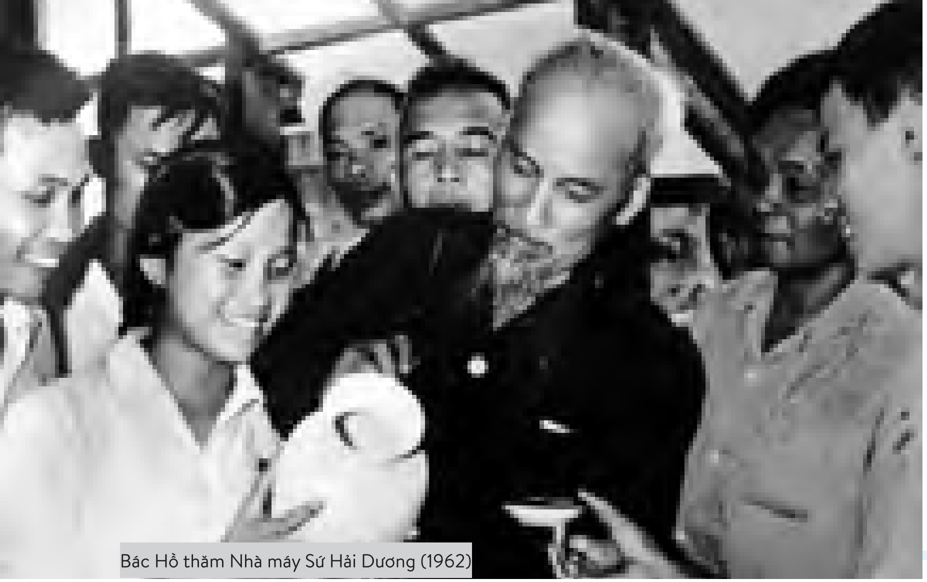

Bác Hồ thăm Nhà máy Sứ Hải Dương (1962)

Bác Hồ thăm Nhà máy Dệt 8-3 (1965)

Bác Hồ thăm Nhà máy Gang thép Thái Nguyên năm 1964

LÃNH ĐẠO ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỚI NGÀNH CÔNG THƯƠNG

Đồng chí Phó Thủ tướng Lê Thanh Nghị đến thăm và chúc Tết CBCNV Nhà máy Điện Yên Phụ (1961)

Đồng chí Phó Thủ tướng Lê Thanh Nghị thăm và chúc Tết công nhân mỏ Đèo Nai (năm 1967)

Tổng Bí thư Lê Duẩn nói chuyện với công nhân sàng tuyển than Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh (1-1980)

Phó Chủ tịch nước Nguyễn Hữu Thọ thăm CBCNV Công ty Điện lực 2, tháng 02/1981

Đồng chí Trường Chinh, đồng chí Đỗ Mười thăm công trình Thủy điện Hòa Bình, ngày 22/02/1983

Đồng chí Võ Văn Kiệt - Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
khảo sát địa điểm xây dựng công trình Thủy điện Thác Mơ, năm 1983

Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Trần Quỳnh thăm công trường Thủy điện Trị An, năm 1984

Đồng chí Nguyễn Văn Linh - Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh
thăm công trường Thủy điện Trị An, năm 1984

Đồng chí Đỗ Mười kiểm tra công trường Thủy điện Trị An, năm 1985

Đồng chí Võ Văn Kiệt - Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
kiểm tra công trường Thủy điện Trị An, năm 1986

Tổng Bí thư Đỗ Mười thăm công trường xây dựng đường dây 500kV Bắc - Nam năm 1993

Thủ tướng Võ Văn Kiệt và công nhân trên công trường xây dựng trạm biến thế 500 kV Pleiku, ngày 03/11/1993

Thủ tướng Phan Văn Khải và các Trưởng đoàn ký Tuyên bố Hà Nội, tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ VI, diễn ra ở Thủ đô Hà Nội trong 2 ngày 15-16.12.1998

Thủ tướng Võ Văn Kiệt và Phó Thủ tướng Trần Đức Lương thăm, kiểm tra hoạt động của trạm biến áp 500 KV đường dây cao thế Bắc - Nam ở Cầu Đò (Đà Nẵng) (1994)

Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh thăm và làm việc với Công ty Gang thép Thái Nguyên (2005)

Tổng Giám đốc WTO Pascal Lamy trao các văn kiện kết nạp Việt Nam vào WTO cho Bộ trưởng Bộ Thương mại Trương Đình Tuyển với sự chứng kiến của Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm tháng 11/2006

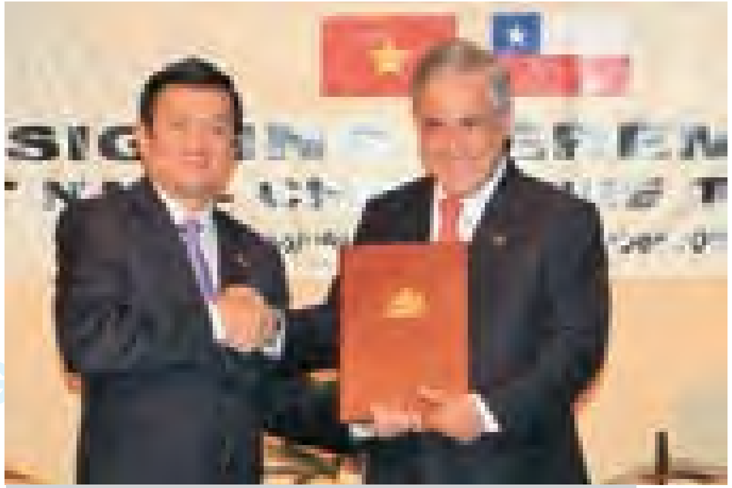
Chủ tịch nước Trương Tấn Sang và Tổng thống Chilê Sebastian Pinera Echenique sau lễ ký Hiệp định Thương mại Tự do giữa Chính phủ hai nước (2011)

Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng chúc Tết những người lao động trên công trường Thủy điện Sơn La nhân dịp đón Tết Nguyên đán Nhâm Thìn (2012)

Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và các đại biểu thực hiện nghi thức khởi công Dự án cấp điện lưới quốc gia cho xã đảo Lại Sơn, Kiên Giang (2015)

Chủ tịch nước Trương Tấn Sang thăm và chúc Tết cán bộ, nhân viên đang làm việc tại Giàn khoan Công nghệ trung tâm số 2 - Mỏ dầu Bạch Hổ (2016)

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng
thăm Phòng Thị trường điện, Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia (02/2019)

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng
thăm và chúc Tết cán bộ công nhân viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam (02/2019)

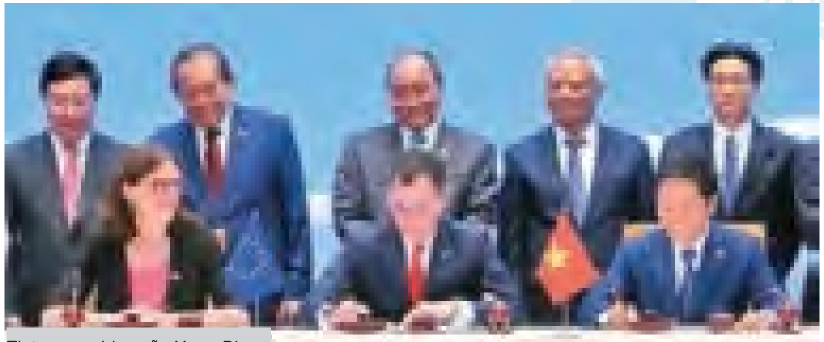

Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc
chứng kiến lễ ký Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA) (6/2019)

Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân nhận bàn giao chức Chủ tịch AIPA 41
từ Thái Lan (8.2019)

Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc chụp ảnh lưu niệm với lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh, TKV
và công nhân Mỏ than Hà Lầm tại chân Tượng đài "Vinh quang thợ mỏ Hà Lầm" (2020)

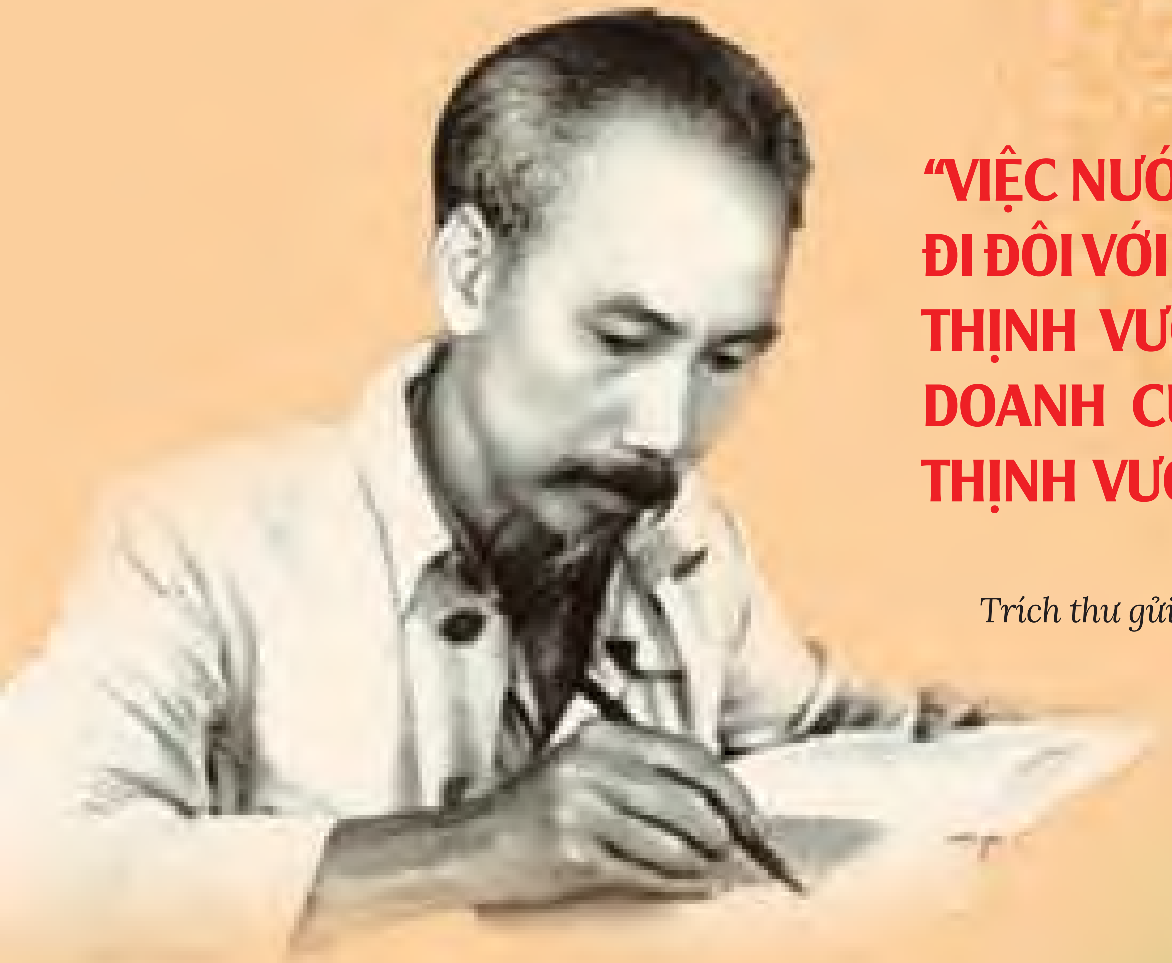

"VIỆC NƯỚC VÀ VIỆC NHÀ BAO GIỜ CŨNG ĐI ĐÔI VỚI NHAU. NỀN KINH TẾ QUỐC DÂN THỊNH VƯỢNG NGHĨA LÀ CÁC SỰ KINH DOANH CỦA CÁC NHÀ DOANH NGHIỆP THỊNH VƯỢNG"

HỒ CHÍ MINH

Trích thư gửi các giới Công Thương Việt Nam, ngày 13/10/1945

II. Ngành Công Thương trước năm 1945

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, Việt Nam là nước thuộc địa nửa phong kiến dưới sự thống trị của thực dân Pháp. Năm 1884, với Hiệp ước Patenôtre, Pháp coi như đã xác lập quyền thống trị trên toàn cõi Việt Nam, tuy hình thức thống trị mỗi xứ một khác: Nam Kỳ coi như là xứ thuộc địa, Bắc Kỳ là xứ bảo hộ, Trung Kỳ là xứ nửa bảo hộ (vì ở đó vẫn duy trì triều đình nhà Nguyễn).

Dưới sự thống trị của thực dân Pháp, Việt Nam hoàn toàn mất chủ quyền. Trong thể chế hành chính của nền thống trị Pháp, nước Việt Nam thực tế không còn tồn tại. Từ năm 1867, Nam Bộ đã bị coi là thuộc địa của Pháp, do Pháp trực tiếp quản lý về mọi phương diện. Nhà Nguyễn không còn quyền hành gì ở Nam Bộ. Những quyền như: quan thuế, cử quan cai trị, kinh lý, phủ dụ dân chúng... vốn là những việc tối thiểu của một bộ máy nhà nước (dù nhu nhược) cũng đã bị tước bỏ hết.

Trong bối cảnh lịch sử đó, nền công nghiệp và thương mại giai đoạn này hoàn toàn do người Pháp khởi xướng và áp đặt với mục đích duy nhất là nhằm tạo điều kiện để áp đặt và củng cố nền thống trị Pháp, bành trướng quyền lực của nước Pháp trên thế giới. Do đó, "sự khai hoá" ở Việt Nam thời kỳ này mang nặng tính chất khai thác, tận thu tài nguyên, áp đặt sự buôn bán có lợi cho người Pháp.

Một góc chợ Đồng Xuân xưa

Kể từ khi thực dân Pháp xâm chiếm Việt Nam, công nghiệp, theo đúng nghĩa của nó, mới hình thành những mầm mống đầu tiên của công nghiệp hiện đại. Từ khi xác lập sự thống trị ở Việt Nam, nhất là từ đầu thế kỷ XX, người Pháp mới bắt đầu xây dựng một số cơ sở công nghiệp; trước hết là các ngành khai khoáng, cơ khí, rồi dần dần hình thành hệ thống công nghiệp dịch vụ và công nghiệp chế biến.

Khai trường than thời Pháp thuộc.
(Ảnh tư liệu Bảo tàng Quảng Ninh)

Lĩnh vực công nghiệp của Pháp ở Đông Dương thể hiện trên bốn lĩnh vực chủ yếu gồm: khai thác mỏ, sản xuất vật liệu xây dựng và phục vụ giao thông vận tải, các ngành công nghiệp chế biến và cuối cùng là lĩnh vực công nghiệp, thủ công nghiệp của người bản xứ. Các ngành công nghiệp như điện, nước... lúc đó được coi như là các ngành dịch vụ.

Trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, từ năm 1924 đến 1939, mức đầu tư của tư bản Pháp vào ngành thương mại là 421 triệu france Pháp (FF), chiếm 5,6% tổng số đầu tư tư nhân Pháp. Số tư bản này hiện diện chủ yếu trong lĩnh vực nhập khẩu và xuất khẩu, mà trước hết là xuất, nhập khẩu với chính quốc và với các thuộc địa Pháp.

Nghề mộc tại Việt Nam thời Pháp thuộc

Công nghiệp dịch vụ được người Pháp dùng để chỉ những ngành như công nghiệp điện, nước... vì tại thời kỳ đó, nó phục vụ sinh hoạt nhiều hơn phục vụ sản xuất. Công nghiệp dịch vụ thời kỳ này phát triển tương đối chậm, lệ thuộc nhiều vào sự hình thành các đô thị.

Nhìn tổng quát sự phát triển công nghiệp và thương mại trong thời kỳ thuộc địa, có thể ghi nhận một vài kết quả sau:

- Trước Cách mạng tháng Tám, đã cung cấp một số sản phẩm và kỹ thuật mới, khác với những sản phẩm kỹ thuật truyền thống như: điện, xi măng, diêm, bia, xà phòng, thuốc lá, thuỷ tinh, ô tô, xe đạp, tàu điện, tàu hoả, một loạt sản phẩm cơ khí... Có một số sản phẩm không mới về tính chất, nhưng mới về qui trình sản xuất như: nước máy, giấy, vải, thuốc lá...
- Bước đầu trang bị một số khả năng kỹ thuật mà vào thời kỳ đó, có thể coi là hiện đại. Năng lực mới đó đã tạo ra một năng suất mới trong sản xuất và đời sống: kỹ thuật khai thác hầm mỏ, kỹ thuật chế biến lâm sản, tốc độ và chất lượng của giao thông liên lạc, kỹ thuật và chất lượng xây dựng...
- Công nghiệp đã góp phần mở rộng thị trường trong nước và thị trường nước ngoài, một bộ phận dân cư trong nước, nhất là dân thành thị làm quen với những sản phẩm hiện đại phương Tây như điện, xà phòng, nước máy, thuốc lá, xi măng... Cũng nhờ công nghiệp mà một số ngành sản xuất cổ truyền như lúa gạo, cà phê, chè, gỗ... có khả năng mở rộng sản xuất, để bước đầu vươn ra thị trường quốc tế.
- Công nghiệp và kỹ thuật công nghiệp còn tạo ra một đội ngũ công nhân và kỹ thuật viên Việt Nam quen biết với kỹ thuật phương Tây.

Nhà máy Điện Chợ Quán năm 1930

Tuy nhiên, nền công nghiệp Pháp ở Việt Nam vẫn chứa đựng nhiều khiếm khuyết:

- Quá trình công nghiệp hoá tiến triển chậm. Cho đến 1931, trong tổng giá trị sản phẩm quốc nội của Đông Dương là 750 triệu $ ĐD, công nghiệp chỉ chiếm 105 triệu $ ĐD, tức chỉ đạt 14%. Trong thập kỷ 30, công nghiệp đã có bước tiến xa hơn: tăng gấp đôi so với những gì Pháp đã làm ở đây trong vòng 70 năm (1860 - 1930). Đến năm 1938, theo cách tính của Liên hợp quốc thì trong tổng sản phẩm quốc nội của Đông Dương (lên tới 1.014 triệu $ ĐD), công nghiệp chiếm 233,08 triệu $ ĐD, tức 22%. Tuy nhiên, nếu tính toàn bộ cả giai đoạn 80 năm, thì tỷ lệ đó không thể coi là một bước tiến dài.
- Đối với đời sống của dân cư, ảnh hưởng thực tế của công nghiệp còn tiến triển ít hơn nữa. Chỉ có một tỷ lệ nhỏ dân cư Việt Nam được hưởng những thành tựu của công nghiệp Pháp. Điện, nước máy, xà phòng, đường sắt, đường nhựa và điện tín vẫn còn xa lạ với nông thôn, người nghèo. Tính tới năm 1940, so với nước Pháp, lượng điện tiêu thụ trên đầu người chỉ bằng 1/107, lượng sắt thép sử dụng bằng 1/10.
- Về thương mại, đặt trong hoàn cảnh phát triển mới, dù mang tính chất là hoạt động buôn bán của những người thực dân trên một đất nước mà họ đô hộ với chính quốc, nhưng có sự tác động của tư bản phương Tây, thương nghiệp Việt Nam đã có sự phát triển mới, giao thương nhiều hơn, cạnh tranh nhiều hơn, giúp dần hình thành thị trường hàng hoá và lớp thị dân mới ở Việt Nam. Nhờ sự giao thương mà lần đầu tiên, người Việt Nam được biết các sản phẩm tiêu dùng tân kỳ của phương Tây, như: dầu hỏa và đèn dầu hỏa, thuốc lá điếu, diêm, xà phòng, sữa bò, kính đeo mắt, ô che mưa nắng, giầy dép, kính lắp cửa, các đồ dùng thủy tinh,... Nhờ đó, cũng giúp làm thay đổi trong tiêu dùng nội địa. Nếu xét về tính cạnh tranh trong thương mại thời kỳ này thì hầu như không có, vì từ sau khi thiết lập được nền đô hộ ở Việt Nam, Pháp cũng đã thiết lập chế độ bảo hộ mậu dịch, dựng hàng rào thuế quan và áp dụng một số độc quyền có lợi cho hàng hoá Pháp.

Chợ Bến Thành trước năm 1945

NGÀNH CÔNG THƯƠNG 70 NĂM 14/5/1951 - 14/5/2021

III. Ngành Công Thương giai đoạn 1945 - 1954

Ngày 2/9/1945 tại quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. (Ảnh tư liệu).

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Việt Nam bước vào kỉ nguyên mới – kỉ nguyên Độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội. Cùng với nhiệm vụ thực hiện cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chuyển nền kinh tế tàn tích thực dân, phong kiến và thấp kém thành nền kinh tế dân chủ, độc lập nhằm phục vụ nhu cầu kháng chiến và kiến quốc, ngành Công Thương Việt Nam đã từng bước định hình và có sự phát triển mạnh mẽ.

Các tầng lớp Công Thương Hà Nội nô nức ủng hộ Quỹ Độc lập và Tuần lễ vàng tổ chức tại Nhà hát Lớn Hà Nội (tháng 9-1945). (Ảnh tư liệu).

Một góc mỏ than Hòn Gai thời thuộc địa. Hoạt động khai thác than trên quy mô lớn ở khu mỏ này bắt đầu từ năm 1888, khi Công ty Mỏ than Bắc Kỳ thuộc Pháp (SFCT) thành lập. Đây là công ty đầu tiên, cũng là công ty lớn của các công ty tư bản Pháp. (Ảnh tư liệu).

1. GIAI ĐOẠN TỪ 19/8/1945 ĐẾN 19/12/1946

Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã lật đổ ách thống trị của chế độ thực dân phong kiến, thiết lập nên nhà nước dân chủ đầu tiên ở Đông Nam Á, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử của dân tộc Việt Nam: kỷ nguyên Độc lập - Tự do. Nhưng ngay khi vừa mới ra đời, chính quyền cách mạng non trẻ đã phải đối phó với một tình thế hết sức hiểm nghèo, hàng loạt nguy cơ, thách thức tưởng chừng khó có thể vượt qua. Đó là nguy cơ của "giặc đói", "giặc dốt", và đặc biệt là "giặc ngoại xâm". Chính sách áp bức bóc lột của thực dân Pháp và phát xít Nhật những năm trước đó để lại những hậu quả rất nặng nề. Mọi ngành sản xuất đều bị sa sút ngưng trệ, hàng hóa khan hiếm, thị trường đình đốn tiêu điều. Cuộc sống của nhân dân rơi vào cảnh cùng cực.

Cuộc Tổng tuyển cử ngày 06/01/1946 hoàn toàn thắng lợi. Chính phủ chính thức được thành lập, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Một trong những nhiệm vụ cấp bách của chính quyền non trẻ là đồng thời với việc khai thác sức mạnh của dân phục vụ cho nhiệm vụ "kháng chiến, kiến quốc", Đảng và Chính quyền cách mạng rất quan tâm chăm lo bồi dưỡng sức dân, chú trọng phát triển kinh tế, tăng cường năng lực nội sinh cách mạng của quần chúng. Chính phủ đã khẩn trương phục hồi hoạt động của các ngành kinh tế. Với chủ trương, một mặt phát huy lòng yêu nước của giới công thương, tạo mọi điều

NGÀY 28/8/1945, CHÍNH PHỦ CÁCH MẠNG LÂM THỜI VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA THÀNH LẬP BỘ QUỐC DÂN KINH TẾ, PHỤ TRÁCH CÁC SỞ KINH TẾ, CÁC NHA CHUYÊN MÔN: NHA THƯƠNG VỤ, NHA KHOÁNG CHẤT VÀ KỸ NGHỆ, NHA TIẾP TẾ.

NGÀY 2/3/1946, CHÍNH PHỦ LIÊN HIỆP KHÁNG CHIẾN ĐỔI TÊN BỘ QUỐC DÂN KINH TẾ THÀNH BỘ KINH TẾ.

kiện thuận lợi cho họ đem tài lực, vật lực ra làm những công việc ích nước lợi nhà. Mặt khác, vẫn để cho các công ty tư bản Pháp và tư bản nước ngoài tiếp tục công việc kinh doanh như cũ, cố tránh những xáo trộn không cần thiết.

Một số chủ trương và biện pháp cụ thể về lĩnh vực Công nghiệp và Thương mại đã được đưa ra và áp dụng có hiệu quả gồm:

Đối với sản xuất công nghiệp

Bước đầu hình thành khu vực quốc doanh

Nhà nước Việt Nam ban hành sắc lệnh hủy bỏ những đạo luật và nghị định của Toàn quyền Pháp giữ độc quyền tìm kiếm và khai thác mỏ ở các khu vực trên đất Việt Nam; và sắc lệnh giành lại quyền tìm mỏ cho Chính phủ Việt Nam (Sắc lệnh số 89 ngày 30/5/1946). Sắc lệnh số 90 ngày 30/5/1946 quy định những khu vực kể trên

được thành lập khu mỏ của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Chính phủ cũng chủ trương mở lại các mỏ than ở Hòn Gai, Tân Trào (Tuyên Quang), Làng Cẩm, Phấn Mễ (Thái Nguyên), Quyết Thắng (Ninh Bình), tiếp tục khai thác mỏ thiếc Tĩnh Túc (Cao Bằng) bị Nhật chiếm đóng từ tháng 3/1945 và bị phá hoại trước khi chúng rút; gấp rút hồi phục Nhà máy Cơ khí Trường Thi, Nhà máy Giấy Đáp Cầu. Ngày 15/01/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 5, lấy lại đường xe lửa Hải Phòng - Vân Nam và giao cho Bộ Giao thông công chính quản lý. Như vậy là, thời gian này đã bắt đầu hình thành khu vực quốc doanh.

Nhà máy Thủy điện Suối Vàng (xây dựng năm 1943, vận hành năm 1945)

Về công nghiệp tư doanh, trong thời gian này, đã ra đời một số doanh nghiệp công nghiệp quy mô vừa của người Việt sản xuất một số loại hàng trước đây chỉ do các nhà máy của người Pháp sản xuất hoặc phải nhập khẩu, như xà phòng giặt, sơn Gecko ở Hà Nội, sơn Resistanco ở Hải Phòng...

Về tiểu, thủ công nghiệp

Nhà nước khuyến khích và giúp đỡ cả về vốn và việc mua bán nguyên vật liệu phát triển sản xuất. Do hàng hóa được lưu thông tự do nên nguyên, nhiên liệu cần thiết cho sản xuất dồi dào, thị trường tiêu thụ sản phẩm được mở rộng, đã tạo điều kiện cho sản xuất tiểu, thủ công nghiệp phục hồi và phát triển, cung ứng được nhiều hàng hóa cho thị trường và tăng thu nhập cho người sản xuất.

Đối với thương nghiệp

Về nội thương, trên nguyên tắc tự do buôn bán, lưu thông hàng hóa, Chính phủ khuyến khích mở rộng buôn bán, làm cho hàng hóa được lưu thông tự do trong toàn quốc. Nghị định của Chính phủ ngày 02/10/1945, bãi bỏ các luật lệ hạn chế kinh doanh dưới thời Pháp, Nhật; Sắc lệnh của Chủ tịch nước ngày 22/9/1945 xóa bỏ các tổ chức độc quyền kinh doanh của người Pháp. Nghị định ngày 19/9/1945 của Bộ Quốc dân Kinh tế xóa bỏ tất cả mọi hạn chế về lưu thông các hàng hóa thông thường cho kinh tế và đời sống, như gỗ, giấy, lương thực, thực phẩm (Công báo 1945, tr.21). Ngày 05/9/1945, Hồ Chủ tịch ký Sắc lệnh số 7-SL đảm bảo sự buôn bán và chuyên chở thóc gạo được tự do trong toàn hạt Bắc Bộ, sau đó thì áp dụng cho cả Trung Bộ (Công báo 1945-tr.6). Nghiêm cấm đầu cơ tích trữ thóc gạo. Liền sau đó là một loạt nghị định về việc sản xuất, vận chuyển và buôn bán hoàn toàn tự do vỏ gió và các nguyên liệu làm giấy; nhựa thông, các hạt có dầu, da trâu bò và nguyên liệu nhuộm da v.v... (Nghị định ngày 26/09/1945). Những biện pháp này đã đem lại kết quả tốt đẹp. Thóc gạo và các loại hàng hóa thông thường khác được điều hòa dễ dàng từ nơi thừa đến nơi thiếu, kích thích sản xuất phát triển.

Cùng thời gian này, Hội Thương gia Việt Nam được thành lập. Phòng Thương mại Việt Nam ra đời. Ngày 07/02/1946, thành lập Tiểu ban Nghiên cứu về luật thương mại áp dụng ở Việt Nam do Đổng lý Văn phòng Bộ Tư pháp đứng đầu. Tháng 8/1946, Chính phủ đề ra chủ trương mở ngân hàng thương mại có chi nhánh ở các tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng hoạt động thương nghiệp.

Về ngoại thương, Chính phủ hủy bỏ sắc lệnh ngày 13/8/1941 của Tổng thống Pháp ban hành dành đặc quyền cho hàng hóa Pháp và các

công ty ngoại thương của Pháp. Sắc lệnh ngày 10/10/1945 duy trì luật hải quan và biểu thuế quan cũ có một ít điều chỉnh để kịp thời thu thuế xuất nhập khẩu. Nghị định số 48/CT ban hành ngày 09/11/1945 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ấn định thể lệ mới về xuất cảng và nhập cảng các hàng hóa, quy định mọi nhà kinh doanh Việt Nam đều có quyền kinh doanh xuất, nhập khẩu theo luật pháp của Nhà nước. Tiếp đó, ngày 15/11/1945, Chính phủ ra sắc lệnh quy định thuế xuất, nhập cảng mới của một số mặt hàng.

Đối với xuất khẩu, Nhà nước khuyến khích các mặt hàng chúng ta có khả năng, nhất là than đá. Cấm xuất cảng thóc, gạo, ngô, đỗ và các chế phẩm từ ngũ cốc, máy móc và đồ vật bằng kim khí. Đối với nhập khẩu, Nhà nước khuyến khích nhập những mặt hàng nguyên, nhiên liệu, những thứ thuộc nhu cầu thiết yếu mà trong nước chưa sản xuất được.

2. GIAI ĐOẠN 19/12/1946 ĐẾN 1954

Trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp, đất nước tạm thời chia làm 2 vùng: vùng tự do kháng chiến và vùng tạm bị chiếm (ở Nam Bộ từ 23/9/1945). Nền kinh tế đất nước chuyển sang nền kinh tế vừa kháng chiến, vừa kiến quốc.

Hồ Gươm (Hà Nội) năm 1954.

NGÀY 14/5/1951, CHÍNH PHỦ BAN HÀNH SẮC LỆNH 21-SL, ĐỔI TÊN BỘ KINH TẾ THÀNH BỘ CÔNG THƯƠNG.

2.1. Hoạt động của Bộ Kinh tế, Bộ Công Thương trong kháng chiến chống Pháp (19/12/1946 – 10/10/1954)

Phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

- Đối với công nghiệp dân dụng: Ngành khai thác mỏ, cơ khí, luyện kim, hóa chất, ngành dệt, ngành giấy, ngành dược phẩm và một loạt các ngành công nghiệp khác đã góp phần đảm bảo đời sống kháng chiến, phục vụ cho kháng chiến và kiến quốc.

- Đối với tiểu thủ công nghiệp: Các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp phần lớn là của tư nhân. Một số nhà tư sản dân tộc từ thành thị tản cư được khuyến khích, giúp đỡ để tổ chức sản xuất phục vụ kháng chiến. Họ đã mở các xưởng dệt, giấy, diêm, nước mắm, ép dầu, xà phòng... Ngoài những cơ sở tư nhân, những

làng thủ công nghiệp cổ truyền cũng được khuyến khích tiếp tục phát triển đó là những làng làm nón, dệt vải, ươm tơ, dệt lụa, đan lát, đóng thuyền, làm đồ gỗ, ép dầu... Những nghề này đã góp phần cải thiện đời sống của mọi tầng lớp dân cư trong thời kỳ kháng chiến.

Phát triển thương nghiệp

Chủ trương của Bộ thời gian đầu kháng chiến là khuyến khích giao lưu hàng hóa giữa các địa phương trong vùng tự do theo chính sách tự do nội thương để đáp ứng các nhu cầu của kháng chiến và dân sinh. Hoạt động giao thương chủ yếu theo ba hình thức: Thứ nhất là, Chợ ở nông thôn, các chợ này chủ yếu cung ứng hàng hóa cho nhân dân trong một vài làng xã, hàng hóa ở chợ chủ yếu là sản phẩm của địa phương; Thứ hai là, những chợ, khu vực có phạm vi huyện hoặc liên huyện, những trị trấn mới hình thành thay thế cho các thị xã phải sơ tán để tránh sự đánh phá của địch; Thứ ba là, hình thành những luồng giao lưu hàng hóa đường dài giữa các khu, liên khu, kinh doanh một số hoại hàng thiết yếu cho đời sống nhân dân như muối, gạo, thường gọi là buôn chuyến. Nhận thấy tác dụng rất tích cực của hình thức "buôn chuyến" này, Bộ Kinh tế khuyến khích; các địa phương cũng tạo điều kiện thuận lợi cho tư thương và nông nhàn hoạt động, như dễ dàng cấp giấy thông hành, có ưu đãi về thuế buôn chuyến...

Quang cảnh Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II họp từ ngày 11-19/2/1951 tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa, Tuyên Quang. (Ảnh tư liệu BTLSQG).

Nhìn chung, trong những năm 1947 - 1948, tình hình kinh tế vùng tự do tương đối ổn định: sản xuất và thương mại dần dần thích ứng với hoàn cảnh mới, đáp ứng nhu cầu của kháng chiến và dân sinh. Hàng hóa tuy có khan hiếm, nhưng nhân dân vẫn có thể mua được tương đối dễ dàng những loại hàng thiết yếu cho đời sống, giá cả không có biến động lớn.

Tuy nhiên, những thách thức mới lại xuất hiện, cuộc kháng chiến chuyển sang giai đoạn mới đòi hỏi khối lượng lớn quân trang, quân dụng, lương thực, thực phẩm phục vụ cho việc xây dựng lực lượng vũ trang. Song song với đó là đối phó với tình hình thiên tai, địch họa và những hiện tượng tiêu cực trên thị trường làm mất cân đối cung cầu hàng hóa.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần II của Đảng họp tháng 2/1951 đã đề ra đường lối toàn diện về quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, tài chính nhằm đưa cuộc kháng chiến tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Trên mặt trận kinh tế - tài chính, nhiều chủ trương chính sách mới đã được đề ra.

Ngày 14/5/1951, Chính phủ ban hành Sắc lệnh 21-SL, đổi tên Bộ Kinh tế thành Bộ Công Thương

Bộ Công Thương có nhiệm vụ quản lý ngành công nghiệp, bao gồm: Công nghiệp dân dụng (khai khoáng, sản xuất tư liệu sản xuất, sản xuất hàng tiêu dùng), tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp và quản lý ngành thương nghiệp bao gồm: Nội thương, ngoại thương, đấu tranh kinh tế với địch.

Chính phủ cũng ban hành Sắc lệnh số 22-SL ngày 14/5/1951 thành lập Sở Mậu dịch trong Bộ Công Thương. Theo Sắc lệnh, Sở Mậu dịch là cơ quan kinh doanh có nhiệm vụ tổ chức việc buôn bán trong nước, việc buôn bán trao đổi với nước ngoài và việc đấu tranh mậu dịch với địch.

Sắc lệnh cũng quy định bãi bỏ Cục Ngoại thương và các Sở Nội thương. Với nhiệm vụ của mình, Sở Mậu dịch (hay còn gọi là Mậu dịch quốc doanh) sẽ giúp Bộ thực hiện việc quản lý công, thương nghiệp bằng các biện pháp kinh tế kết hợp với các chính sách kinh tế, tài chính, tiền tệ mới được Đại hội Đại biểu lần II của Đảng đề ra.

Bộ Công Thương tiếp tục được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý việc giao lưu hàng hóa giữa vùng tự do và vùng tạm chiếm; bao vây, đấu tranh kinh tế với địch; xây dựng và mở rộng ngoại thương.

Việc mở rộng, phát triển quan hệ thương mại kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa là một thành tựu cực kỳ quan trọng của thương nghiệp Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp, có ý nghĩa chiến lược đối với tăng cường tiềm lực quốc phòng, kinh tế. Từ đầu năm 1950 trở đi, Việt Nam đặt quan hệ ngoại giao và phát triển thương mại với Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa. Việc phát triển và mở rộng quan hệ kinh tế và thương mại với các nước xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa rất quan trọng đối với kinh tế vùng tự do và với cục diện đấu tranh về kinh tế với địch, góp phần tăng tiềm lực kinh tế và tiềm lực quốc phòng, có thêm vật tư, hàng hóa để đáp ứng cho nhu cầu của kháng chiến và dân sinh, ổn định thị trường và giá cả. Mặt khác, phát triển và mở rộng quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa còn hỗ trợ đắc lực cho thực hiện chính sách trao đổi có lợi với vùng tạm chiếm. Vùng tạm chiếm không còn là nguồn cung cấp độc quyền hàng ngoại hóa mà ta cần. Điều đó đã làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch trên mặt trận kinh tế theo hướng có lợi cho ta, góp phần to lớn trong thắng lợi của ta trong cuộc đấu tranh mậu dịch với địch.

BỘ CÔNG THƯƠNG TIẾP TỤC ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ QUẢN LÝ GIAO LƯU HÀNG HÓA GIỮA VÙNG TỰ DO VÀ VÙNG TẠM CHIẾM; BAO VÂY, ĐẤU TRANH KINH TẾ VỚI ĐỊCH; XÂY DỰNG VÀ MỞ RỘNG NGOẠI THƯƠNG.

2.2. Tình hình kinh tế vùng Pháp chiếm đóng (vùng bị tạm chiếm)

Sau một thời gian ngắn ban đầu gián đoạn, kinh tế trong vùng bị tạm chiếm dần hoạt động trở lại. Các doanh nghiệp công nghiệp được hồi phục sản xuất một số tư liệu sản xuất như than, xi măng, sản phẩm cơ khí... và hàng tiêu dùng như hàng dệt, giấy, xà phòng, bia, thuốc lá điếu... Các công ty hàng hải nối lại các tuyến vận tải biển giữa Việt Nam với Pháp và Hồng Kông... phục vụ cho hoạt động xuất, nhập khẩu của vùng bị tạm chiếm. Những hãng buôn lớn của người Pháp như Poinsard và Veyret, Descours, Cabaud, Denis Frères, Bourguoin Meifres, Diethlem... mở rộng hoạt động xuất khẩu than, cao su, gạo... và nhập khẩu hàng công nghiệp.

Kết quả là sản phẩm hàng hóa trên thị trường dồi dào, hoạt động kinh doanh buôn bán khá sầm uất. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: Sản xuất công nghiệp tại chỗ không phát triển; Hàng công nghiệp trên thị trường phần lớn là hàng nhập khẩu; Hàng hóa tuy dồi dào nhưng giá cả thị trường vẫn tăng nhanh. So với năm 1946, năm 1950, giá ở vùng bị tạm chiếm đã tăng 3,3 lần. Tiền ra thị trường nhiều, đồng tiền Đông Dương ngày càng mất giá.

2.3. Tình hình kinh tế thương mại những năm 1951 - 1954

Từ năm 1951, trước những thắng lợi của ta trên mặt trận quân sự, cục diện thất bại của cuộc chiến tranh xâm lược Pháp ngày càng bộc lộ rõ. Hậu quả là:

- Các nhà kinh doanh Pháp bắt đầu rút khỏi Việt Nam, chuyển đầu tư về châu Âu và châu Phi. Những người còn lại thì chuyển sang làm ăn theo kiểu chụp giựt, bóc ngắn cắn dài: Rút vốn đầu tư, ra sức khai thác tài nguyên, tranh thủ kiếm lời nhanh, thu hồi vốn nhanh...

Đại đoàn Quân tiên phong từ các cửa ô tiến vào giải phóng Thủ đô, 10/10/1954. (Ảnh: Tư liệu TTXVN)

khiến sản xuất công nghiệp trong vùng bị tạm chiếm không tăng trưởng mà sụt giảm dần.

- Giá cả trên thị trường tăng nhanh, đồng tiền Đông Dương ngày càng mất giá. Tuy nhiên, hàng hóa trên thị trường vẫn dồi dào. Hàng nhập khẩu từ Pháp ngày càng nhiều. Ngoài ra, có thêm hàng viện trợ của Hoa Kỳ. Nguồn hàng phong phú đã tạo nên một bộ mặt hoạt động thương mại sầm uất.

Tình hình kinh tế vùng bị tạm chiếm ngày càng xấu thêm cho đến khi hiệp định Geneve được ký kết và ta vào tiếp quản.

2.4. Chuẩn bị tiếp quản Thủ đô

Sau khi hiệp định Geneve được ký kết (20-7-1954), Bộ Công Thương phải giải quyết 3 vấn đề lớn: Duy trì hoạt động bình thường của sản xuất và thương mại ở vùng tự do; Xác định phương hướng hòa nhập nền kinh tế vùng tự do cũ và vùng tự do mới giải phóng thành một nền kinh tế duy nhất; Chuẩn bị tiếp quản thủ đô Hà Nội trên lĩnh vực kinh tế. Để tiếp quản thủ đô được thuận lợi và đảm bảo cuộc sống người dân vẫn sinh hoạt bình thường, bằng nhiều biện pháp kết hợp khác nhau, Mậu dịch quốc doanh đã thu mua dự trữ thóc gạo, muối, hàng công nghiệp tiêu dùng, chất đốt, than... Và ngày 10/10/1954 lịch sử ấy, theo sau đoàn quân chiến thắng vào tiếp quản Thủ đô là các đoàn xe của Mậu dịch quốc doanh chở hàng hóa thiết yếu. Ngay sau đó, Mậu dịch quốc doanh đã tổ chức bán những mặt hàng thiết yếu nhất cho đời sống nhân dân, như gạo, muối, dầu hỏa, chất đốt...

Trong niềm hân hoan chiến thắng của toàn dân, các cửa hàng của thương nhân vẫn mở cửa mua bán, tạo nên một khung cảnh hoạt động kinh tế bình thường. Người dân Thủ đô yên tâm vì những nhu cầu thiết yếu nhất cho đời sống hàng ngày vẫn đảm bảo. Ánh điện vẫn bừng sáng trên toàn Thành phố. Điều đó khiến nhiều khách quốc tế phải ngạc nhiên vì xưa nay trên thế giới, hiếm có hiện tượng thủ đô một nước được giải phóng từ một cuộc chiến tranh ác liệt mà hoạt động kinh tế trên địa bàn vẫn vận hành bình thường không một ngày ngưng trệ.

NƯỚC VIỆT NAM SAU GẦN MỘT THẾ KỶ THUỘC ĐỊA VÀ HƠN MỘT THẬP KỶ CHIẾN TRANH, MỚI GIÀNH ĐƯỢC HÒA BÌNH Ở MIỀN BẮC VÀ BẮT TAY ĐẶT NỀN MÓNG ĐẦU TIÊN CHO NỀN KINH TẾ ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ.

IV. Ngành Công Thương giai đoạn 1955 - 1965

Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Nhà máy Dệt Nam Định, ngày 24/4/1957.
(Nguồn: nongnghiep.vn).

Bác Hồ thăm quỹ tín dụng của Nhà máy Liên hiệp Dệt Nam Định
Nguồn: nongnghiep.vn

Đưa máy móc vào phục vụ sản xuất nông nghiệp. (Ảnh: tư liệu).

Giai đoạn 1955 - 1965 là thời kỳ mà nước Việt Nam sau gần một thế kỷ thuộc địa và hơn một thập kỷ chiến tranh, mới giành được hòa bình ở miền Bắc và bắt tay đặt nền móng đầu tiên cho nền kinh tế độc lập, tự chủ. Công nghiệp, thương mại miền Bắc bước vào thời kỳ khôi phục kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất ban đầu cho CNXH và đấu tranh thống nhất nước nhà.

1. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP

1.1. Giai đoạn khôi phục (1955 - 1957)

Khôi phục và phát triển công nghiệp quốc doanh

Bước vào giai đoạn khôi phục và xây dựng công nghiệp hiện đại, với phương châm dựa vào sức mình là chính, phát động phong trào thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm và học tập rộng khắp, khơi dậy nhiệt tình lao động và phát huy sáng kiến của giai cấp công nhân, đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của các nước anh em XHCN; mời chuyên gia nước bạn sang hướng dẫn hoặc gửi cán bộ, công nhân đi học tập ở nước ngoài.

Trong chính sách đầu tư, vốn đầu tư được tập trung cho công nghiệp quốc doanh. Tốc độ tăng vốn đầu tư bình quân hàng năm cho khu vực này trong cả thời kì là 3,6 lần, riêng năm 1957, khối lượng tuyệt đối vốn đầu tư đã tăng gấp 10 lần so với năm 1951. Kết quả là trong một thời gian ngắn, miền Bắc đã khôi phục về căn bản các nhà máy, xí nghiệp quan trọng.

Kết thúc thời kỳ khôi phục, sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu của miền Bắc đã đạt ngang và vượt mức năm 1939 là năm cao nhất dưới thời Pháp thuộc; trong đó, sản phẩm nhóm A bằng 72% và sản phẩm nhóm B bằng 112% so với năm 1939.

Xác lập và củng cố hệ thống quản lý mới đối với công nghiệp

Ngày 22/9/1955, Bộ Công Thương tách ra thành Bộ Công nghiệp và Bộ Thương nghiệp. Trên cơ sở đó, ngày 28/3/1956, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã ký ban hành Quyết định số 91/BCN-QĐ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Bộ Công nghiệp, với chức năng quản lí hành chính - kinh tế - kĩ thuật các xí nghiệp quốc doanh và hợp doanh của Ngành, tổ chức điều tra, thăm dò tài nguyên, qui hoạch và đào tạo cán bộ, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp trong tình hình mới.

Về quản lí, Chính phủ và Bộ ban hành các qui chế và biện pháp quan trọng về quản lí tiền mặt, về thuế, ban hành Điều lệ tạm thời về Hợp đồng kinh doanh số 735-TTg (tháng 4/1956) nhằm tăng cường liên kết kinh tế và trách nhiệm vật chất đối với việc thực hiện cam kết hợp đồng giữa các xí nghiệp quốc doanh với nhau và giữa quốc doanh với tư doanh, ban hành Quyết định

Hồ Chủ tịch về thăm và nói chuyện với nhân dân, công nhân thành phố Nam Định, tháng 4-1957. (Nguồn: Báo Nam Định).

số 130-TTg ngày 4/4/1957 về việc áp dụng chế độ hạch toán kinh tế nhằm tăng cường sự quản lý tập trung của Nhà nước, đồng thời phát huy tính tích cực của xí nghiệp.

Về đào tạo, ở tầm quốc gia, bắt đầu xây dựng hệ thống các trường đại học khoa học - kỹ thuật, các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề do TW quản lí. Thời kì này, Nhà nước bắt đầu quan tâm gửi cán bộ, nghiên cứu sinh, lưu học sinh và công nhân kĩ thuật đi đào tạo ở nước ngoài.

Về công tác điều tra cơ bản, miền Bắc đã tiến hành thăm dò địa chất và khoáng sản, đánh giá tài nguyên 22 mỏ nhằm phục vụ cho việc qui hoạch và kế hoạch phát triển công nghiệp, khảo sát, thiết kế xây dựng mới; đồng thời thu thập, xử lý nhiều tài liệu quý giúp cho việc mở rộng các mỏ cũ. Nhằm phục vụ công tác nghiên cứu, điều tra và khảo sát, Bộ Công nghiệp đã tổ chức một số đội khảo sát, các phòng thí nghiệm khoa học, nghiên cứu thành công nhiều đề tài cải tiến kĩ thuật và chế tạo thành công hơn 20 mặt hàng mới thay thế nhập khẩu.

Khuyến khích và phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tư nhân tư bản chủ nghĩa và cá thể, tiểu chủ

Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm công trình thủy nông Bắc - Hưng - Hải (1958)

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tư nhân, cá thể là một lực lượng kinh tế quan trọng, chiếm tỉ trọng tuyệt đối (89%) trong tổng sản lượng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp miền Bắc vào năm 1955. Chủ trương khôi phục và phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tư nhân, cá thể là một định hướng đúng đắn. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tư nhân, cá thể hoạt động phần lớn là nhờ vào những ngành nghề truyền thống dựa vào nguồn nguyên liệu địa phương và đáp ứng thị trường tại chỗ, cung cấp một khối lượng lớn hàng hoá tiêu dùng thiết yếu cho đời sống nhân dân và một phần công cụ sản xuất thông dụng. Đặc biệt, giải quyết việc làm và thu nhập cho đông đảo người lao động..

Nhìn chung, giai đoạn 3 năm khôi phục và phát triển công nghiệp đã kết thúc thắng lợi. Điều này giúp ổn định mọi mặt đời sống, kinh tế, chính trị và xã hội miền Bắc, tạo tiền đề chuyển sang giai đoạn cải tạo và phát triển. Bước đầu hình thành một cơ cấu công nghiệp mới, mang tính chất độc lập, tự chủ và dân chủ nhân dân - nền công nghiệp nhiều thành phần, trong đó công nghiệp quốc doanh và tư nhân, cá thể là những lực lượng quan trọng, cùng hỗ trợ lẫn nhau để phát triển.

1.2. Giai đoạn cải tạo và phát triển (1958 - 1960)

NGÀY 26/7/1960, THỰC HIỆN LỆNH SỐ 18-LCT CỦA CHỦ TỊCH NƯỚC, BỘ CÔNG NGHIỆP ĐƯỢC TÁCH THÀNH BỘ CÔNG NGHIỆP NẶNG VÀ BỘ CÔNG NGHIỆP NHẸ

Xây dựng và phát triển công nghiệp quốc doanh

Kế hoạch 3 năm cải tạo và phát triển công nghiệp có những thuận lợi cơ bản: Miền Bắc có các cơ sở công nghiệp quốc doanh quan trọng vừa khôi phục và xây dựng; bước đầu đã có một đội ngũ công nhân và cán bộ khoa học - kĩ thuật cùng những kinh nghiệm quản lí và tổ chức. Đặc biệt, có sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em về chuyên gia, kĩ thuật, đào tạo và vốn.

Công nhân Nhà máy Cơ khí Duyên Hải, Hải Phòng, lá cờ đầu của ngành công nghiệp, nơi khởi phát phong trào Sóng Duyên Hải 1961 - 1962

Vốn đầu tư cho công nghiệp (công nghiệp quốc doanh) chiếm tỉ lệ 42,2% tổng khối lượng vốn đầu tư xây dựng cơ bản của khu vực sản xuất (so với thời kì 1955-1957 là 34,7%). Trong thời kỳ này, tiếp tục khôi phục và mở rộng nhiều cơ sở công nghiệp đã có, đồng thời xây dựng mới nhiều nhà máy quan trọng mà điển hình là Nhà máy Gang thép Thái Nguyên có quy mô lớn nhất nước, với công suất 20 vạn tấn/năm, đợt đầu là 10 vạn tấn/năm.

Công nghiệp địa phương bắt đầu có sự khởi sắc. Cùng với việc trung ương giao lại một số cơ sở cho địa phương, thì các tỉnh và địa phương cũng dựa vào nguồn lực của mình và một phần hỗ trợ của trung ương để xây dựng thêm nhiều cơ sở mới. Số cơ sở công nghiệp quốc doanh địa phương từ 170 xí nghiệp với 8.152 công nhân năm 1958 lên 546 xí nghiệp với 25.712 công nhân năm 1959 và 722 xí nghiệp với 44.407 công nhân năm 1960. Trong đó, các xưởng, trạm cơ khí chiếm 46%, sản xuất vật liệu xây dựng chiếm 28%, sản xuất phân bón hoá học, thuốc trừ sâu chiếm 5,8%...

Tình hình sản xuất một số ngành công nghiệp chủ yếu như điện lực, cơ khí chế tạo, luyện kim và khai khoáng, nhiên liệu, hoá chất - phân bón, vật liệu xây dựng, công nghiệp nhẹ sản xuất tư liệu tiêu dùng, thực phẩm, ngành tạp phẩm... đã đáp ứng hầu hết nhu cầu dân cư về các hàng hoá tiêu dùng thông thường.

Nhà máy Điện Việt Trì được khởi công xây dựng năm 1959, khánh thành năm 1962, có công suất lắp đặt 16MW, cấp điện phục vụ sản xuất cho khu công nghiệp Việt Trì và phát triển văn hóa-xã hội cho các tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, Hà Giang. (Ảnh: Tư liệu/TTXVN).

Cải tạo công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tư nhân, cá thể theo chủ nghĩa xã hội

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 14 khoá II (11/1958) đã quyết định chủ trương cải tạo công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tư nhân tư bản chủ nghĩa, tiểu chủ và cá thể bằng hình thức công tư hợp doanh đối với xí nghiệp tư nhân tư bản chủ nghĩa và hợp tác hoá đối với tiểu thủ công nghiệp cá thể, tiểu chủ.

Đến cuối năm 1960, cải tạo công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp căn bản hoàn thành ở miền Bắc. Kết quả, đã chuyển 729 xí nghiệp tư bản tư doanh thành 661 xí nghiệp công tư hợp doanh và 68 xí nghiệp hợp tác. Có 9.481 người làm thuê được chuyển thành công nhân viên các xí nghiệp công tư hợp doanh, 400 người trong số họ được đề bạt chánh phó quản đốc, phân xưởng trưởng và phó.

1.3. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất về lĩnh vực Công nghiệp (1961 - 1965)

Trên cơ sở đường lối chung của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Hội nghị Trung ương lần thứ 7 khóa III (tháng 6/1962) đã xác định các nhiệm vụ cụ thể cho công nghiệp trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất là: Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, tích cực xây dựng một số cơ sở công nghiệp chủ yếu, làm nòng cốt ban đầu cho công nghiệp hoá, đồng thời tranh thủ xây dựng một số công trình chủ chốt gối đầu cho kế hoạch 5 năm; Kết hợp chặt chẽ phát triển công nghiệp với nông nghiệp, nhằm phục vụ phát triển nông nghiệp toàn diện, vững chắc; Kết hợp phát triển công nghiệp trung ương với công nghiệp địa phương nhằm tăng cường trang thiết bị cho công nghiệp địa phương và tiểu thủ công nghiệp; Quán triệt nguyên tắc tự lực cánh sinh, phát huy nội lực và tranh thủ sự giúp đỡ bên ngoài, coi trọng phát triển công nghiệp sử dụng nguyên liệu trong nước thay thế nhập khẩu, phấn đấu giải quyết một phần và tiến tới tự đảm bảo vật tư - phụ tùng thay thế.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Khu gang thép Thái Nguyên, khu công nghiệp lớn được xây dựng sau ngày hòa bình (1-1964).

Đặt ray tại ga Vinh, tuyến đường sắt từ Hà Nội vào Nghệ An, ngày 25.4.1964

Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất là kế hoạch phát triển kinh tế dài hạn đầu tiên nhằm công nghiệp hoá đại quy mô. Tuy nhiên, kế hoạch 5 năm đang được khẩn trương thực hiện thì cuối năm 1964, không quân Mỹ đánh phá miền Bắc. Từ đây, công nghiệp và toàn bộ đời sống kinh tế được đặt trong hoàn cảnh thời chiến.

Phát triển công nghiệp hiện đại và bước đầu xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội

Trong kế hoạch 5 năm, đã thực hiện đầu tư ưu tiên cho công nghiệp, nhất là các ngành công nghiệp nặng trung ương. Bình quân hàng năm, vốn đầu tư nhà nước vào công nghiệp là 343 triệu đồng, chiếm 45% tổng vốn đầu tư xã hội vào khu vực sản xuất vật chất và gấp 3 lần số tuyệt đối đầu tư bình quân hàng năm của thời kỳ

Nhà máy Dệt 8-3 được xây dựng và khánh thành năm 1965.

trước. Trong 5 năm, tổng khối lượng vốn đầu tư cho công nghiệp thực hiện 1.351,8 triệu đồng, phân ra nhóm A: 78% và nhóm B: 22%, cho công nghiệp trung ương: 74,7% và công nghiệp địa phương: 25,3%. Riêng hai ngành điện lực và luyện kim đen chiếm 40% tổng vốn đầu tư vào công nghiệp. Do đó, tổng giá trị tài sản cố định mới tăng thêm của công nghiệp trong 4 năm 1961 - 1964 là 1.031,5 triệu đồng, trong đó công nghiệp trung ương tăng 964,5 triệu đồng và công nghiệp địa phương tăng 67 triệu đồng.

Trong năm đầu kế hoạch 5 năm, tiếp tục thi công 124 công trình trên hạn ngạch của giai đoạn trước chuyển sang và khởi công 45 công trình khác, trong số đó có 58 công trình đã và đang xây dựng có ý nghĩa quan trọng đối với quốc kế dân sinh. Kết quả, 21 công trình trên hạn ngạch đã hoàn thành trong năm, giá trị tài sản cố định tăng thêm 195,2 triệu đồng. Cả thời kỳ kế hoạch 5 năm đã xây dựng thêm 120 xí nghiệp, đưa tổng số xí nghiệp quốc doanh từ 1.012 năm 1960 lên 1.132 năm 1965, trong đó công nghiệp trung ương là 205 và công nghiệp quốc doanh địa phương là 927. Trong thời kỳ này, đã tăng thêm 113 xí nghiệp quy mô lớn, kỹ thuật hiện đại.

Trong lĩnh vực công nghiệp, đã bước đầu hình thành cơ cấu theo hướng hiện đại, tự chủ. Công nghiệp Trung ương phát triển chủ yếu về cơ khí, luyện kim, hoá chất, phân bón, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng. Công nghiệp Địa phương dựa trên nguồn nguyên liệu tại chỗ để sản xuất các hàng hoá tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng thông dụng. Bước đầu hình thành một số khu công nghiệp tập trung như Đông Anh, Việt Trì, Thái Nguyên, Hải Phòng, Nam Định, Hồng Quảng, Vinh...

Phát triển công nghiệp địa phương, tiểu thủ công nghiệp phục vụ nông nghiệp

Theo tinh thần các Nghị quyết số 21-NQ/TW (05/7/1961) của Ban Bí thư về phương hướng phát triển hợp tác xã thủ công nghiệp và Nghị quyết số 105-NQ/TW (19/9/1964) của Bộ Chính trị về phương châm phát triển công nghiệp địa phương là đi từ nhỏ lên lớn, từ giản đơn đến phức tạp, từ thủ công và bán cơ khí lên cơ khí, từ phân tán, quy mô nhỏ đến tập trung, thích hợp với quá trình đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn.

Năm 1965, miền Bắc có 927 xí nghiệp công nghiệp quốc doanh địa phương và 2.529 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp với 517.548 công nhân và thợ thủ công chuyên nghiệp. Công nghiệp địa phương tạo ra giá trị sản lượng 1.290 triệu đồng, chiếm 49% giá trị sản lượng toàn ngành công nghiệp miền Bắc, tăng 4,8 lần so với năm 1955 và 142% so với năm 1960. Trong đó, công nghiệp quốc doanh địa phương và công tư hợp doanh tăng 100% so với năm 1960 và chiếm tỷ trọng 39%, tiểu thủ công nghiệp, hợp tác xã, cá thể tăng 22,5% và chiếm tỷ trọng 61%. Phân theo ngành phục vụ, sản xuất tư liệu tiêu dùng chiếm tỷ trọng 60,8%, sản xuất tư liệu sản xuất 34,6% và xuất khẩu 4,6%. Những sản phẩm chủ yếu của công nghiệp địa phương bao gồm các hàng hoá tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng thông dụng cho dân cư như điện, than, gang, phân bón hoá học, gạch ngói, xi măng, gỗ tròn, tre nứa,

Cửa hàng mậu dịch phục vụ Tết Bính Thân 1956 tại Hà Nội. (Ảnh: TTXVN).

song mây, nông cụ cải tiến, chiếu cói, da thuộc, đường mật, cá, muối...

Tiểu thủ công nghiệp, lực lượng to lớn của công nghiệp địa phương, sản xuất ra 61% giá trị sản lượng công nghiệp địa phương và 40% giá trị sản lượng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp miền Bắc.

Kết quả đạt được của một số ngành công nghiệp chủ yếu

- Điện lực: Đạt tốc độ phát triển nhanh 248% (tốc độ chung của công nghiệp là 189%). Đã xây dựng thêm các nhà máy điện như Uông Bí, Việt Trì, Thái Nguyên, Hà Bắc, Vinh... đưa tổng số cơ sở từ 33 năm 1961 lên 40 cơ sở năm 1965. Năm 1965, miền Bắc đạt sản lượng điện 633,6 triệu kWh, tăng gấp 2,5 lần so với năm 1960. Công suất huy động thêm của ngành điện trong thời gian này là 103.000kW; công suất có khả năng huy động là 192.000kW, đảm bảo cung cấp điện ổn định cho các nhà máy và khu công nghiệp quan trọng, cho nông nghiệp chống úng và chống hạn ở đồng bằng Bắc bộ, một số khu vực trung du và miền núi.
- Ngành than: Sản lượng than khai thác tăng từ 2,6 triệu tấn năm 1960 lên 4,2 triệu tấn năm 1965. Ngành đã xây dựng thêm một số mỏ phụ, khởi công xây dựng mỏ than Mông Dương, nghiên cứu khôi phục mỏ than Mạo Khê, mở rộng mỏ than Uông Bí, hoàn thành xây dựng cơ sở luyện cốc Hồng Gai, thăm dò bổ sung trữ lượng các mỏ than Vàng Danh, Cánh Gà, Mông Dương, Mạo Khê, nâng cấp trữ lượng than Hà Tu, Hà Lầm, Tây Bắc, khởi công thăm dò Khe Chàm...
- Ngành cơ khí: Đã có khả năng chế tạo các máy công cụ chính xác cấp 2, các loại máy nổ, máy bơm, các thiết bị toàn bộ cho một số ngành công nghiệp nhẹ, đưa số lượng xí nghiệp cơ khí lên 148 đơn vị vào năm 1965, đạt giá trị sản lượng 309 triệu đồng.
- Ngành luyện kim: Sản lượng gang miền Bắc vào năm 1965 đạt 115 ngàn tấn (riêng Thái Nguyên là 90 ngàn tấn), thép thỏi đạt 10 ngàn tấn.

Cửa hàng mậu dịch phục vụ Tết Bính Thân 1956 tại Hà Nội. (Ảnh: TTXVN)

- Ngành phân bón, hoá chất, năm 1965, sản xuất các loại phân bón: Supe phốt phát (87,2 ngàn tấn), quặng apatit cục (680 ngàn tấn), thuốc bột 666 (1.569 tấn), axit sunphuaric (4.688 tấn). Đã hoàn thành xây dựng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc trong năm 1965, bắt đầu xây dựng cơ sở nghiền apatít, mở rộng phân xưởng axit sunphuaric, gấp rút nghiên cứu xây dựng nhà máy điện giải và thuốc nhuộm.
- Ngành vật liệu xây dựng: Tiếp tục mở rộng và đẩy mạnh xây dựng các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng ở cả trung ương và địa phương, đưa số lượng cơ sở từ 352 năm 1960 lên 429 cơ sở năm 1965.
- Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng: Được tiếp tục đẩy mạnh. Số cơ sở công nghiệp thực phẩm và công nghiệp hàng tiêu dùng tăng từ 321 cơ sở năm 1960 lên 336 cơ sở năm 1965.

2. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI

2.1. Giai đoạn khôi phục kinh tế và cải tạo xã hội chủ nghĩa (1955 – 1960)

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 khóa II (tháng 8 năm 1955) đã đề ra nhiệm vụ: "Điều chỉnh nền thương nghiệp trước đây phục vụ đế quốc, chiến tranh xâm lược và một số người thành thị, thành thương nghiệp phục vụ dân sinh và sản xuất; khôi phục và phát triển thương nghiệp trên cơ sở tăng cường mậu dịch quốc doanh, làm cho mậu dịch quốc doanh chiếm ưu thế trên thị trường, đồng thời phát triển vững chắc hợp tác xã mua bán ở những nơi đã cải cách ruộng đất".

Tháng 4 năm 1958, Bộ Thương nghiệp được tách ra thành Nộ Nội thương và Bộ Ngoại thương

Thương nghiệp quốc doanh có sự phát triển rất nhanh chóng, tổng trị giá hàng hóa mua vào trong 5 năm (1955-1960) tăng 6,3 lần, tổng mức lưu chuyển bán lẻ năm 1960 so với năm 1955 tăng hơn 6 lần. Hàng nghìn cửa hàng bán buôn, bán lẻ, thu mua và phục vụ ăn uống, dịch vụ ra đời, tạo nên mạng lưới kinh doanh thương nghiệp trải khắp các thành phố, tỉnh, huyện và thị trấn. Năm 1955 mới có 511 cửa hàng thì đến 1960 đã có 1.987 cửa hàng...

Các tổng công ty được ra đời với nhiệm vụ kinh doanh từng nhóm mặt hàng trên phạm vi toàn miền Bắc, có hệ thống từ trung ương xuống tận cơ sở. Ở các tỉnh, thành phố đã tổ chức các ty hoặc sở thương nghiệp và công ty bán buôn kiêm bán lẻ.

Có thể nói, 1955 - 1975 là thời kỳ cải tạo, xây dựng và phát triển kinh tế ở miền Bắc, vừa phải tiến hành cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước trên phạm vi cả nước. Cũng trong 10 năm đó, thương mại ở hai miền đất nước phát triển trong

HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG LẦN THỨ 8 KHÓA II (THÁNG 8 NĂM 1955) ĐÃ ĐỀ RA NHIỆM VỤ: "ĐIỀU CHỈNH NỀN THƯƠNG NGHIỆP TRƯỚC ĐÂY PHỤC VỤ ĐẾ QUỐC, CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC VÀ MỘT SỐ NGƯỜI THÀNH THỊ, THÀNH THƯƠNG NGHIỆP PHỤC VỤ DÂN SINH VÀ SẢN XUẤT; KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG NGHIỆP TRÊN CƠ SỞ TĂNG CƯỜNG MẬU DỊCH QUỐC DOANH, LÀM CHO MẬU DỊCH QUỐC DOANH CHIẾM ƯU THẾ TRÊN THỊ TRƯỜNG, ĐỒNG THỜI PHÁT TRIỂN VỮNG CHẮC HỢP TÁC XÃ MUA BÁN Ở NHỮNG NƠI ĐÃ CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT".

những điều kiện hoàn toàn khác nhau. Sự phát triển của thương mại ở miền Bắc tùy thuộc vào nhiệm vụ xây dựng kinh tế của mỗi giai đoạn.

Trong đó, hoạt động nội thương có nhiệm vụ phát huy vai trò đòn xeo, phục vụ thúc đẩy khôi phục và phát triển sản xuất; đấu tranh bình ổn vật giá. Tình hình thương nghiệp nội địa từ 1955 đến 1960 diễn biến tích cực, thị trường giá cả bình ổn; hàng hoá trên thị trường ngày càng phong phú hơn, việc mua bán dễ dàng, thuận tiện hơn (kể cả hai mặt hàng là gạo và vải).

Hoạt động ngoại thương, trên phương diện kinh tế đối ngoại, ta đã thực hiện phương châm không ngừng củng cố và phát triển quan hệ kinh tế - thương mại với các nước xã hội chủ nghĩa, đồng thời mở rộng quan hệ với các nước ngoài xã hội chủ nghĩa, thuộc thế giới thứ 3, như Nam Á, Bắc Phi, Trung Cận Đông...

Quan hệ thương mại với các nước khác trên thế giới cũng ngày càng được thiết lập, ta đã ký Hiệp định Thương mại với Chính phủ Pháp (cuối 1955); Ấn Độ (cuối 1956); Indonesia (đầu 1957); tiếp theo là Cộng hòa Ả rập Thống nhất; Campuchia; I-rắc,... Chúng ta cũng mở rộng quan hệ buôn bán với nhiều thị trường trong khu vực và trên thế giới. Tính đến năm 1960, ta đã có quan hệ thương mại với 22 nước.

Cũng trong thời gian này, một số tổng công ty xuất nhập khẩu được thành lập. Kim ngạch xuất nhập khẩu 3 năm (1958 - 1960) gấp 3 lần so với 3 năm trước đó (1955 - 1957). Năm 1960, xuất khẩu cân đối được 2/3 nhập khẩu; Viện trợ không hoàn lại chỉ còn chiếm 13,2% kim ngạch nhập khẩu.

THỊ TRƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA THỐNG NHẤT VỀ CĂN BẢN ĐÃ HÌNH THÀNH.

Đánh giá tổng quát hoạt động của thương nghiệp trong thời kỳ 3 năm cải tạo và phát triển kinh tế, Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 10 (khóa II) về thương nghiệp và giá cả đã chỉ rõ: "Trong thời kỳ cải tạo và phát triển kinh tế, ta đã không ngừng tăng cường lực lượng của thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, hoàn thành nhanh gọn và nói chung là tốt việc cải tạo thương nghiệp tư bản tư doanh, tiến hành cải tạo thương nghiệp nhỏ, chuyển một bộ phận tiểu thương sang sản xuất. Thị trường xã hội chủ nghĩa thống nhất về căn bản đã hình thành. Nội dung đã có nhiều cố gắng mở rộng thu mua và gia công nắm nguồn hàng, cải tiến việc phân phối và cung cấp hàng hóa, tiếp tục ổn định thị trường, ổn định giá cả, phục vụ tốt sản xuất, xây dựng và đời sống nhân dân, đồng thời góp phần quan trọng vào việc cải tạo nông nghiệp, thủ công nghiệp và công nghiệp tư bản tư doanh".

2.2. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất về lĩnh vực Thương mại (1961 - 1965)

Trên cơ sở nhiệm vụ được đề ra tại Hội nghị Trung ương lần thứ 8 khóa III (tháng 4 năm 1963), trong điều kiện kinh tế nước ta lúc đó, việc Nhà nước nắm được ngày càng nhiều hàng hóa sản xuất để phục vụ kế hoạch phát triển kinh tế và phục vụ đời sống nhân dân có ý nghĩa then chốt. Do đó, nhiệm vụ chính của hoạt động thương mại giai đoạn này là thu mua, nắm giữ hàng lương thực, thực phẩm và các hàng nông sản khác.

Bằng nhiều biện pháp thu mua thiết thực và hiệu quả, tổng giá trị hàng hóa trong nước do ngành thương mại thu mua không ngừng tăng lên qua các năm. Nếu so sánh năm 1965 với năm 1960 thì tổng giá trị đó bằng 159,1%; trong đó, trị giá về lương thực bằng 139,6%; về thực phẩm và hàng nông sản khác bằng 196,75%. Khối lượng hàng công nghiệp thu mua được cũng tăng lên đáng kể qua các năm. So với năm 1960 thì năm 1965, chỉ số đó là 156,3%. Mức độ lưu chuyển hàng hóa bán lẻ trong 5 năm tăng bình quân 7,1%, vượt mức kế hoạch Nhà nước đề ra.

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, ngành Thương mại đã có những đóng góp xứng đáng:

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Nam Định thực hiện tốt phong trào "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người" (tháng 6.1963). (Ảnh: tư liệu TTXVN).

So với năm 1960 thì năm 1965, xuất khẩu hàng hóa tăng 27,9%; nhập khẩu tăng 103,6%; vật tư kỹ thuật cung ứng cho sản xuất, xây dựng và quốc phòng tăng 79%, trong đó xăng dầu tăng 85,4%. Qua nhập khẩu thiết bị toàn bộ và thiết bị lẻ, miền Bắc đã cải tạo và xây dựng mới nhiều công trình quan trọng thuộc các ngành năng lượng, chế tạo máy, hóa chất, khai khoáng,... Tính đến năm 1964, nước ta đã có quan hệ giao thương với 40 nước trên thế giới.

Về lưu thông hàng hóa trong nước, tổng mức bán lẻ hàng hóa xã hội tăng 51,2%. Khối lượng sản phẩm của các ngành sản xuất đã được tiêu thụ trên thị trường trong nước tăng 57,4%. Thương nghiệp nội địa đã bảo đảm được 75 - 76% nhu cầu mua sắm của gia đình công nhân viên chức. Giá cả hàng hóa trên thị trường thời kỳ này tương đối ổn định.

Mạng lưới thương nghiệp nội địa bao gồm các cửa hàng, kho trạm cùng các trang thiết bị thương nghiệp và sự phân bố hợp lý mạng lưới giữa các khu vực, các ngành hàng và các khâu kinh doanh được tăng cường thêm đáng kể trong kế hoạch 5 năm, điều đó đã làm tăng thêm năng lực tổ chức lưu chuyển hàng hóa và quản lý toàn bộ hoạt động của thị trường.

Đánh giá chung về thời kỳ này, Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành trung ương lần thứ 10 (khóa III) chỉ rõ: "Thương nghiệp đã có nhiều cố gắng phục vụ nhu cầu thiết yếu của sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân, đồng thời góp phần vào việc xuất khẩu, củng cố giá trị đồng tiền, hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa và tăng tích lũy để thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa".

V. Ngành Công Thương giai đoạn 1965 - 1975

"Ngành Công nghiệp và thương mại giai đoạn này có hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chi viện cho miền Nam."

NGÀNH CÔNG THƯƠNG
NĂM
14/5/1951 - 14/5/2021

Đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Thứ nhất Đảng Lao động Việt Nam thăm Nhà máy Dệt 8-3 Hà Nội, tháng 7-1971. (Ảnh tư liệu)

Công nghiệp và Thương mại giai đoạn này có hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chi viện cho miền Nam.

1. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP

Mặc dù vào giai đoạn kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, nhịp độ tăng trưởng đã suy giảm đáng kể, nhưng nếu xét trong cả thời kỳ 10 năm, thì công nghiệp vẫn có bước phát triển khá cao, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 13,5%/năm, trong đó, công nghiệp nhóm A tăng 17,6%/năm và công nghiệp nhóm B tăng 10,7%/năm.

Bước vào giai đoạn mới với tình huống chiến tranh phá hoại miền Bắc rất khốc liệt bằng không quân của Mỹ qua hai đợt (1964 - 1968 và 1972), Đảng và Nhà nước đã có những chủ trương kịp thời để chuyển hướng kinh tế nói chung và công nghiệp nói riêng. Tinh thần và nội dung của sự chuyển hướng này không chỉ để phù hợp với tình hình thời chiến, mà còn nhằm đổi mới cơ chế quản lý, xác định đường lối công nghiệp hoá cho phù hợp với điều kiện quá độ từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn.

1.1. Bảo vệ và phát triển sản xuất công nghiệp trong điều kiện chiến tranh ác liệt

Sản xuất công nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, do phải huy động một lực lượng lao động trẻ vào chiến trường, do thiếu nguyên, nhiên, vật liệu trầm trọng, do các thiết bị máy móc bị đánh phá hư hỏng chưa kịp sửa chữa hoặc sửa chữa vội vã không đảm bảo an toàn, sự cố thường xảy ra. Do đó, mức sản xuất công nghiệp bị giảm sút so với thời kỳ trước chiến tranh là điều không thể tránh khỏi.

Đồng chí Lê Duẩn thăm Triển lãm một số mặt hàng công nghiệp và thủ công nghiệp Hà Nội, ngày 17-2-1972. (Ảnh tư liệu)

Sửa chữa đường ống thủy áp Thủy điện Đa Nhim năm 1975. (Ảnh tư liệu).

Vào năm 1971 (năm cuối cùng của thời kỳ 3 năm khôi phục sau chiến tranh), việc thực hiện kế hoạch sản xuất đã có tiến bộ hơn, giá trị sản lượng toàn ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đã tăng 14% so với kế hoạch đề ra. Các sản phẩm quan trọng như điện, than, supe lân, vải, giấy... đều vượt kế hoạch. Công cuộc khôi phục đang tiến hành được 3 năm thì vào giữa năm 1972 lại bắt đầu cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 22 đã đề ra nhiệm vụ cấp bách là khẩn trương hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục mức sản xuất công nghiệp ngang trước chiến tranh hoặc chí ít bằng năm 1971, để góp phần ổn định đời sống nhân dân sau chiến tranh, củng cố quốc phòng và chi viện tốt cho tiền tuyến, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Công cuộc khôi phục và phát triển công nghiệp lần này tập trung vào một số ngành cơ bản như các ngành sản xuất vật liệu xây dựng và năng lượng; phát triển các ngành cơ khí chế tạo xà lan, tầu kéo, sửa chữa ô tô, xe máy phục vụ cho khôi phục giao thông vận tải; sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; ngoài ra, đẩy mạnh các ngành khai thác cá, muối, nước mắm... Những ngành đã thực hiện khôi phục và cải tạo tốt là điện, than, vật liệu xây dựng, cơ khí sửa chữa và đóng mới phương tiện vận tải, sản xuất phụ tùng phụ kiện cho khôi phục và phát triển kinh tế.

Nhờ đẩy nhanh tốc độ khôi phục, cải tạo và xây dựng mới, cơ sở vật chất - kỹ thuật và năng lực sản xuất của ngành công nghiệp miền Bắc đến năm 1975 chẳng những đã được khôi phục mà còn tăng lên đáng kể, không những chỉ thay đổi về lượng mà còn có thay đổi về chất. Tính chung, trong cả thời kỳ 10 năm (1965- 1975), vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho công nghiệp là 4.325 triệu đồng, chiếm 35-37% vốn đầu tư kiến thiết của cả nền kinh tế và gấp 2 lần tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản công nghiệp của thời kỳ 10 năm trước gộp lại (1955-1965). Nhờ thế, tài sản cố định trong công nghiệp tăng 107%, số lượng xí nghiệp công nghiệp quốc doanh tăng từ 1.132 đơn vị lên 1.335 đơn vị, trong đó công nghiệp quốc doanh trung ương tăng từ 205 đơn vị lên 315 đơn vị, công nghiệp quốc doanh địa phương tăng từ 927 đơn vị lên 1.020 đơn vị.

Cùng với thắng lợi của khôi phục và phát triển công nghiệp, vào năm 1975, lần đầu tiên nền

NĂM 1975, LẦN ĐẦU TIÊN NỀN KINH TẾ MIỀN BẮC ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC CHỈ TIÊU "BA SỐ 5": ĐÓ LÀ 5 TRIỆU TẤN THAN, 5 TRIỆU TẤN THÓC VÀ 5 TRIỆU CON LỢN.

kinh tế miền Bắc đã đạt được chỉ tiêu "Ba số 5": đó là 5 triệu tấn than, 5 triệu tấn thóc và 5 triệu con lợn. Điều này thật có ý nghĩa với một nước nghèo vừa ra khỏi chiến tranh ác liệt; đây là căn cứ để đánh giá miền Bắc căn bản hoàn thành công cuộc khôi phục lần thứ ba vào năm 1975.

1.2. Chuyển hướng tập trung phát triển công nghiệp địa phương

Để phù hợp với tình hình chiến tranh ác liệt, một trong những chuyển hướng quan trọng là phát triển công nghiệp địa phương, làm cho "sự phát triển công nghiệp địa phương thực sự là một bước mới trong sự phát triển công nghiệp nước ta".

Một trong những chủ trương quan trọng khác là xây dựng công nghiệp địa phương toàn diện, lấy đơn vị tỉnh làm địa bàn chủ yếu. Theo ước tính, mỗi tỉnh sẽ phấn đấu đạt giá trị sản lượng công nghiệp khoảng 90 - 100 triệu đồng, trong đó 70% là hàng hoá tiêu dùng và 30% là hàng hoá tư liệu sản xuất. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản công nghiệp địa phương tăng nhanh chóng, từ 8,1 triệu đồng năm 1960 tăng lên 40,3 triệu đồng năm 1965 và 150,5 triệu đồng năm 1975; chiếm tỷ trọng trong cơ cấu vốn đầu tư công nghiệp tương ứng là 3,2%, 6,7% và 20%.

1.3. Tình hình phát triển một số ngành công nghiệp chủ yếu

Ngành Điện lực

Điện lực là mục tiêu bị đánh phá ác liệt trong chiến tranh; hầu như 100% các nhà máy điện bị đánh phá, trong đó nhiều nhà máy bị đánh nhiều lần. Khẩu hiệu đặt ra là "giữ vững dòng điện như mạch máu", tập trung cao độ cho công tác khôi phục nhanh chóng các nhà máy điện, đảm bảo đường điện luôn thông suốt phục vụ kịp thời cho sản xuất và đời sống, kể cả đáp ứng các yêu cầu chiến đấu. Sau cuộc chiến tranh phá hoại lần đầu đã lập tức khôi phục các lò cao số 4 Nhà máy Điện Việt Trì, lò cao số 2 Nhà máy Điện Uông Bí, nồi hơi Nhà máy Điện Yên Phụ và 25 lò cao nhỏ khác, đồng thời phát triển các trạm diezel để cung cấp cho các cơ sở không được dùng điện lưới.

Sau đợt phá hoại lần thứ hai, điện lực cũng là ngành hoàn thành sớm nhất việc khôi phục 100%

các nhà máy điện bị hư hỏng vào năm 1974, cải tạo và mở rộng một loạt các nhà máy điện quan trọng. Số lượng các nhà máy điện đã tăng từ 40 nhà máy năm 1965 lên hơn 50 nhà máy năm 1975. Năm 1975, lần đầu tiên, miền Bắc đạt sản lượng điện 1,34 tỷ kWh, gấp hơn 2 lần mức của năm 1965, trong đó tỷ lệ điện dành cho sản xuất nông nghiệp tăng từ 2% (1960) lên 6,1% (1965) và 14,8% (1975).

Ngành Luyện kim

Ngành này bị đánh phá ác liệt và thiệt hại nặng nề, đặc biệt là ngành luyện kim đen. Dự kiến sản xuất 20 vạn tấn thép vào kế hoạch 5 năm lần II (1965 - 1970) đã không thực hiện được. Ngay khi chiến tranh vừa kết thúc vào năm 1975, chúng

ta đã bắt tay khôi phục và cải tạo mở rộng khu Liên hợp Gang thép Thái Nguyên với công suất 12 vạn tấn thép và 15 vạn tấn gang/năm, tiếp tục xây dựng Nhà máy Luyện cán thép Gia Sàng, khôi phục và mở rộng các mỏ crômite Cổ Định (Thanh Hoá) - 2 vạn tấn, Nhà máy Luyện thiếc Tĩnh Túc - 550 ngàn tấn quặng, mỏ graphit (Yên Bái) - 600 ngàn tấn.

Ngành Cơ khí

Đây cũng là ngành bị đánh phá nặng nề và giảm sút mạnh trong thời kỳ chiến tranh. Vào quý I năm 1968, một số sản phẩm cơ khí quan trọng đã sụt giảm so với cùng kỳ năm trước.

Trong những năm 1973 - 1975, đã tiến hành sắp xếp theo nhóm sản phẩm, tập trung đảm bảo sửa chữa nhanh chóng các phương tiện giao thông vận tải, mở rộng mạng lưới các trạm trại cơ khí nông nghiệp, chế tạo các thiết bị cho công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm.

Ngành Khai thác than

Trong chiến tranh, sản lượng than khai thác bị giảm mạnh và chỉ cung cấp đủ cho các nhà máy điện, thiếu than nghiêm trọng cho các ngành như rèn, đúc, nung vôi, nung gạch... Sau khi chiến tranh kết thúc, đã bắt tay vào khôi phục lại các nhà máy sàng than Hòn Gai, Cửa Ông; khôi phục và cải tạo 3 mỏ than lộ thiên

Nhà máy Hóa chất số 1 Việt Trì được chính thức khởi công xây dựng vào ngày 04/11/1959. Sau gần 2 năm xây dựng, ngày 19/05/1961 Nhà máy Hóa chất số 1 Việt Trì đã mở máy sản xuất an toàn và cho ra mẻ xút đầu tiên. (Nguồn: Vinachem).

ở Quảng Ninh có công suất 3,5 triệu tấn, xây dựng tiếp mỏ than Mông Dương...

Sản lượng ngành than cũng nhanh chóng được khôi phục và có bước nhảy vọt. Năm 1975, lần đầu tiên miền Bắc đạt sản lượng 5,2 triệu tấn than, vượt 1 triệu tấn so với mức năm 1965. Thành tích này có một ý nghĩa cực kỳ quan trọng, bởi có thêm than tức là có thêm thức ăn (bánh mỳ đen) cho các ngành công nghiệp khác, cho xuất khẩu.

Ngành Hoá chất phân bón:

Khôi phục, cải tạo và mở rộng các cơ sở quan trọng như Hoá chất Việt Trì, Super phốt phát Lâm Thao, Cao su Sao Vàng... Xây dựng thêm nhiều nhà máy mới như: Phân đạm Hà Bắc, phân lân nung chảy Ninh Bình, Ắc quy Vĩnh Phú...

Ngành Vật liệu xây dựng:

Thời kỳ 1973-1975 đã khôi phục 7 lò xi măng và các công trình phụ trợ của Nhà máy Xi măng

Công nhân nhà máy dệt 8/3, năm 1975. (Ảnh: Tư liệu TTXVN).

Hải Phòng, tiếp tục xây dựng các nhà máy Xi măng Kiện Khê, Xi măng Hữu Lũng, Xi măng Bỉm Sơn, Nhà máy Sứ vệ sinh và cách điện Hải Hưng... Hoàn thành xây dựng các cơ sở Gạch Bỉm Sơn, Xuân Hoà, Cao Ngạn, Hợp Thịnh với tổng công suất 200 - 250 triệu viên, các mỏ đá Tràng Kênh, Minh Đức, Kiện Khê, cơ sở Vôi Lạc Quần...

Ngành Sản xuất hàng tiêu dùng

Ngành này cũng không tránh khỏi có những thời gian sút giảm và căng thẳng về cung ứng hàng hoá tiêu dùng. Sau khi chiến tranh kết thúc, đã nhanh chóng khôi phục và cải tạo các cơ sở quan trọng như Dệt 8-3, Dệt Nam Định, Sứ Hải Dương, Bóng đèn Rạng Đông, các nhà máy đường, xay xát, làm rượu... Các địa phương cũng tự xây dựng nhiều cơ sở nhỏ chế biến chè, bột mì, ngô, khoai, sắn, đậu phụ, nước mắm, rau quả...

1.4. Nhìn lại chặng đường 10 năm phát triển công nghiệp

Thời kỳ xây dựng và phát triển công nghiệp miền Bắc giai đoạn 10 năm (1965 - 1975) là thời kỳ đầy cam go và thử thách, đan xen giữa hoà bình và chiến tranh. Thành quả căn bản của thời kỳ này là miền Bắc đã tạo dựng được những cơ sở ban đầu cho công nghiệp hoá. Công nghiệp có tác dụng thúc đẩy các ngành kinh tế quốc dân phát triển, ổn định đời sống nhân dân trong chiến tranh, góp phần chi viện cho công cuộc kháng chiến thắng lợi vào mùa xuân năm 1975. Mô hình công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và cơ chế kế hoạch hoá tập trung đã tạo nên sức mạnh, nhưng đồng thời cũng bộc lộ nhiều hạn chế cần phải thay đổi. Tuy nhiên, những thành tựu đạt được trong thời gian này về cơ bản đã phục vụ tốt cho nhiệm vụ chiến tranh giải phóng dân tộc.

2. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI

2.1. Những chủ trương lớn trong phát triển thương mại

Các hoạt động thương mại thời kỳ này làm nhiệm vụ hậu cần cho sản xuất, chiến đấu. Các hoạt động xuất khẩu diễn ra không nhiều, các hoạt động ngoại thương chủ yếu là nhập khẩu. Trong các hoạt động nhập khẩu, việc dùng ngoại tệ của Nhà nước để trao đổi, mua bán hàng hóa rất ít. Nhập khẩu thực chất là sự tiếp nhận viện trợ của nước ngoài.

Nhiệm vụ của kinh tế đối ngoại nói chung và của ngành ngoại thương nói riêng, trước hết và chủ yếu là tranh thủ tới mức cao nhất viện trợ quốc tế, kịp thời đưa hàng nhập khẩu về nước để tăng

Cửa hàng quốc doanh trên phố Tràng Tiền, Hà Nội, tháng 3/1970. (Ảnh tư liệu).

cường tiềm lực kinh tế, quốc phòng, duy trì và phát triển sản xuất, phục vụ chiến đấu, chi viện cho miền Nam.

Trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, đế quốc Mỹ tập trung đánh phá các thành phố, thị xã, thị trấn, các cửa khẩu biên giới, các vùng đông dân, các cầu cống trên các tuyến đường bộ, đường sắt, bao vây, phong tỏa các cảng biển, uy hiếp tàu nước ngoài ra vào cảng Hải Phòng, nhằm làm cho lưu thông hàng hóa trong nội địa bị rối loạn, hạn chế các luồng hàng xuất khẩu, nhập khẩu, ngăn cản việc tiếp nhận viện trợ quốc tế. Thực hiện khẩu hiệu "tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, tất cả vì thống nhất tổ quốc", ngành thương nghiệp miền Bắc đã chuyển hướng hoạt động phục vụ chiến đấu, sản xuất, dân sinh với hai mục tiêu chính:

1. Xây dựng phát triển kinh tế địa phương, giải quyết tại chỗ các nhu cầu ở địa phương, góp phần củng cố hậu phương vững mạnh.

2. Bảo đảm yêu cầu chiến đấu của tiền tuyến, đáp ứng các nhu cầu cơ bản về đời sống của nhân dân.

Trong cuộc kháng chiến chống chiến tranh phá hoại miền Bắc, thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán là một trong những mục tiêu đánh phá của không quân Mỹ, đã đối đầu thắng lợi với quân địch, không ngừng lớn mạnh trong khói lửa chiến tranh, nhiều cán bộ, nhân viên thương mại quốc doanh đã anh dũng hy sinh trên mặt trận khốc liệt này.

Đảm bảo cung ứng hàng thiết yếu theo định lượng với giá cả ổn định đã góp phần ổn định đời sống của nhân dân, phục vụ và thúc đẩy sản xuất phát triển, động viên sức người, sức của cho cuộc kháng chiến chống Mỹ. Thương nghiệp quốc doanh thực sự là hậu cần đắc lực cho quân đội.

Xây dựng hệ thống thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán lớn mạnh, ngày càng giữ vai trò quyết định trên thị trường, là một yếu tố rất quan trọng, bảo đảm thực hiện chính sách kinh tế - tài chính của Chính phủ trong thời kỳ toàn dân kháng chiến chống Mỹ.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, biện pháp có tính chiến lược là tranh thủ sự viện trợ quốc tế, nhằm tăng cường tiềm lực quốc phòng, tiềm lực kinh tế; duy trì và phát triển sản xuất theo phương châm vừa sản xuất, vừa chiến đấu; bảo đảm các nhu cầu cơ bản của nhân dân, đồng thời tích cực chi viện cho tiền tuyến.

Phương châm ngoại thương của nước ta trong thời kỳ này vẫn là tranh thủ sự giúp đỡ của nước

THƯƠNG NGHIỆP MIỀN BẮC ĐÃ DUY TRÌ XUẤT KHẨU, TĂNG CƯỜNG NHẬP KHẨU TRONG KHÓI LỬA CHIẾN TRANH, GÓP PHẦN LÀM THẤT BẠI ÂM MƯU CỦA ĐẾ QUỐC MỸ BAO VÂY, PHONG TỎA MIỀN BẮC.

ngoài, đặc biệt các nước XHCN, nhưng vẫn phải nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh.

Sau 1973, ngành Thương nghiệp phải chuyển hướng hoạt động cho phù hợp với tình hình mới, ra sức thu mua nắm nguồn hàng để trang trải cho nhu cầu của sản xuất và đời sống ở miền Bắc, tăng nhanh khối lượng hàng hóa đưa ra tiền tuyến và cung ứng cho vùng mới giải phóng ở miền Nam.

Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu luôn được duy trì trong thời gian 1965-1975. Luồng giao thông này bị tắc thì luồng giao thông khác được mở, mọi loại phương tiện đường biển, đường sắt, đường bộ đều được huy động vào cuộc chiến tranh khốc liệt này.

2.2. Hệ thống tổ chức và hoạt động thương mại nội địa trong điều kiện chiến tranh ác liệt

Giai đoạn 1965-1975, thương mại nội địa đã chuyển hướng từ hoạt động trong điều kiện thời bình sang điều kiện có chiến tranh. Từ nhiệm vụ phục vụ sản xuất và dân sinh sang hai nhiệm vụ, vừa phục vụ sản xuất và dân sinh vừa phục vụ chiến đấu; từ hoạt động tập trung sang hoạt động phân tán (nguồn hàng, mạng lưới kho tàng...); từ tình hình cung cầu hàng hóa tương đối cân đối sang tình trạng mất cân đối lớn, nhưng vẫn phải bảo đảm những nhu cầu thiết yếu nhất của đời sống nhân dân; phải thực hiện việc phân phối nguồn hàng hoá hạn hẹp một cách công bằng, hợp lý nhất, theo tinh thần Bác Hồ đã dạy: "Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng; không sợ nghèo, chỉ sợ lòng người không yên". Trên cơ sở đó, giữ cho thị trường hậu phương lớn tương đối bình ổn, bồi dưỡng sức dân để sản xuất và chiến đấu lâu dài; đồng thời làm tròn nghĩa vụ chi viện cho tiền tuyến lớn.

Từ những đặc điểm tình hình nêu trên, ngành Nội thương được giao nhiệm vụ lúc này là:

- Tận lực chi viện đầy đủ, kịp thời cho tiền tuyến.
- Bảo đảm đáp ứng nhu cầu chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.
- Phục vụ và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương, nhằm thực hiện đến mức cao nhất hậu cần tại chỗ.
- Ra sức bảo đảm những nhu cầu hàng hoá thiết yếu nhất của nhân dân; bồi dưỡng sức dân để sản xuất và chiến đấu lâu dài.
- Tăng cường lãnh đạo và quản lý thị trường trong hoàn cảnh có chiến tranh.
- Duy trì chế độ quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa phù hợp với tình hình có chiến tranh.

Trên cơ sở đó, ngành Nội thương coi việc phấn đấu điều hòa ổn định cung - cầu trên thị trường là một trong những yêu cầu cơ bản của công tác quản lý thị trường và thông qua các hoạt động của thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, thị trường có tổ chức đã phát huy được tác dụng chi phối thị trường không có tổ chức, hạn chế được khả năng biến động thất thường của cung cầu và giá cả suốt cả thời kỳ có chiến tranh. Cùng với việc tranh thủ viện trợ quốc tế, tiếp nhận, vận chuyển sơ tán và bảo vệ tốt vật tư hàng hóa, ngành Thương nghiệp đã có nhiều cố gắng tập trung cao độ nguồn hàng vào sự quản lý của Nhà nước trong điều kiện kinh tế bị phân tán do chiến tranh, đồng thời bám sát thực tế, phục vụ và duy trì sản xuất, nhất là kinh tế địa phương.

NGÀNH THƯƠNG NGHIỆP COI VIỆC PHẤN ĐẤU ĐIỀU HÒA ỔN ĐỊNH CUNG - CẦU TRÊN THỊ TRƯỜNG LÀ MỘT TRONG NHỮNG YÊU CẦU CƠ BẢN CỦA CÔNG TÁC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Những khó khăn mà ngành Nội thương gặp phải trong thời gian này là:

- Cung cầu hàng hoá mất cân đối nghiêm trọng.
- Giao thông vận tải khó khăn, gây trở ngại lớn cho cả việc lưu chuyển hàng hoá trong nước và việc tiếp nhận hàng hóa nhập khẩu.
- Mạng lưới cửa hàng, kho tàng phải bố trí lại theo hướng phân tán về nông thôn. Cơ sở vật chất kỹ thuật bị đánh phá hoặc không còn sử dụng được.
- Phương thức hoạt động cũ không còn phù hợp, phải xây dựng phương thức hoạt động mới cả về tổ chức nguồn hàng và phân phối hàng hoá.

Trong thời gian 3 năm sau chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, mặc dù nguồn hàng có nhiều khó khăn do sản xuất trong nước đang trong quá trình khôi

phục và phát triển, nguồn hàng viện trợ và nhập khẩu giảm nhiều, nhưng ngành Thương nghiệp đã có những cố gắng đáng kể trong công tác thu mua, tập trung nguồn hàng, cải tiến chế độ phân phối hàng hoá, đảm bảo đời sống cán bộ và nhân dân lao động sau chiến tranh, nhất là đã quan tâm thường xuyên đến việc bảo đảm mức cung cấp lương thực, thực phẩm cho người làm công ăn lương. Giai đoạn 1965 - 1975, các hoạt động kinh tế nói chung và thương mại nói riêng không chỉ phải tuân theo các quy luật kinh tế, mà còn bị chi phối rất lớn (có lúc gần như toàn bộ) bởi yêu cầu khắc nghiệt của chiến tranh. Dù bị địch phong tỏa, nhưng Ngành vẫn bảo đảm cung cấp những hàng hóa thiết yếu như: Lương thực, thực phẩm, vải, dầu hỏa, đường... theo định lượng cho nhân dân và lực lượng vũ trang. Lượng hàng hóa sản xuất trong nước được đưa vào lưu thông qua thu mua của Ngành được thể hiện qua những số liệu sau: Nếu lấy năm 1975 so với năm 1964 thì tổng giá trị thu mua hàng trong nước đạt 158,2%, trong đó hàng công nghiệp đạt 183,4% và hàng nông sản đạt 147,7%. Nguồn hàng thu mua trong nước lúc này bằng 60 - 70% tổng mức bán lẻ của thị trường có tổ chức. Giai đoạn này, thị trường có tổ chức đã nắm được 75 - 80% tổng mức bán lẻ toàn xã hội.

Thời kỳ này, thị trường tự do về nguyên tắc không được thừa nhận trong mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa. Ở phần lớn các nước xã hội chủ nghĩa như Liên Xô, Cộng hoà Dân chủ Đức, Triều Tiên, Trung Quốc, gần như không có thị trường tự do. Riêng Việt Nam lại có một đặc thù riêng, vì những nguyên nhân khách quan nhất định nên thị trường tự do luôn tồn tại, trước, trong và cả sau khi cải tạo thương nghiệp tư nhân.

NGÀY 1/8/1969, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI PHÊ CHUẨN VIỆC THÀNH LẬP BỘ VẬT TƯ. TIẾP ĐÓ, NGÀY 19/8/1969, HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ RA QUYẾT ĐỊNH SỐ 146/CP QUY ĐỊNH CHỨC NĂNG VÀ BỘ MÁY CỦA BỘ VẬT TƯ.

Có một điểm quan trọng trong thời kỳ này không thể không nói đến, đó là những chiến công trên mặt trận tiếp nhận, vận chuyển hàng hóa, vật tư, bảo vệ kho tàng và trực tiếp chiến đấu của các đơn vị trong ngành.

Ngày 01/8/1969, Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn việc thành lập Bộ Vật tư, tiếp đó, ngày 19/8/1969, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 146/CP quy định chức năng và bộ máy của Bộ Vật tư.

Điều này có ý nghĩa quan trọng đối với Ngành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và đảm bảo đời sống sản xuất cho nhân dân. Bình quân mỗi năm trong giai đoạn này, Bộ Vật tư cung ứng khoảng 1.500 xe vận tải các loại, có năm tới 7.000 xe (thời kỳ 1961 - 1964 chỉ cấp khoảng 100 xe một năm) cùng với hàng chục vạn tấn xăng dầu, hàng vạn tấn kim khí, hàng vạn tấn hoá chất, hàng vạn km cáp các loại và hàng ngàn máy móc thiết bị... phục vụ sản xuất và chiến đấu.

Về hoạt động của thương mại nội địa

Hệ thống thương nghiệp thời kỳ này không phải là cơ sở kinh doanh, nhân viên thương nghiệp không phải là những nhà kinh doanh mà là người phục vụ xã hội. Ngành thương nghiệp luôn chú ý giáo dục nhân viên về tinh thần, tác phong phục vụ văn minh thương nghiệp. Do đặc thù của thời kỳ này nên thương nghiệp là một tổ chức xã hội, một mặt do kế hoạch của Nhà nước quy định, mặt khác dựa trên tinh thần phục vụ nhân dân. Trong điều kiện cung nhỏ hơn cầu, thì kế hoạch phải được thực hiện thông qua hệ thống tem phiếu, cung quyết định cầu.

Nếu xét những ngành hàng cụ thể, có thể thấy điểm bán lẻ nhiều nhất là công nghệ phẩm, sau đó là lương thực và thực phẩm.

Trong giai đoạn 1965 - 1975, mạng lưới chợ nông thôn và truyền thống vẫn tồn tại và hoạt động bình thường. Phần lớn hàng hoá trên các chợ nông thôn là tự sản tự tiêu, ở đó, người sản xuất trực tiếp bán cho người tiêu dùng. Vai trò của thương nhân tuy có nhưng không lớn. Cũng vì tính chất đó cho nên Nhà nước chưa bao giờ có chủ trương xoá bỏ chợ nông thôn, chợ nông thôn vẫn hoạt động hợp pháp. Chính quyền địa phương không những không ngăn cấm mà còn có nhiều biện pháp giúp đỡ chợ nông thôn.

NGOẠI THƯƠNG CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1965 - 1975 CÓ 3 ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN, ĐÓ LÀ: NHÀ NƯỚC ĐỘC QUYỀN TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI THƯƠNG; BAO CẤP CHO CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI THƯƠNG VÀ CƠ CHẾ XUẤT NHẬP KHẨU CHỦ YẾU LÀ VAY NỢ VÀ VIỆN TRỢ.

MỘT TRONG NHỮNG THÀNH TỰU QUAN TRỌNG NHẤT CỦA THỜI KỲ NÀY LÀ CHIẾN CÔNG TRÊN MẶT TRẬN TIẾP NHẬN, VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA, VẬT TƯ, BẢO VỆ KHO TÀNG VÀ TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRONG NGÀNH.

Nhiều địa phương đã dành kinh phí để xây lại, lợp lại các quán chợ. Có địa phương còn chủ động mở thêm các chợ mới. Nhờ có chợ mà thu được thuế, có thêm nguồn kinh phí cho địa phương.

Khác với các chợ nông thôn, chợ thành phố thời kỳ này có nhiều thay đổi. Thời trước, những chợ này chủ yếu là để tiểu thương bán. Nhưng từ sau cuộc cải tạo công thương nghiệp, quá phân nửa của trung tâm chợ là các cửa hàng quốc doanh, tức các công ty chuyên doanh.

Có một loại chợ có vai trò gạch nối giữa chợ nông thôn và chợ thành thị là những chợ buôn bán nông sản. Nông sản từ nông thôn ra thành thị không thể theo nguyên tắc tự sản tự tiêu như ở chợ nông thôn, mà phải qua tay thương nhân. Những người buôn hàng chuyến (có khi kiêm cả xe thồ) đã tạo ra những luồng hàng ổn định theo mùa và theo tuyến để đưa nông sản về thành phố.

Giai đoạn 1965 - 1975, hợp tác xã mua bán có một bước phát triển mạnh, mà cao điểm là năm 1968, với 10.628 hợp tác xã. Từ thời bình sang thời chiến, để tăng cường lực lượng hàng hoá, các phương thức hoạt động mua bán cũng được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện có chiến tranh. Cụ thể là chuyển các hoạt động mua bán ở những điểm cố định sang hoạt động lưu động, bám sát những nơi có nhu cầu mới phát sinh để phục vụ.

Quản lý thị trường thời kỳ này khá chặt. Nguồn hàng cung cấp cho tư thương không nhiều, chủ yếu là: quần áo may sẵn, mũ, nón, gương, lược, vàng hương, sành sứ, một số mảnh vải lẻ, dây chun, cặp tóc, thắt lưng, cúc áo...

Lĩnh vực ăn uống có phần phong phú hơn trước thời kỳ 1965. Các hàng phở, bún, bánh miến hàng cơm xuất hiện nhiều. Đặc biệt là quán nước chè vỉa hè là hình ảnh tiêu biểu của dịch vụ tư nhân thành phố lớn thời đó.

Về dịch vụ thời kỳ này, phải kể đến một loạt ngành nghề đơn giản, nhưng rất cần thiết cho cuộc sống và cũng rất đặc trưng trong điều kiện lúc đó. Điển hình là các ngành nghề: cán mỳ sợi, chế biến bánh quy gai, quy xốp; dịch vụ nước sôi;

dịch vụ nấu cơm, dịch vụ vá chữa quần áo; bơm mực bút bi; đắp lốp; đắp líp, đắp đĩa; lộn xích; hạ vành, rút lốp...

Về hoạt động ngoại thương

Ở Trung ương, Bộ Ngoại thương là cơ quan cao nhất, và có trách nhiệm quản lý toàn bộ công tác ngoại thương theo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch của ngoại thương, đẩy mạnh xuất khẩu, tranh thủ nhập khẩu...

Trách nhiệm của Bộ Ngoại thương lúc này là:

- Đàm phán các hợp đồng thương mại có lợi nhất cho ta để phát huy cao nhất hiệu quả của các hiệp định về thương mại và viện trợ với các nước ngoài;
- Đàm phán và đôn đốc lịch giao hàng của đối tác nước ngoài và kế hoạch vận chuyển hàng về nước sao cho đủ số lượng, đúng chủng loại, đảm bảo thời gian theo yêu cầu của kế hoạch trong nước, nhất là đối với các loại vật tư chiến lược, như xăng dầu, phân bón, hoá chất...
- Cố gắng để mở rộng quan hệ ngoại thương với các nước.

Nhập khẩu là một hoạt động rất quan trọng trong ngành ngoại thương. Các hoạt động nhập khẩu đã có ảnh hưởng to lớn tới các ngành kinh tế, nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải và đời sống nhân dân. Chính vì vậy mà việc định ra kế hoạch nhập, phân phối và định giá các mặt hàng được coi là khâu quan trọng và chủ chốt nhất trong các hoạt động kinh doanh nhập khẩu.

Giai đoạn 1965 - 1975, vai trò của nhập khẩu đối với kinh tế là rất lớn. Điều này được thể hiện trên 3 phương diện cơ bản, đối với công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải và đời sống nhân dân.

Năm 1965, xét theo cơ cấu mặt hàng nhập khẩu, thiết bị toàn bộ được nhập nhiều nhất vào năm này: 53.886.647R (rúp). Máy phương tiện vận tải nhập dồn vào năm 1965 là 88.632.610R.

Giai đoạn 1966 - 1972, chiến tranh ở hai miền Nam và Bắc diễn ra gay go ác liệt, các cơ sở công nghiệp, các nhà máy xí nghiệp đều phải vừa lo sản xuất, vừa lo di chuyển địa điểm đến những nơi an toàn. Cuộc sống của nhân dân hết sức khó khăn, các mặt hàng phục vụ đời sống thiếu thốn đủ bề, do các nhà máy xí nghiệp bị đánh phá nghiêm trọng. Ngành ngoại thương phải lo nhập khẩu những mặt hàng quan trọng để phục vụ cho đời sống của nhân dân.

KẾ HOẠCH NHẬP, PHÂN PHỐI VÀ ĐỊNH GIÁ CÁC MẶT HÀNG ĐƯỢC COI LÀ KHÂU QUAN TRỌNG VÀ CHỦ CHỐT NHẤT TRONG NHẬP KHẨU.

Trong 7 năm, từ 1966 - 1972, tổng giá trị nhập khẩu là 3.006.199.000R, thiết bị toàn bộ: 500.285.000R, chiếm 7,4%, thiết bị lẻ: 520.207.000R, chiếm 17,2%, dụng cụ phụ tùng 148.308.000R, tương đương 10%, nguyên nhiên vật liệu 724.522.100R, chiếm 24%, vật phẩm tiêu dùng 974.230.000R, chiếm 32,4%.

Tổng giá trị nhập khẩu trong 3 năm (1973 - 1975) là 1.964.028.000R, so với giá trị nhập khẩu của 20 năm (1955 - 1975), chiếm 29%. Xét theo cơ cấu của từng nhóm hàng, thiết bị toàn bộ chiếm 15%, dụng cụ phụ tùng chiếm 8%, nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 33%, vật phẩm tiêu dùng chiếm 29%. Trong thời kỳ này, Việt Nam nhập rất nhiều nguyên, nhiên, vật liệu, thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ để khôi phục kinh tế và khôi phục các hoạt động sản xuất trong các nhà máy xí nghiệp. Nhóm hàng tiêu dùng vẫn nhập nhiều, nhưng không còn đứng đầu bảng như ở thời kỳ trước. Trong 3 năm, từ 1973 - 1975, giá trị nhập khẩu cao nhất trong vòng 20 năm từ 1955 - 1975

Họa động nhập khẩu đã cung cấp thiết bị để khôi phục và mở rộng xây dựng mới hàng trăm nhà máy xí nghiệp. Trong vòng 10 năm (1965 - 1975) nhờ các mặt hàng nhập khẩu thiết bị lẻ và thiết bị toàn bộ, Nhà nước đã tiến hành bổ sung, trang bị thêm cơ sở vật chất cho các nhà máy, xí nghiệp để mở rộng quy mô sản xuất.

Hoạt động xuất khẩu trong giai đoạn này đã góp phần mở rộng quan hệ kinh tế giữa Việt Nam với các nước. Trước năm 1965, thị trường xuất khẩu còn hạn hẹp, tuy nhiên, sau một thời gian hoạt động, giai đoạn 1965 - 1975, thị trường xuất khẩu đã dần được mở rộng. Năm 1955, các hoạt động xuất khẩu chỉ được thực hiện bó hẹp trong thị trường 10 nước, đến năm 1969 đã tăng lên 30 nước.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trong thời kỳ này có năm tăng, năm giảm, nhưng bình quân có tăng, mặt hàng có phong phú hơn. Do nhu cầu nhập khẩu ngày càng tăng nên kim ngạch xuất khẩu luôn thấp hơn kim ngạch nhập khẩu. Do ngoại thương luôn ở trong tình trạng nhập siêu nghiêm trọng, nên từ 1965 - 1968, xuất khẩu chỉ chiếm 16,5% kim ngạch nhập khẩu, từ 1969 - 1971, xuất khẩu bằng 11,2% kim ngạch nhập khẩu. Cũng trong thời gian này, giá trị kim ngạch xuất khẩu chỉ xấp xỉ bằng số tiền nhập khẩu nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phương tiện máy móc lẻ và hàng tiêu dùng, còn hầu hết thiết bị toàn bộ, trang thiết bị thiết yếu để công nghiệp hóa đều phải dùng tiền viện trợ và tiền vay của các nước XHCN.

2.3. Những thành tựu chủ yếu của hoạt động thương mại

Giai đoạn 1965 - 1975, các hoạt động kinh tế nói chung và thương mại nói riêng bị chi phối rất lớn (có lúc gần như toàn bộ) bởi yêu cầu khắc nghiệt của chiến tranh.

Mạng lưới kho tàng, cửa hàng thương nghiệp bố trí trong thời bình không còn thích hợp với thời chiến, nay lại phải phân bố lại cho phù hợp để phòng địch đánh phá và đảm bảo cho các cấp, các nơi ít nhiều đều có dự trữ. Kế hoạch lưu chuyển hàng hoá được bố trí lại cho phù hợp với quan hệ cung - cầu mới. Cùng với việc cố gắng tổ chức tiếp nhận, vận chuyển hàng nhập, cán bộ công nhân viên toàn Ngành đã cùng với các cấp, các ngành, các cơ sở sản xuất, địa phương khắc phục mọi khó khăn để giữ vững sản xuất. Hệ thống thương nghiệp quốc doanh đã mở thêm nhiều điểm bán hàng ở những nơi mở đường giao thông mới, nơi cơ sở sản xuất và dân cư sơ tán. Số cửa hàng năm 1965 tăng 60% so với năm 1964, trong đó ở Khu 4 tăng gần 95% và mạng lưới công

Xe bán hàng lưu động của mậu dịch quốc doanh gần Khách sạn Thống Nhất, Hà Nội, 1972. (Ảnh tư liệu).

cộng tăng gần 89%. Mạng lưới cơ sở hợp tác xã mua bán được phát triển mạnh trên địa bàn các xã, quầy hàng của các hợp tác xã mua bán ở nông thôn tăng lên gấp đôi. Toàn Ngành đã dốc mọi lực lượng để bảo vệ an toàn tài sản của Nhà nước trước sự tàn phá của bom đạn địch. Hệ thống cơ sở thương nghiệp có mặt ở khắp nơi, thậm chí ngay bên mâm pháo, vì thế, Ngành đã hạn chế được nhiều thiệt hại, số tiền và hàng mà ngành Thương nghiệp quản

Ngã năm bờ hồ Hoàn Kiếm năm 1973, (Ảnh tư liệu).

lý bị tổn thất được hạn chế tới mức thấp nhất. Trong chiến tranh, chế độ hạch toán kinh tế ở các tổ chức kinh doanh thương nghiệp về cơ bản vẫn được duy trì. Thị trường xã hội không có những hoạt động đầu cơ, buôn lậu đáng kể.

Chính nhờ vậy mà ngành Thương nghiệp Việt Nam giai đoạn 1965 - 1975 đã thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao.

Nhu cầu của tiền tuyến và chiến đấu đã được đáp ứng kịp thời và đầy đủ. Đội ngũ cán bộ, công nhân viên của Ngành cùng với hàng hoá ngày càng tiến sâu vào Nam theo chân các lực lượng vũ trang. Các nhu cầu của sản xuất cũng được đáp ứng với mức cố gắng cao nhất. Đảm bảo các nhu cầu thiết yếu như: Vải, dầu hoả, giấy viết... và các hàng hoá khác cho toàn dân theo giá ổn định.

Chính nhờ có lượng vật chất trên, cộng với tinh thần quyết chiến, quyết thắng của quân và dân hai miền, chúng ta đã giành đại thắng lợi vào ngày 30/4/1975, viết thêm một trang sử vàng chói lọi của dân tộc ta. Sau chiến thắng lịch sử mùa xuân năm 1975, đất nước được thống nhất, cách mạng nước ta chuyển sang một giai đoạn mới, cũng đồng thời, ngành Thương mại nước ta chuyển sang một giai đoạn cùng đất nước thực hiện công cuộc Đổi mới.

VI. Ngành Công Thương Việt Nam giai đoạn trước Đổi mới (1976 – 1985)

"Trong giai đoạn lịch sử mới, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nhằm tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho Chủ nghĩa xã hội."

NGÀNH CÔNG THƯƠNG 70 NĂM 14/5/1951 - 14/5/2021

Sau đại thắng mùa Xuân 1975, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất và bước vào kỷ nguyên hoà bình xây dựng, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong giai đoạn lịch sử mới, ngành Công Thương Việt Nam đứng trước những thuận lợi, khó khăn cũng như những nhiệm vụ nặng nề và đã đạt được những thành tựu nhất định.

Khôi phục tuyến đường sắt thống nhất Bắc - Nam năm 1976. (Ảnh tư liệu).

1. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP

Đến năm 1976, toàn ngành công nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh với khoảng 52 vạn cán bộ, công nhân viên. Trong đó, miền Bắc có 1.279 xí nghiệp, miền Nam có 634 xí nghiệp, Trung ương quản lý 540 xí nghiệp, địa phương quản lý 1.373 xí nghiệp. Về tiểu thủ công nghiệp ở miền Bắc có 3.000 cơ sở chuyên nghiệp với trên 60 vạn lao động. Ở miền Nam có tới hàng chục vạn cơ sở tư nhân với 80 – 90 vạn lao động, nhưng phần lớn chưa được khôi phục lại. Kết quả sản xuất công nghiệp năm 1976 đạt giá trị tổng sản lượng tương đương 48 tỷ đồng (theo giá cố định năm 1982).). Trong đó, công nghiệp nhóm A chiếm 34,1% và nhóm B chiếm 65,9%; quốc doanh chiếm 62,7%, tiểu thủ công nghiệp 37,3% và công nghiệp trung ương 44,2%, công nghiệp địa phương 55,8%. Những ngành then chốt của công nghiệp nặng chiếm tỷ trọng không lớn: năng lượng: 5,6%, luyện kim: 3,3%, cơ khí: 12,3%, hoá chất phân bón: 9,4%, vật liệu xây dựng: 6%. Công nghiệp nhóm B chỉ có lương thực và thực phẩm là ngành lớn nhất: 33,6%, dệt da may nhuộm: 14,5%. Trong cơ cấu kinh tế quốc

dân, công nghiệp chiếm tỷ trọng 10,6% lao động xã hội, 37% giá trị tài sản cố định, làm ra 38,4% tổng sản phẩm xã hội, 25,3% GDP và 53% giá trị sản lượng công nông nghiệp. Nguồn nguyên liệu phụ thuộc nước ngoài, các ngành lệ thuộc hoàn toàn là cơ khí, hoá chất, dệt... Thiết bị nhập từ nhiều nguồn, trong đó của 13 nước tư bản, chiếm 41%, của Liên Xô và Đông Âu 20%, trong nước chế tạo chỉ khoảng 13%. Về hiệu quả sản xuất, mức tích luỹ trên 1 đồng vốn tài sản cố định của công nghiệp trung ương là 0,25 đồng, hệ số tích luỹ của 100 đồng vốn sản xuất là 33%, song chưa đạt mức ổn định của thời kỳ 1964 - 1965 của miền Bắc và năm 1970 của miền Nam. Tình trạng không sử dụng hết công suất phổ biến, công nghiệp quốc doanh chỉ đạt 62%.

Ở MIỀN BẮC, SAU 20 NĂM KHÔI PHỤC, CẢI TẠO, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN, ĐẾN CUỐI NĂM 1975, ĐÃ HÌNH THÀNH MỘT NỀN CÔNG NGHIỆP TỰ CHỦ VỚI CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT ĐƯỢC TĂNG CƯỜNG.

Ngày 1-5-1975, mẻ thép đầu tiên ra lò tại Nhà máy Luyện cán thép Gia Sàng. (Nguồn: Tạp chí Công Thương).

Ở miền Bắc, sau 20 năm khôi phục, cải tạo, xây dựng và phát triển, đến cuối năm 1975, đã hình thành một nền công nghiệp tự chủ với cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường đáng kể. Cơ cấu công nghiệp đã phát triển hoàn chỉnh hơn, bao gồm các ngành công nghiệp nặng như điện, than, gang thép, chế tạo máy công cụ...; công nghiệp hoá chất đã sản xuất được xút, phân bón, thuốc trừ sâu...; công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm đã sản xuất được vải mặc, thuốc lá, đường mật, rượu, bia, đồ hộp... Sản xuất công nghiệp bao gồm các lực lượng quốc doanh trung ương, quốc doanh địa phương và hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, cả công nghiệp nhóm A và công nghiệp nhóm B.

Ở miền Nam, có sự phát triển nhất định của công nghiệp, tuy nhiên còn nhỏ bé, thiếu cân đối, nhất là thiếu các ngành công nghiệp nặng. Công nghiệp ở miền Nam được hình thành và phát triển gắn với chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ nên có những hạn chế: chiếm tỷ trọng không lớn, phần lớn là các cơ sở công nghiệp nhỏ với quy mô dưới 10 công nhân; công nghiệp nhẹ chiếm 90% giá trị sản lượng của toàn ngành, được tập trung vào các lĩnh vực như đồ uống, thực phẩm, thuốc lá, dệt may... Sản xuất công nghiệp phụ thuộc vào nước ngoài về trang thiết bị thay thế và nguyên liệu, khoảng 70 - 100% nguyên liệu là nhập khẩu.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng tháng 12/1976 thông qua kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976 - 1980). Đây là kế hoạch triển khai xây dựng chủ nghĩa xã hội và công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước. Nhiệm vụ của công nghiệp trong kế hoạch 5 năm là: (1) tiếp tục thực hiện đường lối công nghiệp hoá và xây dựng một bước cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế, hình thành cơ cấu kinh tế mới công - nông nghiệp; (2) khôi phục và phát triển sản xuất công nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu trang thiết bị và các hàng hoá tiêu dùng cho nhân dân;

Cảng Vietsovpetro giai đoạn 1981 - 1985

(3) thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp miền Nam, thống nhất quản lý và tổ chức công nghiệp trong cả nước.

Nhưng, sau những nỗ lực phát triển kinh tế theo đường lối công nghiệp hoá trên, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng chậm, thậm chí vào cuối thời kỳ kế hoạch 5 năm lần thứ hai những năm 1979 - 1980, sản xuất công nghiệp lâm vào trì trệ, suy thoái. Những điểm mới trong chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về công nghiệp hoá trong giai đoạn 1981 - 1985 đã có những điều chỉnh trong đường lối và chính sách, một số cải tiến về quản lý kinh tế, song về cơ bản, mô hình kinh tế và công nghiệp hoá của nước ta vẫn chưa thay đổi. Đường lối, chính sách kinh tế và công nghiệp hoá đã có tác động mạnh mẽ đến phát triển công nghiệp trong thời kỳ này.

Nhiệm vụ của ngành Công Thương lúc này là tiếp quản và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp miền Nam.

Cải tạo công nghiệp

Ở miền Bắc, sau khi chiến tranh kết thúc, chúng ta phải tiếp tục khôi phục và nhanh chóng ổn định sản xuất cho các xí nghiệp bị đánh phá trong chiến tranh. Trong khi đó lại phải chia sẻ một lực lượng lớn về người, vật tư kỹ thuật cho việc tiếp quản và khôi phục sản xuất công nghiệp ở miền Nam mới giải phóng. Việc thống nhất tổ chức, quản lý công nghiệp cả nước cũng là yêu cầu cấp bách đặt ra. Đây là nhiệm vụ không dễ dàng, nhưng lại có ý nghĩa quyết định đối với việc phát huy các năng lực công nghiệp, góp phần thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp ở miền Nam. Trong đó, vấn đề thành lập bộ máy nhà nước quản lý ngành công nghiệp ở miền Nam đã được tiến hành khẩn trương, ở các tỉnh thành miền Nam đã thành lập các Sở Công nghiệp với sự giúp đỡ về vật lực, người và chia sẻ kinh nghiệm của các sở, ngành công nghiệp ở miền Bắc.

Ở miền Nam, tuy có năng lực sản xuất công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm khá quan trọng, nhưng việc khôi phục sản xuất không phải dễ dàng, vì công nghiệp ở miền Nam hoàn toàn phụ thuộc vào kỹ thuật và nguyên vật liệu nhập khẩu. Sau ngày giải phóng, sản xuất công nghiệp

ở miền Nam bị đình đốn, một phần vì thiếu nguyên vật liệu và phụ tùng thay thế, một phần do thái độ bất hợp tác của giai cấp tư sản đối với cải tạo. Do đó, chúng ta đề ra nhiệm vụ khẩn trương tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa công nghiệp ở miền Nam. Tuy nhiên, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam có khó khăn phức tạp hơn ở miền Bắc, vì giai cấp tư sản ở miền Nam có thực lực kinh tế và kinh nghiệm hoạt động. Miền Nam có khoảng 2 vạn nhà tư sản, gấp 10 lần ở miền Bắc trước đây và vốn liếng, tài sản của họ cũng lớn hơn nhiều.

Ngày 04/9/1975 tiến hành Chiến dịch cải tạo tư sản ở miền Nam lần I. Ngày 15/7/1976, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 254/NQ/TW về những công tác trước mắt ở miền Nam, hoàn thành việc xoá bỏ giai cấp tư sản mại bản, tiến hành cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh. Tháng 12/1976, tiến hành Chiến dịch cải tạo tư sản lần II. Tiếp theo, Hội nghị Bộ Chính trị tháng 3/1977 quyết định hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam trong 2 năm 1977 - 1978. Thực hiện chủ trương này, công cuộc cải tạo công nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam được tiến hành thông qua các hình thức sau:

- Quốc hữu hoá và chuyển thành xí nghiệp quốc doanh đối với các xí nghiệp công quản và xí nghiệp tư sản mại bản, tư bản bỏ chạy ra nước ngoài. Có 1.354 cơ sở với 13 vạn công nhân được quốc hữu hoá, bằng 34% số cơ sở và 55% số công nhân;
- Thành lập xí nghiệp công tư hợp doanh: 498 cơ sở với 13.000 công nhân, chiếm 14,5% số cơ sở và 5,5% số công nhân;
- Thành lập xí nghiệp hợp tác xã, gia công, đặt hàng: 1.600 cơ sở với trên 7 vạn công nhân, chiếm 45% về cơ sở và khoảng 30% về công nhân. Số cơ sở công nghiệp tư bản tư doanh còn lại chiếm khoảng 6% về cơ sở và 5% về công nhân, trong tổng số xí nghiệp công nghiệp tư doanh.

Trong năm 1976, tư sản mại bản và tư sản lớn trong công nghiệp miền Nam bị xoá bỏ. Năm 1978, chúng ta tuyên bố hoàn thành căn bản cải tạo tư sản công nghiệp loại vừa và nhỏ ở miền Nam, trong đó có việc xoá bỏ sự lũng đoạn của tư sản người Hoa. Đến tháng 5/1979, tất cả các xí nghiệp công quản lúc đầu ở miền Nam đều đã được chuyển thành xí nghiệp quốc doanh. Nhưng theo đánh giá, ta mới chỉ xoá bỏ quan hệ sản xuất cũ trong công nghiệp mà chưa xác lập được quan hệ sản xuất mới trên thực tế. Thực chất, việc hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa công thương nghiệp miền Nam chỉ diễn ra hình thức.

THỐNG NHẤT TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP CẢ NƯỚC CŨNG LÀ YÊU CẦU CẤP BÁCH ĐẶT RA. ĐÂY LÀ NHIỆM VỤ KHÔNG DỄ DÀNG, NHƯNG LẠI CÓ Ý NGHĨA QUYẾT ĐỊNH ĐỐI VỚI PHÁT HUY NĂNG LỰC SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, GÓP PHẦN THỰC HIỆN CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐỐI VỚI CÔNG NGHIỆP Ở MIỀN NAM.

Cải tạo tiểu thủ công nghiệp

Ở miền Nam có hàng triệu thợ thủ công sống rộng khắp trong nông thôn và thành thị. Trong cải tạo tiểu thủ công nghiệp, Đảng ta chủ trương: "Đối với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và những ngành dịch vụ cần thiết cho xã hội, phải sắp xếp lại theo ngành dưới sự quản lý của Nhà nước. Tuỳ theo đặc điểm của từng ngành nghề mà áp dụng những hình thức tổ chức và cải tạo thích hợp. Việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp phải đưa đến kết quả phát triển sản xuất, giữ gìn và nâng cao kỹ thuật sản xuất làm phong phú mặt hàng và đảm bảo chất lượng sản phẩm".

Trong những năm 1977 - 1978, việc cải tạo các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp miền Nam đã được thực hiện. Tiểu thủ công nghiệp tại những vùng tập trung và trong những ngành quan trọng đã được tổ chức lại và có bộ phận được đưa vào hợp tác xã. Đã thành lập trên 500 hợp tác xã và 5.000 tổ hợp tác với trên 250 nghìn lao động. Riêng thành phố Hồ Chí Minh có 144 hợp tác xã với 27.634 lao động và 1.964 tổ hợp tác với 75.284 lao động, chiếm 71% tổng số lao động thủ công nghiệp của Thành phố. Các tỉnh khác có số thợ thủ công được tổ chức lại chiếm khoảng 40%. Tới cuối năm 1985, số cơ sở tiểu thủ công nghiệp miền Nam đã có 2.937 hợp tác xã chuyên nghiệp, 10.124 tổ sản xuất chuyên nghiệp, 3.162 hợp tác xã nông nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, 529 hợp tác xã kiêm và 920 hộ tư nhân cá thể.

Công cuộc cải tạo công nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam đã được tiến hành thông qua quốc hữu hoá và chuyển thành xí nghiệp quốc doanh đối với các xí nghiệp công quản và xí nghiệp tư sản mại bản, tư bản bỏ chạy ra nước ngoài; thành lập xí nghiệp công tư hợp doanh; thành lập xí nghiệp hợp tác xã, gia công, đặt hàng. Năm 1978, chúng ta tuyên bố hoàn thành căn bản cải tạo tư sản công nghiệp loại vừa và nhỏ ở miền Nam.

Song song với nhiệm vụ tiếp quản và cải tạo xã hội chủ nghĩa với công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp miền Nam là nhiệm vụ cải tiến quản lý và tổ chức sản xuất trong công nghiệp.

Cơ chế kế hoạch hoá tập trung, bao cấp đang áp dụng trong công nghiệp đã ngày càng bộc lộ nhiều hạn chế. Các xí nghiệp quốc doanh không có quyền chủ động trong sản xuất vì phụ thuộc vào kế hoạch Nhà nước về vật tư, tài chính. Trong khi đó, nguồn lực bao cấp của Nhà nước ngày càng hạn chế do các nguồn viện trợ bị cắt giảm. Trên cơ sở phân tích và kết luận về tình hình thực hiện Quyết định 25/CP, Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 146/HĐBT ngày 25/8/1982, nhằm sửa đổi và bổ sung Quyết định 25/CP, để phát huy mặt tích cực và kịp thời uốn nắn những lệch lạc phát sinh hay sự "bung ra" không đúng hướng trong quá trình thực hiện nghị quyết này. Các quyết định trên đã góp phần làm giảm bớt sự tập trung, quan liêu, bao cấp trong cơ chế quản lý nhà nước đối với các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, tạo điều kiện cho sự "bung ra" mạnh mẽ của sản xuất. Điều quan trọng là từ đây đã gợi mở ra hướng đổi mới không chỉ trong công tác kế hoạch hoá, mà cả trong các lĩnh vực giá cả, lợi nhuận, các biện pháp khuyến khích vật chất trong cơ chế quản lý kinh tế công nghiệp quốc doanh giai đoạn tiếp theo.

Thời kỳ này, chúng ta đã tiến hành tổ chức lại sản xuất công nghiệp, thành lập nhiều công ty

SONG SONG VỚI NHIỆM VỤ TIẾP QUẢN VÀ CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐỐI VỚI CÔNG NGHIỆP, TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP MIỀN NAM LÀ NHIỆM VỤ CẢI TIẾN QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT TRONG CÔNG NGHIỆP.

và liên hiệp xí nghiệp trong công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp vật liệu xây dựng. Việc ban hành Điều lệ Xí nghiệp mới có tác dụng mở rộng trách nhiệm, quyền hạn tự chủ sản xuất kinh doanh cho các đơn vị cơ sở. Nhiều địa phương cũng đã giới thiệu mặt hàng mới và nơi giao dịch để các xí nghiệp có thể trao đổi vật tư, thiết bị thừa không dùng đến và biết được các khả năng hợp tác sản xuất của nhau.

Nhiệm vụ phát triển công nghiệp trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976 - 1980) và lần thứ ba (1981 - 1985): Trong thời kỳ này, Đảng và Nhà nước rất quan tâm tới phát triển công nghiệp, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa nhằm tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Trong 10 năm 1975 - 1986, Nhà nước đã đầu tư vào ngành công nghiệp 65 tỷ đồng (tính theo giá 1982), chiếm trên 40% tổng vốn đầu tư vào khu vực sản xuất vật chất, tốc độ tăng đầu tư cho công nghiệp cao hơn mức tăng đầu tư bình quân của toàn bộ khu vực sản xuất vật chất. Trong đó, đầu tư cho nhóm A là trên 70% và nhóm B gần 30%.

Trong thời kỳ này, nhiều công trình tương đối lớn được xây dựng như Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại, Thủy điện Hoà Bình, Thủy điện Trị An; khu dầu khí Vũng Tàu; các nhà máy xi măng Bỉm Sơn, Hoàng Thạch, Hà Tiên; Nhà máy phân lân Lâm Thao; các nhà máy sợi ở Hà Nội, Vinh, Huế, Nha Trang; nhà máy đường Lam Sơn, La Ngà; nhà máy giấy Bãi Bằng, Tân Mai... Giá trị tài sản ngành công nghiệp được tăng lên đáng kể: giai đoạn 1976 - 1980 tăng 13 tỷ đồng, bằng 35%

10 NĂM SAU KHI ĐẤT NƯỚC THỐNG NHẤT, MẶC DÙ CÒN RẤT NHIỀU KHÓ KHĂN, NHƯNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP NƯỚC TA ĐÃ ĐƯỢC TĂNG CƯỜNG LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT, HOÀN THIỆN QUAN HỆ SẢN XUẤT VÀ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT.

giá trị tài sản cố định mới tăng thêm thuộc khu vực sản xuất vật chất; giai đoạn 1981 - 1985 tăng 18,6 tỷ đồng, bằng 440% tổng giá trị tài sản cố định thuộc khu vực này. Đồng thời, năng lực sản xuất mới của nhiều ngành công nghiệp cũng được nâng lên. Riêng thời kỳ 1981 - 1986, tăng 456.000 kWh điện, 2,5 triệu tấn than, 2,1 triệu tấn xi măng, 33.000 tấn sợi, giấy 58.000 tấn, đặc biệt, dầu mỏ cũng bắt đầu được khai thác.

Do kết quả cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam và đầu tư xây dựng mới của Nhà nước, số lượng cơ sở công nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh trong cả nước đã tăng đáng kể, khoảng 1.000 cơ sở trong vòng 10 năm, từ 2.021 xí nghiệp năm 1976 lên 2.538 xí nghiệp năm 1980 và 3.220 xí nghiệp năm 1985. Số cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp cả nước năm 1985 là 36.630 cơ sở, tăng 18% so với năm 1980. Về sản xuất, tính chung cả thời kỳ 10 năm 1976 - 1985, sản xuất công nghiệp đã tăng lên đáng kể. Tập trung khôi phục và phát triển các ngành công nghiệp quan trọng như: Ngành cơ khí, công nghiệp năng lượng, ngành than, công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp hóa chất, công nghiệp vật liệu, nguyên liệu.

Có thể coi đây là kết quả của những cải tiến quản lý trong khu vực công nghiệp quốc doanh theo tinh thần Quyết định 25/CP, và Quyết định 146/HĐBT làm cho các xí nghiệp quốc doanh trở nên năng động, sản xuất công nghiệp được "bung ra", cơ cấu công nghiệp được điều chỉnh theo hướng đẩy mạnh hơn các ngành công nghiệp nhẹ sản xuất hàng tiêu dùng. Mặt khác, do một số công trình xây dựng qui mô trong giai đoạn 1976 - 1980 đã đi vào sản xuất, cung cấp các sản phẩm cho nền kinh tế.

Ngày 6/11/1979, hàng vạn CBCNV Việt Nam và 186 chuyên gia Liên Xô đã cùng tham gia Lễ khởi công công trình Thủy điện Hòa Bình. (Nguồn: EVN).

Như vậy, trong thời gian 10 năm sau khi nước nhà thống nhất, mặc dù đất nước còn gặp nhiều khó khăn về thiên tai địch họa và hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh, ngành Công nghiệp nước ta đã được tăng cường lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất và phát triển sản xuất. Đến năm 1985, toàn ngành Công nghiệp có 3.220 xí nghiệp quốc doanh, 36.630 cơ sở tiểu thủ công

CÁC XÍ NGHIỆP QUỐC DOANH TRỞ NÊN NĂNG ĐỘNG, SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP ĐƯỢC "BUNG RA", CƠ CẤU CÔNG NGHIỆP ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH THEO HƯỚNG ĐẨY MẠNH HƠN CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP NHẸ SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG.

nghiệp với 2,653 triệu lao động, đã sản xuất được 105 tỷ đồng giá trị tổng sản lượng, làm ra 30% thu nhập quốc dân, 40% tổng sản phẩm xã hội và trên 50% giá trị sản lượng công - nông nghiệp, góp phần nhất định vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế trong thời kỳ mới.

2. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI

2.1. Thương mại thời kỳ thống nhất đất nước đến đầu công cuộc đổi mới (1975- 1979)

Cải tạo thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam

Thị trường miền Nam trước giải phóng mang tính chất thị trường tư bản chủ nghĩa và tương đối phát triển, có quan hệ gắn bó với nhiều nước tư bản trên thế giới và khu vực. Tư sản mại bản là thế lực phản động nhất trong giai cấp tư sản ở miền Nam, có lợi ích gắn bó với chủ nghĩa đế quốc, hoạt động kinh doanh làm giàu, lũng đoạn thị trường và phục vụ cho guồng máy chiến tranh của Mỹ - Ngụy. Hệ thống độc quyền lũng đoạn thị trường của tư sản mại bản được tổ chức tinh vi và chặt chẽ trong các khâu trọng yếu. Giai cấp tư sản mại bản do nắm giữ một khối lượng lớn tài sản và hàng hoá trong tay nên vẫn tiếp tục thao túng thị trường miền Nam sau ngày giải phóng, gây ra những vụ đầu cơ, làm ăn phi pháp, làm mất ổn định đời sống kinh tế - xã hội. Tình hình đó đòi hỏi phải nhanh chóng xoá bỏ giai cấp tư sản mại bản. Chủ trương đó là hoàn toàn đúng đắn và đã được Nhà nước ta thi hành ở các thành phố lớn miền Nam vào ngay những tháng cuối năm 1975 và năm 1976.

Ngay sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, hàng vạn cán bộ ngành Thương mại, bao gồm Nội thương, Ngoại thương và Vật tư đã được điều động cho miền Nam. Trong đó có nhiều cán bộ cốt cán đã được giao nhiệm vụ khẩn trương xây dựng khung các cơ quan quản lý cấp Sở, Ty để vào tiếp quản và xây dựng mạng lưới thương mại ở các thành phố, các tỉnh phía Nam. Tháng 5/1975, Tổng Nha Nội thương ra đời và ngày 26/5/1975 thành lập Sở Thương nghiệp thành phố Sài Gòn mới giải phóng. Tiếp sau đó, các sở thương nghiệp

Người dân xếp hàng mua nhu yếu phẩm thời bao cấp. (Ảnh tư liệu).

Cửa hàng Mậu dịch quốc doanh những năm 1980. (Ảnh: TTXVN).

của các tỉnh, thành phố khác cũng được thành lập. Đến cuối năm 1976, đã thành lập được 2 tổng công ty và 10 công ty thương nghiệp bán buôn toàn miền Nam, gần 60 công ty thương nghiệp tỉnh với trên 500 cửa hàng. Lưu thông hàng hóa giữa 2 miền Nam - Bắc dần được khai thông và không ngừng phát triển.

Nội thương và ngoại thương từng bước phát triển

Lực lượng thương nghiệp quốc doanh phát triển nhanh chóng và lực lượng hợp tác xã đã từng bước vươn lên chiếm lĩnh thị trường, nhờ đó đã hạn chế được ở mức độ nhất định nạn đầu cơ, tích trữ và tình trạng hỗn loạn giá cả hàng hóa trên thị trường.

Hoạt động ngoại thương trong bối cảnh đất nước thống nhất cũng có những thuận lợi mới. Từ đó, chúng ta có điều kiện và khả năng khai thác tiềm năng của cả nước để đẩy mạnh xuất nhập khẩu.

Những năm 1976 - 1978, tình hình kinh tế đối ngoại nói chung và ngoại thương nói riêng diễn ra tương đối thuận lợi. Tuy nhiên, từ cuối năm 1978 trở về sau, tình hình diễn biến có nhiều khó khăn phức tạp. Chiến tranh ở biên giới Tây Nam và phía Bắc, làm cho đất nước ở trong tình trạng vừa có hoà bình, vừa có chiến tranh, gây khó khăn và mất cân đối nhiều mặt cho nền kinh tế. Thị trường biến động, giá cả hàng hoá tăng nhanh. Bên cạnh đó, cơ chế quản lý kinh tế cũng như quản lý thương mại vẫn giữ như thời kỳ chiến tranh, mang nặng tính bao cấp, đã tỏ ra bất cập và kém hiệu quả. Đối với bán lẻ hàng tiêu dùng, thương nghiệp quốc doanh đã trở thành kho hàng phân phối theo định lượng, ngân sách phải bù lỗ nặng nề. Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa bị trì trệ, cán cân thương mại bị thâm hụt nặng nề kéo dài. Hoạt động xuất nhập khẩu theo cơ chế kế hoạch tập trung, Nhà nước độc quyền ngoại thương, thị trường chủ yếu là các nước xã hội chủ nghĩa với cơ chế nghị định thư. Cân đối tiền – hàng và cung – cầu một số mặt hàng thiết yếu bị mất cân đối nghiêm trọng...

Trong lúc đó, âm mưu "diễn biến hoà bình" của chủ nghĩa đế quốc, trước tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ, xu thế toàn cầu hoá kinh tế, chạy đua về kinh tế, cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản có nhiều diễn biến phức tạp. Với bối cảnh trong nước và quốc tế đó, đòi hỏi tất yếu muốn tồn tại và phát triển thì phải có một cuộc cải cách thật sự trên tất cả các lĩnh vực của đất nước.

2.2. Thương mại Việt Nam trong thời kỳ trước Đổi mới (1979 - 1986)

Hội nghị trung ương 6 khoá IV (tháng 8/1979) với chủ trương và quyết tâm làm cho sản xuất "bung ra" là bước đột phá đầu tiên của quá trình đổi mới ở nước ta.

Trên lĩnh vực công nghiệp, bước đầu xác định quyền tự chủ của cơ sở trong sản xuất, kinh doanh. Trên lĩnh vực cải tạo xã hội chủ nghĩa, vấn đề sử dụng các thành phần kinh tế đã được đặt ra; từ hiệu quả kinh tế mà vận dụng linh hoạt

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng họp tại thủ đô Hà Nội, từ ngày 5 đến 18-12-1986. (Nguồn: Báo Bình Dương).

ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI (12/1986) LÀ ĐẠI HỘI MANG TÍNH LỊCH SỬ, TẠO RA BƯỚC NGOẶT CỰC KỲ QUAN TRỌNG CHO ĐẤT NƯỚC, XOÁ BỎ CƠ CHẾ QUẢN LÝ TẬP TRUNG, BAO CẤP, XÂY DỰNG CƠ CHẾ QUẢN LÝ MỚI, ÁP DỤNG NHỮNG BIỆN PHÁP KÍCH THÍCH SẢN XUẤT, MỞ RỘNG GIAO LƯU HÀNG HÓA.

các hình thức tổ chức sản xuất thích hợp; chính sách đối với kinh tế cá thể từng bước được điều chỉnh cho đúng thực tế hơn; nhấn mạnh chống tư tưởng nóng vội, chủ quan, mệnh lệnh, làm ồ ạt, gây thiệt hại cho sản xuất và đời sống.

Hội nghị trung ương 8 khoá V (6/1985) đánh dấu bước đột phá thứ hai bằng chủ trương dứt khoát xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, thực hiện cơ chế một giá; xoá bỏ chế độ cung cấp hiện vật theo giá thấp; chuyển mọi hoạt động sản xuất kinh doanh sang cơ chế hạch toán kinh tế kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Có thể thấy, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986) là Đại hội mang tính lịch sử, tạo ra bước ngoặt cực kỳ quan trọng cho đất nước. Tại Đại hội này, Đảng ta đã đưa ra đường lối Đổi mới toàn diện, bao gồm đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức - cán bộ, đổi mới phương pháp lãnh đạo và phong cách công tác. Đại hội đã đề ra ba Chương trình kinh tế lớn là lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, coi đó là mũi nhọn phát triển kinh tế trong thời kỳ đổi mới; đồng thời chủ trương kiên quyết xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung, bao cấp, xây dựng cơ chế quản lý mới, áp dụng những biện pháp kích thích sản xuất, mở rộng giao lưu hàng hoá, xoá bỏ tình trạng ngăn sông, cấm chợ, chia cắt thị trường; lập lại trật tự kỷ cương; giữ ổn định chính trị, xã hội, từng bước cải thiện đời sống nhân dân.

VII. Ngành Công Thương thời kỳ 20 năm Đổi mới (1986 - 2006)

"Trên chặng đường 20 năm Đổi mới, ngành Công Thương đã cùng đất nước chuyển mình, tạo nên những thành tựu và dấu ấn quan trọng."

NGÀNH CÔNG THƯƠNG 70 NĂM 14/5/1951 - 14/5/2021

Trên chặng đường 20 năm Đổi mới, ngành Công Thương Việt Nam đã cùng đất nước chuyển mình trở thành một quốc gia có mức thu nhập trung bình trên thế giới, tạo nên những dấu ấn quan trọng trên nhiều lĩnh vực. Thực hiện đường lối Đổi mới của Đại hội VI và các nghị quyết của các hội nghị Trung ương, tuy còn nhiều khó khăn, thách thức, nhưng phát triển công nghiệp và thương mại bước đầu đã đạt được các kết quả quan trọng.

1. ĐỔI MỚI TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP

1.1. Kết quả của chính sách kinh tế

Chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là phù hợp với nguyện vọng của nhân dân nên nhanh chóng đi vào cuộc sống, bước đầu khơi dậy các tiềm năng kinh tế. Theo số liệu chưa đầy đủ, đến cuối năm 1989, nhiều tư nhân đã mạnh dạn bỏ vốn vào sản xuất kinh doanh hàng trăm nghìn lạng vàng; thực hiện chủ trương Nhà nước và nhân dân cùng làm, có nơi vốn đầu tư của dân nhiều gấp 3 - 4 lần số vốn đầu tư của ngân sách.

Ở thành thị, bên cạnh các hình thức kinh tế hợp tác, cá thể, đã bắt đầu phát triển kinh tế tiểu chủ, tư bản tư nhân. Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng đã có hơn 200 xí nghiệp tư nhân, có một số cơ sở đã sử dụng hàng trăm lao động. Trong nền kinh tế đã xuất hiện các mô hình liên kết các thành phần kinh tế quốc doanh là chủ đạo như Công ty Xuất khẩu Thuỷ sản (Seaprodex), các tổ chức gia công may mặc, giày da xuất khẩu, các liên hiệp công - nông nghiệp chè...

Chính sách cơ cấu đầu tư, đã đình và hoãn gần 40 công trình, cắt giảm gần 300 công trình nhỏ. Nhà nước đã dành cho 3 chương trình kinh tế

Đuốc dầu bùng lên khi tàu khoan Mirchin tìm thấy dầu thương mại ở mỏ Bạch Hổ
Ảnh tư liệu của VSpetro

trên 60% vốn đầu tư của ngân sách trung ương và 70 - 80% vốn đầu tư cho ngân sách địa phương. Ngoài ra, các địa phương còn tự huy động thêm vốn để đầu tư bổ sung bằng khoảng 30 - 50% vốn đầu tư của ngân sách.

Trong thời kỳ 5 năm 1986 - 1990, vốn đầu tư cho công nghiệp vẫn chiếm trên dưới 45% vốn đầu tư vào khu vực sản xuất vật chất. Các ngành, các địa phương đã thu gọn các công trình xây dựng mới, chuyển hướng đầu tư theo chiều sâu các cơ sở cũ, đồng thời tập trung vốn cho các công trình quan trọng nhất và bảo đảm tiến độ thi công các công trình trọng điểm.

Sản xuất hàng tiêu dùng được tiến hành với tinh thần là một chương trình trọng điểm của sản xuất công nghiệp. Giá trị sản lượng công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng năm 1990 tăng khoảng 60% so với năm 1985. Giá trị xuất khẩu năm 1990, bằng 150% năm 1985. Công nghiệp nặng vẫn được tiếp tục phát triển để phục vụ cho ba chương trình kinh tế. Đến năm 1990, công suất lắp đặt điện 3.000 MW. Sản lượng điện đạt trên 8 tỷ kWh. Từ năm 1988, ngành công nghiệp dầu khí bắt đầu khai thác những tấn dầu đầu tiên; từ 1988 - 1990, sản lượng dầu thô đạt 4,5 triệu tấn, riêng năm 1990 đạt 2,6 triệu tấn.

Ngành Cơ khí và Điện tử được sắp xếp lại sản xuất, ưu tiên dành vật tư nguyên liệu cho các cơ sở sản xuất trọng điểm. Đến năm 1990, đã sản xuất được khoảng 3.000 máy kéo nhỏ, 4.000 máy nông nghiệp, 30.000 động cơ điện và điezel, 1.000 máy biến áp, 4.500 bơm thuỷ lợi, 1.500 máy cắt gọt kim loại, 1.000 máy xay xát, 150 toa xe, 3.000 tấn phụ tùng ô tô, máy kéo, 50.000 máy thu hình, 150.000 rađiô.

Đến năm 1990, ngành Luyện kim sản xuất khoảng 90.000 tấn thép cán và 600 tấn thiếc thỏi. Ngành Hoá chất sản xuất khoảng 600 nghìn tấn phân lân, 2 - 3 vạn tấn phân đạm urê, 360 nghìn tấn apatit, 10.000 tấn xút, 20 triệu lốp và săm xe đạp...

1.2. Đổi mới toàn diện trong tổ chức và quản lý công nghiệp quốc doanh

Điều chỉnh cơ cấu, trong đó có cơ cấu ngành công nghiệp. Trong điều chỉnh cơ cấu kinh tế, bên cạnh việc coi trọng công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn, phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, nội dung của công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong thời kỳ này đã đề ra chủ trương xây dựng có chọn lọc

THÁNG 10/1995, BA BỘ: CÔNG NGHIỆP NẶNG, NĂNG LƯỢNG, CÔNG NGHIỆP NHẸ HỢP NHẤT THÀNH BỘ CÔNG NGHIỆP.

một số cơ sở công nghiệp nặng trọng yếu và hết sức cần thiết, mà ta có điều kiện về vốn, công nghệ và thị trường như: năng lượng, nhiên liệu, vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến, công nghiệp đóng và sửa chữa tầu thuỷ, luyện kim, hoá chất.

Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, các Bộ đã dần dần giao quyền tự chủ cho các xí nghiệp về quản lý sản xuất kinh doanh cũng như công tác tổ chức cán bộ. Tháng 10/1995, ba bộ: Công nghiệp nặng, Năng lượng, Công nghiệp nhẹ hợp nhất thành Bộ Công nghiệp. Bộ Công nghiệp bước đầu đã xác định lại chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, sắp xếp lại bộ máy gọn nhẹ, chủ yếu Bộ làm chức năng quản lý nhà nước. Các xí nghiệp cũng đã giảm bớt những tổ chức không cần thiết, cắt bỏ các khâu trung gian, sắp xếp lại lao động, làm cho dây chuyền sản xuất được đồng bộ ổn định, bảo đảm có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao.

Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh thăm và làm việc với Công ty Gang thép Thái Nguyên (2005)

1.3. Đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước trong công nghiệp

Đổi mới xí nghiệp quốc doanh (sau này gọi là doanh nghiệp nhà nước) là một trong những nội dung quan trọng của quá trình đổi mới kinh tế được thực hiện từng bước với các biện pháp thích hợp.

- Từng bước mở rộng quyền tự chủ cho doanh nghiệp nhà nước đi đôi với xoá bỏ dần cơ chế bao cấp của Nhà nước về tài chính, cung ứng và bao cấp giá vật tư, định giá với hầu hết các sản phẩm do doanh nghiệp nhà nước sản xuất và tiêu thụ (trong các năm 1987-1990). chính sách thu quốc doanh cũng bị bãi bỏ, thay bằng chính sách thuế (Nghị định 388/HĐBT tháng 11 năm 1991).
- Sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước theo hướng giải thể các doanh nghiệp nhà nước

Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng để phát triển kinh tế. (Nguồn: Báo Điện tử Đảng CSVN).

hoạt động kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài, sáp nhập các doanh nghiệp nhà nước có liên quan với nhau về sản xuất và thị trường. Trong đó, Nhà nước bổ nhiệm hội đồng quản trị để điều hành và chịu trách nhiệm trước Nhà nước về kết quả hoạt động của tổng công ty.

- Chuyển sang các hình thức sở hữu khác, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước bắt đầu được thực hiện thí điểm từ năm 1992. Tuy nhiên, tới năm 1996 mới có 10 doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hoá. Từ năm 1998, khi Nghị định 44/CP được ban hành đến nay, Nhà nước đã thực hiện nhiều biện pháp thúc đẩy nhanh hơn tiến trình cổ phần hoá. Từ năm 2000, Nhà nước áp dụng các biện pháp chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước sang các hình thức sở hữu và kinh doanh khác như: Giao, bán, khoán, cho thuê, kể cả sáp nhập và giải thể đối với các doanh nghiệp nhà nước qui mô nhỏ. Trong quá trình này, số lượng doanh nghiệp nhà nước nói chung (bao gồm cả doanh nghiệp nhà nước ngoài công nghiệp) đã có nhiều biến đổi từ 12.000 cơ sở những năm đầu thập kỷ 90 xuống còn 6.000 cơ sở vào cuối thập kỷ 90. Việc duy trì một số lượng các doanh nghiệp nhà nước mà chủ yếu trong công nghiệp - xây dựng còn quá lớn, cồng kềnh và kém hiệu quả đã là nguyên nhân làm giảm hiệu quả, sức cạnh tranh của cả nền kinh tế, trong khi áp lực hội nhập và khoảng cách tụt hậu đang ngày càng gia tăng.

Nhộn nhịp ở làng nghề đan lát Phước Tuy

Vì thế, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước vẫn tiếp tục được nghiên cứu và thực hiện theo hướng đa dạng hoá sở hữu, hoàn thiện thể chế kinh tế và quản lý, làm cho doanh nghiệp nhà nước có quyền tự chủ thực sự, trở thành các thực thể kinh tế có tư cách pháp nhân độc lập trong thị trường, tự chịu trách nhiệm về lỗ, lãi, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước.

1.4. Phát triển kinh tế cá thể, tư nhân và hợp tác xã trong công nghiệp

Trước Đổi mới, khu vực kinh tế tư nhân, cá thể vẫn tồn tại ở nước ta, tuy nhiên chiếm tỷ trọng nhiều hơn cả là trong lĩnh vực thương nghiệp - dịch vụ và nông nghiệp, nhưng do chủ trương hạn chế và cải tạo, mà khu vực này gặp nhiều khó khăn và không có điều kiện phát triển. Hiện nay, thành phần kinh tế tư nhân, cá thể ngày càng được phát triển mạnh, nhất là kể từ khi có Luật Doanh nghiệp mới có hiệu lực từ năm 2000. Điều này khiến cho hàng ngàn doanh nghiệp ngoài quốc doanh ra đời mỗi năm, đồng thời cũng gián tiếp thúc đẩy khu vực kinh tế hộ cá thể

cùng phát triển. Nhờ thế, tỷ trọng khu vực công nghiệp ngoài quốc doanh tăng liên tục kể từ năm 2000. Ngoài đáp ứng nhu cầu đa dạng của sản xuất và đời sống dân sinh trong nước, khu vực này còn tham gia tích cực sản xuất hàng xuất khẩu ngày càng tăng với các sản phẩm chủ yếu: đồ gỗ mỹ nghệ, gốm sứ mỹ nghệ, chiếu cói, may mặc, giầy dép... Nhiều sản phẩm khu vực ngoài quốc doanh sản xuất chiếm tỷ trọng trên 50%, thậm chí trên 90% hoặc gần như 100%.

Kinh tế hợp tác cũng là bộ phận thuộc khu vực ngoài quốc doanh, chủ yếu tồn tại dưới hình thức tổ hợp tác, hợp tác xã được hình thành trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với những người sản xuất nhỏ, cá thể trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Trong thời kỳ đổi mới, đa phần các cơ sở kinh tế hợp tác chuyển đổi theo các hướng sau:

- Giải thể các tổ hợp, tập đoàn sản xuất hoặc các hợp tác xã làm ăn yếu kém, thua lỗ kéo dài;
- Giao khoán hoặc nhượng, bán tư liệu sản xuất lại cho tập thể xã viên để họ trực tiếp quản lý sản xuất kinh doanh theo hộ gia đình;
- Chuyển các hợp tác xã còn hoạt động kinh doanh thành các hình thức hợp tác xã cổ phần hoạt động theo Luật Hợp tác xã mới (ban hành năm 1997).

Khu CN Yên Phong - Bắc Ninh

1.5. Thúc đẩy, khuyến khích phát triển khu vực có vốn đầu tư nước ngoài trong công nghiệp.

Đây là khu vực ra đời gắn với quá trình Đổi mới và mở cửa nền kinh tế. Năm 1987, Quốc hội thông qua Luật Đầu tư nước ngoài. Sau đó, Luật này được tiếp tục sửa đổi và bổ sung nhiều lần để tăng tính hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài. Những chủ trương, chính sách trên nhằm thu hút đầu tư của nước ngoài, kết hợp phát huy tốt các nguồn nội lực với các nguồn lực bên ngoài vào phát triển kinh tế đất nước trong thời kỳ mới.

Theo đó, các xí nghiệp liên doanh (chủ yếu là giữa doanh nghiệp nhà nước với các công ty nước ngoài) phát triển ở Việt Nam dưới nhiều dạng khác nhau như doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp hợp đồng hợp tác kinh doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài. Riêng trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp vào năm 2000 đã có

Việt Nam có tiềm năng về xuất khẩu nông sản

1.063 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và 2.787 doanh nghiệp hỗn hợp. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã chiếm tỷ trọng đáng kể (36,4%) ngang với khu vực doanh nghiệp nhà nước trong công nghiệp. Các doanh nghiệp này đang chiếm giữ vị trí cao về số lượng cũng như chất lượng sản phẩm và kim ngạch xuất khẩu.

Phần lớn các ngành có công nghệ cao đều do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm giữ như: Khai thác dầu khí, lắp ráp ô tô, xe máy, công nghiệp điện tử, thiết bị văn phòng, máy tính...

2. ĐỔI MỚI TRONG LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI

2.1. Xuất, nhập khẩu

Trong thời kỳ thực hiện cơ chế tập trung, bao cấp, ngoại thương hoàn toàn do Nhà nước độc quyền, mọi hoạt động xuất nhập khẩu đều do các công ty nhà nước thực hiện. Thực hiện đường lối đổi mới, hoạt động thương mại dần dần được mở rộng sang các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, tiến tới tự do hoá xuất nhập khẩu.

Tháng 6/1988, Hội đồng Nhà nước quyết định thành lập Bộ Kinh tế đối ngoại, trên cơ sở sáp nhập Bộ Ngoại thương và Ủy ban Kinh tế đối ngoại. Tháng 6/1990, Bộ Thương nghiệp được thành lập trên cơ sở sáp nhập Bộ Nội thương, Bộ Kinh tế đối ngoại và Bộ Vật tư. Đến tháng 8/1990, Bộ Thương nghiệp đổi tên thành Bộ Thương mại và Du lịch, và đến tháng 9/1992 đổi tên thành Bộ Thương mại.

Các chính sách và biện pháp khuyến khích xuất khẩu được thực hiện trong giai đoạn đầu của Đổi

QUA 20 NĂM THỰC HIỆN ĐỔI MỚI, NHỮNG THAY ĐỔI CƠ BẢN TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU ĐÃ GÓP PHẦN TĂNG NHANH KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU, TẠO RA CHUYỂN DỊCH THỊ TRƯỜNG THEO HƯỚNG ĐA PHƯƠNG HÓA, PHỤC VỤ TỐT CHO PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, ĐÁP ỨNG NHU CẦU CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG, MỞ RỘNG QUAN HỆ THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ.

Gạo là mặt hàng xuất khẩu quan trọng của Việt Nam.

mới, đã có tác dụng tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu, thu hẹp khoảng cách giữa kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu (đưa tỷ lệ 1 xuất khẩu, 3 nhập khẩu năm 1986, xuống còn 1 xuất khẩu, 1,3 nhập khẩu năm 1989).

Thời kỳ này, kim ngạch xuất khẩu có bước tăng trưởng đáng kể, thu hẹp dần khoảng cách xuất - nhập, quan hệ kinh tế với nước ngoài được mở rộng, hình thành thị trường thống nhất trong cả nước gắn với thị trường thế giới; từ chỗ phải bù lỗ, ngân sách nhà nước đã có khoản thu đáng kể từ thuế xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu quan trọng đạt được, cơ chế chính sách thương mại đã bắt đầu bộc lộ những hạn chế, đòi hỏi phải có những điều chỉnh thích hợp.

Ngày 10/5/1997, Quốc hội khoá IX đã thông qua Luật Thương mại; ngày 23/5/1997, Chủ tịch nước ký Lệnh số 58L/CTN công bố ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1998. Tiếp đó, Chính phủ đã ban hành một loạt các nghị định gồm: Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua, bán hàng hóa với nước ngoài, Nghị định số 44/2001/NĐ-CP ngày 02/8/2001 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 57/1998/NĐ-CP và Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 04/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thời kỳ 2001 - 2005; tiếp đó, Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg đã điều chỉnh lại danh mục hàng hoá cấm xuất, cấm nhập cho phù hợp hơn, loại bỏ ngay một số hàng nhập khẩu ra ngoài danh mục hàng nhập khẩu có giấy phép, xác định lộ trình loại bỏ giấy phép đối với các mặt hàng nhập khẩu thời kỳ 2001 - 2005. Xoá bỏ hạn ngạch và đầu mối xuất khẩu gạo, nhập khẩu phân bón, nhập khẩu rượu, xác định các nguyên tắc quản lý hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo quản lý chuyên ngành.

Qua 20 năm thực hiện Đổi mới, từ những thay đổi cơ bản trong quản lý nhà nước đối với lĩnh vực xuất nhập khẩu đã góp phần thúc đẩy tăng nhanh kim ngạch xuất nhập khẩu mở rộng và đa phương hóa thị trường, phục vụ tốt cho phát triển sản xuất, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, mở rộng quan hệ thương mại và đầu tư.

Những thành tựu chủ yếu trong xuất nhập khẩu thời kỳ 20 năm Đổi mới:

- Xoá bỏ được cơ chế kế hoạch hoá tập trung bao cấp, xây dựng môi trường pháp lý cho hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu vận hành theo cơ chế thị trường, góp phần khơi dậy được mọi tiềm năng, sức sáng tạo, tính chủ động của các đơn vị kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế để phát triển xuất khẩu.

- Từ chỗ hàng năm, Nhà nước phải bù lỗ lớn cho hoạt động xuất, nhập khẩu thì ngân sách nhà nước đã có nguồn thu đáng kể từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.
- Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu cũng đã góp phần đáng kể vào việc giải quyết khủng hoảng kinh tế, kiềm chế và đẩy lùi lạm phát, đặc biệc khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu tan rã, nguồn thiết bị, nguyên vật liệu quan trọng, hàng tiêu dùng thiết yếu chủ yếu nhập khẩu bằng vay nợ và viện trợ không còn.
- Từ chỗ chỉ được xuất khẩu, nhập khẩu những hàng hoá được Bộ Thương mại cho phép, đến nay, thương nhân được xuất khẩu, nhập khẩu tất cả các loại hàng hóa, trừ hàng cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và hàng xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện, chỉ phải làm thủ tục tại hải quan cửa khẩu.

NGÀNH CÔNG THƯƠNG

- Từ chỗ chỉ được trực tiếp kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu theo Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu của Bộ Thương mại, đến nay, thương nhân thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập theo qui định của luật pháp đều được trực tiếp kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.
- Hoạt động xuất, nhập khẩu đã thúc đẩy xuất khẩu tăng nhanh, trang trải nhu cầu nhập khẩu thiết bị, vật tư; nguyên nhiên liệu, hàng tiêu dùng cho phát triển kinh tế và từng bước cải thiện đời sống nhân dân.
- Số thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu trực tiếp tăng nhanh, với hơn 35,7 ngàn doanh nghiệp, gấp gần 1.000 lần năm 1986.
- Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2005 bằng gần 40 lần năm 1986. Tổng kim ngạch nhập khẩu năm 2005 bằng 23 lần năm 1986. Năm 1986, nhập siêu ở mức 300%, trong 5 năm 2000 - 2005 được khống chế ở mức dưới 20% kim ngạch xuất khẩu. Thị trường xuất khẩu được mở rộng vượt bậc, từ chỗ chủ yếu trong nội bộ khối xã hội chủ nghĩa (trước năm 1986), đến năm 2005, hàng hoá nước ta đã vươn tới hầu hết các vùng, lãnh thổ trên thế giới.

Thị trường nội địa làm "đòn bẩy" giúp doanh nghiệp phát triển. (Nguồn: Báo Lao động).

2.2. Thương mại nội địa

Thương mại nội địa có vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nhận thức rõ vị trí của thị trường nội địa trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương và quyết sách lớn để phát triển thị trường lành mạnh, đúng hướng. Sự thay đổi về quan điểm và chính sách kinh tế đã đem lại những tác động tích cực trên thị trường hàng hóa dịch vụ. Từ năm 1986, thị trường hàng hoá, dịch vụ nước ta có nhiều biến đổi lớn về chất và phát triển vượt bậc về lượng. Qua 20 năm đổi mới, có thể đánh giá khái quát những thành tựu của thương mại nội địa như sau:

- Về cơ bản đã xoá bỏ cơ chế lưu thông cũ, chuyển sang cơ chế lưu thông mới, khắc phục tình trạng "ngăn sông, cấm chợ", hình thành thị trường thống nhất khá ổn định và thông suốt trong cả nước.
- Hàng hoá, dịch vụ ngày càng phong phú, đa dạng về chủng loại, nâng cao về chất lượng, đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng.
- Kiềm chế được lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng tăng ở mức hợp lý đã tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội.
- Từng bước hình thành các kênh lưu thông của một số mặt hàng chủ yếu.
- Kết cấu hạ tầng thương mại ngày càng phát triển theo hướng văn minh, hiện đại.
- Đa dạng hoá các thành phần kinh tế tham gia thương mại nội địa, sự phát triển của khu vực kinh tế mạnh mẽ ngoài quốc doanh.
- Quản lý nhà nước về thương mại có sự đổi mới từ trung ương đến địa phương cả về tư duy, nội dung và phương pháp quản lý, môi trường pháp lý cho lưu thông hàng hoá, hoạt động của thương nhân.

2.3. Hội nhập kinh tế quốc tế

Trong 20 năm đầu của thời kỳ Đổi mới, đường lối, chủ trương hội nhập kinh tế của Đảng đã nhất quán và được triển khai tích cực, phù hợp với tình hình cụ thể của từng giai đoạn, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước.

Giai đoạn 1986 - 1991

Đại hội Đảng lần thứ VI năm 1986 đã đề ra đường lối Đổi mới và quyết tâm thực hiện chính sách đối ngoại theo hướng độc lập, tự chủ và rộng mở.

Giai đoạn 1991 - 1996

- Đại hội Đảng lần thứ VII xác định rõ chủ trương "độc lập tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại", với phương châm "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển", đánh dấu bước khởi đầu tiến trình hội nhập trong giai đoạn mới của nước ta.
- Nghị quyết Trung ương 3 (Khoá VII) về chính sách đối ngoại và kinh tế đối ngoại cụ thể hoá hơn nữa chính sách đối ngoại của Việt Nam, nhấn mạnh việc "phát huy những điểm đồng thuận, hạn chế những điểm bất đồng" và nêu rõ chủ trương mở rộng quan hệ với các tổ chức quốc tế.
- Năm 1992, Việt Nam khôi phục quan hệ bình thường vốn bị gián đoạn từ năm 1976 với Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB).
- Tháng 12/1994, Việt Nam chính thức nộp đơn xin gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).
- Tháng 7/1995, Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và chính thức tham gia Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA) từ 01/01/1996.

Giai đoạn 1996 - 2001

- Đại hội Đảng lần thứ VIII năm 1996 đề ra nhiệm vụ "đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế".
- Tháng 3/1996, Việt Nam đã tham gia sáng lập Diễn đàn Hợp tác Á - Châu (ASEM).
- Tháng 11/1998, Việt Nam được kết nạp vào Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC).

Giai đoạn 2001 - 2006

- Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đã khẳng định tính tất yếu của toàn cầu hoá, chỉ rõ ràng khả năng tận dụng những cơ hội mà hội nhập kinh tế quốc tế mang lại để tránh khỏi nguy cơ tụt hậu, thực hiện phương châm đối ngoại "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy với các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển".
- Nghị quyết 07-NQ/TW ngày 27/11/2001 của Bộ Chính trị nêu mục tiêu, quan điểm chỉ đạo của quá trình hội nhập. Nghị quyết cũng nêu rõ 9 nhiệm vụ liên quan tới các công tác tư tưởng, tuyên truyền, xây dựng chiến lược tổng thể với lộ trình cụ thể, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo lập đồng bộ cơ chế quản lý nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực, kết hợp hoạt động chính trị đối ngoại với kinh tế đối ngoại, gắn chủ trương hội nhập với nhiệm vụ củng cố an ninh quốc phòng, tích cực đàm phán gia nhập WTO.

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đã tiếp tục khẳng định "Hội nhập kinh tế quốc tế là yêu cầu khách quan, phải chủ động, có lộ trình phù hợp với bước đi thích hợp, vững chắc, không do dự chần chừ, nhưng cũng không được nóng vội, giản đơn".

Những thành tựu đạt được trong hội nhập kinh tế quốc tế

Từ những chủ trương, đường lối và lộ trình thích hợp, lĩnh vực hội nhập kinh tế quốc tế đã thu được nhiều thành quả đáng tự hào.

Khắc phục được tình trạng phân biệt đối xử, tạo dựng được thế và lực trong thương mại quốc tế

Hoạt động hợp tác kinh tế quốc tế của Việt Nam đã được triển khai một cách toàn diện trên nhiều lĩnh vực, tạo ra nhiều thuận lợi cho xuất, nhập khẩu của Việt Nam thông qua việc khai thác thông tin thị trường mới, mở rộng quan hệ buôn bán, trao đổi hàng hoá xuất khẩu. Việt Nam đã nhận được các ưu đãi thuế quan và phi thuế quan của các nước, góp phần đẩy nhanh kim ngạch xuất khẩu, tăng nguồn thu ngoại tệ, ổn định cán cân thanh toán và dự trữ ngoại tệ của đất nước, hạn chế ảnh hưởng của sự biến động tài chính - tiền tệ khu vực hồi cuối những năm 90 của thế kỷ trước.

3.2. Mở rộng thị trường, thu hút đầu tư

Đến năm 2006, thị trường xuất khẩu của Việt Nam đã được mở rộng đến 220 nước và vùng lãnh thổ. Việt Nam từ chỗ lệ thuộc hoàn toàn vào khu vực thị trường Đông Âu và Liên Xô (cũ), đến 2006, thị trường ngày càng mở rộng, từ ASEAN đến châu Á, châu Âu, châu Phi. Thị trường ngày càng được đa dạng hóa, kim ngạch xuất khẩu thời kỳ 2000-2006 đạt 19,3%, xếp vào mức cao nhất khu vực, chỉ sau Trung Quốc. Nếu năm 2000, tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam chỉ đạt xấp xỉ 14,5 tỷ USD thì đến năm 2006 đã đạt 39,6 tỷ USD, đứng thứ 6/11 nước khu vực Đông Nam Á, 39/165 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới.

"HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ LÀ YÊU CẦU KHÁCH QUAN, PHẢI CHỦ ĐỘNG, CÓ LỘ TRÌNH PHÙ HỢP VỚI BƯỚC ĐI THÍCH HỢP, VỮNG CHẮC, KHÔNG DO DỰ CHẦN CHỪ, NHƯNG CŨNG KHÔNG ĐƯỢC NÓNG VỘI, GIẢN ĐƠN".

Về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, tính đến hết năm 2006, Việt Nam thu hút được hơn 700 dự án đầu tư cấp phép mới, với tổng số vốn đạt gần 7 tỷ USD.

Nâng cao vị thế của đất nước, đảm bảo an ninh quốc phòng

Những thành tựu cơ bản đạt được trên lĩnh vực kinh tế đã củng cố vị thế của đất nước về chính trị và ngoại giao, làm thất bại chính sách bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch, tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việt Nam được các tổ chức quốc tế và các nước đánh giá cao, tôn trọng đường lối phát triển đất nước độc lập tự chủ. Chúng ta không ngừng thiết lập, củng cố và bình thường hoá quan hệ đối ngoại với nhiều quốc gia, khu vực thị trường quan trọng. Trong đó phải kể tới những dấu mốc quan trọng trong tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, đó là: Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ năm 1996; ký kết Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ vào ngày 13/7/2000 và gia nhập WTO.

Tiếp thu trình độ quản lý và chuyển giao công nghệ

Tiếp thu những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật, công nghệ, kỹ thuật tiên tiến của thế giới, Việt Nam đã tạo ra một trình độ cao hơn về năng suất và chất lượng sản phẩm, đem lại nhiều công nghệ, dây chuyền sản xuất mới trong các lĩnh vực sản xuất quan trọng như hoá dầu, nhựa, điện tử và bán dẫn, sản xuất ô tô, điện lực...

Hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần nâng cao trình độ của lao động, tạo ra tư duy sản xuất - điều kiện mới, lấy chất lượng, hiệu quả làm thước đo, nâng cao năng lực cạnh tranh, giảm chi phí của hàng hoá, dịch vụ, tạo đà để đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thích ứng với quá trình phân công, chuyên môn hoá và hiện đại hoá đang diễn ra trên toàn cầu và khu vực.

“Xu hướng hợp tác và hội nhập của thế giới và tình hình trong nước đã đặt ra cho ngành Công Thương nhiều yêu cầu lớn và cấp bách, đòi hỏi phải nỗ lực giải quyết một cách căn bản, đảm bảo cho những bước phát triển bền vững.”

Công trình tiêu biểu lĩnh vực năng lượng thời kỳ 1986 – 2006

1. ĐƯỜNG DÂY 500KV BẮC - NAM

Đường dây 500 kV Bắc - Nam mạch 1 dài 1.487 km, được khởi công xây dựng tháng 4/1992 và hoàn thành đóng điện ngày 27/5/1994. 19 giờ 06 phút ngày 27/5/1994, tại Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia, Thủ tướng Võ Văn Kiệt ra lệnh hòa hệ thống điện miền Nam của 4 tổ máy Nhà máy Thủy điện Hòa Bình tại trạm Đà Nẵng qua đường dây 500 kV, kết nối hệ thống điện Bắc - Nam theo cả hai chiều.

Đường dây siêu cao áp 500kV đi vào hoạt động đã giúp nâng cao độ an toàn cung cấp điện và chất lượng điện cho hệ thống điện quốc gia.

Cùng với lưới tải điện truyền tải ngày càng được đầu tư với công nghệ và thiết bị hiện đại, đường dây 500 kV mạch 1 đang được Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia quản lý, vận hành theo hướng đạt trình độ tiên tiến trên thế giới trong lĩnh vực truyền tải điện.

Thủ tướng Võ Văn Kiệt trên công trường đường dây 500 kV (Ngày 03.11.1993)

Công nhân Công ty Truyền tải điện 2 làm vệ sinh sứ Hotline trên đường dây 500kV đang mang điện.

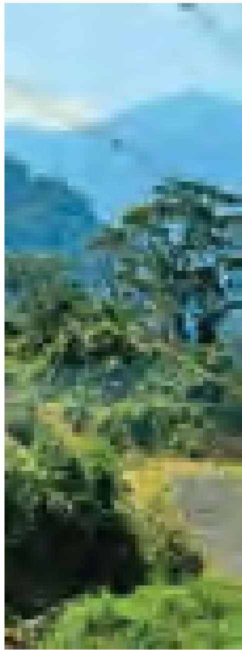

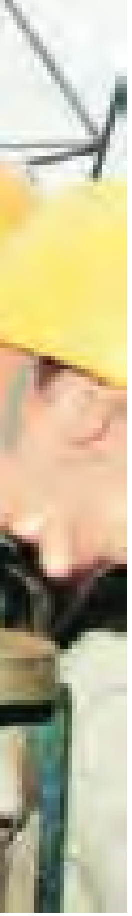

Công nhân Truyền tải điện Gia Lai (Công ty Truyền tải Điện 3) kiểm tra, vận hành trạm biến áp 500kV Pleiku.

Đường dây 500kV mạch 1 đi qua địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. THỦY ĐIỆN SƠN LA- CÔNG TRÌNH CỦA TRÍ TUỆ VÀ SỨC MẠNH

Nhà máy thủy điện Sơn La là công trình trọng điểm quốc gia, do Quốc hội giám sát. Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt đầu tư tại văn bản số 92/QĐ-TTg ngày 15/01/2004.

Nhà máy có công suất lắp máy 2.400 MW, với 6 tổ máy, khởi công xây dựng ngày 2 tháng 12 năm 2005. Sau 7 năm xây dựng, thủy điện Sơn La được khánh thành vào ngày 23 tháng 12 năm 2012, sớm hơn kế hoạch 3 năm, trở thành nhà máy thủy điện lớn nhất Việt Nam và cả khu vực Đông Nam Á tại thời điểm đó.

Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất

Khối lượng công việc thi công nhiều nhất

Dự án có khối lượng công việc đồ sộ nhất

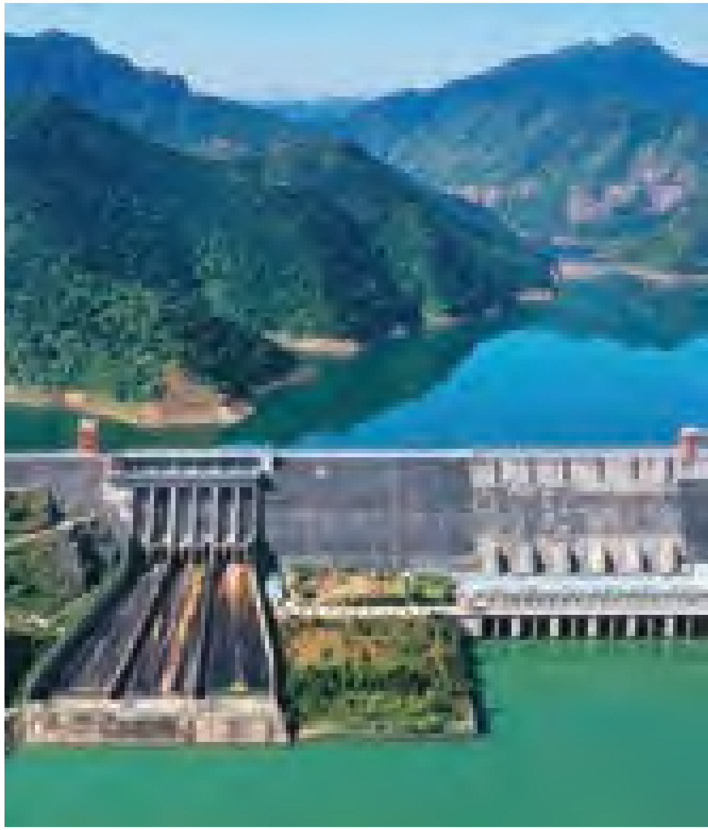

Công trình có tiến độ thi công "cán đích" nhanh nhất

Công trình có đội ngũ thi công đông đảo nhất

3. CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ MỎ BẠCH HỔ

Bạch Hổ - mỏ dầu chủ lực quyết định thành - bại của ngành dầu khí Việt Nam, được phát hiện từ trước 30-4-1975. Ngày 6-11-1984, Vietsovpetro hạ thủy chân đế giàn khoan cố định MSP-1 tại mỏ Bạch Hổ.

Mỏ Bạch Hổ, được khai thác những tấn dầu thô đầu tiên vào ngày 26/6/1986 tại giàn khoan cố định số 1 (MSP1), thuộc Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt - Xô.

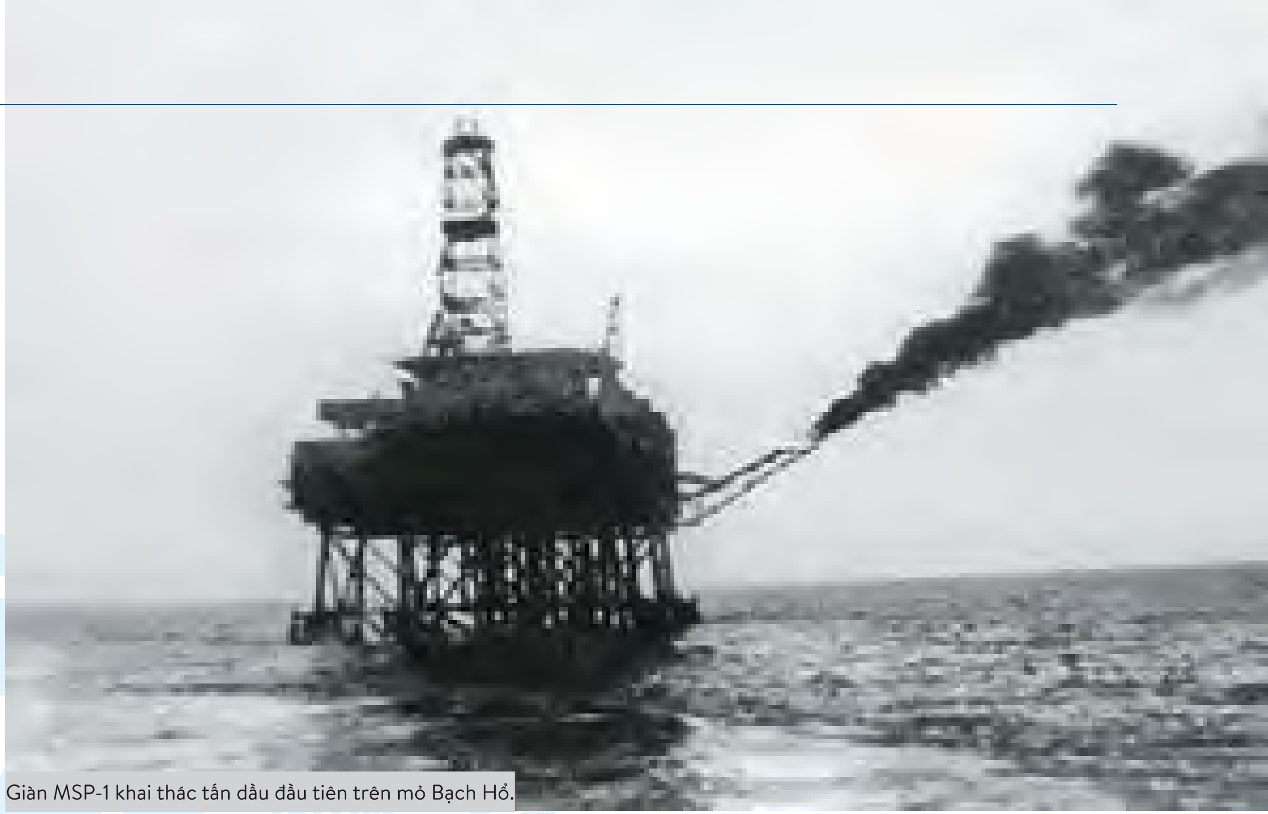

Giàn MSP-1 khai thác tấn dầu đầu tiên trên mỏ Bạch Hổ.

Giàn CNTT số 2 mỏ Bạch Hổ

Giàn CNTT số 2 mỏ Bạch Hổ

Quang cảnh Mỏ Bạch Hổ

Những dấu mốc quan trọng của ngành Công Thương trong hội nhập quốc tế Thời kỳ 1986 - 2006

Thủ tướng Phan Văn Khải và các nhà lãnh đạo ASEAN chụp ảnh chung tại Phiên bế mạc Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 6 diễn ra tại Hà Nội. (12-1998).

Thực hiện chủ trương, định hướng lớn mà Đảng và Chính phủ về hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã chủ động và tích vực tham gia vào các thiết chế kinh tế đa phương và khu vực, với các dấu mốc quan trọng:

1. Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ngày 28/7/1995

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời vào 8/8/1967 tại BangKok, với các quốc gia thành viên đầu tiên là Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Philippines và Singapore. Hiệp hội các

Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN)

quốc gia Đông Nam Á đã kết nạp hầu hết thành viên thuộc khu vực Đông Nam Á (trừ Đông timor) bao gồm: Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Mianma, Việt Nam, Brunei, Lào, Campuchia. Việt Nam gia nhập ASEAN năm 1995, đó là một quyết sách đúng đắn và kịp thời thể hiện khả năng nắm bắt được sự phát triển của xu thế toàn cầu hóa gắn với khu vực hóa.

2. Việt Nam là thành viên sáng lập và gia nhập Diễn đàn Kinh tế Á - Âu (ASEM)

Hội nghị thượng đỉnh Á - Âu (ASEM) là diễn đàn đối thoại và hợp tác không chính thức, được sáng lập vào năm 1996 theo sáng kiến của Singapore và Pháp và dưới sự ủng hộ tích cực của ASEAN. Đây là diễn đàn đối thoại phi chính

thức giữa các Nguyên thủ và Người đứng đầu Chính phủ của các nước thành viên ASEM. Việt Nam là một trong những nước thành viên sáng lập của ASEM. Trong những năm qua, hợp tác giữa Việt Nam và các nước thành viên ASEM trong nhiều lĩnh vực đã có những bước phát triển tích cực.

3. Việt Nam trở thành thành viên của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC)

Ngày 14/11/1998, Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC). Sự kiện này là dấu mốc quan trọng trong quá trình triển khai chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước Việt Nam, tạo động lực cho tiến trình đổi mới và hội nhập của đất nước.

ASEM 5 năm 2004 được tổ chức tại Việt Nam

Phiên họp Hội nghị Bộ trưởng APEC lần thứ 10 tại Kuala Lumpur (Malaysia), ngày 14-11-1998. Tại phiên khai mạc hội nghị, Việt Nam, Nga, Peru đã được kết nạp vào APEC, đưa tổng số thành viên APEC lên 21

Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm cùng các Ngoại trưởng ASEAN trong cuộc họp kết nạp Việt Nam vào ASEAN tại Brunei, ngày 28-7-1995.

Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm ký văn kiện trong lễ kết nạp Việt Nam vào ASEAN năm 1995

Thủ tướng Phan Văn Khải và các Trưởng đoàn ký Tuyên bố Hà Nội, tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ VI, diễn ra ở Thủ đô Hà Nội trong 2 ngày 15-16.12.1998

Bộ trưởng Thương mại Vũ Khoan và Đại diện thương mại Hoa Kỳ Charlene Barshefsky ký Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, ngày 13-7-2000, tại Thủ đô Washington D.C.
(Nguồn TTXVN)

Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ Warren Christopher và Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm ký Nghị định thư, chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam-Hoa Kỳ (Ngày 5-8-1995)

Bộ trưởng Bộ Thương mại Vũ Khoan (trái) và Đại diện Thương mại Hoa Kỳ Robert Zoellick ký Hiệp định Thương mại song phương (12-2001)

4. Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ (BTA)

Ngày 13/7/2000, tại Washington, Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam – Hoa Kỳ (BTA) được ký kết. Đây là sự kiện quan trong đánh dấu quá trình bình thường hoá quan hệ chính thức giữa Việt Nam và Hoa Kỳ đã được thực hiện đầy đủ hơn. Hiệp định được thực thi sẽ mở rộng quan hệ thương mại, đầu tư và hợp tác kinh tế vì lợi ích của cả hai nước, góp phần thúc đẩy hơn nữa quan hệ song phương, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân hai nước, đóng góp vào hoà bình, ổn định và phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Bộ trưởng Thương Mại Vũ Khoan và bà C. Barshefsky - Đại diện Thương mại Hoa Kỳ tại lễ ký BTA ngày (7-2000)

VIII. Ngành Công Thương giai đoạn 2007 - 2015

NGÀNH CÔNG THƯƠNG
70 NĂM
14/5/1951 - 14/5/2021

"Là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới, Việt Nam chủ động và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng; kim ngạch và quy mô xuất, nhập khẩu tăng trưởng mạnh mẽ; Thương mại nội địa phát triển nhanh với cơ cấu và diện mạo mới; Sản xuất công nghiệp chuyển biến nhanh tạo nền tảng cho CNH, HĐH đất nước."

NGÀY 27/12/2007, CHÍNH PHỦ BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ 189/2007/NĐ-CP THÀNH LẬP BỘ CÔNG THƯƠNG TRÊN CƠ SỞ HỢP NHẤT BỘ CÔNG NGHIỆP VÀ BỘ THƯƠNG MẠI.

Ngày 27/12/2007, Chính phủ ban hành Nghị định số 189/2007/NĐ-CP thành lập Bộ Công Thương trên cơ sở hợp nhất Bộ Công nghiệp và Bộ Thương mại. Quyết định quan trọng này đã tạo cơ sở cho sự chỉ đạo tập trung, thống nhất và đồng bộ các hoạt động từ sản xuất cho đến phân phối, lưu thông hàng hóa trên thị trường trong nước và xuất khẩu, góp phần làm cho nền kinh tế vận hành một cách nhịp nhàng, hiệu quả. Điểm nổi bật của nền kinh tế nói chung và ngành Công Thương nói riêng giai đoạn này được ghi nhận toàn diện trên các lĩnh vực: Sản xuất công nghiệp, xuất nhập khẩu, thương mại nội địa và hội nhập quốc tế về kinh tế.

1. HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ KINH TẾ

Đến giai đoạn này, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với hơn 170 quốc gia trên thế giới; quan hệ thương mại, xuất khẩu hàng hoá tới hơn 230 thị trường; ký kết trên 90 hiệp định thương mại song phương, gần 60 hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, 54 hiệp định chống đánh thuế hai lần và nhiều hiệp định hợp tác về văn hoá với các nước và các tổ chức quốc tế.

Việt Nam đã thiết lập quan hệ với các nước lớn, trong đó có 5 nước Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (P5), các nước trong nhóm G8; nâng quan hệ đối tác chiến lược với Trung Quốc trở thành đối tác chiến lược toàn diện, gia tăng nội hàm của quan hệ đối tác chiến lược với Liên bang Nga, thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc, Anh,

Tổng Giám đốc WTO Pascal Lamy trao các văn kiện kết nạp Việt Nam vào WTO cho Bộ trưởng Bộ Thương mại Trương Đình Tuyển với sự chứng kiến của Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm (11-2006)

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc chủ trì Hội thảo đánh giá tác động đối với Việt Nam sau 2 năm gia nhập WTO (2009)-Ảnh Chinhphu.vn

Việt Nam đăng cai tổ chức Hội nghị Cấp cao ASEAN 16 và 17 tại thủ đô Hà Nội trong năm làm chủ tịch 2010

Tây Ban Nha. Số lượng các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài cũng tăng (91 cơ quan) với 65 đại sứ quán, 20 tổng lãnh sự quán, 4 phái đoàn thường trực bên cạnh các tổ chức quốc tế, 01 văn phòng kinh tế văn hóa. Bên cạnh đó, chúng ta có mối quan hệ tích cực với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế như Ngân hàng Phát triển châu Á, Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Ngân hàng Thế giới.

Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam được đẩy mạnh và đưa lên một tầm cao hơn bằng việc tham gia các tổ chức kinh tế, thương mại khu vực và thế giới, ký kết các hiệp định hợp tác kinh tế đa phương.

Một trong những dấu ấn quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế là khi chúng ta chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào ngày 11 tháng 01 năm 2007 sau 11 năm đàm phán. Sự kiện này mở đầu cho giai đoạn hội nhập sâu rộng của Việt Nam vào nền kinh tế thế giới. Để gia nhập WTO, Việt Nam đã tiến hành cải cách chính sách thương mại theo hướng minh bạch và tự do hơn, thể hiện ở các cam kết đa phương và cam kết mở cửa thị trường. Trong suốt quá trình thực thi, Việt Nam luôn tuân thủ nghiêm túc các cam kết trong WTO, thể hiện sự quyết tâm hội nhập rất lớn của nước ta.

Trong giai đoạn 2007 - 2015, thế giới chứng kiến sự gia tăng nhanh chóng các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA). Để thiết lập các khu vực thương mại tự do phù hợp với xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế của thế giới và khu vực, tiến trình đàm phán và ký kết các FTA của Việt Nam đã được khởi động và triển khai cùng với tiến trình gia nhập các tổ chức quốc tế và khu vực. Đến hết năm 2015, Việt Nam đã tham gia thiết lập FTA với 15 nước trong khung khổ của 6 FTA khu vực, bao gồm:

- Khu vực Thương mại tự do ASEAN (AFTA) được thiết lập bởi Hiệp định Ưu đãi Thuế quan có hiệu lực chung từ năm 1996, mở rộng sang lĩnh vực đầu tư bởi Hiệp định Khu vực Đầu tư ASEAN (AIA) từ

Chủ tịch nước Trương Tấn Sang và Tổng thống Chilê Sebastian Pinera Echenique sau lễ ký Hiệp định Thương mại Tự do giữa Chính phủ hai nước vào tháng 11-2011

Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và các trưởng đoàn chụp ảnh chung tại Hội nghị cấp cao Đông Á lần thứ 6, ngày 19-11-2011 tại Bali, Indonesia

năm 1998, sau đó được thay thế bằng Hiệp định Đầu tư Toàn diện ASEAN (ACIA, năm 2009).

- Khu vực Thương mại Tự do ASEAN - Trung Quốc được thiết lập bởi Hiệp định khung về Hợp tác Kinh tế Quốc tế ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) năm 2002 và Hiệp định Thương mại Hàng hoá ASEAN - Trung Quốc (ACTIG) năm 2004, thực hiện từ 01/7/2005; riêng Việt Nam còn được điều chỉnh bởi Biên bản ghi nhớ Việt Nam - Trung Quốc (tháng 7/2005).

- Khu vực Thương mại Tự do ASEAN - Hàn Quốc được thiết lập bởi Hiệp định Hàng hoá ASEAN - Hàn Quốc (AKTIG) ký tháng 8 năm 2006, thực hiện từ 01/6/2007.

- Khu vực Thương mại Tự do ASEAN - Nhật Bản được thiết lập bởi Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP) ký kết năm 2003, thực hiện từ năm 2008, riêng Việt Nam còn được điều chỉnh bởi Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA) năm 2008; thực hiện từ 01/01/2009.

- Khu vực Thương mại Tự do ASEAN - Úc và New Zealand được thiết lập bởi Hiệp định Thương mại Tự do và Quan hệ kinh tế thân thiện toàn diện ASEAN - Úc và New Zealand (AANZCERFTA), ký kết tháng 02/2009, thực hiện từ 01/01/2010.

- Khu vực Thương mại Tự do ASEAN - Ấn Độ bước đầu hình thành và thiết lập bởi Hiệp định khung về Hợp tác Kinh tế toàn diện ASEAN - Ấn Độ (AICECA) ký năm 2003 và Hiệp định Thương mại hàng hoá ASEAN - Ấn Độ (AITIG) ký kết năm 2009, thực hiện từ 01/6/2010.

Ngoài việc ký kết và tham gia các hiệp định thương mại tự do với tư cách là thành viên

ASEAN, Việt Nam ký kết với tư cách một bên độc lập với Nhật Bản (VJEPA), kí chính thức năm 2008). Đây là một trong những nền tảng để Việt Nam tiếp tục tích cực tham gia đàm phán và kí kết các hiệp định thương mại mới trong những năm tiếp theo.

Trong giai đoạn 2011- 2015, Việt Nam tiếp tục đàm phán và kí kết Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Chile (kí ngày 11/11/2011), Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA, kí ngày 05/5/2015), Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh kinh tế Á - Âu (VEEUFTA, kí ngày 29/05/2015). Tính đến cuối năm 2015, chúng ta đã ký Hiệp định Thương mại Tự do với 55 nền kinh tế, trong đó có 17/20 đối tác của G20 và 7/7 đối tác của G7...

Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng dự Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 26 tại Malaysia (2015)

Nguyên thủ các nước dự hội nghị ASEM 9 tại Viêng Chăn chụp ảnh trước giờ khai mạc ngày 05.11.2012

2. THƯƠNG MẠI

2.1. Xuất nhập khẩu

Trong hai năm đầu sau khi gia nhập WTO (2007 và 2008), xuất khẩu của Việt Nam tăng trưởng mạnh. Năm 2007, kim ngạch xuất khẩu đạt 48,6 tỷ USD, tăng 21,9% so với năm 2006. Năm 2008, kim ngạch xuất khẩu đạt 62,7 tỷ USD, tăng tới 29,1% so với năm 2007. Năm 2009, do tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 57,1 tỷ USD, giảm 8,9% so với năm 2008, nhưng vẫn cao hơn mức kim ngạch xuất khẩu năm 2006 là 45,8%. Năm 2010, kim ngạch xuất khẩu lại tiếp tục tăng trưởng, ước đạt 71,6 tỷ USD, tăng 25,5% so với năm 2009.

Một tác động gián tiếp của WTO là sự thay đổi tích cực trong cơ cấu xuất khẩu với việc chuyển dịch dần từ sản phẩm thô (dầu mỏ, than đá, cao su, gạo) sang sản phẩm công nghiệp chế biến, kể cả sản phẩm có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao hơn. Điều đó chứng tỏ Việt Nam bước đầu đã ít nhiều phát huy được lợi thế động, bên cạnh việc tiếp tục tận dụng những lợi thế tĩnh vốn có của mình.

Tuy nhiên, hội nhập kinh tế quốc tế cũng làm xuất khẩu dễ bị tổn thương trước biến động từ bên ngoài như các cú sốc giá cả hay sự xuất hiện rào cản thương mại mới. Điều này một phần do chủng loại mặt hàng xuất khẩu còn nghèo nàn, tập trung vào một số ít hàng xuất khẩu chủ lực, thiếu đột phá, danh mục các mặt hàng xuất khẩu

chính gần như không có thay đổi. Tỷ trọng kim ngạch các mặt hàng quan trọng nhất trong xuất khẩu chỉ giảm từ 80,8% năm 2004 và 79,5% năm 2006 xuống 76,7%, 73,0% và 68,8% trong 3 năm tiếp theo.

Một tác động được dự đoán từ trước khi Việt Nam gia nhập WTO là sự gia tăng nhập khẩu và nhập siêu. Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm 2007 đạt 62,8 tỷ USD (giá CIF), tăng 39,8% so với năm 2006; nhập siêu 14,2 tỷ USD. Nhập khẩu và nhập siêu năm 2008 tương ứng là 80,7 tỷ USD và 18,0 tỷ USD. Nhập khẩu nguyên liệu sản xuất trong các tháng cuối năm 2008 giảm mạnh còn do suy thoái kinh tế thế giới đã có ảnh hưởng tiêu cực đến đầu tư và sản xuất ở Việt Nam cũng như giá cả hàng hóa trên thị trường thế giới.

Bước sang giai đoạn 2011 - 2015, kim ngạch xuất khẩu bình quân tăng trưởng khá, tăng khoảng 17,6%/năm, cao hơn giai đoạn 2006 - 2010 (tăng 17,3%) và cao hơn mức đề ra tại Chiến lược xuất nhập khẩu của Việt Nam đến năm 2020 (tăng từ 12 - 14%), cao hơn mục tiêu của Nghị quyết Đại hội X (tăng 12%). Cơ cấu xuất khẩu có những chuyển biến tích cực theo hướng giảm hàm lượng xuất khẩu thô, tăng mạnh xuất khẩu sản phẩm chế biến, sản phẩm công nghiệp.

Thị trường xuất khẩu ngày càng được mở rộng và đa dạng, nhiều sản phẩm đã dần có chỗ đứng và khả năng cạnh tranh trên nhiều thị trường có yêu cầu cao về chất lượng như EU, Nhật Bản, Hoa Kỳ... Cơ cấu thị trường xuất khẩu chuyển dịch theo hướng giảm dần xuất khẩu sang thị trường châu Á, tăng dần xuất khẩu sang thị trường châu Âu và châu Mỹ.

Chế biến tôm đông lạnh xuất khẩu. (Ảnh: TTXVN)

Tốc độ tăng kim ngạch nhập khẩu giai đoạn này khoảng 14,3%, thấp hơn tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu (17,6%), nên kinh tế tiếp tục hướng vào xuất khẩu. Cơ cấu hàng hóa nhập khẩu chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần tỷ trọng nhóm hàng tiêu dùng và tăng dần tỷ trọng nhóm hàng tư liệu sản xuất. Nhập khẩu hàng hoá phục vụ tích cực cho hoạt động sản xuất, là nguồn cung cấp máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, cũng như nguyên, nhiên vật liệu cho các ngành sản xuất trong nước.

Chỉ tiêu nhập siêu trong giai đoạn 2011 - 2015 đạt và vượt mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội X đề ra

(theo mục tiêu, năm 2015 nhập siêu 12% và đến năm 2020 mới cân bằng cán cân thương mại). Nhập siêu giảm là một trong những tác nhân quan trọng giúp giảm áp lực tăng tỷ giá và cải thiện cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam.

2.2. Thương mại trong nước

Thương mại bán lẻ liên tục phát triển với tốc độ cao từ 20% đến 25%, qui mô, tổng mức bán lẻ hàng hoá dịch vụ đạt từ 750.000 - 800.000 tỷ đồng những năm 2006 - 2008, lên trên 1 triệu ngàn tỷ đồng năm 2010. Theo số liệu thống kê, lĩnh vực bán lẻ hàng hoá - dịch vụ đã đóng góp khoảng 15% GDP, doanh số bán lẻ bằng 60 - 70% GDP, góp phần tăng trưởng kinh tế trong những năm qua.

Không gian thị trường bán lẻ đã có sự thay đổi đáng kể, tổ chức thị trường được các địa phương chú trọng, các doanh nghiệp bán lẻ đã không ngừng mở rộng mạng lưới bán lẻ, hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện ích, trung tâm thương mại phát triển nhanh. Năm 2008, cả nước chỉ có 200 - 250 siêu thị, trung tâm thương mại, đến hết năm 2010 đã có gần 530 siêu thị, trung tâm thương mại. Chợ đầu mối bán buôn, hệ thống bán lẻ đã được xây dựng, với khoảng 8.500 -9.000 chợ các loại; phương thức kinh doanh hiện đại phát triển nhanh, có từ 20% đến 23% lượng hàng hoá lưu thông theo phương thức này, trong đó có nhiều doanh nghiệp bán lẻ lớn trong nước, đặc biệt là

Sản xuất thép cuộn xuất khẩu tại Công ty TNHH Thép JFE Shoji Hải Phòng. (Ảnh: TTXVN)

Dây chuyền sợi xuất khẩu tại Công ty TNHH Dệt Phú Thọ. (Ảnh: TTXVN)

Dây chuyền sản xuất các sản phẩm linh kiện điện tử tại Công ty TNHH 4P (Hưng Yên)

có sự góp mặt của các tập đoàn bán lẻ lớn của thế giới. Các cửa hàng bán lẻ phát triển nhanh và rộng khắp, bao quát các địa bàn dân cư.

Giai đoạn 2011 - 2015, thị trường trong nước giữ được mức tăng trưởng khá (bình quân tăng trưởng tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tăng khoảng 14%/năm). Đóng góp trong tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ chủ yếu là khu vực kinh tế ngoài nhà nước (chiếm trên 86%), sau đó là khu vực kinh tế nhà nước (khoảng 8,5%), còn lại là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (dưới 5%). So với các giai đoạn trước đó (từ 1996 - 2010), tỷ trọng đóng góp của các khu vực kinh tế trong tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ có dịch chuyển theo hướng giảm dần ở khu vực kinh tế nhà nước và tăng dần ở khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Ở các thành phố và đô thị, các hình thức bán lẻ hiện đại như siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng chuyên doanh phát triển mạnh. Thị trường nông thôn ngày càng được quan tâm, từng bước phát triển và mở rộng.

Thị trường trong nước giữ được tăng trưởng ổn định, cung - cầu các hàng hoá thiết yếu được đảm bảo. Nhiều hoạt động xúc tiến thương mại trong nước được triển khai cùng với việc thực hiện cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" đã từng bước góp phần tạo nên sự thay đổi trong nhận thức của người tiêu dùng về hàng Việt Nam.

Cơ chế chính sách điều hành chung thị trường trong nước, cũng như đối với các ngành hàng tiếp tục được điều chỉnh, hoàn thiện theo hướng tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, điều tiết theo quy luật thị trường có sự quản lý, định hướng của nhà nước.

Thương mại biên giới được quan tâm phát triển, thương mại qua biên giới đạt khoảng 20 tỷ USD/năm. Nhiều hoạt động xúc tiến thương mại phục vụ phát triển thương mại tại các khu vực biên giới, miền núi và hải đảo được tổ chức nhằm cung cấp các mặt hàng thiết yếu phục vụ đồng bào, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa cho khu vực biên giới đồng thời tuyên truyền về chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phổ biến kiến thức hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra chuyển biến về đời sống xã hội, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an ninh quốc phòng và môi trường sinh thái khu vực biên giới, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và hải đảo.

Cơ chế, chính sách về quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới cũng được rà soát, hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình mới.

3. CÔNG NGHIỆP

Từ giữa năm 2007, Bộ Công Thương được thành lập trên cơ sở hợp nhất Bộ Công nghiệp và Bộ Thương mại, cùng với nhiều tiền đề thuận lợi khi chúng ta kết thúc giai đoạn 20 năm Đổi mới với nhiều thành tựu đáng ghi nhận.

Với những nỗ lực, cố gắng vượt bậc của toàn ngành dưới sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Chính phủ trong thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, sự đồng lòng của người dân và cộng đồng doanh nghiệp, bức tranh toàn cảnh của ngành Công Thương đã có sự thay đổi rõ rệt, đặc biệt là sản xuất công nghiệp, trở thành ngành sản xuất và xuất khẩu chủ đạo với tốc độ tăng trưởng ở mức cao, một số ngành công nghiệp như điện, điện tử, công nghệ thông tin và viễn thông, chế tạo thiết bị năng lượng, dệt may, da giày, xây dựng công nghiệp... đã có những bước phát triển mạnh mẽ, góp phần tích cực trong giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng năng suất và nâng cao đời sống của nhân dân.

- Công nghiệp là ngành đóng góp ngày càng lớn trong phát triển kinh tế - xã hội. Bình quân, công nghiệp chiếm hơn 30% GDP của cả nước. Công nghiệp cũng là ngành đóng góp lớn nhất cho ngân sách nhà nước.

- Sản xuất công nghiệp liên tục tăng trưởng với tốc độ khá cao. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp tăng liên tục, giá trị gia tăng công nghiệp tăng bình quân khoảng 6,79%/năm.

- Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục khẳng định là điểm sáng của khu vực công nghiệp và là động lực chính của tăng trưởng với mức tăng các năm 2012 - 2015 từ 9,05% đến 10,6%, đóng góp đáng kể vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế và ngành Công Thương nói riêng.

- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp các năm 2012 - 2016 tăng lần lượt là 5,8%; 5,9%; 7,6%; 9,8%; 7,4%. Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng trưởng với tốc độ cao, phù hợp với định hướng tái cơ cấu mô hình tăng trưởng công nghiệp và của toàn ngành Công Thương.

- Cơ cấu các ngành công nghiệp có sự chuyển biến tích cực, tăng tỷ trọng của công nghiệp chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng của ngành khai

Cảng container Quốc tế Hải Phòng

khoáng, phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành. Tỷ trọng GDP của nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo bình quân giai đoạn 2011 - 2015 là 14,6%, nhóm ngành khai khoáng là 8,8%.

- Đã hình thành và phát triển được một số tập đoàn công nghiệp tư nhân trong nước có tiềm lực tốt hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo. Đây là những tín hiệu tốt cho thấy các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đã tạo được niềm tin và sự hứng khởi cho các doanh nghiệp tập trung đầu tư phát triển lớn, dài hạn trong các ngành công nghiệp trọng điểm của đất nước.

- Phát triển công nghiệp đã góp phần tích cực trong giải quyết việc làm và nâng cao đời sống của nhân dân. Lực lượng lao động trong ngành công nghiệp ngày càng tăng về số lượng. Bình quân mỗi năm, ngành công nghiệp tạo thêm khoảng 300.000 việc làm.

- Nhiều sản phẩm công nghiệp mới đã được sản xuất và đưa vào cung ứng, đặc biệt là các sản phẩm xăng sinh học E5, sản phẩm máy tính, xe máy, ôtô, linh kiện điện tử từ doanh nghiệp FDI; thiết bị cơ khí thủy công cho các nhà máy thủy điện...

Sản xuất công nghiệp đã cơ bản đảm bảo nhu cầu nhiều mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và đời sống nhân dân. Sản phẩm công nghiệp ngày càng đa dạng và phong phú về chủng loại, chất lượng được cải thiện, trong đó có nhiều sản phẩm mới với mẫu mã đa dạng, phong phú, chất lượng được nâng lên...; công nghiệp hàng tiêu dùng và thực phẩm, đồ uống cũng phát triển với tốc độ nhanh, thỏa mãn nhu cầu trong nước và đóng góp vào gia tăng kim ngạch xuất khẩu.

4. HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ

Sau khi gia nhập WTO, Việt Nam rất nỗ lực cải thiện khung pháp lý để nội luật hóa cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới, nhằm hình thành môi trường kinh doanh cạnh tranh bình đẳng, minh bạch, giảm sự can thiệp của Chính phủ vào thị trường thông qua các biện pháp kiểm soát giá cả, phân bổ nguồn lực, sở hữu, các biện pháp bảo hộ, trợ cấp, độc quyền. Cụ thể, các nghị định hướng dẫn thực hiện Luật

Doanh nghiệp 2005 quy định thành lập doanh nghiệp rõ ràng hơn, quy định chi tiết danh mục các ngành nghề cấm kinh doanh hoặc hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện, danh sách các huyện, xã được ưu tiên khuyến khích đầu tư xóa bỏ nhiều giấy phép con phải tuân theo quy định trước đây, giúp các nhà đầu tư dễ dàng hơn trong việc lựa chọn lĩnh vực, ngành hàng và địa bàn đầu tư. Qui định về góp vốn, mua cổ phần cũng giải tỏa nhiều vướng mắc cho các tổ chức pháp nhân, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài. Khung pháp lý để phát triển các loại thị trường cũng tiếp tục được hoàn thiện.

Trong giai đoạn 2011-2015, ngành Công Thương thực hiện chức năng quản lý nhà nước đã đạt được nhiều kết quả trong thực hiện cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đó là: Tiếp tục tạo lập tương đối đồng bộ khung khổ pháp lý cho hoạt động công thương, chú trọng công tác chiến lược, quy hoạch; Từng bước tái cơ cấu ngành Công Thương gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng (sản xuất thô, gia công giảm, chế biến, chế tạo tăng; xuất khẩu hàng công nghiệp, hàng có giá trị gia tăng cao chiếm tỷ lệ ngày càng nhiều...); Cải thiện cơ sở hạ tầng nhất là hạ tầng điện, hạ tầng thương mại; Cơ chế thị trường ngày một hoàn thiện, đặc biệt là cơ chế về giá xăng dầu, giá than, giá điện...); và Chủ động đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế, tham gia có hiệu quả vào thương mại toàn cầu.

Sản xuất phôi thép tại nhà máy luyện thép

IX. Ngành Công Thương giai đoạn 2016 - 2020

"Tiếp tục đổi mới mô hình và nâng cao chất lượng tăng trưởng, tăng năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của Ngành Công Thương trong chuyển đổi số nền kinh tế và cách mạng công nghiệp 4.0."

SAU GẦN 5 NĂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 05-NQ/TW NGÀY 1/11/2016 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG, CỤ THỂ HÓA CÁC CHỦ TRƯƠNG TRONG NGHỊ QUYẾT THÀNH CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐẤT NƯỚC ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NHIỀU THÀNH TỰU QUAN TRỌNG, TOÀN DIỆN TRÊN TẤT CẢ CÁC LĨNH VỰC. ĐỐI VỚI NGÀNH CÔNG THƯƠNG, THỰC HIỆN CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC, NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC TRIỂN KHAI MỘT CÁCH TÍCH CỰC VÀ TOÀN DIỆN, QUA ĐÓ, ĐÃ TẠO RA ĐƯỢC NHỮNG CHUYỂN BIẾN TÍCH CỰC, THỰC CHẤT TRONG PHÁT TRIỂN NGÀNH.

1. BỐI CẢNH TRONG NƯỚC VÀ THẾ GIỚI

1.1. Bối cảnh thế giới

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 của nước ta và đối với ngành Công Thương nói riêng, diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang dần phục hồi sau những tác động tiêu cực của hai cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực và toàn cầu. Tuy nhiên, đây cũng là thời kỳ mà bối cảnh thế giới thay đổi rất nhanh, phức tạp và khó lường, với những xung đột thương mại Mỹ - Trung và sự xuất hiện của đại dịch Covid-19, đã và đang gây ra những tác động to lớn đối với nền kinh tế toàn cầu.

- Nền kinh tế toàn cầu tiếp tục tăng trưởng nhưng tốc độ tăng trưởng giảm xuống (từ 3,2% năm 2017 xuống 2,4% năm 2019) và dự báo sẽ tiếp tục khó khăn trong những năm tới do tác động của dịch Covid-19. Tuy nhiên, châu Á vẫn

Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị Cấp cao APEC 2017 tại Đà Nẵng (tháng 11-2017

tiếp tục được xem là khu vực kinh tế năng động nhất thế giới, là trung tâm sản xuất và cung ứng hàng hóa xuất khẩu cho toàn cầu và các nền kinh tế lớn.

- Tự do hóa thương mại, bảo hộ thương mại và chủ nghĩa dân tộc đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới đã và đang có những tác động mạnh mẽ làm thay đổi cấu trúc giá trị và chuỗi cung ứng toàn cầu. Sự dịch chuyển của các luồng đầu tư, thương mại, đặc biệt là việc định vị lại các trung tâm sản xuất trên thế giới. Đồng thời tác động lớn đến việc điều chỉnh chính sách kinh tế vĩ mô của các nền kinh tế, nhất là những nước lớn, nhằm giành ảnh hưởng, khẳng định vị thế của mình.

- Khoa học công nghệ phát triển nhanh chóng, đặc biệt là sự bùng nổ và tác động lan tỏa mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang làm thay đổi sâu sắc mô hình sản xuất, thương mại toàn cầu và cơ cấu kinh tế của mỗi quốc gia; kinh tế số trở thành một trong những xu hướng phát triển chủ yếu của thời đại.

1.2. Bối cảnh trong nước

Sau hơn 30 năm Đổi mới, thực tế đã khẳng định đây là con đường đúng đắn và chúng ta đạt được những thành tựu to lớn cả về kinh tế, chính trị và xã hội. 2016 - 2020 là giai đoạn sau khi Việt Nam thoát ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào

Hội nghị Bộ trưởng giữa kỳ lần thứ 3 Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) tại Hà Nội (2017)

nhóm nước có thu nhập trung bình thấp và đứng trước những cơ hội cũng như thách thức để tiếp tục bước lên những nấc thang cao hơn trên con đường phát triển kinh tế. Tuy nhiên, sự xuất hiện của xung đột thương mại giữa các nước lớn, đặc biệt là cuộc đối đầu Mỹ - Trung trong những năm gần đây cùng với dịch covid-19, đã và đang có những tác động tiêu cực nhất định đến việc hoàn thành mục tiêu kế hoạch của ngành Công Thương và của cả nước.

Với sự lãnh đạo và chỉ đạo sát sao của Đảng và Nhà nước, sự điều hành quyết liệt của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ cùng các bộ ngành, đặc biệt là sự nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp, giai đoạn 2016 - 2020 nền kinh tế Việt Nam và ngành Công Thương nói riêng đã phát triển trong bối cảnh tương đối thuận lợi.

- Sự tập trung, quyết liệt của toàn bộ hệ thống chính trị nhằm thực hiện mục tiêu phát triển và tái cơ cấu nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế đã tạo ra sự thống nhất về chủ trương, đường lối phát triển đất nước.

Bộ trưởng Bộ Công Thương Trần Tuấn Anh tham gia lễ ký kết chính thức Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) tại Chile, ngày 8-3-2018

- Kinh tế vĩ mô cơ bản được duy trì và phát triển tương đối ổn định. Tăng trưởng kinh tế đạt khá cao, nhất là trong những năm cuối kỳ chiến lược, qua đó đưa nước ta vào nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới; các cân đối lớn của nền kinh tế (cân đối xuất nhập khẩu, cân đối điện năng, cân đối thu chi ngân sách nhà nước, tích lũy - tiêu dùng, tiết kiệm - đầu tư, năng lượng, lương thực, lao động - việc làm) tiếp tục được bảo đảm; lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, góp phần củng cố vững chắc nền tảng kinh tế vĩ mô.

- Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào nền kinh tế toàn cầu với việc đàm phán và ký kết các FTA thế hệ mới (CPTPP, EVFTA), đưa Việt Nam trở thành một trong những nền kinh tế có mức độ mở cửa lớn nhất trên thế giới.

- Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đang tiếp tục đối mặt với nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình, khi tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế có xu hướng tăng chậm lại qua các năm gần đây đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid-19 gây khó khăn lớn trong việc đạt được các mục tiêu của giai đoạn 2016 - 2020.

2. CÔNG NGHIỆP

- Quy mô sản xuất công nghiệp liên tục được mở rộng và tăng cao. Chỉ số sản xuất của toàn ngành công nghiệp (IIP) tăng từ 7,4% năm 2016 lên 9,1% năm 2019; Do tác động của đại dịch Covid-19, năm 2020 giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 3,36% so với năm 2019. Giá trị gia tăng (VA) của ngành công nghiệp (theo giá so sánh 2010) tăng từ 867,64 nghìn tỷ đồng vào năm 2015 lên 1.108,16 nghìn tỷ đồng vào năm 2019. Mặc dù dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, nhưng với việc kiểm soát tốt dịch bệnh trong giai đoạn I cộng với những dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu do tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, Việt Nam đang là điểm thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là với lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

- Cơ cấu các ngành công nghiệp chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng công nghiệp trong GDP tăng liên tục từ 27,1% năm 2016 lên 28,5% vào năm 2019. Năm 2020 tỷ trọng thấp hơn năm 2019 (đạt 28,2%) do ảnh hưởng của dịch

Covid-19. Nếu tính cả xây dựng thì tỷ trọng công nghiệp trong GDP tăng từ 32,7% năm 2016 lên 34,5% năm 2019 và đạt 33,6% năm 2020, đạt mục tiêu kế hoạch. Trong đó, công nghiệp chế biến chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất với đóng góp trong GDP tăng liên tục qua các năm (từ 12,9% năm 2010 lên 13,7% năm 2015 và 16,48% năm 2019), trong khi khai khoáng liên tục giảm (từ 9,1% năm 2010 xuống còn khoảng 9,6% năm 2015 và 6,72% năm 2019). Tỷ trọng xuất khẩu của công nghiệp chế biến, chế tạo/tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2019 đạt 92,3%, vượt mục tiêu kế hoạch (85 - 90%).

Đóng góp lớn cho phát triển của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là sự phát triển ổn định của các lĩnh vực chủ lực như thép (tỷ trọng VA trong toàn ngành công nghiệp tăng từ 5,74% năm 2011 lên 7,23% năm 2019), dệt may (tỷ trọng VA trong toàn ngành công nghiệp tăng từ 5,36% năm 2015 lên 6,91% năm 2019), thực phẩm (tỷ trọng VA trong toàn ngành công nghiệp chiếm 6.57% năm 2019), da giày (tỷ trọng VA trong toàn ngành công nghiệp đạt 3,52% năm 2019), thiết bị điện..., đặc biệt là ngành điện tử với tỷ trọng VA trong toàn ngành tăng gần 3 lần trong 10 năm qua (năm 2011 chiếm 3,38%; năm 2015 chiếm 6,52% và năm 2019 chiếm 8,9%).

Bộ trưởng Trần Tuấn Anh cùng đại diện các đơn vị thuộc Bộ Công Thương thăm quan nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô Thaco (12.2019)

Nhóm ngành năng lượng đã cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu năng lượng cho nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng cao. Nguồn cung năng lượng sơ cấp cơ bản được đảm bảo đủ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (tăng gần 2 lần trong 10 năm qua), đảm bảo được độ tin cậy của cung cấp nguồn điện và lưới điện với chất lượng ngày càng được cải thiện; tổn thất điện năng ngày càng giảm (từ mức 10,15% vào năm 2010 còn 7,04% vào năm 2018 và chỉ còn 6,5% vào năm 2019). Ba ngành điện, dầu khí và than đều nằm trong nhóm các ngành có đóng góp lớn cho GDP và có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đặc biệt là việc đảm bảo an ninh năng lượng.

- Phát triển công nghiệp theo địa phương, lãnh thổ có sự ổn định và có mức độ lan tỏa lớn từ các vùng tập trung công nghiệp sang các địa bàn khác. Một số địa phương có sự bứt phá về tăng trưởng công nghiệp do thu hút được nguồn vốn đầu tư và các doanh nghiệp lớn của thế giới, đặc biệt là đầu tư FDI, như Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lai Châu... qua đó có sự tăng trưởng vượt bậc về xuất khẩu sản xuất công nghiệp. Trong năm 2019, bảy tỉnh/thành phố có kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD và

Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và các đại biểu chụp ảnh chung tại Lễ ký Hiệp định Thương mại Tự do và Hiệp định Bảo hộ Đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) (EVFTA và EVIPA)

luôn giữ vững vị trí xếp hạng về thành tích xuất khẩu trong suốt giai đoạn 2016 - 2020 và 33 địa phương có kim ngạch xuất khẩu sản phẩm công nghiệp trên 1 tỷ USD.

Một số ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn theo định hướng chiến lược của nước ta đã trở thành các ngành công nghiệp lớn nhất nền kinh tế, qua đó đưa nước ta tham gia thành công vào chuỗi giá trị và mạng sản xuất toàn cầu, với sự dẫn dắt của một số doanh nghiệp và tập đoàn công nghiệp lớn. Trong số bảy nhóm ngành công nghiệp ưu tiên phát triển từ năm 2007 thì đến nay 5/7 ngành là các ngành công nghiệp đứng đầu cả nước gồm: (1) dệt may; (2) da giày; (3) thực phẩm chế biến; (4) thép; và (5) hóa chất. Trong số ba ngành công nghiệp mũi nhọn được xác định cho thời kỳ này, ngành điện tử đã phát triển bứt phá và trở thành ngành công nghiệp lớn thứ hai về giá trị sản xuất công nghiệp và là ngành có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất với sự bứt phá cao trong 5 năm qua và vượt qua ngành dệt may. Tuy nhiên, một số ngành công nghiệp khác như ôtô, đóng tàu, cơ khí, công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển như kỳ vọng. Trong số 10 ngành công nghiệp lớn nhất cả nước theo phân ngành cấp 2, đến hết năm 2019, nhóm 2 ngành dẫn đầu gồm dầu khí và điện là hai ngành lớn nhất, chiếm tỷ trọng trên 10% GDP của toàn ngành công nghiệp. Tiếp đến là các ngành có tỷ trọng từ 5 - 10% gồm điện tử, thép, dệt may, thực phẩm; nhóm thứ ba từ 2 - 5%, gồm da giày, than, thiết bị điện...

3. THƯƠNG MẠI

3.1. Xuất nhập khẩu

3.1.1. Xuất khẩu

- Quy mô xuất khẩu: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước giai đoạn 2016 - 2020 tăng từ 176,6 tỷ USD năm 2016 lên 282,7 tỷ USD năm 2020. Năm 2020, tiếp tục ghi nhận xuất siêu kỷ lục trên 19 tỷ USD. Trung bình cả giai đoạn 2016 - 2020, tăng trưởng xuất khẩu giai đoạn đạt trung bình 12,5%/năm, cao hơn mục tiêu 10% đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII. Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, xuất khẩu gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là ở các thị trường nhập khẩu truyền thống của nước ta. Tuy vậy, kim ngạch xuất khẩu vẫn tăng trưởng dương, tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt 282,7 tỷ USD.

- Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu: Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu tiếp tục cải thiện tích cực. Tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến tăng từ 80,3% kim ngạch xuất khẩu năm 2016 lên mức 85,1% năm 2019 và 85,2% năm 2020. Trong khi đó, tỷ trọng nhóm hàng nhiên liệu, khoáng sản giảm từ 2% tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2016 xuống còn 1% năm 2020. Cơ cấu hàng xuất khẩu đã đảm bảo đúng mục tiêu đề ra tại Chiến lược Xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030. Trong đó, nhóm hàng công nghiệp chiếm tỷ trọng trên 80%; tiếp đến là nhóm hàng nông sản, thủy sản chiếm trên 10% và nhóm hàng nhiên liệu, khoáng sản chỉ còn chiếm hơn 1% tổng kim ngạch xuất khẩu.

- Thị trường xuất khẩu: Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam tiếp tục giữ vững tại các thị trường truyền thống, đồng thời mở rộng và phát triển thêm nhiều thị trường mới. Hiện, Việt Nam đã xuất khẩu hàng hóa tới hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ, nhiều sản phẩm đã dần có khả năng cạnh tranh cao trên nhiều thị trường có yêu cầu cao về chất lượng như EU, Nhật Bản, Hoa Kỳ... Giá trị xuất khẩu sang 6 thị trường lớn nhất gồm Mỹ, EU, Trung Quốc, ASEAN, Nhật Bản và Hàn Quốc chiếm gần 80% kim ngạch xuất khẩu của toàn nền kinh tế. Tỷ trọng của mỗi thị trường nhìn chung khá ổn định ngoại trừ Hàn Quốc và Trung Quốc có xu hướng tăng lên. Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất, tiếp theo là EU, Trung Quốc, ASEAN, Nhật Bản và Hàn Quốc. Trong đó, xuất khẩu sang Trung Quốc, Hàn Quốc và Hoa Kỳ đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất, tiếp theo là các thị trường EU, Nhật Bản và ASEAN. Nếu như thời điểm kết thúc năm 2016 chỉ có 24 thị trường xuất khẩu đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD thì đến năm 2020 có khoảng 31 thị trường xuất khẩu đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD; trong đó, 5 thị trường đạt kim ngạch trên 10 tỷ USD, 8 thị trường đạt kim ngạch trên 5 tỷ USD.

TỔNG KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA VIỆT NAM CHÍNH THỨC VƯỢT MỐC 500 TỶ USD TRONG NĂM 2019 VÀ ĐẠT TRÊN 544 TỶ USD TRONG NĂM 2020. CÁN CÂN THƯƠNG MẠI LUÔN ĐẠT THẶNG DƯ VỚI MỨC XUẤT SIÊU TĂNG DẦN QUA CÁC NĂM TỪ 1,77 TỶ USD NĂM 2016, 2,1 TỶ USD NĂM 2017, 6,8 TỶ USD NĂM 2018, 10,9 TỶ USD NĂM 2019, VÀ NĂM 2020, TIẾP TỤC GHI NHẬN XUẤT SIÊU KỶ LỤC TRÊN 19 TỶ USD.

- Cơ cấu địa bàn xuất khẩu: Xuất khẩu tiếp tục tập trung vào các địa bàn chiến lược như Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng (chiếm xấp xỉ 70% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước). Trong khi, các vùng khác như Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung có sự gia tăng về tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu nhờ duy trì và củng cố được tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao trong cả giai đoạn.

3.1.2. Nhập khẩu

- Quy mô nhập khẩu: Nhập khẩu hàng hóa năm 2016 đạt 175 tỷ USD, đến năm 2020 đạt 262,70 tỷ USD, tăng 3,7%, tương ứng tăng 9,31 tỷ USD. Năm 2020, kim ngạch nhập khẩu có xu hướng giảm chủ yếu do kim ngạch nhập khẩu của khối doanh nghiệp FDI giảm. Nhập khẩu tập trung chủ yếu ở nhóm hàng cần thiết cho sản xuất, xuất khẩu, gồm máy móc thiết bị, nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất, xuất khẩu. Kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này đạt 245,6 tỷ USD, tăng 4,1% so với năm 2019, chiếm tỷ trọng 93,6% trong tổng kim ngạch nhập khẩu, trong đó nhập khẩu nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận tải, phụ tùng tăng mạnh tới 16,3%. Điều này chứng tỏ nền kinh tế đang có sự phục hồi khá mạnh mẽ về sản xuất trong khi nhập khẩu cho tiêu dùng đã giảm đáng kể, tỷ trọng chỉ chiếm 6,4%, giảm 0,5 điểm phần trăm so với năm 2019.

- Cơ cấu thị trường nhập khẩu: Giai đoạn 2016 - 2020, châu Á tiếp tục chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước. Thị trường châu Á luôn duy trì tỷ trọng trung bình ở mức 81% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam, tiếp theo là thị trường châu Âu, châu Đại Dương và châu Phi. Nhìn chung, Việt Nam đang có xu hướng đa dạng hóa thị trường nhập khẩu trong các năm gần đây, tránh tình trạng phụ thuộc nguồn cung vào một vài thị trường nhất định.

- Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu: Kiểm soát nhập khẩu được thực hiện tốt, nhóm hàng cần kiểm soát và hạn chế nhập khẩu được giữ ở mức dưới 10% kim ngạch nhập khẩu (từ 7,2% kim ngạch nhập khẩu năm 2016 giảm xuống còn 6,8% kim ngạch nhập khẩu năm 2019); nhóm hàng cần nhập khẩu chiếm gần 90% kim ngạch nhập khẩu với việc tập trung vào nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu, máy móc, thiết bị và công nghệ cho các dự án đầu tư phát triển sản xuất, tạo nguồn hàng cho xuất khẩu, đóng góp cho tăng trưởng kinh tế.

- Cơ cấu địa bàn nhập khẩu: Nhập khẩu tiếp tục tập trung vào các địa bàn chiến lược như Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng (chiếm xấp xỉ 80% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước qua các thời kỳ). Chuyển dịch cơ cấu nhập khẩu theo địa bàn cho thấy, có sự sụt giảm của khu vực Đông Nam Bộ so với các địa bàn khác. Trong khi, các vùng khác như Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung có sự gia tăng về tỷ trọng trong tổng kim ngạch nhập khẩu nhờ duy trì và củng cố được tốc độ tăng trưởng nhập khẩu cao trong toàn thời kỳ.

3.1.3. Tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa vào một số thị trường chủ yếu

- Thị trường Trung Quốc

Trung Quốc hiện nay là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam với tổng kim ngạch thương mại hai chiều năm năm 2019 đạt 116,75 tỷ USD. Xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc tăng cao qua các năm và đạt 41,5 tỷ USD vào năm 2019. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang Trung Quốc gồm điện thoại các loại và linh kiện; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy ảnh, máy quay phim và linh kiện; hàng rau quả; xơ sợi dệt các loại; hàng dệt may. Nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc đạt 75,5 tỷ USD vào năm 2019. Việt Nam là đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc trong khối các nước ASEAN; là thị trường xuất khẩu lớn thứ 6 và là thị trường nhập khẩu lớn thứ 11 của Trung Quốc. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là nguyên liệu, vật tư phục vụ cho sản xuất trong nước và xuất khẩu như máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng; điện thoại các loại và linh kiện; vải các loại; sắt thép các loại.

- Thị trường Hàn Quốc

Hàn Quốc hiện là đối tác thương mại lớn thứ hai của Việt Nam (sau Trung Quốc) với kim ngạch thương mại hai chiều đạt 67 tỷ USD năm 2019. Đây là thị trường xuất khẩu lớn thứ tư (sau Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nhật Bản) và thị trường nhập khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam (sau Trung Quốc). Xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Hàn Quốc luôn tăng cao và đạt 19,7 tỷ USD vào năm 2019. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu gồm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; điện thoại các loại và linh kiện; máy móc thiết bị, dụng cụ và phụ tùng; may mặc, gỗ và sản phẩm từ gỗ. Nhập khẩu từ thị trường Hàn Quốc luôn tăng cao và đạt mức 47 tỷ USD vào năm 2019. Các mặt hàng nhập khẩu chính từ Hàn Quốc là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; điện thoại các loại và linh kiện; máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác; sắt thép các loại; vải các loại; xăng dầu các loại; chất dẻo nguyên liệu.

- Thị trường Hoa Kỳ

Hoa Kỳ hiện là đối tác thương mại lớn thứ ba của Việt Nam (sau Trung Quốc và Hàn Quốc) với tổng kim ngạch thương mại năm 2019 đạt 75 tỷ USD và luôn là thị trường xuất siêu của Việt Nam. Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu đạt mức 61,3 tỷ USD năm 2019. Xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ chủ yếu vẫn là các mặt hàng mà chúng

ta có thế mạnh như dệt may, đồ gỗ, máy móc và thiết bị điện tử... Hoa Kỳ là thị trường nhập khẩu lớn thứ năm của Việt Nam với kim ngạch 14,4 tỷ USD vào năm 2019. Nhập khẩu hàng hóa từ Hoa Kỳ có xu hướng tăng mạnh và nhanh trong thời gian gần đây, đặc biệt đối với nhóm các sản phẩm nông nghiệp như đậu tương, lúa mỳ.

- Thị trường EU

Liên minh châu Âu - EU (bao gồm cả nước Anh) là khu vực chiếm tỷ trọng lớn trong thương mại giữa Việt Nam và châu Âu, chiếm gần 90% kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với châu Âu, năm 2019 đạt 64,16 tỷ USD. Không chỉ là đối tác thương mại lớn thứ năm, EU còn là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam, sau Hoa Kỳ và trên Trung Quốc, các nước ASEAN, Nhật Bản và Hàn Quốc. Các mặt hàng chủ lực Việt Nam xuất sang thị trường EU không thay đổi nhiều trong những năm qua, chủ yếu vẫn tập trung ở nhóm các mặt hàng điện thoại các loại và linh kiện; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; giày dép các loại; hàng dệt may; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác; hàng thủy sản; cà phê. Nhập khẩu của Việt Nam từ EU đạt 14,1 tỷ USD vào năm 2019, các đối tác chủ yếu là Đức, Italia, Ailen, Pháp, Anh, Hà Lan, Tây Ban Nha và Bỉ (chiếm xấp xỉ 80% tổng kim ngạch nhập khẩu từ các quốc gia thuộc EU). Các mặt hàng nhập khẩu tập trung chủ yếu vào: máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác; dược phẩm và nguyên liệu dược phẩm; hóa chất và sản phẩm hóa chất; nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày; chất dẻo nguyên liệu; hóa chất và sản phẩm hóa chất và linh kiện, phụ tùng ô tô.

- Thị trường Nhật Bản

Nhật Bản là thị trường xuất khẩu quan trọng của Việt Nam và hiện là thị trường lớn thứ tư sau Hoa Kỳ, Trung Quốc và Hàn Quốc với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2019 đạt 39,9 tỷ USD (xuất khẩu đạt 20,29 tỷ USD và nhập khẩu đạt 19,5 tỷ USD. Các mặt hàng xuất khẩu chính là hàng dệt may; phương tiện vận tải và phụ tùng; máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác; hàng thủy sản. Các mặt hàng nhập khẩu chính gồm: Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; sắt thép các loại; sản phẩm từ chất dẻo.

- Thị trường ASEAN

Tổng kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và các nước ASEAN đạt mức 57,6 tỷ USD vào năm 2019, chiếm 11,11% tổng kim ngạch thương mại của Việt Nam với thế giới. Trong số các nước thuộc khu vực Đông Nam Á, chỉ hai nước có tổng kim ngạch thương mại song phương với Việt Nam trên 10 tỷ USD là Thái Lan và Malaysia; 05 nước khác có tổng kim ngạch trên 1 tỷ USD là Indonesia, Singapore, Cambodia, Philippines, Lào. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu gồm: Điện thoại các loại và linh kiện, sắt thép các loại, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng, phương tiện vận tải và phụ tùng, hàng dệt may, gạo. Nhập khẩu của Việt Nam từ khu vực ASEAN có sự sụt giảm và đạt 32,2 tỷ USD, trong đó chủ yếu tập trung vào nhóm hàng rau quả, bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc, hàng điện gia dụng và linh kiện, xăng dầu các loại, sản phẩm khác từ dầu mỏ, cao su, chất dẻo nguyên liệu, giấy các loại, ô tô nguyên chiếc các loại và linh kiện, phụ tùng ô tô.

3.2. Thương mại nội địa

- Trong những năm qua, thương mại nội địa tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong việc tiêu thụ sản phẩm, đáp ứng nhu cầu về hàng hóa cho nhân dân và góp phần quan trọng cho sự phát triển của nền kinh tế. Đồng thời, thương mại nội địa cũng tích cực trong giải quyết việc làm khi thu hút khoảng 6 - 7 triệu lao động (chiếm hơn 12% tổng lao động toàn xã hội), góp phần xóa đói giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội.

- Tận dụng các lợi thế về quy mô dân số với thị trường gần 100 triệu dân, thị trường trong nước đã giữ vững được đà tăng trưởng với tốc độ tăng tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và dịch vụ xã hội các năm ở mức hai con số, sức mua và quy mô thị trường ngày càng lớn. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng liên tục được mở rộng qua các năm, từ 3.546 nghìn tỷ năm 2016 lên 4.940 nghìn tỷ vào năm 2019.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng bình quân đầu người của cả nước tăng từ 38 triệu đồng vào năm 2016 lên 51,2 triệu đồng/người năm 2019 với mức tăng thấp nhất trong giai đoạn này, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2020 chỉ tăng 2,6% so với năm 2019.

- Giá trị gia tăng của bán buôn, bán lẻ hàng hóa (bao gồm cả sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ) tăng từ 288 nghìn tỷ đồng vào năm 2016 lên 368 nghìn tỷ đồng vào năm 2019, đạt mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2019 là 8,49%.

- Đóng góp của thương mại nội địa (qua giá trị bán buôn, bán lẻ hàng hóa) vào GDP tăng liên tục, từ 10,5% năm 2016 lên 11,2% năm 2019, qua đó cho thấy thương mại nội địa đã và đang trở thành một động lực góp phần quan trọng cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

- Thị trường nội địa tiếp tục tập trung vào các vùng kinh tế lớn là vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng, tiếp theo là Đồng bằng sông Cửu Long và Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. Tây nguyên và Trung du miền núi phía Bắc tiếp tục là các khu vực thị trường nhỏ lẻ. Trong số 10 địa bàn có quy mô thị trường lớn nhất cả nước, Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội tiếp tục duy trì vị trí là hai thị trường lớn nhất, trong đó Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục là khu vực thị trường năng động và là động lực chủ đạo của

Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc dự Hội nghị Cấp cao G20 (Nguồn Báo Nhân dân)

thị trường trong nước, là địa phương duy nhất có quy mô thị trường nội địa trên 1.000 nghìn tỷ đồng.

- Công tác kết nối cung cầu đã được thực hiện tốt, góp phần bình ổn giá trên thị trường, đảm bảo đạt được mục tiêu kiểm soát lạm phát thông qua việc gắn kết tạo nguồn hàng ổn định giữa các nhà sản xuất trong nước với các hệ thống phân phối lớn trên toàn quốc.

- Công tác quản lý, đảm bảo trật tự thị trường, phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên thị trường nội địa được củng cố với việc Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 34/2018/QĐ-TTg thành lập Tổng cục Quản lý thị trường thuộc Bộ Công Thương theo mô hình ngành dọc từ Trung ương đến địa phương.

Nhờ thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các bộ, ngành trong công tác điều hành giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý nên giá cả hàng hóa thiết yếu không có sự biến

động lớn. Trong giai đoạn 2016 - 2020, chỉ số giá hàng hóa được kiểm soát nhờ thực hiện tốt, đồng bộ các giải pháp về tiền tệ, tín dụng và tài khóa cũng như cơ chế phối hợp linh hoạt giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ. Chỉ số CPI bình quân từng năm từ 2016 đến 2020 đều đạt được mục tiêu do Quốc hội đề ra. CPI bình quân giảm từ 4,74% năm 2016 xuống 3,54% năm 2018, tiếp tục giảm còn 2,79% trong năm 2019 và ở mức 3,23% trong năm 2020 (giảm khá xa mức chỉ tiêu Quốc hội giao dưới 4%). Nguồn cung hàng hóa các mặt hàng thiết yếu trên thị trường cơ bản được bảo đảm, giá cả tương đối ổn định (chỉ tăng cục bộ và trong thời gian ngắn, như dịp Tết Nguyên đán).

Cùng với sự tăng trưởng tích cực của quy mô thị trường nội địa, nguồn cung các hàng hóa thiết yếu trong nước luôn được bảo đảm, đặc biệt là trong giai đoạn bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19. Do thực hiện tốt công tác bảo đảm nguồn cung hàng hóa phòng chống dịch cho thị trường ngay trong giai đoạn đầu của dịch bệnh Covid-19 (hệ thống phân phối hàng hóa thiết yếu luôn đáp ứng đủ nhu cầu tăng mạnh của người dân kể cả giai đoạn giãn cách xã hội) nên đã tạo được niềm tin, sự an tâm của người dân đối với việc bảo đảm cung ứng hàng hóa thiết yếu cho thị trường. Hàng hóa nguyên vật liệu thiết yếu phục vụ sản xuất, kinh doanh luôn được bảo đảm.

4. HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ KINH TẾ

Kể từ sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), tiến trình hội nhập quốc tế về kinh tế của Việt Nam ngày càng được thúc đẩy mạnh mẽ với việc tham gia đàm phán và ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Ngày 10 tháng 4 năm 2013, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 22 - NQ/TW về hội nhập quốc tế và sau đó là Nghị quyết số 06/NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Hội nghị Trung ương lần thứ 4 về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Đến nay, Việt Nam đã tham gia đàm phán và ký kết 17 FTA. Trong bối cảnh hệ thống thương mại đa biên đang gặp phải những khó khăn nhất định, sự phát triển hợp tác kinh tế song phương và khu vực, thể hiện qua việc hình thành các FTA là một sự bổ trợ quan trọng cho mục tiêu tự do hoá thương mại và đầu tư đa phương trên phạm vi toàn cầu hiện nay. Việc hình thành các FTA với mức độ tự do hoá sâu rộng đã và đang đem lại những cơ hội và cả thách thức không nhỏ đối với những nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam. Chính vì vậy, Việt Nam đã chủ động và tích cực nắm bắt xu thế FTA, tham gia có lựa chọn để nắm bắt cơ hội tiếp cận thị trường, mở rộng quan hệ kinh tế thương mại với các đối tác quan trọng.

Giai đoạn 2016 - 2020, đặc biệt là năm 2020, một năm đầy biến động và "sóng gió", kinh tế thế giới và liên kết kinh tế quốc tế diễn biến phức tạp, nhiều rủi ro, đan xen giữa các mảng màu "sáng", "tối". Kinh tế thế giới đang trong xu thế suy thoái, thương mại toàn cầu sụt giảm nghiêm trọng, hầu hết các trung tâm kinh tế tăng trưởng âm. Đại dịch COVID-19 mặc dù đặt ra nhiều thách thức mới nhưng cũng làm sâu sắc thêm những xu thế liên kết đã và đang diễn ra trong những năm trở lại đây, đồng thời đẩy nhanh một số xu thế, chiều hướng mới. Liên kết kinh tế quốc tế chịu ảnh hưởng mạnh từ điều chỉnh chính sách của các nước, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và sự phát triển của khoa học công nghệ, đặc biệt là xu thế chuyển đổi số. Với những bước tiến trong năm 2020 cùng với những kết quả quan trọng trong triển khai hội nhập kinh tế quốc tế nhiều năm qua, chúng ta đã cơ bản định hình mạng lưới gồm 17 FTA và các khuôn khổ hợp tác kinh tế, thương mại với các trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới. Vị thế này đang và sẽ tạo ra những động lực vượt trội giúp chúng ta thực hiện các mục tiêu tăng trưởng, tiếp tục đổi mới toàn diện, đồng bộ, đưa đất nước vững bước tiến lên, hiện thực hóa những tầm nhìn và khát vọng phát triển trong giai đoạn chiến lược mới.

10 SỰ KIỆN NỔI BẬT 2016

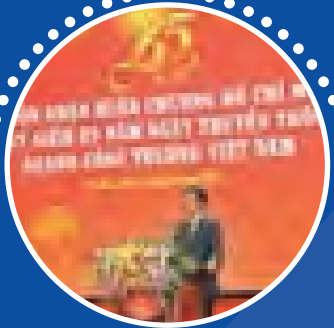

01

Ngành Công Thương đón nhận Huân chương Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm 65 năm thành lập (14/5/1951 - 14/5/2016)

02

Thủy điện Lai Châu khánh thành sớm hơn 1 năm so với kế hoạch

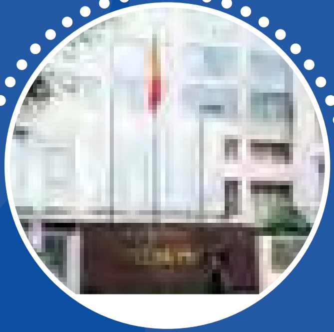

03

Đẩy mạnh việc kiện toàn công tác cán bộ và triển khai xây dựng cơ cấu tổ chức mới nhằm khắc phục các vấn đề đã được Ủy ban Kiểm tra Trung ương kết luận

04

Đột phá trong công tác cải cách hành chính: Cổng dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ online.moit.gov.vn vận hành; bãi bỏ và đơn giản hóa nhiều thủ tục hành chính

05

Giàn khoan Tam Đảo 05 tự nâng do Việt Nam chế tạo hoàn thành đúng tiến độ và đưa vào hoạt động

06

Sabeco và Habeco niêm yết trên sàn chứng khoán

Pháp lệnh Quản lý thị trường được ban hành

07

08

Nỗ lực vượt qua khó khăn đạt được các chỉ tiêu Ngành Công Thương

FTA giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu có hiệu lực

09

10

Ban hành Chỉ thị số 11/CT-BCT về tăng cường công tác bảo vệ môi trường ngành Công Thương

10 SỰ KIỆN NỔI BẬT 2017

01

Chính phủ ban hành Nghị định 98/2017/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương

02

Nỗ lực đơn giản hóa thủ tục hành chính và điều kiện đầu tư kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp

03

Phê duyệt Đề án xử lý các tồn tại, yếu kém của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương và tổ chức triển khai đạt những kết quả tích cực bước đầu

04

Xuất nhập khẩu lần đầu tiên vượt mốc 420 tỷ USD, trong đó tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tăng cao trên 21%

05

Bán đấu giá thành công cổ phần Nhà nước tại Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn

06

Luật Quản lý ngoại thương 2017 được ban hành

07

Ngành Công Thương đã hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch phát triển của ngành do Quốc hội và Chính phủ giao

08

Tổ chức thành công Hội nghị Bộ trưởng Thương mại APEC lần thứ 23 và Hội nghị Bộ trưởng các thành viên Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)

09

Khởi công nhiều dự án sản xuất, lắp ráp ô tô lớn tại Việt Nam hướng tới thị trường khu vực.

10

Triển khai đúng lộ trình thay thế xăng khoáng RON 92 bằng xăng sinh học E5 RON 92 trên toàn quốc

09 SỰ KIỆN NỔI BẬT 2018

01

Tổng Bí thư tới thăm, làm việc tại Bộ Công Thương, đặt ra các yêu cầu, nhiệm vụ, định hướng chiến lược trong phát triển của toàn Ngành thời gian tới

02

Quá trình tái cơ cấu, đổi mới phương thức quản lý của Bộ Công Thương tiếp tục những bước đi vững chắc và đạt được kết quả tích cực

03

Quốc hội khóa XIV tại Kỳ họp thứ 5 thông qua Luật Cạnh tranh sửa đổi

04

Ngành Công Thương hoàn thành đạt và vượt mức tất cả các chỉ tiêu được giao trong kế hoạch năm 2018, trong đó một số chỉ tiêu vượt ở mức cao

05

Chỉ số tiếp cận điện năng của Việt Nam tăng 37 bậc, xếp thứ 27 thế giới, thứ 4 ASEAN

06

Quốc hội khóa XIV tại Kỳ họp thứ 6 phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) với tỷ lệ phiếu tuyệt đối của đại biểu Quốc hội thông qua, hoàn tất quá trình đàm phán, ký kết và chính thức đưa Hiệp định vào thực thi

Thành lập Tổng cục Quản lý thị trường: Hướng tới chính quy, hiện đại, tinh gọn và hiệu quả

07

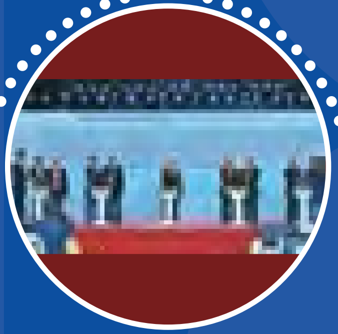

08

Chính thức vận hành thương mại Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn, đã chế biến hơn 5 triệu tấn dầu thô để cho ra sản phẩm cung ứng trên thị trường ngay trong những tháng cuối năm 2018

Một số sản phẩm quan trọng của ngành công nghiệp chế tạo đã được các doanh nghiệp kinh tế tư nhân của Việt Nam sản xuất và chính thức có mặt trên thị trường

09

10 SỰ KIỆN NỔI BẬT 2019

01

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu vượt mốc 500 tỷ USD

02

Việt Nam thực hiện mở cửa hội nhập một cách mạnh mẽ hơn với Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương chính thức có hiệu lực và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu chính thức được ký kết.

03

Công tác quản lý Nhà nước về chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, gian lận thương mại, xuất xứ được củng cố, góp phần quan trọng ổn định thị trường

04

Bộ Công Thương là Bộ đầu tiên thực hiện kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia

05

Tổng kết 10 năm thực hiện Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" ngành Công Thương

06

Sự tăng trưởng bứt phá của thương mại điện tử đưa Việt Nam trở thành một trong những thị trường tiềm năng nhất khu vực ASEAN

07

Chỉ số tiếp cận điện năng tiếp tục được cải thiện

08

Việt Nam thành công trong việc sản xuất máy biến áp nguồn dự phòng 500kV công suất 467MVA

09

Quá trình tái cơ cấu lực lượng quản lý thị trường đã đạt được những kết quả tích cực

10

Việt Nam đạt được bước phát triển đột phá về năng lượng mặt trời với công suất đưa vào vận hành lên tới gần 5.000MW

10 SỰ KIỆN NỔI BẬT 2020

01

Bứt phá trong công tác hội nhập: Nhiều sáng kiến của ngành Công Thương trong Năm Chủ tịch ASEAN đã được triển khai có hiệu quả; Ký kết, đàm phán và triển khai thành công các Hiệp định thương mại (FTA) quan trọng

02

Xuất khẩu vượt khó bất chấp đại dịch, duy trì tăng trưởng dương; Xuất siêu đạt mức cao kỷ lục, duy trì mạch xuất siêu 5 năm liên tiếp của cán cân thương mại Việt Nam.

03

Công tác phòng vệ thương mại đạt kết quả nổi bật, được triển khai toàn diện, góp phần bảo vệ hiệu quả quyền và lợi ích của Việt Nam trong bối cảnh tham gia các Hiệp định FTA thế hệ mới.

04

Công tác quản lý thị trường có nhiều đột phá sau khi tổ chức lại lực lượng quản lý thị trường theo hệ thống ngành dọc, góp phần nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát thị trường, phát hiện triệt phá nhiều vụ vi phạm lớn

05

Công nghiệp chế biến chế tạo vượt qua khó khăn, tiếp tục vươn lên mạnh mẽ, là động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế cả nước.

06

Công tác thăm dò và khai thác dầu khí đạt kết quả tích cực: Dòng khí thương mại đầu tiên đã "cập bờ" từ mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt; Phát hiện dầu khí trữ lượng lớn tại mỏ Kèn Bầu

07

Thị trường trong nước được củng cố và giữ vững, là điểm tựa vững chắc cho các lĩnh vực sản xuất vượt qua khó khăn, phục hồi và phát triển, góp phần thực hiện mục tiêu kép của Chính phủ "vừa chống dịch, vừa phát triển kinh tế xã hội".

08

Đổi mới mạnh mẽ công tác xúc tiến thương mại (XTTM), thực hiện mô hình xúc tiến thương mại mới kết hợp giữa trực truyến và trực tiếp (hybrid), giúp doanh nghiệp trong nước tiếp cận từ xa các đối tác quốc tế trong bối cảnh đại dịch.

09

Thương mại điện tử chuyển mình, phát huy hiệu quả, tạo xung lực mới cho tăng trưởng

10

Công tác cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục đầu tư kinh doanh, xây dựng Chính phủ điện tử không ngừng được đổi mới, hành động quyết liệt, thực chất và đi vào chiều sâu.

“Công Thương Việt Nam
Vững vàng hội nhập
Vươn tầm cao mới”

Phần III

CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ CÔNG THƯƠNG

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

LÃNH ĐẠO BỘ

KHỐI ĐƠN VỊ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

KHỐI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ

- Đảng ủy Bộ Công Thương
- Văn phòng Ban cán sự Đảng
- Công đoàn Bộ Công Thương
- Đoàn TNCS HCM Bộ Công Thương

KHỐI VỤ

VĂN PHÒNG BỘ

- Vụ Tổ chức cán bộ
- Thanh tra Bộ
- Vụ Thị trường trong nước
- Vụ Dầu khí và Than
- Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp
- Vụ Pháp chế
- Vụ Chính sách thương mại đa biên
- Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ
- Vụ Kế hoạch
- Vụ Khoa học và Công nghệ
- Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững
- Vụ Thị trường châu Á - châu Phi

KHỐI TỔNG CỤC, CỤC

- Cục Công tác phía Nam
- Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng
- Cục Công nghiệp
- Cục Công Thương địa phương

* Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương

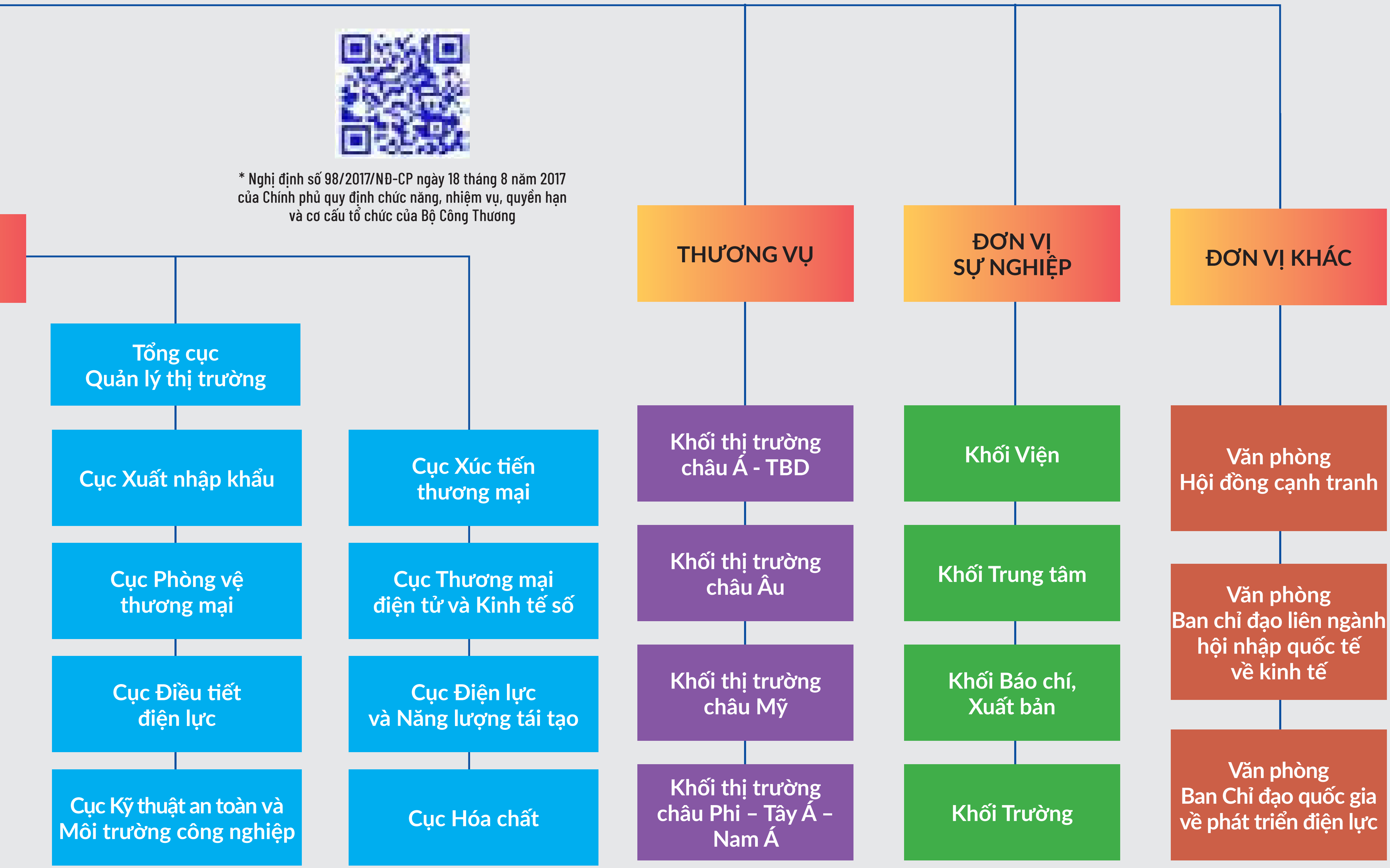

HỆ THỐNG ĐƠN VỊ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

I. KHỐI CƠ QUAN ĐẢNG, ĐOÀN THỂ

01

ĐẢNG ỦY BỘ CÔNG THƯƠNG
Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024.22202126

02

VĂN PHÒNG BAN CÁN SỰ ĐẢNG BỘ CÔNG THƯƠNG
Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024.22205429

03

CÔNG ĐOÀN BỘ CÔNG THƯƠNG
Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024.22202103

04

ĐOÀN TNCS HCM BỘ CÔNG THƯƠNG
Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

01 VĂN PHÒNG BỘ

Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 2220 2222
Fax: 024 3826 4696; 024 2220 2525

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng tham mưu tổng hợp về chương trình, kế hoạch công tác và phục vụ các hoạt động của Bộ; giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương tổng hợp, theo dõi, đôn đốc các tổ chức, đơn vị thuộc Bộ thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Bộ.

Văn phòng Bộ thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác tổng hợp, hành chính, văn thư, lưu trữ, cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính, bảo vệ bí mật nhà nước, báo chí tuyên truyền, lễ tân, quản trị, kế toán - tài chính, an ninh, quốc phòng, bảo vệ của cơ quan Bộ; quản lý cơ sở vật chất, tài sản, kinh phí hoạt động, bảo đảm phương tiện, điều kiện làm việc và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của cơ quan Bộ...

02 VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ

Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 2220 2222
Fax: 024 2220 2523 - 2220 2369

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ; bảo vệ chính trị nội bộ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và phát triển nguồn nhân lực của ngành Công Thương; chính sách lao động, tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật.

03 VỤ TÀI CHÍNH VÀ ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP

Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 2220 5333
Fax: 024 2220 5525

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính, kế toán; về đổi mới doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước trong phạm vi quản lý của Bộ; về kiểm tra, giám sát tài chính các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước do Bộ Công Thương làm đại diện chủ sở hữu; về thực hiện quản lý ngân sách nhà nước, quản lý tài chính, tài sản tại các đơn vị hành chính, sự nghiệp trực thuộc Bộ; đầu mối tham gia chính sách về thuế nội địa, chính sách về giá và phí (trừ các loại giá và phí có quy định phân công riêng) trong ngành Công Thương theo quy định của pháp luật.

04 VỤ KẾ HOẠCH

Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 2220 2222
Fax: 024 2220 2524

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; thống kê; đầu tư; chương trình, đề án phát triển ngành theo quy định của pháp luật.

05 THANH TRA BỘ

Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 2220 2207
Fax: 024 2220 5514

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiếp công dân; tiến hành thanh tra hành chính đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ; tiến hành thanh tra chuyên ngành đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực của Bộ; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng; tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

06 VỤ PHÁP CHẾ

Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 2220 2584
Fax: 024 2220 5493

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước bằng pháp luật trong ngành Công Thương, bao gồm: tổ chức thực hiện công tác xây dựng, thẩm định, rà soát, hệ thống hóa, kiểm tra, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật; pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật; phổ biến giáo dục pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra việc thực hiện pháp luật trong ngành Công Thương theo quy định của pháp luật.

07 VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 2220 2438/ 2436
Fax: 024 2220 2525

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; đổi mới sáng tạo; an toàn thực phẩm; công nghệ sinh học; an toàn sinh học; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm; sở hữu trí tuệ trong ngành công nghiệp và thương mại theo quy định của pháp luật.

08 VỤ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI ĐA BIÊN

Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 2220 5412
Fax: 024 2220 2525

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hội nhập kinh tế, thương mại trong khuôn khổ hợp tác với Tổ chức thương mại thế giới (WTO), ASEAN, giữa ASEAN và các bên đối tác (ASEAN+), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), Diễn đàn thương mại và phát triển của Liên hợp Quốc (UNCTAD) và các tổ chức kinh tế - thương mại quốc tế khác và đàm phán các điều ước quốc tế về thương mại theo quy định của pháp luật.

09 VỤ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 2220 5500
Fax: 024 2220 5528/2220 5529

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thương mại và thị trường trong nước theo quy định của pháp luật.

10 VỤ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 2220 2358

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; ứng phó với biến đổi khí hậu; tăng trưởng xanh và phát triển bền vững theo quy định của pháp luật.

11 VỤ DẦU KHÍ VÀ THAN

Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 2220 2402

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành công nghiệp Dầu khí và ngành công nghiệp Than theo quy định của pháp luật.

12 VỤ THỊ TRƯỜNG CHÂU ÂU - CHÂU MỸ

Địa chỉ: Nhà B, Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 2220 5380 / 5381
Fax: 024 2220 5376, 024 2220 2525

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chính sách và phát triển quan hệ kinh tế, thương mại, công nghiệp của Việt Nam với các nước, vùng lãnh thổ, khu vực, các tổ chức kinh tế thương mại thuộc khu vực châu Âu và châu Mỹ theo quy định của pháp luật.

13 VỤ THỊ TRƯỜNG CHÂU Á - CHÂU PHI

Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 2220 5479

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chính sách phát triển quan hệ kinh tế, thương mại, công nghiệp của Việt Nam với các nước, vùng lãnh thổ, tiểu vùng, các tổ chức quốc tế và các tổ chức kinh tế thương mại, công nghiệp thuộc khu vực châu Á - châu Phi theo quy định của pháp luật.

KHỐI TỔNG CỤC, CỤC

01 TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 91 Đinh Tiên Hoàng, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 3825 5868
Fax: 024 3934 2726
Website: https://dms.gov.vn

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về phòng, chống, xử lý các hành vi kinh doanh hàng hoá nhập lậu; sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ; hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng, đo lường, giá, an toàn thực phẩm; hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các hành vi gian lận thương mại theo quy định pháp luật.

02 CỤC CÔNG TÁC PHÍA NAM

Địa chỉ: Số 45 Trần Cao Vân, P. 6, Q.3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3829 9220
Fax: 028 3829 0852

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước, tổ chức thực thi pháp luật thuộc lĩnh vực Công Thương và thực hiện công tác quản trị nội bộ, công tác chuyên môn, đối nội và đối ngoại, tập huấn, bồi dưỡng và đào tạo, cung cấp thông tin, tuyên truyền, tư vấn, phổ biến chính sách ngành Công Thương cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn các tỉnh, thành phố phía Nam.

03 CỤC XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 2220 5431
Fax: 024 2220 5520

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, xuất xứ hàng hóa, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu (mua bán hàng hóa quốc tế), đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài, thương mại biên giới, thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

04 CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 20 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 3934 7628
Fax: 024 3934 4260/ 024 3934 8142
Email: vietrade@vietrade.gov.vn
Website: http://www.vietrade.gov.vn

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật trong lĩnh vực hoạt động xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư phát triển ngành Công Thương và thương hiệu theo quy định của pháp luật.

05 CỤC CẠNH TRANH VÀ BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG

Địa chỉ: Tầng 5, Số 25, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh: Số 12 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Đa Kao, Q.1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 024 2220 5002
Fax: 024 2220 5003
Email: vcca@moit.gov.vn
Website: http://vcca.gov.vn

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật đối với lĩnh vực cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; tổ chức, quản lý hoạt động sự nghiệp dịch vụ công thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

06 CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 23, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 7303 7898
Fax: 024 7303 7897
Email: TRAV@moit.gov.vn
Website: www.trav.gov.vn

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật đối với lĩnh vực chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ; tổ chức, quản lý hoạt động sự nghiệp dịch vụ công thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

07 CỤC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ KINH TẾ SỐ

Địa chỉ: Số 25, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: 024 2220 5396,
Fax: 024 2220 5397
Email: CucTMDT-KTS@moit.gov.vn
Website: Idea.gov.vn

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật trong lĩnh vực thương mại điện tử và hoạt động kinh tế số; tổ chức, quản lý hoạt động sự nghiệp dịch vụ công thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật và phân cấp, uỷ quyền của Bộ trưởng.

08 CỤC CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: Số 23, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 3996 7189
Fax: 024 3823 8387
Email: via@moit.gov.vn
Website: www.via.gov.vn

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật đối với lĩnh vực công nghiệp, bao gồm: công nghiệp cơ khí, luyện kim; công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (trừ dầu khí, than, khoáng sản làm vật liệu xây dựng và sản xuất xi măng); công nghiệp điện tử; công nghiệp tiêu dùng (dệt, may, da giày, giấy, sành sứ, thủy tinh, nhựa); công nghiệp thực phẩm (rượu, bia, nước giải khát, sữa, bánh kẹo, dầu thực vật, thuốc lá, chế biến bột và tinh bột); công nghiệp chế biến khác; công nghiệp hỗ trợ; tổ chức, quản lý hoạt động sự nghiệp dịch vụ công thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

09 CỤC ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: D10, Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại: 024 2214 7474
Fax: 024 3554 3008
Email: DTDL@moit.gov.vn
Website: erav.vn

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật đối với lĩnh vực điều tiết hoạt động điện lực; tổ chức thực hiện nhiệm vụ điều tiết hoạt động điện lực nhằm cung cấp điện an toàn, ổn định, chất lượng, sử dụng điện tiết kiệm, có hiệu quả và bảo đảm tính công bằng, minh bạch; tổ chức, quản lý hoạt động sự nghiệp dịch vụ công thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

10 CỤC ĐIỆN LỰC VÀ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Địa chỉ: Số 23, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024. 62786184
Fax: 024. 62786185
Website: http://www.erea.gov.vn/

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật đối với lĩnh vực điện lực, năng lượng mới và năng lượng tái tạo, bao gồm: điện, điện hạt nhân, năng lượng mới, năng lượng tái tạo; tổ chức, quản lý hoạt động sự nghiệp dịch vụ công thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

11 CỤC CÔNG THƯƠNG ĐỊA PHƯƠNG

Địa chỉ: Số 25, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 2221 8282 / 333
Fax: 024 2221 8383
Email: lamtq@moit.gov.vn
Website: http://arit.gov.vn

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật đối với lĩnh vực: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (bao gồm làng nghề tiểu thủ công nghiệp); khuyến công; cụm công nghiệp; doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa; tổng hợp chung tình hình phát triển công nghiệp và thương mại tại các địa phương trong cả nước; tổ chức, quản lý hoạt động sự nghiệp dịch vụ công thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

12 CỤC KỸ THUẬT AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: Số 25, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 2221 8320
Fax: 024 2221 8321
E-mail: cucatmt@moit.gov.vn
http://www.atmt.gov.vn

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật đối với lĩnh vực an toàn, bảo vệ môi trường trong công nghiệp và thương mại, bao gồm: điện, than, dầu khí, năng lượng mới, năng lượng tái tạo, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, công nghiệp cơ khí, luyện kim, công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp môi trường, công nghiệp công nghệ cao; cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; tổ chức, quản lý hoạt động sự nghiệp dịch vụ công thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

13 CỤC HÓA CHẤT

Địa chỉ: Số 21, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 2220 5057
Fax: 024 2220 5038
Email: chc.gov.vn
Website: cuchoachat.gov.vn

Vị trí và chức năng

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật đối với hoạt động hóa chất; tổ chức, quản lý hoạt động sự nghiệp dịch vụ công thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

III. KHỐI CƠ QUAN THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI NƯỚC NGOÀI

01 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI PHI-LÍP-PIN (KIÊM NHIỆM CỘNG HÒA PA-LAU)

Địa chỉ: 670 Pablo Ocampo Str, Malate District, Manila, Philippines
Điện thoại: +632 404 3659
Fax: +632 404 3661
Email: ph@moit.gov.vn

02. THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI CAM- PU-CHIA

Địa chỉ: 67 Samdech Pan (ex. 214) Strees Phnom Penh, Cambodia
Điện thoại: +855 1283 1922
Fax: +855 2321 7886
Email: kh@moit.gov.vn

03 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI HÀN QUỐC

Địa chỉ: 6th Fl., Golden Bridge Bldg., No.222 Chungjeongno 3-ga, Seodaemun-gu, Seoul, 120-708, REPUBLIC OF KOREA
Điện thoại: +82 2364 3661~2 / 362 2013
Fax: +82 2364 3664
Email: kr@moit.gov.vn
Website: http://vietnamexport.com/thuong-vu/tv124.htm

04 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI HỒNG KÔNG (KIÊM NHIỆM MA CAO)

Địa chỉ: 17/F, Golden Star Building, No. 20-24 Lockhart Road, Wan Chai, Hong Kong
Điện thoại: +852 2865 3218
Fax: +852 2865 3808
Email:hk@moit.gov.v

05 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI IN-ĐÔ-NÊ-XI-A (KIÊM NHIỆM TI-MO LÉT - XTÊ, PA-PUA NIU GHI-NÊ)

Địa chỉ: 1st Floor, Wahid 27 Building, Jl. KH. Wahid Hasyim No.27, RT.16/ RW.6, Kb. Sirih, Menteng, Kota Jakarta Pusat, Daerah Khusus Ibukota Jakarta 10340, Indonesia.
Điện thoại: +6221 3190 4344
Fax: +622 1310 0359
Email: id@moit.gov.vn

06 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI LÀO

Địa chỉ: 76 Sisangvone Road, Vientiane Lao P.D.R
Điện thoại: +856 2145 1990
Fax: +856 2145 4743
Email: la@moit.gov.vn

07 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI MA- LAY- XIA

Địa chỉ: No 4 Persiaran Stonor 50450 Kuala Lumpur, Malaysia
Điện thoại: +603 2141 4692; 603 2141 5134
Fax: +603 2141 4696
Email: my@moit.gov.vn

08 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI THÁI LAN

Địa chỉ: 83/1 Wireless Road, Lumpini, Pathumwan, Bangkok10330
Điện thoại: +662 650 845425
Fax: +662 2252 6950
Email: th@moit.gov.vn

09 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI MI-AN-MA

Địa chỉ: 9A Pyi Htaung Su Lan (Union Lane), Sayar San Road, Bahan Township, Yangon, Myanmar
Điện thoại: +95-1-551817
Fax: + 95 18550220
Email:mm@moit.gov.vn

10 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI NHẬT BẢN

Địa chỉ: 50-11 Motoyoyogicho, Shibuya-ku, Tokyo 151-0062, Japan
Điện thoại: +813 3466 3315; 813 3466 3466
Fax: +813 3466 3360
Email: jp@moit.gov.vn

11 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI NIU-DI-LÂN (KIÊM NHIỆM PHI-GI, SA-MOA)

Địa chỉ: Level 2, 90- 92 Dixon str. PO Box 11095, Manners str., Wellington 6142
Điện thoại: +64 4803 3775
Fax: +64 4803 3777
Email: nz@moit.gov.vn

12 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI Ô-XTRÂY-LI-A (KIÊM NHIỆM VA-NU-A-TU, QUẦN ĐẢO MÁC-SAN, MI-CRÔ-NÊ-XI-A, QUẦN ĐẢO XÔ-LÔ-MÔNG)

Địa chỉ: 9 Poate Rd, Centennial Park, NSW 2021, Australia
Điện thoại: +61 29356 4869
Fax: +61 29361 5898
Email: au@moit.gov.vn/vntrade@bigpond.net.au

13 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI TRUNG QUỐC

Địa chỉ: o.32, Guanghua Road, Jianguomenwai, Chaoyang District, Beijing, CHINA
Điện thoại: +8610 6532 9915
Fax: +8610 6532 5415
Email: cn@moit.gov.vn

14 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI XINH-GA-PO

Địa chỉ: No.10 Leedon Park, Singapore 267887
Điện thoại: +65 6468 3747
Fax: +65 6467 0458
Website:www.vntradesg.org

15 VĂN PHÒNG KINH TẾ VĂN HÓA VIỆT NAM TẠI ĐÀI BẮC (TRUNG QUỐC)

Địa chỉ: No. 101, F3-1, Song Jiang Rd.,Taipei, Taiwan, R.O.C
Điện thoại: +8862 2503 6840
Fax: +8862 2503 6842
Email: tw@moit.gov.vn

16 VĂN PHÒNG KINH TẾ VĂN HÓA VIỆT NAM TẠI TRÙNG KHÁNH

Địa chỉ: No 10, 12th Floor, Fuli Haiyang Guoji Buliding, Beichengtian Road, Jiangbei District, Chongquing City, China.
Điện thoại: +86 23 67906219
Fax: (86) 23 67908285

KHỐI THỊ TRƯỜNG CHÂU ÂU

01 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI ANH (KIÊM NHIỆM AI-LEN)

Địa chỉ: F 23, Bullingham Mansions Pitt Street
Điện thoại: +4420 7207 9825
Fax: +4420 3524 1732
Email: uk@moit.gov.vn

02 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI ÁO (KIÊM NHIỆM XLÔ-VEN-NI-A)

Địa chỉ: Gregor Mendel Strasse 52, 1190 Vienna, Austria
Điện thoại: +43 1367 1759
Fax: +43 1367 1759
Email: at@moit.gov.vn; trade@vietnamembassy.at

03 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI BA LAN (KIÊM NHIỆM LÍT-VA, E-XTÔ-NI-A)

Địa chỉ: Ul. Łucka 20, m. 87, 00-845, Warszawa
Điện thoại: +482 2114 7131
Fax: +482 2121 5267
Email: pl@moit.gov.vn

04 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI BỈ VÀ EU (KIÊM NHIỆM LÚC-XĂM-BUA, ỦY BAN CHÂU ÂU)

Địa chỉ: Avenue de Foestraets 16,1180 Uccle - Brussels, Belgium
Điện thoại: +32 2311 8976; 324 7049 8333
Fax: +32 2347 0335
Email: quantn@moit.gov.vn, be@moit.gov.vn

05 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI BUN-GA-RI (KIÊM NHIỆM MA-XÊ-ĐÔ-NI-A)

Địa chỉ: 1, Jetvarka Str., 1113 Sofia Bulgaria
Điện thoại: +359 2963 3173
Fax: +359 2963 5053
Email: bg@moit.gov.vn

06 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI CỘNG HOÀ BÊ-LA-RÚT

Địa chỉ: CH Belarus, 220030, Minsk, Krasnoarmeyskaja str., 22a / 67
Điện thoại: +3751 7226 0647
Fax: +3751 7226 0647
Email: by@moit.gov.v

07 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI ĐỨC

Địa chỉ: Oranien str.164, 10969 Berlin, Bundesrepublik Deutschland
Điện thoại: +493 0229 8198; 493 0229 2374; 4915 2060 24567
Fax: +493 0229 1812
Email: de@moit.gov.vn

08 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI HÀ LAN

Địa chỉ: 261 Laan Van New Oost-Indie, 2593 BR, The Hague, The Netherlands
Điện thoại: +317 0381 5594
Fax: +317 0381 4205
Email: nl@moit.gov.vn; vntrade@xs4all.nl

09 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI HUNG-GA-RI (KIÊM NHIỆM CRÔ-A-TI-A, BÔ-XNI-A HÉC-DÊ-GÔ-VI-NA)

Địa chỉ: H-1147 Budapest, Miskolci utca 89
Điện thoại: +363 0224 5968; 36 1261 6361
Fax: +36 1222 7039
Email: hu@moit.gov

10 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI I-TA-LI-A (KIÊM NHIỆM HY LẠP, MAN-TA, SÍP, SAN-MA-RI-NÔ)

Địa chỉ: Via Po 22, 00198 Roma, Italia
Điện thoại: +390 6841 3913
Fax: +390 6841 4072
Email: it@moit.gov.vn

11 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI NGA (KIÊM NHIỆM A-DÉC-BAI-GIAN, TUỐC-MÊ-NÍT-XTAN)

Địa chỉ: Ul, Pervaya – Tverskaya Yamskaya 30, Moscow 125047, Russia
Điện thoại: +749 9250 2422; 749 9251 4451; 749 9250 0848
Fax: +749 9250 0534
Email: ru@moit.gov.vn

12 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI PHÁP (KIÊM NHIỆM BỒ ĐÀO NHA, MÔ-NA-CÔ, AN-ĐÔ-RA, CỘNG HÒA TRUNG PHI)

Địa chỉ: 44, Avenue de Madrid, 92 200 Neuilly sur Seine, France
Điện thoại: +331 4624 8577
Fax: +331 4624 1258
Email: fr@moit.gov.vn

13 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI RU-MA-NI (KIÊM NHIỆM XÉC-BI-A, MÔN-TÊ-NÊ-GRÔ, AN-BA-NI)

Địa chỉ: Strada General Alexandru Cernat nr.3A, Sector 1, Bucuresti - Romania
Điện thoại: +403 1100 7613
Email: ro@moit.gov.vn

14 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI SÉC (KIÊM NHIỆM XLÔ-VA-KI-A)

Địa chỉ: Rasinovo Nabrezi 38, 128 00 Praha 2, Czech Republic
Điện thoại: +4207 7363 5829
Fax: +4202 2494 2132
Email: cz@moit.gov.vn

15 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI TÂY BAN NHA (KIÊM NHIỆM BỒ ĐÀO NHA)

Địa chỉ: Paseo de la Castellana, 166, Esc 2, 2do, Izq, 28046, Madrid, Spain
Điện thoại: +349 1345 0519
Fax: +349 1345 0496
Email: espa@moit.gov.vn

16 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI THỤY ĐIỂN (KIÊM NHIỆM ĐAN MẠCH, PHẦN LAN, AI-XƠ-LEN, NA UY, LÁT-VI-A)

Địa chỉ: Upplandsgatan 38, 113 28 Stockholm
Điện thoại: +468 322 666
Fax: +468 321 580
Email: se@moit.gov.vn

17 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI THỤY SỸ (KIÊM NHIỆM LÍT-TEN-XƠ-TÊN)

Địa chỉ: Stadtbachstrasse 42, CH-3012 Bern, Switzerland
Điện thoại: +413 1304 2766
Fax: +413 1301 4681
Email: ch@moit.gov.vn

18 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI U-CRAI-NA (KIÊM NHIỆM MÔN-ĐÔ-VA, ÁC-MÊ-NI-A)

Địa chỉ: 18 Instituskaya street., 01103 Kiev, Ucraina
Điện thoại: +3804 4253 0253
Fax: +3804 4253 0253
Email: ua@moit.gov.vn
Website: ua@moit.gov.vn

19 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI U-DƠ-BÊ-KI-XTAN (KIÊM NHIỆM TÁT-GI-KI-XTAN, CƯ-RƠ-GƯ-XTAN)

Địa chỉ: 100, Rashidov str., Tashkent City, 700084 Uzbekistan
Điện thoại: +998 7112 05011
Fax: +998 7112 06265
Email: uz@moit.gov.vn

KHỐI THỊ TRƯỜNG CHÂU MỸ

01 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI ÁC-HEN-TI-NA (KIÊM NHIỆM U-RU-GUAY, PA-RA-GUAY)

Địa chỉ: Manuel Ugarte 3792, C.P, Buenos Aires, Argentina
Điện thoại: +5411 4706 1992
Fax: +5411 4706 1992
Email: argentina@moit.gov.vn; ar.vietrade@gmail.com

02 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI VÊ-NÊ-ZU-Ê-LA (KIÊM NHIỆM CÔ-LÔM-BI-A, GRÊ-NA-ĐA, BÁC-BA-ĐỐT, XANH VIN-XEN VÀ GREE-NA-DIN)

Địa chỉ: Edificio "Parque Jahn", Apto. 3 C, Av. Alfredo Jahn entre 3ra.y 4ta.transversal, Urb.: Los Palos Grandes, Chacao, Caracas
Điện thoại: +5821 2284 0679
Fax: +5821 2264 7324
Email: phongkt@moit.gov.vn; ktphong172@gmail.com

03 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI BRA-XIN (KIÊM NHIỆM BÔ-LI-VI-A, GUY-A-NA, PÊ-RU, XU-RI-NAM)

Địa chỉ: Rua Paulo Orozimbo, 675-Conj. 91;92 CEP: 015-35001- Bairro da Aclimação; São Paulo - SP - Brasil
Điện thoại: +5511 3276 6776
Fax: +5511 2537 8040
Email: Br@moit.gov.vn; ecoviet@terra.com.br
Website: http://www.ecoviet.com.br

04 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI CA-NA-ĐA

Địa chỉ: 161 Sherwood Drive, Ottawa, Ontario, K1Y 3V5, Canada
Điện thoại: +61 3715 9683/9640
Fax: +61 3715 9482
Email: ca@moit.gov.vn; vinatrade@rogers.com

05 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI CHI LÊ (KIÊM NHIỆM Ê-CU-A-ĐO)

Địa chỉ: Av. Eliodoro Yañez # 2887, Providencia, Santiago, Chile
Điện thoại: +562 2232 1135; 562 2232 1394
Fax: +562 2334 1159
Email: vantvar@gmail.com ; vantd@moit.gov.vn
Website: http://www.vietradeinchile.gov.vn

06 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI CU BA (KIÊM NHIỆM HAI-I-TI, ĐÔ-MI-NI-CA-NA, NI-CA-RA-GOA, GIA-MAI-CA, XANH KÍT-XƠ VÀ NE-VI-XƠ, AN-TI-GOA VÀ BA-BU-DA))

Địa chỉ: Calle 16, No.514 e/.5ta y 7ma, Miramar, La Habana, Cuba
Điện thoại: +537 204 1525, 206 9745
Fax: +537 204 5333
Email: cu@moit.gov.vn; dovietphuong1981bct@yahoo.com

07 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI HOA KỲ

Địa chỉ: 1730 M Street, N.W., Suite 501 Washington, D.C., 20036 USA
Điện thoại: +20 2463 9425, 463 9426, 463 9428, 463 9419
Fax: +20 2463 9439
Email: vinatrade@vietnam-ustrade.org
Website: http://www.vietnam-ustrade.org

08 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI MÊ-XI-CÔ (KIÊM NHIỆM GOA-TÊ-MA-LA, ÔN-ĐU-RÁT, EN-XAN-VA-ĐO, BÊ-LI-GIÊ)

Địa chỉ: Sudermann # 408, Col. Polanco, Del. Miguel Hidalgo C.P.11560, México D.F.
Điện thoại: +5255 5254 0024
Fax: +5255 5254 0023
Email: mx@moit.gov.vn; vietrade.mexico@gmail.com

KHỐI THỊ TRƯỜNG CHÂU PHI, TÂY Á, NAM Á

01 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI AI CẬP (KIÊM NHIỆM XU-ĐĂNG, NAM XU-ĐĂNG, PA-LÉT-TIN, Ê-RI-TƠ-RÊ, LI BĂNG))

Địa chỉ: Ground floor, 23 Mohamed El Ghazali, Dokki, Giza, Egypt
Điện thoại: +202 3336 6598
Fax: +202 3748 5721
Email: eg@moit.gov.vn

02 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI ẤN ĐỘ (KIÊM NHIỆM NÊ PAN, BU-TAN)

Địa chỉ: B-5/123, Safdarjung Enclave, New Delhi, India. Pin code 110029.
Điện thoại: +91 2617 5953
Fax: +91 2617 5954.
Email: in@moit.gov.vn

03 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI AN-GIÊ-RI (KIÊM NHIỆM MA-LI, XÊ-NÊ-GAN, NI-GIÊ, GĂM-BI-A, TUY-NI-DI)

Địa chỉ: Villa 30, boulevard du 11 Decembre 1960, El Biar, Val d'Hydra, Alger, Algeria
Điện thoại: +21321946070/ +213559 50 26 58
Fax: (+213) 21 60 11 81
Email:dz@moit.gov.vn; nhuanhd@moit.gov.vn

04 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI Ả-RẬP XÊ-ÚT (KIÊM NHIỆM GIÓC-ĐA-NI, Y-Ê-MEN, BA-RANH)

Địa chỉ: Villa 23, Al-Dhiyafah Street, Al-Nuzha District, Riyadh, Kingdom of Saudi Arabia; P.O.Box 7822 Riyadh 14211-2518
Điện thoại: +966 1456 9756
Fax: + 966 1454 8844
Email: Hainq@moit.gov.vn

05 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI CÁC TIỂU VƯƠNG QUỐC Ả-RẬP THỐNG NHẤT (UAE) (KIÊM NHIỆM Ô-MAN)

Địa chỉ: No. 404, Al Ain Center (Computer Plaza), Al Mankhool Road, Bur Dubai, Dubai, UAE P.O.Box: 72342, Dubai, UAE
Điện thoại: +971 4359 7350
Fax: +971 4359 7351
Email: ae@moit.gov.vn; vntrade@emirates.net.ae

06 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI CÔ-OÉT (KIÊM NHIỆM Ô-MAN, CA-TA)

Địa chỉ: Block 10, Street 19, Villa 96, Jabriya, Kuwait
Điện thoại: +965 2535 1593
Fax: + 965 2535 1592
Email: kw@moit.gov.vn; lebangoc11@yahoo.com

07 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI I-RAN (KIÊM NHIỆM XY-RI, I-RẮC)

Địa chỉ: Căn hộ số 6, tòa nhà số 5, ngõ Serifian, phố Servati, Farmaniyeh, Tehran, Iran
Điện thoại: +982122290133
Fax: +982122290133
Email:ir@moit.gov.vn; lebangoc11@yahoo.com

08 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI I-XRA-EN

Địa chỉ: Apartment No.3, 10th Floor, Building Y002, No.19 Nissim Aloni Street, Tel Aviv, Israel
Điện thoại: +9725 42912951 / +9727 7532 9524
Fax: +9727 7432 5346
Email: hoalethai@yahoo.com; il@moit.gov.vn

09 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI MA-RỐC (KIÊM NHIỆM GHI-NÊ, BÊ NANH, CỐT-ĐI-VOA, BUỐC-KI-NA-PHA XÔ))

Địa chỉ: 240 Boulevard Zerktouni, 5è étage, Casablanca - Maroc
Điện thoại: +2125 2247 3723
Fax: +2125 2227 0724
Email: ma@moit.gov.vn

10 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI NAM PHI (KIÊM NHIỆM NAM-MI-BI-A, DIM-BA-BU-Ê, BỐT-XOA-NA, VƯƠNG QUỐC LÊ-XÔ-THÔ, VƯƠNG QUỐC XOA-DI-LEN, MÔ-DĂM-BÍC)

Địa chỉ: 198 Silver Oak Ave, Waterkloof, Pretoria, South Africa
Điện thoại: +271 2346 8083
Fax: +271 2346 8507
Email: za@moit.gov.vn

11 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI NI-GIÊ-RI-A (KIÊM NHIỆM GHANA, CAMEROON, TOGO, CHAD, SIERRA LEONE & LIBERIA)

Địa chỉ: Số nhà 21, Khu The Address Home#1, Đại lộ Castlerock, Quận Lekki, C.P. 106104, Thành phố Lagos, Nigeria
Điện thoại: + 23480 3474 4486; + 23470 1831 0933
Email: ng@moit.gov.vn; VietradeNigeria@gmail.com
Website: http://vietnamexport.com/thuong-vu/tv88.html

12 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI PA-KÍT-XTAN (KIÊM NHIỆM ÁP-GA-NÍT-XTAN)

Địa chỉ: Plot No.7-B/II, 11th South Street, Phase-II (Ext.). Defence Housing Authority, Karachi, Pakistan
Điện thoại: +39221 3580 5193
Fax: +39221 3580 5194
Email: pk@moit.gov.vn

13 THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI THỔ NHĨ KỲ

Địa chỉ: Hattat Halim Sok., No. 6, Daire 3, Gayrettepe, Besiktas, Istanbul Turkey
Điện thoại: +9021 2267 3668
Fax: +9021 2267 4988
Email: tr@moit.gov.vn

IV. KHỐI CÁC ĐƠN VỊ KHÁC

01 VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG CẠNH TRANH

Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024.22205318
Fax: 024.22205530
Email: vphdct@moit.gov.vn

Vị trí và chức năng

Văn phòng Hội đồng Cạnh tranh là cơ quan thuộc Bộ Công Thương, có chức năng tham mưu, giúp việc Bộ trưởng Bộ Công Thương và Hội đồng Cạnh tranh trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Cạnh tranh và theo phân công của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

02 VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO LIÊN NGÀNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ KINH TẾ

Địa chỉ: Tầng 10 Tòa nhà Hồng Hà Center, 25 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 39378432 /39364124
Fax: 024 39368959
Email: hoinhapkinhte@moit.gov.vn

Vị trí và chức năng

Văn phòng Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế (BCĐLNKT) là cơ quan giúp việc của BCĐLNKT, thực hiện chức năng nghiên cứu, đề xuất, tham mưu cho lãnh đạo BCĐLNKT các nội dung liên ngành về hội nhập kinh tế quốc tế.

03 VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO QUỐC GIA VỀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024.22202504

Vị trí và chức năng

Văn phòng Ban Chỉ đạo quốc gia về phát triển điện lực là bộ phận tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo quốc gia về phát triển điện lực (Ban chỉ đạo); làm đầu mối tổng hợp, phối hợp công việc giữa các thành viên Ban chỉ đạo và các Bộ, ngành liên quan; giúp Ban chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc theo dõi việc thực hiện các dự án; tổng hợp các báo cáo và đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề vướng mắc trong quá trình thực hiện các dự án nguồn và lưới điện trong quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, đặc biệt các dự án trọng điểm về điện lực, các dự án cấp bách, các dự án hạ tầng cơ sở nhập khẩu năng lượng sơ cấp, các dự án phát triển năng lượng tái tạo; tổng hợp báo cáo và đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề vướng mắc liên quan đến mua bán điện với nước ngoài, phát triển năng lượng tái tạo.

V. KHỐI VIỆN NGHIÊN CỨU TRỰC THUỘC BỘ

01 VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH CÔNG THƯƠNG

Địa chỉ: Số 17 Yết Kiêu, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 024 3934 6029
Fax: 024 3825 3417
Email: vioit@moit.gov.vn
Website: https://www.vioit.org.vn

Vị trí và chức năng

Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương là cơ quan nghiên cứu và cung cấp luận cứ khoa học phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ thuộc lĩnh vực công nghiệp và thương mại; nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ thông tin, kinh tế số; đánh giá hiệu quả, hiệu lực, tác động và việc tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình, chính sách phát triển; nghiên cứu xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, định mức kinh tế, kỹ thuật, quy phạm, quy trình chuyên ngành, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình, chính sách phát triển các ngành và lĩnh vực thuộc lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

Đào tạo sau đại học, tổ chức hoạt động bồi dưỡng, tập huấn về quản lý, kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ, tư vấn, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, đầu tư, đổi mới công nghệ, hợp tác, trao đổi về các lĩnh vực theo chức năng và nhiệm vụ với các đối tác trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật...

02 VIỆN NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ: Số 6, Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: 024 3852 3730 - 024 3852 3353
Fax: 024 3852 9302
Email: bbt@ievn.com.vn
Website: www.ievn.com.vn

Vị trí và chức năng

Viện Năng lượng là cơ quan nghiên cứu khoa học công nghệ, quy hoạch tổng thể phát triển năng lượng và điện lực. Viện hoạt động trên các lĩnh vực nghiên cứu chiến lược, chính sách và quy hoạch phát triển năng lượng/điện lực quốc gia; nghiên khoa học và công nghệ năng lượng/điện lực, môi trường và phát triển năng lượng; tư vấn và dịch vụ khoa học công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực và hợp tác khoa học công nghệ với các tổ chức trong nước, các tổ chức nước ngoài và các ngành nghề kinh doanh khác.

03 VIỆN NGHIÊN CỨU CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 4, Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024 3764 7350
Fax: 024 3764 9883
Email: narime@narime.gov.vn
Website: http://www.narime.gov.vn

Vị trí và chức năng

Viện Nghiên cứu Cơ khí là cơ quan nghiên cứu và xây dựng chiến lược, chính sách, quy hoạch phát triển, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy phạm, tiêu chuẩn ngành cơ khí; Nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ cơ khí - tự động hóa. Chế tạo, lắp đặt, bán buôn, bán lẻ thiết bị đồng bộ thuộc dây chuyền công nghệ trong ngành công nghiệp và các ngành kinh tế. Giám định, kiểm định, kiểm tra chất lượng về thiết kế dây chuyền công nghệ, các công trình khoa học và các thiết bị, máy, phụ tùng chuyên ngành công nghiệp; thiết kế thiết bị, công nghệ cơ khí công trình công nghiệp...

KHỐI VIỆN NGHIÊN CỨU TRỰC THUỘC BỘ

04 VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ MỎ - LUYỆN KIM

Địa chỉ: 79 An Trạch, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: 024 3845 6994;
Fax: 024 3845 6983
Email: vimluki@fpt.vn
Website: http://www.vimluki.com.vn

Vị trí và chức năng

Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ - Luyện kim là cơ quan nghiên cứu về khoa học công nghệ, tham gia quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong lĩnh vực Mỏ - Luyện kim; nghiên cứu chiến lược, chính sách phục vụ quản lý nhà nước; giúp Bộ trưởng quản lý, tổ chức thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực luyện kim, công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản của Bộ Công Thương; thực hiện các dịch vụ theo quy định của pháp luật.

05 VIỆN NGHIÊN CỨU ĐIỆN TỬ, TIN HỌC, TỰ ĐỘNG HÓA

Địa chỉ: 156A Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 024 3716 4855
Fax: 024 3716 4842
Email: info@vielina.com

Vị trí và chức năng

Viện Nghiên cứu Điện tử, Tin học, Tự động hoá là đơn vị nghiên cứu, triển khai khoa học- công nghệ trực tiếp thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và sản xuất - kinh doanh thuộc lĩnh vực điện tử, tin học, tự động hoá.

06 VIỆN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM

Địa chỉ: Số 301 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại: 024 3858 4318
Fax: 024 3858 4554
Email: manh@firi.ac.vn
Website: http://firi.vn/

Vị trí và chức năng

Viện Công nghiệp thực phẩm là cơ quan nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ chế biến thực phẩm phục vụ sản xuất công nghiệp, tổ chức cá nhân; xây dựng chiến lược, chính sách, quy hoạch phát triển, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy phạm, tiêu chuẩn ngành công nghiệp chế biến thực phẩm; hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đầu tư trực tiếp, dịch vụ khoa học, công nghệ về lĩnh vực chế biến thực phẩm với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; giám định, kiểm định, kiểm tra chất lượng, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, thiết bị thuộc ngành công nghiệp chế biến thực phẩm...

07 VIỆN NGHIÊN CỨU DẦU VÀ CÂY CÓ DẦU

Trụ sở chính: Số 171-175 Đại lộ Hàm Nghi, Nguyễn Thái Bình, Q1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3829 7336 / 3824 3526
Fax: 028 3824 3528
Email: ioop@ioop.org.vn
Website: www.ioop.org.vn

Vị trí và chức năng

Viện nghiên cứu Dầu và Cây có dầu là cơ quan nghiên cứu, tư vấn, thiết kế, chuyển giao công nghệ và sản xuất - kinh doanh về ngành công nghiệp chế biến dầu và cây có dầu; nghiên cứu xây dựng chiến lược, chính sách, qui hoạch phát triển, định mức kinh tế-kỹ thuật, qui phạm, tiêu chuẩn ngành chế biến dầu; giám định, kiểm định, kiểm tra chất lượng, hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đầu tư trực tiếp, làm dịch vụ trong lĩnh vực chế biến dầu thực vật và cây có dầu....

08 VIỆN NGHIÊN CỨU DA - GIẦY

Địa chỉ: Số 160 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 024 3845 4214
Fax: 024 3845 4214
Email: shoesleather@fpt.vn
Website: http://www.lsi.com.vn

Vị trí và chức năng

Viện Nghiên cứu Da - Giày là cơ quan nghiên cứu xây dựng chiến lược chính sách, quy hoạch phát triển, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy phạm, tiêu chuẩn ngành công nghiệp Da - Giày; phát triển và ứng dụng chuyển giao công nghệ Da - Giày; thiết kế, chế tạo, lắp đặt và cung cấp nguyên liệu, phụ liệu, hoá chất, máy, thiết bị đồng bộ, giám định, kiểm định, kiểm tra chất lượng, kiểm chuẩn nguyên phụ liệu thuộc dây chuyền công nghệ chuyên ngành. Tổ chức các hoạt động thông tin khoa học, công nghệ và kinh tế ngành Da - Giày. Hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đầu tư trực tiếp, liên doanh liên kết, dịch vụ khoa học, công nghệ với các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước...

09 VIỆN NGHIÊN CỨU THIẾT KẾ CHẾ TẠO MÁY NÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: Số 8 đường Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội
Điện thoại: 024 3854 7363
Fax: 024 3854 7366
Email: vmnn@riam.com.vn hoặc ndtung@riam.com.vn
Website: http://www.riam.com.vn

Vị trí và chức năng

Viện Nghiên cứu thiết kế chế tạo máy nông nghiệp là cơ quan nghiên cứu thiết kế, chế tạo máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp chế biến nông lâm hải sản; sản xuất thử nghiệm các sản phẩm trên cơ sở các kết quả nghiên cứu; thực hiện các dịch vụ khoa học; kỹ thuật, thông tin, tư vấn, chuyển giao công nghệ, đào tạo bồi dưỡng cán bộ trong lĩnh vực máy nông nghiệp.

10 VIỆN NGHIÊN CỨU SÀNH SỨ - THỦY TINH CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: Số 132 Nguyễn Tuân, Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại: 024 3858 4172
Website: https://riceglass.vn

Vị trí và chức năng

Viện Nghiên cứu Sành sứ - Thuỷ tinh công nghiệp là đơn vị nghiên cứu, triển khai khoa học - công nghệ thuộc lĩnh vực sành sứ - thuỷ tinh công nghiệp; nghiên cứu xây dựng chiến lược, quy hoạch, chính sách phát triển khoa học và công nghệ chuyên ngành sành sứ - thuỷ tinh công nghiệp; tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ, môi trường và kinh tế ngành sành sứ - thuỷ tinh công nghiệp; ứng dụng các thành tựu khoa học tiên tiến vào phát triển sản xuất - kinh doanh các sản phẩm sành sứ, thuỷ tinh phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu...

11 VIỆN CÔNG NGHIỆP GIẤY VÀ XENLUYLÔ

Địa chỉ: 59 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại: 024 38581072
Fax: 024 38581070
Email: viengiayvietnam@gmail.com
Website: http://www.rippi.com.vn

Vị trí và chức năng

Viện Công nghiệp Giấy và Xenluylô là đơn vị nghiên cứu, tham gia xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển ngành giấy; nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu triển khai khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nguyên liệu; thiết bị phụ tùng và sản phẩm giấy và xenlulô;

12 CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: Số 46 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: 024 3835 1010
Email: imi@hn.vnn.vn / info.imiholding@gmail.com
Website: http://imi-holding.com

Vị trí và chức năng

Viện IMI hoạt động trong 03 lĩnh vực: Nghiên cứu, Đào tạo, Sản xuất kinh doanh, tập trung vào các nhóm sản phẩm dịch vụ chính gồm: máy công cụ và thiết bị CNC, máy và thiết bị xây dựng, thiết bị công nghiệp, đo lường công nghiệp, khuôn mẫu và cơ khí chính xác, thiết bị môi trường, dây chuyền thiết bị đồng bộ và robot công nghiệp, máy nông nghiệp và chế biến đông dược, thực phẩm.

13 CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY (VTRI)

Trụ sở chính: Số 478 Minh Khai, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Điện thoại: 024 38624025
Fax: 024 38622867
Email: info@viendetmay.org.vn
Website: www.viendetmay.org.vn
Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh (VTRSI):
Địa chỉ: 345/128A, Trần Hưng Đạo, Quận I, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028 3920 1396
Fax: 028 3920 2215
Email: trsi@hcm.vnn.vn
Website: www.phanviendetmay.org.vn

Vị trí và chức năng

Công ty Cổ phần - Viện nghiên cứu dệt may có nhiệm vụ Nghiên cứu chiến lược, qui hoạch, chính sách, thị trường và các giải pháp phát triển ngành dệt may theo yêu cầu, phục vụ nhu cầu quản lư, đầu tư phát triển của Ngành; Nghiên cứu ứng dụng và phát triển các nguyên liệu, thiết bị, công nghệ, tiêu chuẩn chất lượng, quy chuẩn kỹ thuật và sản phẩm dệt may mới; Hoạt động dịch vụ khoa học kỹ thuật như: Thử nghiệm, giám định, kiểm định, hiệu chuẩn, chứng nhận, tư vấn, đào tạo và chuyển giao công nghệ; Tham gia xây dựng tiêu chuẩn Nhà nước và tiêu chuẩn cơ sở về các nguyên liệu, sản phẩm dệt may, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn địa phương liên quan đến sản phẩm/ngành dệt may; Tham gia xây dựng các phòng thí nghiệm quốc gia, phòng thí nghiệm về môi trường sinh thái, hệ thống các phòng thử nghiệm trong cả nước để giám định và kiểm tra chất lượng nguyên liệu và sản phẩm dệt may; Sản xuất và kinh doanh một số sản phẩm dệt may.

01

TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Tầng 5-6, tòa nhà Bộ Công Thương, số 655 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.
Điện thoại: 024 3825 1312
Fax: 024 3934 9177
Email: vinanet@moit.gov.vn
Website: http://vinanet.vn

Vị trí và chức năng

Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin về kinh tế, công nghiệp, thương mại, thị trường thương nhân phục vụ quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, các cơ quan Đảng, nhà nước và tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật.

02

TRUNG TÂM Y TẾ MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG CÔNG THƯƠNG

Địa chỉ: Số 99 Văn Cao, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 024 3762 5281
Fax: 024 3761 0774
Email: ttytebocongnghiep@vnn.vn
Website: http://trungtamytemtldct.com

Vị trí và chức năng

Xây dựng, trình Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch hàng năm và dài hạn về công tác vệ sinh môi trường lao động, phòng chống dịch bệnh trong ngành, khám và điều trị bệnh nghề nghiệp, khám và điều trị đa khoa, phục hồi chức năng cho cán bộ công nhân viên ngành Công Thương, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt; Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, được cấp có thẩm quyền giao về vệ sinh môi trường lao động, sự nghiệp y tế, chăm sóc sức khỏe ban đầu và các chương trình y tế quốc gia khác, định kỳ, tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện các chương trình y tế quốc gia và các dự án được giao...

VII. KHỐI ĐƠN VỊ BÁO CHÍ, XUẤT BẢN TRỰC THUỘC BỘ

01

BÁO CÔNG THƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 10-11, tòa nhà Bộ Công Thương, số 655 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.
Điện thoại: 024 3936 6400
Fax: 024 3936 6402
Email: dientu@baocongthuong.com.vn
Website: http://congthuong.vn

Vị trí và chức năng

Báo Công Thương là cơ quan ngôn luận, phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, là diễn đàn của giới Công Thương Việt Nam thực hiện chức năng hoạt động báo chí theo quy định của Luật Báo chí.

02

TẠP CHÍ CÔNG THƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Bộ Công Thương, số 655 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.
Điện thoại: 024 2221 8238
Fax: 024 2221 8237
Email: online@tapchicongthuong.vn
Website: http://tapchicongthuong.vn

Vị trí và chức năng

Thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và chủ trương của Bộ Công Thương về kinh tế, công nghiệp, thương mại và các lĩnh vực liên quan; Giới thiệu các công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ, sáng chế, sáng kiến, kinh nghiệm trong sản xuất, kinh doanh và quản lý của ngành Công Thương; Phản ánh và hướng dẫn dư luận trong lĩnh vực khoa học quản lý, kinh tế, công nghệ ngành Công Thương; Là diễn đàn ngôn luận của các nhà khoa học, các nhà chuyên môn trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

03

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Bộ Công Thương, số 655 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.
Điện thoại: 024 3 934 1562
Fax: 024 3 938 7164,
Website: http: //nhaxuatbancongthuong.com.vn
Email: nxbct@moit.gov.vn

Vị trí và chức năng

Xuất bản các xuất bản phẩm phục vụ hoạt động quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công nghiệp và thương mại; tuyên truyền phổ biến pháp luật, chính sách về công nghiệp và thương mại; chủ trương chính sách phát triển về kinh tế, khoa học kỹ thuật, công nghệ, khoa học quản lý kinh tế của Đảng và Nhà nước...

VIII. KHỐI CƠ SỞ ĐÀO TẠO TRỰC THUỘC BỘ

01 TRƯỜNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ CÔNG THƯƠNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 193 phố Vĩnh Hưng, Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
Điện thoại: 024 3861 1461
Fax: 024 3644 0498 | Email: tcbct@vitis.edu.vn
Website: http://vitis.edu.vn/

Vị trí và chức năng

Trường Đào tạo, bồi dưỡng Cán bộ Công Thương Trung ương là đơn vị sự nghiệp công lập, có chức năng đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật, kiến thức quản lý hành chính nhà nước, quản lý chuyên ngành, năng lực, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, các nguyên tắc về hoạt động nghiệp, đạo đức nghề nghiệp, kiến thức bổ trợ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, ngoại ngữ và tin học, kiến thức về hội nhập quốc tế để nâng cao trình độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ quản lý doanh nghiệp, người lao động ngành Công Thương; giáo dục nghề nghiệp ở các cấp trình độ, cung ưng nguồn nhân lực có chất lượng cho ngành Công Thương; nghiên cứu khoa học; chuyển giao công nghệ; hợp tác trong và ngoài nước; cung cấp các dịch vụ về tư vấn đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của pháp luật.

02 TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Trụ sở chính: Số 298 đường Cầu Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Cơ sở 2: Phường Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.
Cơ sở 3: Phường Lê Hồng Phong, xã Phù Vân, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.
Điện thoại: 024 3765 5121
Fax: 024 3765 5261.
Website: https://www.haui.edu.vn
Email: dhcnhn@haui.edu.vn

Vị trí và chức năng

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là cơ sở giáo dục đại học công lập, có chức năng đào tạo, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực trình độ đại học, sau đại học và các trình độ thấp hơn theo quy định của pháp luật; đồng thời Trường là cơ sở nghiên cứu triển khai khoa học - công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực phục vụ sản xuất - kinh doanh của ngành Công Thương và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

03 TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 12 Nguyễn Văn Bảo, Phường 4, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3894 0390
Fax: 028 3894 6268
Email: dhcn@iuh.edu.vn
Website: www.iuh.edu.vn

Vị trí và chức năng

Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh là cơ sở giáo dục đại học công lập, có chức năng đào tạo đại học, sau đại học, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với nhu cầu của xã hội, thông qua việc đào tạo nhiều ngành nghề thuộc khối kỹ thuật và kinh tế... Ngoài ra trường còn có chức năng nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế về đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực.

KHỐI CƠ SỞ ĐÀO TẠO TRỰC THUỘC BỘ

04 TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 235 Hoàng Quốc Việt, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Cơ sở 2: Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội
Điện thoại: 024 2218 5607
Fax: 024 3836 2065
Email: info@epu.edu.vn
Website: https://www.epu.edu.vn/

Vị trí và chức năng

Đại học Điện lực là cơ sở giáo dục đại học công lập, có nhiệm vụ chủ yếu là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cung cấp cho ngành và phục vụ nhu cầu kinh tế xã hội, đồng thời là một trung tâm nghiên cứu khoa học - công nghệ hàng đầu của ngành. Ngoài chức năng đào tạo, trường còn tham gia nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo.

05 TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Cơ sở Hà Nội

Địa chỉ: Số 456 Minh Khai, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Số 218, Đường Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội
Điện thoại: 024 3862 1504 / 024 3862 3938
website:www.uneti.edu.vn

Cơ sở Nam Định

Địa chỉ: Số 353, Trần Hưng Đạo, P. Bà Triệu, TP. Nam Định
Khu xưởng Thực hành: Xã Mỹ Xá, TP. Nam Định
Điện thoại: 022 8384 8706 / 022 8384 5747
Website: www.uneti.edu.vn

Vị trí và chức năng

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp là cơ sở giáo dục đại học công lập, có chức năng đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn cao, có khả năng ứng dụng nghề nghiệp sát với thực tiễn trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành Công Thương và cả nước.

06 TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Địa chỉ: Phường Yên Thọ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại: 0203.3871.292 +84-02033871292
Fax: 0203.3871/092
Email: dhcnqn@qui.edu.vn
http://www.qui.edu.vn/

Vị trí và chức năng

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh là cơ sở giáo dục đại học công lập, có chức năng đào tạo, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực trình độ đại học, sau đại học và các trình độ thấp hơn theo quy định của pháp luật; đồng thời Trường là cơ sở nghiên cứu triển khai khoa học – công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực phục vụ sản xuất – kinh doanh của ngành Công Thương và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

07 TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT - HUNG

Địa chỉ: Số 16 Hữu Nghị, Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội
Điện thoại: 024 3383 8345
Email: viethung@viu.edu.vn
Website: https://viu.edu.vn

Vị trí và chức năng

Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung là cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Bộ Công Thương; có chức năng đào tạo, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ đại học, sau đại học và các trình độ thấp hơn theo quy định của pháp luật; đồng thời Trường là cơ sở nghiên cứu phát triển khoa học – công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực phục vụ sản xuất – kinh doanh của ngành Công Thương và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

08 TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Địa chỉ: Số 24, Thái Học 2, Sao Đỏ, Chí Linh, Hải Dương
Điện thoại: 022 0388 2269
Fax: 022 0388 2921
Email: Info@saodo.edu.vn
Website: http://saodo.edu.vn

Vị trí và chức năng

Trường Đại học Sao Đỏ là cơ sở giáo dục đại học công lập, có chức năng, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực các trình độ của giáo dục đại học theo quy định của pháp luật; hợp tác quốc tế; hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ theo quy định; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

09 TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 140 Lê Trọng Tấn, Tây Thạnh, Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3816 3318
Email: info@hufi.edu.vn
Website: http://hufi.edu.vn/

Vị trí và chức năng

Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh là cơ sở giáo dục đại học công lập, có chức năng đào tạo, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực trình độ đại học, sau đại học và các trình độ thấp hơn theo quy định của pháp luật; đồng thời Trường là cơ sở nghiên cứu triển khai khoa học – công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực phục vụ sản xuất – kinh doanh của ngành Công Thương và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

10 TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Tiên Kiên, Lâm Thao, Phú Thọ
Địa điểm 2: Phường Tiên Cát, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Điện thoại: 021 0384 8636
Fax: 021 0382 7306
Email: cnvt@vui.edu.vn
Website: http://www.vui.edu.vn

Vị trí và chức năng

Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì là cơ sở giáo dục đại học công lập, có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ Đại học, sau đại học và các trình độ thấp hơn theo quy định của pháp luật, đồng thời là trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, đạt đến trình độ tiên tiến trong hệ thống giáo dục quốc dân, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

11 TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 20 Tăng Nhơn Phú, Phường Phước Long B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3731 3631
Fax: 028 3897 8501
Email: daotao@hitu.edu.vn
Website: hitu.edu.vn

Vị trí và chức năng

Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh (HITC) là cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Công Thương, là địa chỉ tin cậy trong đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và kinh tế. Cụ thể là ngành: kế toán, quản trị kinh doanh, tài chính ngân hàng, công nghệ thông tin, tiếng Anh...

12 TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 1 Chùa Cấm, Đường Trần Hưng Đạo, Trưng Nhị, Phúc Yên, Vĩnh Phúc
Điện thoại: 021 1387 3904
Fax: 021 1387 3910
Email: webmaster@pci.edu.vn
Website: https://coit.edu.vn

Vị trí và chức năng

Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại là cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng kỹ thuật – kinh tế công nghiệp và các trình độ thấp hơn theo quy định của pháp luật; thực hiện cấp văn bằng, chứng chỉ về giáo dục và đào tạo, dạy nghề theo quy định của pháp luật; Trường là cơ sở nghiên cứu triển khai khoa học - công nghệ phục vụ sản xuất - kinh doanh của ngành Công Thương và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

13 TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP NAM ĐỊNH

Địa chỉ: Cầu Giành, Km 06 - QL10, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
Điện thoại: 0228.3849581
Fax: 022 8384 3051
Email: cnd@cnd.edu.vn
Website: http://cnd.edu.vn/

Vị trí và chức năng

Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định là cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có chức năng đào tạo đa ngành nghề cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Trường hiện đang đào tạo các nhóm ngành: cơ khí, thiết kế thời trang, điện - điện tử, công nghệ thông tin, kinh tế...

14 TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Xã Sơn Cẩm, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại: 020 8384 4142
Fax: 020 8384 4142
Email: tnic@cdcntn.edu.vn
Website: http://www.cdcntn.edu.vn

Vị trí và chức năng

Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên là cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có chức năng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật - Kinh tế công nghiệp và các trình độ thấp hơn, gồm các chuyên ngành chủ yếu: Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ cơ khí động lực, Điện tự động hoá, Công nghệ kỹ thuật điện, công nghệ kỹ thuật điện tử, Công nghệ thông tin, công nghệ May, công nghệ thiết kế thời trang, kế toán theo quy định của pháp luật.

15 TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM

Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Điện thoại: 021 0384 9674
Fax: 021 0384 6331
Email: cdtp@fic.edu.vn
Website: https://fic.edu.vn/

Vị trí và chức năng

Trường Cao đẳng Công nghiệp Thực phẩm là cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có chức năng đào tạo trình độ cao đẳng đa ngành, đa lĩnh vực. Là cơ sở nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

16 TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP VIỆT - ĐỨC

Địa chỉ: Phường Thắng Lợi, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại: 020 8386 1511
Fax: 020 8386 2079
Website: http://truongvietducthainguyen.edu.vn
Email: caodangvietduc@moet.edu.vn

Vị trí và chức năng

Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt - Đức có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng kỹ thuật - kinh tế công nghiệp và các trình độ thấp hơn theo quy định của pháp luật; thực hiện cấp văn bằng, chứng chỉ về giáo dục, đào tạo, dạy nghề theo quy định của pháp luật, đồng thời là cơ sở nghiên cứu triển khai khoa học - công nghệ phục vụ sản xuất - kinh doanh của ngành Công Thương và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

17 TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HUẾ

Địa chỉ: Số 70 Nguyễn Huệ, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
Điện thoại: 023 4382 2813
Fax: 023 4384 5934
Email: cnhue@hueic.edu.vn
https: //hueic.edu.vn/

Vị trí và chức năng

Trường Cao Đẳng Công nghiệp Huế là cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phấn đấu trở thành cơ sở đào tạo tiên tiến, hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trở thành trung tâm nghiên cứu và chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

18 TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG MIỀN TRUNG

Cơ sở chính: Số 261 Nguyễn Tất Thành, phường 8, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cơ sở 2: Số 01 Đường Nguyễn Hữu Thọ, phường 9, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Điện thoại: 025 7382 8248
Fax: 025 7382 8156
Email: Support@Mitc.Edu.vn
Website: Mitc.Edu.vn

Vị trí và chức năng

Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung là cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật và các trình độ thấp hơn trong lĩnh vực công nghệ, là cơ sở nghiên cứu, triển khai khoa học công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất kinh doanh của ngành công nghiệp và sự phát triển kinh tế xã hội.

19 TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG

Địa chỉ: Số 54 khu Liên Phương, phường Phương Đông, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
Địa điểm đào tạo số 1: Phường Hà Phong, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
Địa điểm đào tạo số 2: Số 78 Nguyễn Văn Trỗi, phường Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại: 020 3385 4497 | Fax: 020 3385 4302
Email: cdcnxd@cic.edu.vn
Website: http://cic.edu.vn/

Vị trí và chức năng

Trường Cao đẳng Công nghiệp và Xây dựng là cơ sở đào tạo công lập có, chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ: Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp bao gồm nhóm ngành, nghề về cơ khí, động lực, vận hành máy móc - thiết bị và phương tiện cơ giới, điện, xây dựng, mỏ, kinh tế, tin học, du lịch - dịch vụ, kỹ thuật - công nghiệp theo quy định của pháp luật; thực hiện cấp văn bằng, chứng chỉ về giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật; là cơ sở nghiên cứu, triển khai khoa học - công nghệ phục vụ quản lý , sản xuất - kinh doanh của ngành Công Thương và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

20 TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HƯNG YÊN

Địa chỉ: Giai Phạm, Yên Mỹ, Hưng Yên
Điện thoại: 032 1394 3550 / 024 1374 3708
Fax: 032 1396 7065 / 024 1374 0293
Email: CNTTQLKT@yahoo.com
Website: http://www.hic.edu.vn

Vị trí và chức năng

Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên là cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn về các ngành kinh tế và kỹ thuật, gồm các chuyên ngành chủ yếu: công nghệ kỹ thuật cơ khí, công nghệ dệt may - thời trang, tin học, kế toán...

21 TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ KINH TẾ CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: Cơ Sở 1: Xã Trung Thành - thị xã Phổ Yên - tỉnh Thái Nguyên
Cơ sở Sông Công: Số 9, đường Thống Nhất, phường Cải Đan, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại: 020 8386 6183 - 020 8386 6023
Fax: 020 8386 6234 - 020 8386 6183
Email: ietc.edu.vn@gmail.com
Website: http://www.ietc.edu.vn

Vị trí và chức năng

Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế công nghiệp là cơ sở đào tạo, có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng kinh tế - kỹ thuật công nghiệp và các trình độ thấp hơn theo quy định của pháp luật; thực hiện cấp văn bằng, chứng chỉ về giáo dục và đào tạo, dạy nghề theo quy định của pháp luật; là cơ sở nghiên cứu triển khai khoa học - công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất - kinh doanh của ngành Công nghiệp và sự phát triển kinh tế - xã hội.

22 TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CAO THẮNG

Địa chỉ: Số 65 Huỳnh Thúc Kháng, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3821 2360
Fax: 028 3821 5951
Email: Ktcaothang@caothang.edu.vn
Website: http://www.caothang.edu.vn

Vị trí và chức năng

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng kỹ thuật công nghiệp và trình độ thấp hơn thuộc các ngành: Cơ khí, động lực, điện, điện tử, công nghệ thông tin và tự động hóa theo cơ cấu khung của hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống văn bằng, chứng chỉ về giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật; là cơ sở nghiên cứu triển khai khoa học - công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất - kinh doanh của ngành công nghiệp và sự phát triển xã hội.

23 TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Xã Lương Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại: 0208 384 5092
Fax: 0208 384 5297
Email: Cklk2000@hn.vnn.vn
Website: http://www.cklk.edu.vn

Vị trí và chức năng

Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, có chức năng bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ: Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp, đào tạo thường xuyên và bồi dưỡng kỹ năng nghề theo quy định với các nhóm ngành, nghề về lĩnh vực: Cơ khí, Động lực, Luyện kim, Hàn - Cắt kim loại, Điện - Tự động hóa, Điển tử - Điện lạnh, Công nghệ thông tin, Kinh tế, May - Thời trang theo quy định của pháp luật. Đồng thời là cơ sở nghiên cứu, triển khai, chuyển giao khoa học - công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất - kinh doanh của ngành Công Thương và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

24 TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 143 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Điện thoại: 024 3556 2960
Fax: 024 3556 2956
Email: Cdktcnhn@hiec.edu.vn
Website: www.hiec.edu.vn

Vị trí và chức năng

Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội là cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng kinh tế-kỹ thuật và các trình độ thấp hơn trong các lĩnh vực kinh doanh và quản lý, bao gồm các nhóm ngành: công nghệ, kỹ thuật, kinh tế, dịch vụ...

25 TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

Địa chỉ: Số 287 Phan Đình Phùng, phường 15, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3845 9971
Fax: 028 3842 1106
Email: cofer@cofer.edu.vn
Website: http://www.cofer.edu.vn

Vị trí và chức năng

Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, có chức năng đào tạo và bồi dưỡng cán bộ bậc cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và nghề, nghiên cứu và thực nghiệm khoa học công nghệ phục vụ công tác đào tạo, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

26 TRƯỜNG CAO ĐẲNG DU LỊCH VÀ CÔNG THƯƠNG

Địa chỉ: Thị trấn Lai Cách - Cẩm Giàng - Hải Dương
Điện thoại: 032 0378 6878
Fax: 032 0378 6878
Email: ctiteduvn@gmail.com
Website: http://www.ctit.edu.vn

Vị trí và chức năng

Trường Cao đẳng Du lịch và Công Thương là cơ sở đào tạo công lập, có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn trong các lĩnh vực du lịch, nhà hàng; khách sạn; quản trị kinh doanh; kế toán; máy tính, công nghệ thông tin; kỹ thuật điện, điện tử; công nghệ cơ khí; sản xuất và chế biến sợi, vải.

27 TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH

Địa chỉ: Số 478 đường Thống Nhất, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên
Điện thoại: 020 8385 4760
Fax: 020 8385 4760
Email: cdtmvadl@gmail.com
Website: http://www.ctm.edu.vn

Vị trí và chức năng

Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng kinh tế - kỹ thuật công thương và các trình độ thấp hơn theo quy định của pháp luật. Thực hiện cấp văn bằng, chứng chỉ về giáo dục và đào tạo, dạy nghề theo quy định của pháp luật; là cơ sở nghiên cứu triển khai khoa học - công nghệ phục vụ sản xuất - kinh doanh của ngành Công Thương và sự phát triển kinh tế - xã hội.

28 TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Phố Xốm, Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội
Điện thoại: 024 3353 1324 / 2091/ 0984717175
Email: tuyensinh.ctet@gmail.com
Website: http://www.ctet.edu.vn

Vị trí và chức năng

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật thương mại là cơ sở đào tạo, có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng kinh tế - kỹ thuật công nghiệp và các trình độ thấp hơn theo quy định của pháp luật; thực hiện cấp văn bằng, chứng chỉ về giáo dục và đào tạo, dạy nghề theo quy định của pháp luật; là cơ sở nghiên cứu triển khai khoa học - công nghệ phục vụ sản xuất - kinh doanh của ngành Công Thương và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

29 TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 45 Dũng Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: 023 6375 6403
Fax: 023 6381 1179
Email: tuyensinh@cdtm.edu.vn
Website: http://www.cdtm.edu.vn

Vị trí và chức năng

Trường Cao đẳng Thương mại là đơn vị giáo dục công lập hoạt động trên phạm vi cả nước về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn trong lĩnh vực thương mại và du lịch, theo đúng các quy định hiện hành; tổ chức nghiên cứu và thực nghiệm khoa học công nghệ phục vụ công tác giáo dục - đào tạo, sản xuất kinh doanh của ngành thương mại du lịch, hợp tác đào tạo nghiên cứu khoa học với các trường, các cơ quan nghiên cứu...

30 TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG THƯƠNG

Địa chỉ: Số 569 phố Quang Trung 3, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Điện thoại: 023 7395 2065
Fax: 023 7395 0520
Email: caodangktktct@gmail.com
Website: http://cdktktct.edu.vn

Vị trí và chức năng

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công Thương là cơ sở đào tạo, có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, bồi dưỡng ngắn hạn thuộc các lĩnh vực kinh tế, tài chính, du lịch, nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn, chế biến món ăn, nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu, kỹ thuật, công nghệ cho khu vực các tỉnh Nam đồng bằng Sông Hồng và Bắc Trung Bộ; nghiên cứu, triển khai khoa học - công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất - kinh doanh của ngành Công Thương và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

31 TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: Số 202 đường Trần Nguyên Hãn, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 024 0382 6112
Fax: 024 0385 4513
Email: contact@bcit.edu.vn
Website: http://www.bcit.edu.vn

Vị trí và chức năng

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp có chức năng đào tạo cán bộ quản lý, các kỹ thuật viên trình độ cao và công nhân kỹ thuật lành nghề, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho ngành công nghiệp và thương mại theo hướng thực hành công nghệ, có khả năng tự nghiên cứu ứng dụng, làm việc độc lập, sáng tạo tạo các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

32 TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG PHÚ THỌ

Địa chỉ: TT Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
Tel: 021 0382 9534
Email: banquantripcit@gmail.com
Website: http://www.pcit.edu.vn

Vị trí và chức năng

Trường Cao đẳng Công Thương Phú Thọ có chức năng đào tạo theo ba cấp độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp các ngành thuộc lĩnh vực công nghệ, kỹ thuật, kinh tế; bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo yêu cầu của cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ và người lao động...

HỆ THỐNG SỞ CÔNG THƯƠNG CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

01

SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Địa chỉ: 331 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024 2215 5527 Fax: 024 6269 1288
Website: congthuonghn.gov.vn / congthuonghanoi.gov.vn
Email: vanthu_soct@hanoi.gov.vn

02

SỞ CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số 163 Hai Bà Trưng, P. 6, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3829 6322 / 3822 2311
Fax: 028 3822 1778, 08 3822 4536
Website: www.congthuong.hochiminhcity.gov.vn
Email: sct@tphcm.gov.vn

03

SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 9 Lạch Tray, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Điện thoại: 022 5384 5795 / 384 6719 / 370 0581
Fax: 022 5384 5794 / 385 8796
Website: socongthuong.haiphong.gov.vn
Email: socongthuonghp@vnn.vn

04

SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Tầng 19, Trung tâm hành chính, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: 023 6382 2548 / 389 5300
Fax: 023 6388 9540
Email: sct@danang.gov.vn
Website: socongthuong.danang.gov.vn

05

SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Địa chỉ: Số19-21 đường Lý Tự Trọng, P. An Phú, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 029 2383 0776 Fax: 029 2383 0778
Website: congthuongcantho.gov.vn / socongthuong.cantho.gov.vn
Email: soct@cantho.gov.vn

06

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH AN GIANG

Địa chỉ: Số 10 Lê Triệu Kiết, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, T. An Giang
Điện thoại: 029 6395 2638 / 029 6395 7638
Website: www.socongthuong.angiang.gov.vn
Email: socongthuong@angiang.gov.vn

HỆ THỐNG SỞ CÔNG THƯƠNG CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

07

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Đồng, P. Phước Trung, TP. Bà Rịa, T. Bà Rịa - Vũng Tàu
Điện thoại: 025 4354 2677
Fax: 025 4385 6344
Website: www.soct.baria-vungtau.gov.vn
Email: soct@baria-vungtau.gov.vn

08

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH BẠC LIÊU

Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành, P. 1, TP. Bạc Liêu, T. Bạc Liêu
Điện thoại: 029 1382 3848
Fax: 029 1382 4890
Website: sct.baclieu.gov.vn
Email: sct@baclieu.gov.vn

09

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH BẮC KẠN

Địa chỉ: Số 34 Trường Chinh, TX. Bắc Kạn, T. Bắc Kạn
Điện thoại: 020 9387 0120
Fax: 020 9387 2110
Website: www.congthuongbackan.gov.vn
Email: socongthuong@backan.gov.vn

10

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 18 Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang, T. Bắc Giang
Điện thoại: 024 0385 4301
Fax: 024 0382 9290
Website: www.sct.bacgiang.gov.vn
Email: so_congthuong_vt@bacgiang.gov.vn

11

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH BẮC NINH

Địa chỉ: Số 7 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP. Bắc Ninh, T. Bắc Ninh
Điện thoại: 022 2382 2653
Fax: 022 2382 2653
Website: sct.bacninh.gov.vn
Email: sct@bacninh.gov.vn

12

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH BẾN TRE

Địa chỉ: Số 71 - 77 Nguyễn Huệ, P. 1, TP. Bến Tre, T. Bến Tre
Điện thoại: 027 5382 2365 / 5382 2251
mail: sct@bentre.gov.vn
Website: www.congthuongbentre.gov.vn

HỆ THỐNG SỞ CÔNG THƯƠNG CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

13

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 8, tháp A, Trung tâm Hành chính tỉnh Bình Dương, P. Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương
Điện thoại: 027 4382 2563 Fax: 027 4381 1172
Website: socongthuong.binhduong.gov.vn
Email: soct@binhduong.gov.vn

14

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Số 198 Phan Bội Châu, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định
Điện thoại: 025 6381 1021 / 382 3289
Fax: 025 6382 5043
Website: sct.binhdinh.gov.vn
Email: vp@.binhdinh.gov.vn

15

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Đường Hùng Vương, P. Tân Bình, TP. Đồng Xoài, T. Bình Phước
Điện thoại: 027 1387 9199 / 1387 0235
Fax: 027 1387 9199
Website: socongthuongbp.gov.vn
Email: sct.bp@binhphuoc.gov.vn

16

SỞ CÔNG THƯƠNG BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Số 238, Thủ Khoa Huân, P. Phú Thủy, TP. Phan Thiết, T. Bình Thuận
Điện thoại: 025 2382 1946
Fax: 025 2382 4891
Website: sct.binhthuan.gov.vn
Email: sct@binhthuan.gov.vn

17

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH CÀ MAU

Địa chỉ: Số 290 Trần Hưng Đạo, P. 5, TP. Cà Mau, T. Cà Mau
Điện thoại: 029 0383 1042
Fax: 029 0383 0211
Website: socongthuong.camau.gov.vn
Email: congthuongcamau@gmail.com

18

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Số 108 Hoàng Văn Thụ, P. Hợp Giang, TP. Cao Bằng, T. Cao Bằng
Điện thoại: 020 6385 2404
Fax: 020 6385 5086
Website: socongthuong.caobang.gov.vn
Email: socongthuong@caobang.gov.vn

19

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 49 Nguyễn Tất Thành,
TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk
Điện thoại: 026 2395 2635
Fax: 026 2395 2635
Website: socongthuong.daklak.gov.vn
Email: congthuong@daklak.gov.vn

20

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH ĐẮK NÔNG

Địa chỉ: Đường Tô Hiến Thành, Khu hành chính Sùng Đức, P. Nghĩa Tân, TX. Gia Nghĩa, T. Đắk Nông
Điện thoại: 026 1221 6943 Fax: 026 1354 4325
Website: sct.daknong.gov.vn
Email: sct@daknong.gov.vn / banbientap.sct@daknong.gov.vn

21

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH ĐIỆN BIÊN

Địa chỉ: Đường 7/5, tổ 7, P. Tân Thanh,
TP. Điện Biên Phủ, T. Điện Biên
Điện thoại: 021 5382 5550
Fax: 021 5382 5932
Website: socongthuongdienbien.gov.vn
Email: socongthuongdbp@gmail.com

22

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 2 Nguyễn Văn Trị, P. Thanh Bình,
TP. Biên Hoà, T. Đồng Nai
Điện thoại: 025 1382 3317 Fax: 025 1382 3319
Website: sct.dongnai.gov.vn
Email: sct@dongnai.gov.vn

23

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH ĐỒNG THÁP

Số 21, đường Lý Thường Kiệt, P.1 TP. Cao Lãnh,
T. Đồng Tháp
Điện thoại: 027.7385.1646 Fax: 027.7385.3098
Website: sctdongthap.gov.vn
Email: soctdt@gmail.com/ socongthuong@dongthap.gov.vn

24

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH GIA LAI

Địa chỉ: Số 17 Trần Hưng Đạo, TP. Pleiku,
T. Gia Lai
Điện thoại: 026 9382 4354 Fax: 026 9382 8240
Website: sct.gialai.gov.vn
Email: cst@gialai.gov.vn

25

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH HÀ GIANG

Địa chỉ: Số 7 Yết Kiêu, Tổ 6, P. Nguyễn Trãi, TP. Hà Giang, T. Hà Giang
Điện thoại: 021 9388 6267 / 3887475
Fax: 021 9388 6621
Website: sct.hagiang.gov.vn
Email: sct@hagiang.gov.vn

26

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH HÀ NAM

Địa chỉ: Đường Lê Chân, P. Lê Hồng Phong, TP. Phủ Lý, T. Hà Nam
Điện thoại: 022 6385 8550 / 385 3815
Fax: 022 6385 8550
Website: congthuonghanam.gov.vn
Email: sct@hanam.gov.vn

27

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 02 đường Trần Phú, P. Bắc Hà, TP. Hà Tĩnh, T. Hà Tĩnh
Điện thoại: 023 9385 7084
Fax: 023 9385 1358
Website: socongthuonght.gov.vn
Email: socongthuong@hatinh.gov.vn

28

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 14 Bắc Sơn, P. Quang Trung, TP. Hải Dương, T. Hải Dương
Điện thoại: 022 0385 2602
Fax: 022 0385 3899
Website: sct.haiduong.gov.vn
Email: socongthuonghd@gmail.com

29

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH HẬU GIANG

Địa chỉ: Số 1 đường Thống Nhất, KV 4, P. 5, TP. Vị Thanh, T. Hậu Giang
Điện thoại: 029 3387 8891 Fax: 029 33878892
Website: socongthuong.haugiang.gov.vn
Email: congthuonghg@gmail.com / socongthuong@haugiang.gov.vn

30

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH HOÀ BÌNH

Địa chỉ: Số 227B Đà Giang, P. Phương Lâm, TP. Hòa Bình, T. Hòa Bình
Điện thoại: 021 8385 2058 / 221 0419
Fax: 021 8385 3439
Website: socongthuong.hoabinh.gov.vn
Email: sct.vanphong@gmail.com / socongthuong@hoabinh.gov.vn

HỆ THỐNG SỞ CÔNG THƯƠNG CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

31

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH HƯNG YÊN

Địa chỉ: Đường Quảng Trường, P. Hiến Nam, TP. Hưng Yên, T. Hưng Yên
Điện thoại: 022 1386 2779 / 355 1433
Fax: 022 1386 2779
Website: socongthuong.hungyen.gov.vn
Email: Soct@hungyen.gov.vn

32

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Khu Liên Cơ II, số 4 Phan Chu Trinh, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa
Điện thoại: 025 8382 2703 / 8381 4879
Fax: 025 8382 4218
Website: sct.khanhhoa.gov.vn
Email: sct@khanhhoa.gov.vn

33

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 840 Nguyễn Trung Trực, P. An Hòa, TP. Rạch Giá, T. Kiên Giang
Điện thoại: 029 7381 4199 / 381 4192
Fax: 029 7381 4198
Website: sct.kiengiang.gov.vn
Email: sct@kiengiang.gov.vn

34

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KON TUM

Địa chỉ: Số 494 Trần Phú, TP. Kon Tum, T. Kon Tum
Điện thoại: 026 0386 2060 / 386 3255
Fax: 026 0386 2508
Website: sct.kontum.gov.vn
Email: Sct@kontum.gov.vn

35

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH LAI CHÂU

Địa chỉ: Tầng 6, Nhà E, Trung tâm Hành chính - Chính trị, T. Lai Châu
Điện thoại: 021 3387 6759
Fax: 021 3379 8827
Website: sct.laichau.gov.vn
Email: socongthuong-laichau@chinhphu.vn

36

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tầng 2, khối 7, đường Trần Hưng Đạo, P. Nam Cường, TP. Lào Cai, T. Lào Cai
Điện thoại: 021 4382 0173 / 382 0172
Fax: 021 4382 0173
Website: sct.laocai.gov.vn
Email: contact-sct@laocai.gov.vn

37

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH LẠNG SƠN

Địachỉ: Số 21 Lý Thái Tổ, P. Đông Kinh,
TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn
Điện thoại: 020 5387 1304
Fax: 020 5387 1811
Website: soct.langson.gov.vn
Email: socongthuong@langson.gov.vn

38

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Tầng 5, khu C, trung tâm hành chính Lâm Đồng, số 36 Trần Phú, P.4, TP. Đà Lạt, T. Lâm Đồng
Điện thoại: 026 3382 2295 Fax: 026 33828 953
Website: sct.lamdong.gov.vn
Email: sct@lamdong.gov.vn

39

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH LONG AN

Địa chỉ: Số 112 Cách mạng tháng 8, P. 1,
TP. Tân An, T. Long An
Điện thoại: 027 2382 6336 Fax: 027 2382 9454
Website: sct.longan.gov.vn
Email: sct@longan.gov.vn

40

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH NAM ĐỊNH

Địa chỉ: Số 31 Vị Xuyên, P. Vị Xuyên, TP. Nam Định,
T. Nam Định
Điện thoại: 022 8364 8409 Fax: 022 8364 0478
Website: socongthuong.namdinh.gov.vn /
namdinh.org.vn
Email: soctnamdinh@namdinh.gov.vn

41

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 70 Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Vinh,
T. Nghệ An
Điện thoại: 023 8384 4970 Fax: 023 8384 3578
Website: socongthuong.nghean.gov.vn
Email: sct@nghean.gov.vn

42

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH NINH THUẬN

Địa chỉ: Đường 16/4, P. Mỹ Hải,
TP. Phan Rang-Tháp Chàm, T. Ninh Thuận
Điện thoại: 025 9382 8245 / 382 2977
Fax: 025 9382 4881
Website: ninhthuan.gov.vn
Email: soct@ninhthuan.gov.vn

HỆ THỐNG SỞ CÔNG THƯƠNG CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

43

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH NINH BÌNH

Địa chỉ: Số 03, đường Đinh Tất Miễn,
P. Đông Thành, TP. Ninh Bình, T. Ninh Bình
Điện thoại: 022 9389 1335 / 388 1954
Fax: 022 9387 2517 / 9387 1048
Website: congthuong.ninhbinh.gov.vn
Email: socongthuongninhbinh@gmail.com.

44

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH PHÚ THỌ

Địa chỉ: Số 337 Châu Phong, P. Gia Cẩm,
TP. Việt Trì, T. Phú Thọ
Điện thoại: 021 0384 6525
Fax: 021 0381 7558
Website: socongthuong.phutho.gov.vn
Email: soct@phutho.gov.vn

45

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 78-80 Lê Duẩn, P. 7, TP. Tuy Hòa,
T. Phú Yên
Điện thoại: 025 7384 1638, 7384 1408
Fax: 205 7384 1585
Website: socongthuong.phuyen.gov.vn
Email: socongthuong@sctphuyen.gov.vn

46

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 11 Quang Trung, TP. Đồng Hới,
T. Quảng Bềnh
Điện thoại: 023 2382 2019 Fax: 023 2385 8933
Website: sct.quangbinh.gov.vn
Email: socongthuongqb@gmail.com / bbt.sct@quangbinh.gov.vn

47

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH QUẢNG NAM

Địa chỉ: Số 7 Trần Hưng Đạo, TP. Tam Kỳ,
T. Quảng Nam
Điện thoại: 023 5385 2641 /385 9131
Fax: 023 5385 9130
Website: congthuong.quangnam.gov.vn
Email: socongthuongqnam@gmail.com / sct@quangnam.gov.vn

48

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: Số 58 - 60 Phạm Văn Đồng,
TP. Quảng Ngãi, T. Quảng Ngãi
Điện thoại: 025 5382 0254 / 381 5433
Fax: 025 5382 6988
Website: quangngai.gov.vn / sct.quangngai.gov.vn
Email: sct@quangngai.gov.vn

HỆ THỐNG SỞ CÔNG THƯƠNG CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

49

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH QUẢNG NINH

Địa chỉ: Tầng 10-11, Trụ sở Liên cơ quan số 2, P. Hồng Hà, TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh
Điện thoại: 020 3382 5205
Fax: 020 3382 1548
Website: sct.quangninh.gov.vn
Email: sct@quangninh.gov.vn

50

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: Số 313 Hùng Vương, TP. Đông Hà, T. Quảng Trị
Điện thoại: 023 3385 2265 / 385 2514
Fax: 023 3385 2265
Website: socongthuong.quangtri.gov.vn
Email: soct@quangtri.gov.vn

51

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 14 Châu Văn Tiếp, P. 2, TP. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng
Điện thoại: 029 9382 2520 / 9382 5674
Fax: 029 9382 6430 /9382 6786
Website: soct.soctrang.gov.vn
Email: Socongthuongst@gmail.com

52

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH SƠN LA

Địa chỉ: Tổ 3, P. Chiềng Lề, TP. Sơn La, T. Sơn La
Điện thoại: 021 2385 2268
Fax: 021 2385 2268
Website: socongthuong.sonla.gov.vn
Email: sct@sonla.gov.vn

53

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH TÂY NINH

Địa chỉ: Số 304 đường Cách mạng Tháng Tám, Khu phố 3, P. 2, TP. Tây Ninh, T. Tây Ninh
Điện thoại: 027 6381 4885
Fax: 027 6382 4726
Website: socongthuongtayninh.gov.vn
Email: soct@tayninh.gov.vn

54

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH THANH HÓA

Địa chỉ: Khu đô thị mới, xã Đông Hương, Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa, T. Thanh Hóa
Điện thoại: 023 7385 2103, 023 7385 2101
Fax: 023 7385 2073
Website: sct.thanhhoa.gov.vn
Email: sct@thanhhoa.gov.vn

55

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH THÁI BÌNH

Địa chỉ: Số 144, Lê Lợi, TP. Thái Bình, T. Thái Bình
Điện thoại: 022 7383 1903
Fax: 022 7383 6184
Website: socongthuong.thaibinh.gov.vn
Email: thaibinhitd@.viettel.vn

56

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: Số 366/1 đường Bắc Cạn,
P. Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên
Điện thoại: 020 8385 5255
Fax: 020 8375 1820 / 020 8385 8102
Website: congthuongthainguyen.gov.vn
thainguyen.tpc@gmail.com

57

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Số 2 Tôn Đức Thắng, TP. Huế,
T. Thừa Thiên Huế
Điện thoại: 023 4382 3261 / 4381 0096
Fax: 023 4833 147
Website: itradetthue.gov.vn
Email: sct@thuathienhue.gov.vn

58

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH TIỀN GIANG

Địa chỉ: Số 387, đường Hùng Vương, xã Đạo
Thạnh, TP. Mỹ Tho, T. Tiền Giang
Điện thoại: 027 3387 3269
Fax: 027 3388 2201
Website: sct.tiengiang.gov.vn
Email: sct@tiengiang.gov.vn

59

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH TRÀ VINH

Địa chỉ: Số 2 Lý Tự Trọng, P. 1, TP. Trà Vinh,
T. Trà Vinh
Điện thoại: 029 4385 2594 Fax: 029 4385 2854
Website: sct.travinh.gov.vn
Email: sct@travinh.gov.vn

60

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH TUYÊN QUANG

Địa chỉ: Số 302 đường Tân Trào, P. Minh Xuân,
TP. Tuyên Quang, T. Tuyên Quang
Điện thoại: 020 7382 4613
Fax: 020 7382 3769
Website: socongthuong.tuyenquang.gov.vn
Email: socongthuongtuyenquang@gmail.com

14/5/1951 - 14/5/2021

61

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH VĨNH LONG

Địa chỉ: 2A Hùng Vương, P. 1, TP. Vĩnh Long, T. Vĩnh Long
Điện thoại: 027 0383 0330 Fax: 027 0382 6347
Website: sct.vinhlong.gov.vn
Email: scongthuong@vinhlong.gov.vn

62

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH VĨNH PHÚC

Địa chỉ: Số 16 Lý Thái Tổ, P. Đống Đa, TP. Vĩnh Yên, T. Vĩnh Phúc
Điện thoại: 021 1386 2477 Fax: 021 1386 2477
Website: soct.vinhphuc.gov.vn
Email: soct@vinhphuc.gov.vn

63

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 107A đường Hòa Bình, P. Nguyễn Thái Học, TP. Yên Bái, T. Yên Bái
Điện thoại: 021 6385 7863 / 389 2859
Fax: 021 6389 0914
Website: sctyenbai.gov.vn /yenbai.gov.vn
Email: socongthuong@yenbai.gov.vn / banbientapcong@yenbai.gov.vn / banbientapcongyenbai@gmail.com

Phần IV

CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM: CÔNG NGHIỆP VỮNG MẠNH, THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN, HỘI NHẬP VƯƠN XA

CÔNG TÁC **CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH** GIAI ĐOẠN 2011 - 2020, ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2030 CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN ĐẤT NƯỚC, CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC LUÔN LÀ MỘT CHỦ TRƯƠNG QUAN TRỌNG, NHẤT QUÁN CỦA ĐẢNG, LÀ ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT, YẾU TỐ ĐẢM BẢO CHO SỰ THÀNH CÔNG CỦA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẤT NƯỚC TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA VÀ ĐẨY MẠNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ. SAU ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XI, ĐẢNG TA ĐÃ XÁC ĐỊNH, CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC) LÀ MỘT TRONG BA KHÂU ĐỘT PHÁ NHẰM PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011 - 2020.

Bộ trưởng Trần Tuấn Anh cùng Thứ trưởng Trần Quốc Khánh trao bằng khen cho các tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác cải cách hành chính của Bộ Công Thương giai đoạn 2011 - 2020.

Công tác CCHC đã và đang được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành hết sức quan tâm, chỉ đạo sát sao với phương châm Chính phủ kiến tạo, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp để phát triển kinh tế. Theo đó, hằng năm Chính phủ đã sửa đổi, bổ sung, ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác CCHC nhằm hoàn thiện khung khổ pháp lý, tăng cường chỉ đạo điều hành công tác CCHC tại các bộ, ngành, địa phương với trọng tâm là cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp theo đúng tinh thần các Nghị quyết số 01, Nghị quyết số 02, Nghị quyết số 19 và Nghị quyết số 35 của Chính phủ.

Bộ Công Thương là bộ đa ngành, đa lĩnh vực, có tỷ lệ doanh nghiệp và người dân thực hiện

các thủ tục quản lý nhà nước và kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý nhà nước lớn nhất. Trong những năm qua, Bộ Công Thương đã đẩy mạnh thực hiện CCHC đồng bộ, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của ngành. Trên cơ sở kế hoạch cụ thể, Bộ đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác CCHC với trọng tâm là cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động của ngành Công Thương, hướng đến hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được giao.

Ban cán sự Đảng, Lãnh đạo Bộ Công Thương luôn xác định công tác CCHC là hoạt động trọng tâm, quán triệt sâu rộng về tầm quan trọng và mục tiêu, ý nghĩa của công tác CCHC thông qua các hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, các hội nghị, hội thảo chuyên môn và đặc biệt là các hội nghị giao ban của Bộ..., đã tạo chuyển biến rõ rệt từ tư tưởng đến hành động của toàn bộ hệ thống Lãnh đạo, cán bộ, công chức, người lao động của Bộ Công Thương, góp phần nâng cao tinh thần, trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ và triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao.

Trong 10 năm triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, Bộ Công Thương đã đạt được những kết quả tích cực, Bộ đã chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch công tác cải cách cho từng giai đoạn và hàng năm với nhiều nhiệm vụ cụ thể, đảm bảo tiến độ, chất lượng cũng như đồng bộ trong toàn hệ thống. Tăng cường hướng dẫn, đôn đốc và bố trí nguồn lực cần thiết để triển khai thực hiện; lấy kết quả CCHC làm tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xem xét các danh hiệu thi đua của tập thể, cá nhân, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ. Nhờ có sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Bộ, sự cố gắng nỗ lực của Thủ trưởng, tập thể cán bộ, công chức thuộc Bộ, giai đoạn 2016 - 2019 công tác CCHC của Bộ Công Thương đã có chuyển biến tích cực, vị trí xếp hạng Chỉ số CCHC (Parindex) của Bộ liên tục có những bước tiến vượt bậc. Năm 2016, đứng thứ 12/19 bộ, cơ quan ngang bộ (tăng 6 bậc so với năm 2015); năm 2017, đứng thứ 5/19 bộ, cơ quan ngang bộ (tăng 7 bậc so với năm 2016, tăng 13 bậc so với năm 2015); năm 2018 tiếp tục giữ vị trí thứ 5/18 bộ, cơ quan ngang bộ. Các chương trình, kế hoạch công tác nói chung và về CCHC nói riêng của bộ được hoàn thành đảm bảo chất lượng, tiến độ; nhiều thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư, kinh doanh không cần thiết được xem xét bãi bỏ hoặc đơn giản hóa tối đa; công tác chỉ đạo điều hành, cải cách tổ chức bộ máy; cải cách tài chính công và hiện đại hóa hành chính của Bộ Công Thương luôn nằm trong tốp đầu các bộ, cơ quan ngang bộ.

Về cải cách thể chế, trong đó có công tác rà soát và ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL), trong giai đoạn 2005 - 2015, Bộ Công Thương và các bộ tiền nhiệm đã chủ trì xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và ban hành theo thẩm quyền 753 văn bản QPPL, đạt trung bình 75 văn bản/năm. Giai đoạn 2015 - 2019, Bộ chủ trì xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và ban hành theo thẩm quyền hơn 187 văn bản QPPL. Trong đó có nhiều văn bản quan trọng góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, điển hình như các thể chế, pháp luật về kinh tế (Luật Cạnh tranh, Luật Thương mại, Luật Bảo vệ người tiêu dùng, Pháp lệnh Quản lý thị trường...), về hội nhập quốc tế (tham gia ký kết nhiều thỏa thuận quốc tế ở cấp bộ, ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương với Nhật Bản (2009), với Chile (2011), với Liên minh kinh tế Á - Âu (2015), với Hàn Quốc (2015), với các nước khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong khuôn khổ Hiệp định CPTPP (2018), với Liên minh châu Âu (2019)...

Đáng chú ý, *về công tác cải cách thủ tục hành chính*, Bộ Công Thương tập trung lấy việc cắt

giảm điều kiện kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính làm khâu đột phá trong cải cách thủ tục hành chính (TTHC). Giai đoạn từ 2011 - 2015, trên cơ sở Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương, Bộ đã hoàn thành cắt giảm, đơn giản hóa đối với 192 TTHC; tiếp nối thành quả cải cách TTHC từ Đề án 30 của Chính phủ, từ giai đoạn 2016 - 2020, Bộ đã xây dựng phương án đơn giản hóa TTHC hàng năm và thực thi cắt giảm, đơn giản hóa 514 TTHC (đặc biệt là trên các lĩnh vực điện lực, xuất nhập khẩu, lưu thông hàng hóa trong nước, hóa chất). Trong năm 2017 - 2018, Bộ đã cắt giảm, đơn giản hóa 675 điều kiện kinh doanh trên tổng số 1.216 điều kiện thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương (chiếm tỷ lệ 55,5%). Trong năm 2019 - 2020, Bộ tiếp tục hoàn thành việc cắt giảm điều kiện kinh doanh cho giai đoạn này với việc trình Chính phủ ban hành Nghị định số 17/2020/NĐ-CP, theo đó cắt giảm, đơn giản hóa 205 điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Như vậy, sau hai lần cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh, tổng cộng có 880/1.216 điều kiện kinh doanh (chiếm 70%) thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương được cắt giảm, chiếm 22,6% tổng số điều kiện kinh doanh được cắt giảm, đơn giản hóa của Chính phủ; cắt giảm 1.051 trên tổng số 1.891 mã HS thuộc diện kiểm tra chuyên ngành, chiếm 15,7% tổng số mã HS được cắt giảm của Chính phủ.

Bộ Công Thương cũng là cơ quan cấp bộ đầu tiên công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử số liệu danh mục mặt hàng kiểm tra chuyên ngành (chi tiết đến mã HS 8 số) đã cắt giảm khỏi danh mục kiểm tra chuyên ngành tại Quyết định số 765/QĐ-BCT ngày 29/3/2019, hoàn thành các mục tiêu cắt giảm thực chất số mặt hàng thuộc danh mục kiểm tra chuyên ngành của Bộ Công Thương theo các Nghị quyết số 19 và Nghị quyết số 02 của Chính phủ. Những kết quả này đã góp phần vào cải thiện Chỉ số xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam theo công bố của World Bank. Cụ thể, chỉ số tiếp cận điện năng tăng 129 bậc, từ vị trí 156 lên vị trí 27, cải thiện vượt bậc về xếp hạng qua từng năm trong giai đoạn 2013 - 2019.

Về cải cách tổ chức bộ máy quản lý cũng đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Bộ đã tham mưu Chính phủ cắt giảm 05 đầu mối thuộc Bộ, số đơn vị đầu mối thuộc Bộ giảm từ 35 đơn vị xuống còn 30 đơn vị; số lượng phòng giảm từ 197 phòng xuống còn 123 phòng (giảm 74 phòng). Chất lượng đội ngũ công chức, viên chức được nâng cao.

SAU HAI LẦN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH, TỔNG CỘNG CÓ 880/1.216 ĐIỀU KIỆN KINH DOANH (CHIẾM 70%) THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG ĐƯỢC CẮT GIẢM, CHIẾM 22,6% TỔNG SỐ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH ĐƯỢC CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA CỦA CHÍNH PHỦ; CẮT GIẢM 1.051 TRÊN TỔNG SỐ 1.891 MÃ HS THUỘC DIỆN KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH, CHIẾM 15,7% TỔNG SỐ MÃ HS ĐƯỢC CẮT GIẢM CỦA CHÍNH PHỦ.

Trong đó, Tổng cục Quản lý thị trường (QLTT) đã sắp xếp giảm được 235 đội QLTT cấp huyện; và theo lộ trình đến hết năm 2020 sẽ hoàn thành việc sắp xếp giảm 305 đội QLTT cấp huyện theo đúng quyết định của Thủ tướng Chính phủ; xây dựng và hoàn thiện Đề án thành lập 19 cục quản lý thị trường liên tỉnh trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất 38 cục quản lý thị trường cấp tỉnh để giảm 19 cục quản lý thị trường cấp tỉnh.

Bên cạnh đó, từ thời điểm 30 tháng 4 năm 2015 đến nay, Bộ Công Thương đã thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP đối với 959 công chức, viên chức và người lao động.

Về cải cách tài chính công. Công tác cải cách tài chính công của Bộ Công Thương những năm qua đã đạt được những kết quả tích cực, được đánh giá là một trong những trụ cột cải cách mạnh mẽ trong công cuộc CCHC của Bộ, theo đó, việc xây dựng thể chế, chế độ tài chính, kế toán ngày càng khoa học, khai thác tối đa các nguồn lực trong xã hội nói chung và các đơn vị hành chính sự nghiệp trực thuộc Bộ nói riêng. Thay đổi tư duy và nhận thức của công chức, viên chức đối với vấn đề tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính. Công tác tài chính, kế toán ngày càng hoàn thiện, đáp ứng và phù hợp với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Xây dựng và dần hình thành giá dịch vụ sự nghiệp công

HIỆN TẤT CẢ 297 TTHC CẤP TRUNG ƯƠNG THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG ĐÃ ĐƯỢC TRIỂN KHAI DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN (DVCTT) MỨC ĐỘ 2 TRỞ LÊN. CỔNG DỊCH VỤ CÔNG CỦA BỘ ĐANG CUNG CẤP 237 DVCTT MỨC ĐỘ 3 VÀ 4, TRONG ĐÓ CÓ 176 DVCTT MỨC ĐỘ 3, 61 DVCTT MỨC ĐỘ 4. ĐẾN NAY, CÓ GẦN 36.000 DOANH NGHIỆP ĐĂNG KÍ SỬ DỤNG CỔNG DỊCH VỤ CÔNG CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG.

sử dụng ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập để tiến tới Nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu các dịch vụ công. Việc quản lý, điều hành ngân sách ngày càng sát với thực tế, đáp ứng được các yêu cầu từ thực tiễn. Bảo đảm sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả. Hạn chế lãng phí, thất thoát trong sử dụng ngân sách.

Đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến hướng tới xây dựng Chính phủ điện tử, Bộ điện tử. Bộ đã ban hành nhiều chính sách, chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai đạt được nhiều kết quả tích cực, đã ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử; đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến tại cổng thông tin điện tử của Bộ; chủ động tích hợp dịch vụ công trực tuyến với Cổng Dịch vụ công Quốc gia, tích hợp chế độ báo cáo với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; tích cực tham gia Cơ chế một cửa Quốc gia và Cơ chế một cửa ASEAN.

Hiện tất cả 297 TTHC cấp trung ương thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương đã được triển khai Dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ 2 trở lên. Cổng dịch vụ công của Bộ đang cung cấp 237 DVCTT mức độ 3 và 4, trong đó có 176 DVCTT mức độ 3, 61 DVCTT mức độ 4. Đến nay, có gần 36.000 doanh nghiệp đăng kí sử dụng cổng Dịch vụ công của Bộ Công Thương.

Đặc biệt, Bộ Công Thương chủ động lựa chọn những dịch vụ công thuộc thẩm quyền của Bộ có số lượng hồ sơ lớn, tác động trực tiếp người dân, doanh nghiệp đưa lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia (DVCQG). Bộ cũng kết nối kỹ thuật thành công hai nhóm dịch vụ công với cổng DVCQG gồm: Cấp giấy chứng nhận xuất xứ ưu đãi và Đăng ký hoạt động khuyến mại. Đây là

hai nhóm thủ tục có số lượng hồ sơ trực tuyến lớn nhất của Bộ Công Thương. Hiện có khoảng 30.000 doanh nghiệp khai báo dưới hình thức trực tuyến trong những năm vừa qua đối với các nhóm thủ tục này. Hiện nay, Bộ Công Thương đã đưa tổng cộng 131 DVCTT mức độ 3 và 4 lên cổng DVCQG. Bộ đã được Văn phòng Chính phủ ghi nhận, đánh giá là một trong những đơn vị đi đầu trong cả nước đối với việc kết nối Cổng DVCQG. Bộ Công Thương cũng là một trong những Bộ đầu tiên phối hợp, làm việc với Bộ Tài chính triển khai kết nối Cơ chế Một cửa Quốc gia (VNSW) từ năm 2014. Hiện 16 TTHC của Bộ Công Thương đã chính thức kết nối với VNSW.

Về kết nối, trao đổi dữ liệu xuất xứ hàng hóa điện tử (C/O điện tử) với Cơ chế Một cửa Asean và các đối tác nước ngoài khác. C/O điện tử do Bộ Công Thương cấp là chứng từ thương mại đầu tiên kết nối, trao đổi được dữ liệu điện tử với Asean. Bộ phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính để chính thức kết nối với Cơ chế Một cửa Asean từ ngày 01/01/2018 với 04 nước gồm Singapore, Malaysia, Indonesia và Thái Lan. Đến nay, Việt Nam đã kết nối Cơ chế Một cửa Asean thêm với 05 nước Asean gồm: Brunei, Campuchia, Myanmar, Lào và Philippines. Toàn bộ quy trình, thủ tục xin cấp C/O mẫu D điện tử tại Bộ Công Thương được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, hoàn toàn qua mạng internet, không

tiếp nhận hồ sơ giấy, không phát hành bản C/O giấy. Điều này tạo ra một bước đột phá đáng kể trong công tác cải cách hành chính, khi mà doanh nghiệp không phải đến các tổ chức cấp C/O để nộp hồ sơ, không phải chờ đợi và nhận C/O bản giấy.

Áp dụng ISO trong hoạt động của Bộ, việc xây dựng và áp dụng hệ thống quy trình xử lý công việc hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật, giúp người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước kiểm soát được quá trình giải quyết công việc trong nội bộ của cơ quan, thông qua đó từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý và cung cấp dịch vụ công, phù hợp với xu thế xây dựng nền hành chính hiện đại theo hướng công khai, minh bạch, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu CCHC của Bộ và Chính phủ, hướng tới thỏa mãn yêu cầu của người dân, tổ chức.

Những kết quả nêu trên của Bộ Công Thương góp phần tích cực vào xây dựng "Chính phủ liêm chính, kiến tạo, hành động quyết liệt, phục vụ người dân và doanh nghiệp", đóng góp quan trọng vào thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Xác định CCHC là một nhiệm vụ trọng tâm, trong giai đoạn 2021 - 2030, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục bám sát các chỉ đạo của Chính phủ, Trưởng ban Cải cách Hành chính của Chính phủ để triển khai các kế hoạch, chương trình CCHC toàn diện ở tất cả các lĩnh vực như: cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tài chính công; hiện đại hóa hành chính. Cụ thể:

Một là, tăng cường công tác chỉ đạo điều hành CCHC, tập trung chỉ đạo rà soát, xác định rõ những ưu điểm cũng như những hạn chế, yếu kém trong công tác CCHC của Bộ trong thời gian qua; đồng thời, đề ra các biện pháp cụ thể để khắc phục. Giai đoạn 10 năm tới, công tác CCHC của Bộ phải thực sự đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả, gắn với chiến lược phát triển KT - XH và hội nhập quốc tế của đất nước.

Hai là, đẩy mạnh công tác xây dựng thể chế, bảo đảm hệ thống thể chế đồng bộ, thống nhất, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong các lĩnh vực mà Bộ, ngành Công Thương được phân công; khắc phục triệt để tình trạng nợ đọng việc ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh; nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính hợp pháp, đồng bộ, thống nhất, khả thi của hệ thống văn bản. Phối hợp với các bộ rà soát lại các văn bản QPPL để hạn chế sự xung đột, trùng lắp, chồng chéo của văn bản QPPL trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ.

Ba là, triển khai thực hiện nghiêm Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương. Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Bộ, bảo đảm phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các vụ, cục, tổng cục, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Chương trình hành động của Chính phủ về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Bốn là, đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức, thực hiện tốt việc xây dựng cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm; hoàn thành xây dựng bản mô tả công việc, xây dựng khung năng lực làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Triển khai có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

Việc tuyển dụng, sử dụng, lựa chọn công chức, viên chức cần công khai, minh bạch tiêu chí, tiêu chuẩn để ứng viên cạnh tranh công bằng, đáp ứng yêu cầu tuyển dụng được người có tài năng vào bộ máy; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, giải quyết dứt điểm các vụ việc nổi cộm được dư luận, xã hội quan tâm, không để tình trạng bổ nhiệm đúng quy trình nhưng thực chất người được bổ nhiệm không xứng đáng với các tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm vào các vị trí công vụ.

Năm là, tổ chức triển khai có chất lượng, hiệu quả các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ liên quan đến công tác cải cách thủ tục hành chính.

Tổ chức triển khai xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số gắn kết

chặt chẽ với CCHC, TTHC nhằm tăng cường tính hiệu quả, bền vững. Tiếp tục đổi mới lề lối, phương thức làm việc thông qua gửi, nhận văn bản điện tử và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử; chuyển đổi từng bước việc quản lý, điều hành dựa trên giấy tờ sang điều hành bằng dữ liệu số. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ, triển khai các chỉ tiêu KT - XH của Bộ trên Hệ thống của Bộ và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

Lựa chọn, tái cấu trúc quy trình, cung cấp trên môi trường điện tử các TTHC có nhu cầu lớn, liên quan đến hoạt động của người dân, doanh nghiệp kết nối, tích hợp với cổng DVCQG và tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình "Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030", trong đó tập trung vào các nhiệm vụ phát triển thương mại điện tử, chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng, sản xuất công nghiệp.

Sáu là, thường xuyên quán triệt, thực hiện nghiêm Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chống những nhiễu, tiêu cực, nhất là đối với cán bộ công chức thực hiện các thủ tục cấp phép có thể trục lợi.

Đối với lực lượng quản lý thị trường, cần tiếp tục sắp xếp lại tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường cán bộ, nguồn lực cho những địa bàn trọng điểm, phức tạp, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Bảy là, tăng cường công tác theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện CCHC của các cơ quan, đơn vị; sử dụng hiệu quả Chỉ số CCHC trong theo dõi, đánh giá; quan tâm việc triển khai khảo sát, đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước của Bộ Công Thương và ngành Công Thương; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, công khai, minh bạch, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của người dân, tạo sự đồng thuận của người dân, xã hội đối với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC.

Những kết quả nêu trên của Bộ Công Thương góp phần tích cực vào xây dựng "Chính phủ liêm chính, kiến tạo, hành động quyết liệt, phục vụ người dân và doanh nghiệp", đóng góp quan trọng vào thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Xác định CCHC là một nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay và các năm tiếp theo, Bộ Công Thương yêu cầu Sở Công Thương các tỉnh/thành phố và các đơn vị thuộc Bộ tích cực đẩy mạnh thực hiện đồng bộ và toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp, hướng đến lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo giá trị cho hiệu quả CCHC của ngành Công Thương.

XÁC ĐỊNH CCHC LÀ MỘT NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, XUYÊN SUỐT CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO, BỘ CÔNG THƯƠNG YÊU CẦU SỞ CÔNG THƯƠNG CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ VÀ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ TÍCH CỰC ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN ĐỒNG BỘ VÀ TOÀN DIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, HƯỚNG ĐẾN LẤY SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP LÀM THƯỚC ĐO GIÁ TRỊ CHO HIỆU QUẢ CCHC CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG.

70 NĂM
HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI TRONG NƯỚC

NGÀY 14/5/1951 CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐÃ KÝ SẮC LỆNH THÀNH LẬP SỞ MẬU DỊCH THUỘC BỘ CÔNG THƯƠNG CÓ NHIỆM VỤ TỔ CHỨC VIỆC BUÔN BÁN TRONG NƯỚC, VIỆC BUÔN BÁN TRAO ĐỔI VỚI NƯỚC NGOÀI VÀ VIỆC ĐẤU TRANH MẬU DỊCH VỚI ĐỊCH, ĐÁNH DẤU BƯỚC ĐẦU CỦA SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NGÀNH THƯƠNG MẠI CỦA QUỐC GIA. TỪ ĐÓ ĐẾN NAY ĐÃ 70 NĂM, NGÀNH THƯƠNG MẠI TRONG NƯỚC ĐÃ PHÁT TRIỂN QUA NHIỀU GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ, ĐÓNG GÓP QUAN TRỌNG CHO QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MỌI MẶT CỦA ĐỜI SỐNG, TẠO RA ĐIỀU KIỆN VÀ CƠ SỞ CHO TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ, CŨNG NHƯ PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CỦA ĐẤT NƯỚC.

THƯƠNG MẠI VIỆT NAM TỪ NGÀY LẬP NƯỚC ĐẾN TRƯỚC ĐỔI MỚI

Ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, chấm dứt 80 năm dưới chế độ thực dân và chế độ phong kiến nhiều thế kỷ. Nhưng chỉ một năm sau Pháp quay lại chiếm đóng nước ta một lần nữa. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chưa kịp xây dựng chế độ kinh tế mới đã phải bước vào kháng chiến cứu quốc, vì thế, nhiều kế hoạch xây dựng và phát triển kinh tế, trong đó có thương nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề, không có điều kiện thực hiện. Sản xuất bị đình trệ và phá hoại bởi chiến tranh, lưu thông hàng hoá cũng bị hạn chế do các vùng tự do bị chia cắt và bao vây bởi khu vực tạm chiếm. Tuy nhiên, nhờ những chính sách khuyến khích buôn bán, xoá bỏ mọi hạn chế lưu thông hàng hoá giữa các vùng, nên nhiều mặt hàng thiết yếu vẫn có thể được mua bán, trao đổi ở các chợ với giá cả đắt đỏ. Trong giai đoạn từ 1945-1954 chỉ số giá bán lẻ tăng bình quân 66%/năm.

Năm 1951, sau chiến thắng biên giới (1950) một bước phát triển rất quan trọng của ngành thương nghiệp là sự ra đời một cơ quan kinh doanh lấy tên là Sở Mậu dịch thay cho Cục Ngoại thương và Sở Nội thương của giai đoạn trước. Sở Mậu dịch (hay còn gọi là Mậu dịch quốc doanh) có nhiệm vụ cung cấp hàng hoá cho quân đội, cơ quan và cho nhân dân; tạo điều kiện cho phát triển sản xuất và đấu tranh với kẻ địch trên mặt trận lưu thông hàng hoá. Khi mới thành lập, Sở Mậu dịch đảm trách khâu buôn bán là chính, quản lý chặt chẽ hàng hóa thiết yếu như: gạo, muối, vải, giấy, đường, dầu hoả, xà phòng và tập trung ở 10 thị trường là Kỳ Hoà (Lạng Sơn), Tuyên Quang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Nho Quan (Ninh Bình), Cầu Trâu (Thanh Hoá), Chợ Trang (Nghệ An), An Tân (Quảng Nam), Đập Đá (Bình Định) Trung Hoà (Phú Yên).

Với sự ra đời của Sở Mậu Dịch, các hoạt động thương nghiệp ngày càng phát triển hỗ trợ đắc lực cho kháng chiến, sản xuất và đời sống của nhân dân. Khối lượng hàng do Mậu dịch quốc doanh cung cấp cho bộ đội, cơ quan, nhân dân tăng lên qua từng năm. Năm 1954 giá trị hàng hoá thu mua được của Mậu dịch quốc doanh đã tăng 23 lần so năm 1951 và chiếm khoảng 25% tổng mức lưu chuyển hàng hoá.

Năm 1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, đất nước ta bị chia cắt thành hai miền. Trong thời kỳ này, Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế -xã hội 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) nhằm bước đầu xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của các ngành kinh tế quốc dân, trước hết là các ngành công nghiệp và nông nghiệp.

Thương nghiệp quốc doanh được nhà nước quan tâm và có sự phát triển nhanh chóng, làm nhiệm

vụ hậu cần cho sản xuất và chiến đấu. Tổng mức bán lẻ hàng hóa xã hội năm 1975 đạt 5.358,3 triệu đồng, gấp 7,8 lần năm 1955. Chỉ số giá bán lẻ giai đoạn 1955 - 1975 mỗi năm tăng 4,3%, thấp hơn nhiều so với mức tăng 66% của thời kỳ 1945 - 1954.

VỚI SỰ RA ĐỜI CỦA SỞ MẬU DỊCH, CÁC HOẠT ĐỘNG THƯƠNG NGHIỆP NGÀY CÀNG PHÁT TRIỂN HỖ TRỢ ĐẮC LỰC CHO KHÁNG CHIẾN, SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG CỦA NHÂN DÂN.

Trong thời kỳ chiến tranh phá hoại miền Bắc, đế quốc Mỹ tập trung đánh phá các thành phố, thị xã, thị trấn, các cửa khẩu biên giới, các vùng đông dân, các cầu cống trên các tuyến đường bộ, đường sắt, bao vây, phong tỏa các cảng biển, uy hiếp tàu nước ngoài ra vào cảng Hải Phòng, nhằm làm cho lưu thông hàng hóa trong nội địa bị rối loạn, hạn chế các luồng hàng xuất khẩu, nhập khẩu, ngăn cản tiếp nhận viện trợ quốc tế. Ngành Thương nghiệp miền Bắc đã chuyển hướng hoạt động phục vụ chiến đấu, sản xuất, dân sinh với hai mục tiêu chính: (i) Xây dựng phát triển kinh tế địa phương, giải quyết tại chỗ các nhu cầu ở địa phương, góp phần củng cố hậu phương vững mạnh; (ii) Bảo đảm yêu cầu chiến đấu của tiền tuyến, đáp ứng các nhu cầu cơ bản về đời sống của nhân dân. Thương nghiệp quốc doanh đã thực hiện tốt hai mục tiêu đó. Đồng thời, xây dựng hệ thống thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán lớn mạnh ngày càng giữ vai trò quyết định trên thị trường, là một yếu tố rất quan trọng, bảo đảm thực hiện chính sách kinh tế - tài chính của Chính phủ trong thời kỳ toàn dân kháng chiến chống Mỹ.

Năm 1975, đất nước thống nhất tạo điều kiện cho kinh tế hai miền Nam Bắc bổ sung hỗ trợ lẫn nhau. Nước ta thực hiện hai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội là Kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976 - 1980) và Kế hoạch 5 năm lần thứ ba (1981 - 1985) đã đạt được những thành tựu quan trọng: Khắc phục từng bước những hậu quả nặng nề của chiến tranh; Khôi phục phần lớn những cơ sở công nghiệp, nông nghiệp, giao thông ở miền Bắc và xây dựng lại các vùng nông thôn ở miền Nam bị chiến tranh tàn phá.

Trong thời kỳ này, Nhà nước quản lý nền kinh tế chủ yếu bằng mệnh lệnh hành chính dựa trên hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh áp đặt từ trên xuống. Các doanh nghiệp hoạt động trên cơ sở các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các chỉ tiêu pháp lệnh được giao, công tác phân phối lưu thông gặp rất nhiều khó khăn. Do đất nước còn nghèo, sản xuất hàng hóa trong

NĂM 1975, ĐẤT NƯỚC THỐNG NHẤT TẠO ĐIỀU KIỆN CHO KINH TẾ HAI MIỀN NAM BẮC BỔ SUNG HỖ TRỢ LẪN NHAU. NƯỚC TA THỰC HIỆN HAI KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI LÀ KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ HAI (1976 - 1980) VÀ KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ BA (1981 - 1985)

nước chậm phát triển, hoạt động ngoại thương bị cấm vận, nên trên thị trường hàng hóa rất nghèo nàn và khan hiếm, bao gồm cả hàng nông sản - thực phẩm và hàng công nghiệp tiêu dùng. Các tổ chức thương nghiệp hợp tác xã chưa đủ sức hỗ trợ cho thương nghiệp quốc doanh thu mua nắm nguồn hàng, phân phối bán lẻ và chi phối thị trường. Chưa tổ chức quản lý một cách có hiệu quả thương nghiệp tư nhân, chưa kịp thời đối phó và ngăn chặn được các thủ đoạn phi pháp của gian thương.

Đến đầu năm 1978, Nhà nước tiến hành đổi tiền lần thứ 2 thống nhất tiền tệ chung trong cả nước, tạo tiền đề hòa nhập thị trường hai miền và công tác quản lý chung hoạt động thương

mại trong cả nước. Thương nghiệp quốc doanh đã từng bước vươn lên, giao lưu hàng hoá giữa hai miền không ngừng được tăng cường và bổ sung cho nhau, mỗi năm càng thêm phát triển. Tổng mức bán lẻ hàng hóa xã hội bình quân thời kỳ tăng bình quân 61,6%/năm. Tuy nhiên, nền kinh tế trên đà phục hồi và tăng trưởng chậm, năng lực sản xuất hàng hóa trong nước còn hạn chế, nên còn mất cân đối cung - cầu (thiếu hụt nguồn cung), đồng thời do bị tác động bởi việc cải cách tiền lương vào năm 1985 dẫn đến chỉ số giá bán lẻ tăng rất cao, bình quân giai đoạn 1976 - 1985 chỉ số giá bán lẻ tăng 39,53%/năm.

THƯƠNG MẠI NỘI ĐỊA THỜI KỲ ĐỔI MỚI NỀN KINH TẾ

Nhận ra những bất cập của cơ chế kinh tế tập trung, bao cấp, Nhà nước bắt đầu có một số thay đổi trong chính sách quản lý kinh tế. Năm 1986, Đại hội Đảng lần thứ VI đề ra đường lối đổi mới, chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, hoạt động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước và định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đảng và Nhà nước ta ban hành nhiều chủ trương và quyết sách lớn để phát triển thị trường lành mạnh, đúng hướng, đã đem lại những tác động tích cực trên thị trường hàng hoá và dịch vụ. Kể từ năm 1986, thị trường hàng hoá, dịch vụ nước ta có nhiều biến đổi lớn về chất và phát triển vượt bậc về lượng.

ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA BAN HÀNH NHIỀU CHỦ TRƯƠNG VÀ QUYẾT SÁCH LỚN ĐỂ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG LÀNH MẠNH, ĐÚNG HƯỚNG, ĐÃ ĐEM LẠI NHỮNG TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC TRÊN THỊ TRƯỜNG HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ. KỂ TỪ NĂM 1986, THỊ TRƯỜNG HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ NƯỚC TA CÓ NHIỀU BIẾN ĐỔI LỚN VỀ CHẤT VÀ PHÁT TRIỂN VƯỢT BẬC VỀ LƯỢNG.

Cụ thể, trong 20 năm thực hiện Đổi mới (1986 - 2006): (i) Về cơ bản đã xoá bỏ cơ chế lưu thông cũ, chuyển sang cơ chế lưu thông mới, khắc phục tình trạng “ngăn sông, cấm chợ”, hình thành thị trường thống nhất khá ổn định và thông suốt trong cả nước; (ii) Đã từng bước phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế trong sản xuất và lưu thông; hàng hoá cung ứng trên thị trường tăng trưởng với mức cao, trên 10%/năm, phong phú về quy cách chủng loại và chất lượng ngày càng được nâng cao, đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước và còn dư thừa để xuất khẩu, góp phần quan trọng giữ vững các cân đối lớn của nền kinh tế, ổn định đời sống của nhân dân; (iii) Kiềm chế được lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng tăng ở mức hợp lý đã tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội. Giá bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng từ mức tăng 3 chữ số mỗi năm trong 3 năm (1986 - 1988), hai chữ số mỗi năm trong thời kỳ 1989 - 1992 đã giảm xuống chỉ còn tăng một chữ số trong thời kỳ 1993 - 2000; (iv) Từng bước hình thành các kênh lưu thông của một số mặt hàng chủ yếu: Mạng lưới kinh doanh thương mại, dịch vụ tiếp tục được mở rộng trên cả ba địa bàn: thành thị, nông thôn và miền núi, với sự tham gia của các thành phần kinh tế và chủ thể kinh doanh. Tổ chức và phương thức kinh doanh, phương thức mua bán ngày càng đổi mới, phong phú và linh hoạt hơn.

Năm 2008, thế giới và khu vực xảy ra khủng hoảng tài chính trầm trọng, ảnh hưởng xấu đến các nền kinh tế, nhất là các nước kém và đang phát triển. Trong bối cảnh đó, ngành Công Thương nước ta đã vượt qua thách thức, nắm bắt cơ hội và đã đạt được những thành tựu nổi bật. Thương mại trong nước đã bảo đảm cân đối cung cầu những mặt hàng trọng yếu cho nền kinh tế, đưa hàng hóa tới vùng sâu, vùng xa. Tổng mức bán lẻ hàng hoá, doanh thu dịch vụ xã hội

HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI NỘI ĐỊA THU HÚT SỰ THAM GIA CỦA CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ, CÓ CẢ THÀNH PHẦN NƯỚC NGOÀI. THÀNH PHẦN KINH TẾ NGOÀI NHÀ NƯỚC ĐÓNG VAI TRÒ CHỦ ĐẠO, CHIẾM TỶ TRỌNG CAO TRONG CƠ CẤU TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HOÁ VÀ DOANH THU DỊCH VỤ XÃ HỘI (CHIẾM 84,64%). THÀNH PHẦN KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CŨNG THAM GIA TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI NỘI ĐỊA, SONG VỚI QUY MÔ CÒN KHIÊM TỐN (CHIẾM 3,34%). THÀNH PHẦN KINH TẾ NHÀ NƯỚC TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI NỘI ĐỊA CHIẾM TỶ TRỌNG THẤP (12,02%).

tăng qua các năm, năm 2010 đạt khoảng 1.677,3 nghìn tỷ đồng, tăng gần gấp 3 lần năm 2006 (596 nghìn tỷ đồng).

Từ năm 2009, khi nước ta thực hiện cam kết trong khuôn khổ WTO mở cửa thị trường bán lẻ và dịch vụ, thương mại nội địa đã có những bước phát triển tích cực, tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong việc tiêu thụ sản phẩm, đáp ứng nhu cầu về hàng hóa cho cả sản xuất và tiêu dùng, góp phần quan trọng cho phát triển kinh tế. Trong cơ cấu GDP cả nước, giá trị tăng thêm của thương mại trong nước (bao gồm bán buôn, bán lẻ, dịch vụ) chiếm tỷ trọng ngày càng tăng qua các năm, từ 8% năm 2010 lên 10,1% năm 2015 và 11,2% năm 2019, tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị tăng thêm thương mại trong nước giai đoạn 2011 - 2019 đạt khoảng 8,8%. Điều này cho thấy thị trường trong nước đã và đang trở thành một động lực góp phần quan trọng cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Đồng thời, thương mại trong nước cũng hỗ trợ tích cực cho công tác giải quyết việc làm khi thu hút khoảng 6 - 7 triệu lao động (chiếm hơn 12% tổng lao động toàn xã hội), góp phần xóa đói giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội.

Kết cấu hạ tầng thương mại được củng cố và phát triển, đặc biệt là sự xuất hiện và phát triển khá nhanh của các loại hình phân phối hiện đại (như trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi...), với đa dạng loại hình kinh doanh bán buôn, bán lẻ, đại lý và nhượng quyền thương mại. Hoạt động thương mại nội địa thu hút sự tham gia của các thành phần kinh tế, có cả thành phần nước ngoài. Thành phần kinh tế ngoài nhà nước đóng vai trò chủ đạo, chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ xã hội (chiếm 84,64%). Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài cũng tham gia trong hoạt động thương mại nội địa, song với quy mô còn khiêm tốn (chiếm 3,34%). Thành phần kinh tế nhà nước trong hoạt động thương mại nội địa chiếm tỷ trọng thấp (12,02%).

Tận dụng các lợi thế về quy mô dân số (thị trường gần 100 triệu dân) và dân số trẻ chiếm tỷ trọng cao, thị trường trong nước đã giữ vững được đà tăng trưởng với tốc độ tăng tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và dịch vụ xã hội các năm ở mức hai con số, sức mua và quy mô thị trường ngày càng lớn. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong giai đoạn này tăng từ 1.677,3 nghìn tỷ đồng năm 2010 lên 3.223,2 nghìn tỷ đồng năm 2015 và 4.930,8 nghìn tỷ đồng năm 2019, riêng năm 2020 do chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19 nên tăng trưởng chỉ ở mức 2,62%. Tốc độ tăng trưởng bình quân tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giai đoạn 2011 - 2015 đạt 14%/năm; giai đoạn 2016 - 2019 đạt 11,2%/năm, tính chung cả giai đoạn 2011 - 2019 đạt 12,7%/năm.

Quản lý nhà nước đối với phát triển thương nghiệp trước đây và nay là thương mại trong nước, luôn luôn chú trọng đến đảm bảo nguồn cung hàng hóa trên thị trường, nhất là hàng hóa thiết yếu (cả nguồn cung từ sản xuất trong nước và nguồn cung từ nhập khẩu), bên cạnh đó, cũng có những thời điểm công tác điều hành còn phải tập trung vào kích cầu tiêu dùng, nhờ đó cân đối và bình ổn được cung, cầu hàng hóa và dịch vụ trong mọi thời kỳ, giúp ổn định sản xuất và đời sống.

Chương trình dự trữ hàng hóa, bình ổn thị trường được triển khai tích cực tại các địa phương từ năm 2012 tới nay cũng đã góp phần quan trọng bảo đảm nguồn cung hàng hoá thiết yếu đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng của người dân với giá bán hợp lý và ổn định tại mọi thời điểm cũng như theo thời vụ. Qua nhiều năm triển khai thực hiện, hoàn thiện và nhân rộng mô hình, Chương trình bình ổn thị trường đã được chuyển đổi phương thức từ sử dụng ngân sách nhà nước sang xu hướng xã hội hoá, kết nối các doanh nghiệp thực hiện chương trình có nhu cầu vay vốn với các tổ chức tín dụng trên địa bàn để vay với lãi suất ưu đãi, giúp giảm áp lực lên ngân sách cũng như giải quyết nhu cầu hàng hoá đặc thù (nếu có). Thông qua Chương trình bình ổn thị trường, nhiều mô hình liên kết trực tiếp giữa nhà sản xuất và phân phối được xây dựng nhằm tạo nguồn cung hàng hóa ổn định, bền vững cho thị trường, góp phần cung ứng kịp thời hàng thiết yếu trong mọi tình huống như thiên tai, dịch bệnh.... Công tác thông

CÁC THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG ĐƯỢC CUNG CẤP THƯỜNG XUYÊN TỚI NGƯỜI DÂN THÔNG QUA CÁC CUỘC HỌP BÁO ĐỊNH KỲ, CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG, NHẤT LÀ TRONG NHỮNG DỊP CAO ĐIỂM NHƯ NGHỈ LỄ, TẾT VÀ TRONG THỜI GIAN XẢY RA DỊCH COVID-19... TRÁNH ĐƯỢC TÂM LÝ MUA ĐẦU CƠ TÍCH TRỮ, TẠO SỰ TIN TƯỞNG CHO NGƯỜI DÂN.

10 NĂM THỰC HIỆN CUỘC VẬN ĐỘNG NGƯỜI VIỆT DÙNG HÀNG VIỆT

BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

CÂN ĐỐI CUNG CẦU, CÁN CÂN THƯƠNG MẠI, PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Một số ngành công nghiệp có chỉ số sản xuất tăng trưởng cao	Tỷ lệ nội địa hóa trong sản xuất công nghiệp được nâng cao
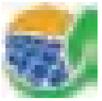 Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, và điều hòa không khí: 9,9%/năm	Tỷ lệ nguyên phụ liệu nội địa của ngành dệt may: ≈ 50%
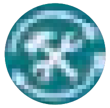 Chế biến, chế tạo: 9%/năm	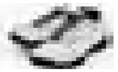 Tỷ lệ nội địa hóa ngành da giày: ≈40-50%

Nguồn: Bộ Công Thương

tin thị trường cũng từng bước được coi trọng. Các thông tin về tình hình giá cả thị trường được cung cấp thường xuyên tới người dân thông qua các cuộc họp báo định kỳ, các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là trong những dịp cao điểm như nghỉ lễ, Tết và trong thời gian xảy ra dịch Covid-19..., tránh được tâm lý mua đầu cơ tích trữ, tạo sự tin tưởng cho người dân.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, chỉ số giá hàng hóa được kiểm soát nhờ thực hiện tốt, đồng bộ các giải pháp về tiền tệ, tín dụng và tài khóa cũng như cơ chế phối hợp linh hoạt giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ. Chỉ số CPI bình quân từng năm từ 2016 đến 2020 đều đạt được mục tiêu do Quốc hội đề ra. CPI bình quân giảm từ 4,74% năm 2016 xuống 3,54% năm 2018, tiếp tục giảm còn 2,79% trong năm 2019 và ở mức 3,23% trong năm 2020 (cách khá xa mức chỉ tiêu Quốc hội giao, dưới 4%). Trong giai đoạn này, mặt bằng giá hàng hóa chịu ảnh hưởng chủ yếu ở các nhóm hàng do nhà nước quản lý (phí dịch vụ y tế, giáo dục) được điều chỉnh tăng giá theo lộ trình. Nguồn cung hàng hóa các mặt hàng thiết yếu trên thị trường cơ bản được bảo đảm, giá cả tương đối ổn định (chỉ tăng cục bộ và trong thời gian ngắn, như dịp Tết Nguyên đán). Một số mặt hàng nông sản khác (sản phẩm trồng trọt) được mùa, nguồn cung tăng nhưng được sự chủ động hỗ trợ tiêu thụ của các bộ, ngành, địa phương nên giá không bị giảm sâu, bảo đảm lợi nhuận cho người trồng. Nhóm hàng năng lượng chịu ảnh hưởng lớn nhất từ các biến động giá trên thị trường thế giới. Tuy nhiên, nguồn cung trong nước vẫn luôn được đảm bảo, giá các mặt hàng chính như xăng dầu được điều hành linh hoạt, theo sát diễn biến giá thế giới và có sự phối hợp trong điều hành giá các mặt hàng khác do Nhà nước quản lý, góp phần kiểm soát mức tăng CPI chung. Nguồn cung các mặt hàng nhóm vật tư nông nghiệp và vật liệu xây dựng từ nguồn sản xuất trong nước cơ bản đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, giá các mặt hàng này không có biến động lớn.

Công tác điều hành thị trường trong nước của Bộ Công Thương đầu mối do Vụ Thị trường trong nước thực hiện những năm qua đã theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, theo dõi sát sao, hành động kịp thời để ứng phó với các biến động của thị trường. Nhờ đó, thị trường trong nước tiếp tục phát triển, đóng góp của thương mại trong nước vào GDP ngày càng tăng và trở thành

HIỆN NAY, CƠ CẤU KINH TẾ ĐANG CÓ SỰ CHUYỂN ĐỔI MẠNH MẼ, CÙNG VỚI TÁC ĐỘNG CỦA CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ VÀ TIẾN TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ, DIỆN MẠO, PHƯƠNG THỨC KINH DOANH VÀ HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI TRONG NƯỚC CÓ NHIỀU THAY ĐỔI SÂU SẮC, THƯƠNG MẠI HIỆN ĐẠI VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TIẾP TỤC TĂNG TỐC MẠNH MẼ BÊN CẠNH SỰ TỒN TẠI VÀ PHÁT TRIỂN BỀN BỈ CỦA THƯƠNG MẠI TRUYỀN THỐNG.

một trong những trụ đỡ quan trọng của nền kinh tế. Cung cầu hàng hóa thiết yếu được bảo đảm, giá cả hàng hóa ổn định, góp phần vào thành công trong thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội của Chính phủ.

Trong bối cảnh nước ta hội nhập ngày càng sâu rộng với kinh tế thế giới, hàng hóa Việt Nam phải cạnh tranh với hàng ngoại nhập ngày càng mạnh mẽ. Chương trình "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" là bệ đỡ cho hàng Việt trong thị trường nội địa. Qua đó, giúp xóa đói, giảm nghèo và làm giàu cho nông dân, phát triển sản xuất cho đồng bào dân tộc và người dân vùng khó khăn. Hiện nay, cơ cấu kinh tế đang có sự chuyển đổi mạnh mẽ, cùng với tác động của Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 và tiến trình chuyển đổi số, diện mạo, phương thức kinh doanh và hạ tầng thương mại trong nước có nhiều thay đổi sâu sắc, thương mại hiện đại và thương mại điện tử tiếp tục tăng tốc mạnh mẽ bên cạnh sự tồn tại và phát triển bền bỉ của thương mại truyền thống. Thương mại trong nước đã thể hiện được vai trò hết sức quan trọng trong kết nối sản xuất với thị trường, thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng của xã hội và phục vụ sản xuất. Qua đó đóng góp cho tiến trình Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế thị trường, ổn định đời sống, đảm bảo an sinh xã hội trong mọi tình huống, đặc biệt là tác động của đại dịch Covid -19.

Trải qua 70 năm hình thành và phát triển, kể từ ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh năm 1951, ngành Thương mại trong nước ngày càng lớn mạnh, thực hiện xuất sắc nhiệm vụ phục vụ sản xuất, chiến đấu, ổn định đời sống, đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, hội nhập quốc tế mà các kỳ Đại hội Đảng đã đề ra. Tiếp nối truyền thống hào hùng đó, Bộ Công Thương đã đề ra mục tiêu kế hoạch trong lĩnh vực thương mại trong nước nhằm hoàn thành các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội bền vững, hoàn thành xuất sắc Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng./.

QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

LỚN MẠNH CÙNG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG

64 NĂM SONG HÀNH CÙNG SỰ ĐỔI THAY VÀ PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG, LỰC LƯỢNG QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG ĐÃ CÓ NHỮNG BƯỚC TIẾN QUAN TRỌNG, TẠO RA NHỮNG DẤU ẤN ĐẬM NÉT TRONG TỪNG HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC ĐẢNG, NHÀ NƯỚC, CHÍNH PHỦ, BỘ CÔNG THƯƠNG VÀ NHÂN DÂN GHI NHẬN.

Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hoà Bình thăm và làm việc với lực lượng Tổng cục Quản lý thị trường (ngày 14 tháng 2 năm 2019).

SONG HÀNH CÙNG BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG

Sắc lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 14/5/1951 về việc đổi tên Bộ Kinh tế thành Bộ Công Thương là một dấu mốc quan trọng trong lịch sử phát triển của ngành Công Thương Việt Nam. Ngay từ những năm đầu thành lập, khi điều kiện kinh tế - xã hội trong nước còn nhiều khó khăn, phải đương đầu với giặc ngoại xâm, giặc đói, giặc dốt nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, ngành Công Thương đã vượt qua khó khăn, từng bước xây dựng, duy trì và phát triển hoạt động của nền công nghiệp và thương mại non trẻ, vừa phục vụ kháng chiến, vừa bảo đảm ổn định đời sống nhân dân và phát triển kinh tế đất nước.

Trong tiến trình phát triển ấy, trước nhu cầu bức thiết cần có một lực lượng ổn định thị trường, bảo vệ và phát triển nền sản xuất trong nước, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, ngày 03/7/1957, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 290/TTg thành lập Ban Quản lý thị trường Trung ương và các Ban Quản lý thị trường tại các tỉnh, thành phố và khu tự trị trong cả nước. Đây là mốc son đánh dấu sự hình thành và bắt đầu quá trình phát triển của lực lượng Quản lý thị trường.

Trong suốt 64 năm xây dựng và phát triển, dưới sự chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Bộ Công Thương, lực lượng Quản lý thị trường đã phối hợp với các lực lượng liên quan thực hiện chức năng phòng, chống, xử lý các hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu; sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ; hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí

tuệ; hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng, đo lường, giá, an toàn thực phẩm và gian lận thương mại; hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Từ khi thành lập đến năm 2017, mô hình tổ chức Quản lý thị trường hoạt động theo cấu trúc ngang bao gồm các Chi cục thuộc Sở Công Thương ở các tỉnh, thành phố đã góp phần không nhỏ trong việc ổn định thị trường nội địa. Tuy nhiên, tình trạng gian lận thương mại, buôn lậu, hàng giả, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đã phát triển ngày càng tinh vi, phức tạp hơn. Hành vi vi phạm không chỉ ở địa bàn cấp xã, huyện, tỉnh mà có phạm vi rộng hơn, liên tỉnh, liên vùng, thậm chí móc nối với các đối tượng ở nước ngoài. Đặc biệt, với sự phát triển của Internet, công nghệ thông tin, thương mại điện tử đã và đang trở thành một kênh tiêu thụ hàng giả, hàng nhái, hàng lậu, hàng kém chất lượng khiến lực lượng chức năng rất khó phát hiện kiểm tra và xử lý. Chính vì thế, cách tổ chức lực lượng Quản lý thị trường theo mô hình cũ, chia cắt theo địa phương đã bộc lộ những giới hạn, không theo kịp nhu cầu quản lý trong tình hình mới.

HIỆU QUẢ TỪ MÔ HÌNH TỔ CHỨC MỚI

Nhận thấy những bất cập tồn tại, với mong muốn xây dựng lực lượng Quản lý thị trường tinh nhuệ, đáp ứng được yêu cầu của giai đoạn phát triển mới, ngày 10/8/2018, Thủ tướng Chính

VỚI SỨC MẠNH CỦA MÔ HÌNH MỚI, TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG ĐÃ TIẾN CÔNG VÀO NHỮNG ĐIỂM NÓNG, ĐÁNH TRÚNG CÁC ĐƯỜNG DÂY, Ổ NHÓM SẢN XUẤT, KINH DOANH HÀNG GIẢ, HÀNG LẬU LỚN MÀ TRƯỚC ĐÂY CHƯA LÀM ĐƯỢC.

phủ ban hành Quyết định số 34/2018/QĐ-TTg quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý thị trường trực thuộc Bộ Công Thương. Theo đó, Tổng cục được tổ chức theo mô hình ngành dọc từ Trung ương đến địa phương, bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành theo nguyên tắc tập trung thống nhất.

Ngay khi được thành lập, dưới sự chỉ đạo của Bộ Công Thương, Tổng cục Quản lý thị trường đã bắt tay vào khắc phục các bất cập của mô hình tổ chức cũ bị phân tán, cắt khúc theo vùng lãnh thổ. Cùng với đó, hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính của lực lượng Quản lý thị trường được triển khai đồng bộ, kịp thời, thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Với sức mạnh của mô hình mới, Tổng cục Quản lý thị trường đã tiến công vào những điểm nóng, đánh trúng các đường dây, ổ nhóm sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng lậu lớn mà trước đây chưa bao giờ làm được. Nhiều vụ việc điển hình vi phạm về buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả tại các địa phương như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Lạng Sơn, Quảng Ninh, An Giang, Bình Dương, Thanh Hóa, Hải Dương... đã được lực lượng Quản lý thị trường phát hiện, xử lý nghiêm, điển hình như: xử lý tổng kho buôn lậu hơn 10.000m^2 tại thành phố Lào Cai; kiểm tra, xử lý hai trung tâm thương mại bán hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ tại Móng Cái (Quảng Ninh), Trung tâm Thương mại Sài Gòn Square, chợ Bến Thành (TP. Hồ Chí Minh), chợ Ninh Hiệp, quận Hoàn Kiếm (Hà Nội)... Đặc biệt, lực lượng Quản lý thị trường đã thể hiện vai trò tiên phong trong trận chiến chống đại dịch Covid-19 khi vừa kiểm tra, kiểm soát thị trường, vừa tham gia ứng trực để điều phối các mặt hàng phòng, chống dịch tới tay người tiêu dùng với mức giá hợp lý. Lực lượng Quản lý thị trường cũng là cơ quan đầu tiên đưa ra cảnh báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về nạn thu gom khẩu trang, găng tay y tế đã qua sử dụng để tái chế, bán ra thị trường.

Với việc triển khai thực hiện nhiệm vụ theo hệ thống tổ chức mới, lực lượng Quản lý thị trường đã phát huy vai trò, tạo sự chuyển biến rõ nét trong thực thi nhiệm vụ, nâng cao hiệu quả công

Lễ ra mắt cổng Thông tin điện tử, hệ thống quản lý văn bản điện tử và hệ thống email cho toàn bộ lực lượng QLTT trên toàn quốc (ngày 21/1/2019).

tác kiểm soát thị trường. Không chỉ quyết liệt chỉ đạo trong lực lượng, Tổng cục Quản lý thị trường cũng đã chủ động phối hợp các lực lượng chức năng, bộ, ngành để đẩy mạnh hoạt động kiểm tra kiểm soát thị trường đặc biệt đối với vấn đề buôn lậu; sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ; xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; vi phạm pháp luật về chất lượng, đo lường, giá, an toàn thực phẩm... Ở cấp địa phương, lực lượng Quản lý thị trường quận, huyện đã xử lý nhiều vụ việc, địa bàn nổi cộm.

Thực tế đã minh chứng việc tinh giản bộ máy không làm yếu đi vai trò chủ công trong chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả trên thị trường nội địa, mà còn giúp lực lượng Quản lý thị trường ngày càng tinh nhuệ, chuyên nghiệp, đủ sức đánh vào những tổ chức đã thành hệ thống, những trung tâm đầu nậu, trọng điểm về buôn lậu hàng gian, hàng giả.

Bước chân vào hội nhập, bên cạnh những mặt tích cực cũng nảy sinh nhiều mặt trái của thị trường đòi hỏi phải có phương thức mới trong tiếp cận, đấu tranh và xử lý. Nắm bắt thực tế này, Tổng cục Quản lý thị trường đã chủ động đầu tư

VIỆC TINH GIẢN BỘ MÁY KHÔNG LÀM YẾU ĐI VAI TRÒ CHỦ CÔNG TRONG CHỐNG BUÔN LẬU, GIAN LẬN THƯƠNG MẠI, HÀNG GIẢ TRÊN THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA, MÀ CÒN GIÚP LỰC LƯỢNG QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG NGÀY CÀNG TINH NHUỆ, CHUYÊN NGHIỆP, ĐỦ SỨC ĐÁNH VÀO NHỮNG TỔ CHỨC ĐÃ THÀNH HỆ THỐNG, NHỮNG TRUNG TÂM ĐẦU NẬU, TRỌNG ĐIỂM VỀ BUÔN LẬU HÀNG GIAN, HÀNG GIẢ.

vào hạ tầng công nghệ thông tin, coi đó là công cụ đi đầu tạo ra bước đột phá trong nâng cao hiệu quả hoạt động. Đến nay, lực lượng Quản lý thị trường đã ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác Quản lý thị trường, đưa vào vận hành chính thức cổng Thông tin điện tử; hệ thống quản lý văn bản điện tử; hệ thống thư điện tử công vụ; cơ sở dữ liệu và quản lý công tác tài chính; hệ thống xử phạt vi phạm hành chính, hệ thống hội nghị trực tuyến với 63 điểm cầu...

Như vậy, có thể thấy, sau hơn hai năm hoạt động theo mô hình mới, tổ chức ngành dọc từ trung ương đến địa phương của Tổng cục Quản lý thị trường đã thể hiện rõ ưu điểm, tạo sự chuyển biến tích cực rõ rệt trong điều hành, quản lý, nâng cao hiệu quả kiểm tra, kiểm soát, phối hợp giữa các đơn vị trong đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả.

HƯỚNG TỚI LỰC LƯỢNG CHÍNH QUY - CHUYÊN NGHIỆP - HIỆN ĐẠI

Trong suốt 64 năm xây dựng và phát triển, lực lượng Quản lý thị trường đã thể hiện rõ vai trò chủ công trên mặt trận kiểm tra - kiểm soát thị trường, góp phần thực hiện thành công mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, ổn định thị trường, bảo vệ nhà sản xuất trong nước, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, được Chính phủ, cấp ủy và chính quyền địa phương ghi nhận. Những thành tích đó đã được Nhà nước trao tặng nhiều Huân chương, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, bên cạnh những tiềm năng, thuận lợi thì cũng đối mặt với không ít khó khăn, thách thức. Tình trạng buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại vẫn diễn biến phức tạp với phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, gây bức xúc trong xã hội. Để làm tốt công tác này, lượng lượng Quản lý thị trường tiếp tục bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công Thương, Ban Chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, cấp ủy và chính quyền địa phương. Chủ động, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng xây dựng phương án, kế hoạch và tổ chức kiểm tra, kiểm soát thị trường có trọng tâm, trọng điểm, kịp thời phát hiện, xử lý những vấn đề phát sinh nổi cộm trên thị trường. Đặc biệt, xây dựng đội ngũ công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, giỏi chuyên môn nghiệp vụ, không ngừng rèn luyện phẩm chất đạo đức, đấu tranh chống tham nhũng để hướng tới xây dựng một đội ngũ chính quy - chuyên nghiệp - hiện đại.

SAU HƠN HAI NĂM HOẠT ĐỘNG THEO MÔ HÌNH MỚI, TỔ CHỨC NGÀNH DỌC TỪ TRUNG ƯƠNG ĐẾN ĐỊA PHƯƠNG CỦA TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG ĐÃ THỂ HIỆN RÕ ƯU ĐIỂM, TẠO SỰ CHUYỂN BIẾN TÍCH CỰC RÕ RỆT TRONG ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ, NÂNG CAO HIỆU QUẢ KIỂM TRA, KIỂM SOÁT, PHỐI HỢP GIỮA CÁC ĐƠN VỊ TRONG ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG BUÔN LẬU, GIAN LẬN THƯƠNG MẠI VÀ HÀNG GIẢ.

XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

NỖ LỰC THÀNH CÔNG
CÙNG ĐẤT NƯỚC

TRONG TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG, HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU ĐÃ CÓ NHỮNG CHUYỂN BIẾN MẠNH MẼ, GÓP PHẦN QUAN TRỌNG VÀO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐẤT NƯỚC. THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ, ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ, TẠO THÊM VIỆC LÀM VÀ NÂNG CAO ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN. HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU CŨNG GẮN KẾT KINH TẾ VIỆT NAM VỚI KINH TẾ THẾ GIỚI, NÂNG CAO VỊ THẾ CỦA VIỆT NAM TRÊN TRƯỜNG QUỐC TẾ.

Xuất khẩu là điểm sáng của nền kinh tế. Ảnh: TTXVN

Trong 70 năm hình thành và phát triển của ngành Công Thương, cùng các dấu mốc lịch sử của đất nước, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam đã có sự thay đổi mạnh mẽ, trở thành động lực quan trọng cho tăng trưởng cũng như sự đổi mới sáng tạo của nền kinh tế. Ở giai đoạn đầu, khi hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra trong bối cảnh đất nước chia cắt, vừa sản xuất vừa chiến đấu, các hoạt động xuất khẩu không diễn ra nhiều, các hoạt động ngoại thương chủ yếu là nhập khẩu. Trong hoạt động nhập khẩu, việc dùng ngoại tệ của Nhà nước để trao đổi, mua bán hàng hóa rất ít. Nhập khẩu thực chất là sự tiếp nhận viện trợ từ nước ngoài, chủ yếu với mục đích tăng cường tiềm lực kinh tế, quốc phòng, duy trì và phát triển sản xuất, phục vụ chiến đấu, chi viện cho miền Nam. Về cơ cấu nhập khẩu, sản phẩm nhập khẩu nhiều nhất là vật phẩm tiêu dùng, rồi đến nguyên, nhiên, vật liệu. Điều này hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh và chủ trương chính sách thời kỳ đó. Các hoạt động nhập khẩu đáp ứng nhu cầu khi các mặt hàng trong nước khan hiếm. Bên cạnh đó, nhập khẩu số lượng lớn trang thiết bị y

tế, thuốc chữa bệnh... để phục vụ và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Hoạt động ngoại thương đã đóng góp được một phần trong việc mở rộng quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và các nước. Năm 1955, hoạt động xuất khẩu chỉ được thực hiện bó hẹp với thị trường 10 nước, đến 1969 đã tăng lên 30 nước. Sau năm 1975, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 6 của Đảng là dấu mốc quan trọng trong quá trình đổi mới tư duy quản lý, điều hành. Nghị quyết của Đại hội Đảng xác định “xuất khẩu là mũi nhọn có ý nghĩa quyết định đối với nhiều mục tiêu kinh tế trong 5 năm này (1986-1990), đồng thời cũng là khâu chủ yếu của toàn bộ các quan hệ kinh tế đối ngoại”.

Các quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về phát triển xuất khẩu được thể hiện và cụ thể hóa tại các chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa qua từng thời kỳ: Chỉ thị số 22/2000/CT-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược xuất - nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ thời kỳ 2001-2010, đã xác định: tiếp tục chủ trương dành ưu tiên cao nhất cho xuất khẩu, tăng tốc xuất khẩu trên mọi lĩnh vực; tạo nguồn hàng có chất lượng, có giá trị gia tăng và sức cạnh tranh cao để xuất khẩu; góp phần giải quyết việc làm cho xã hội, tạo nguồn dự trữ ngoại tệ, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cơ cấu xuất khẩu phải chuyển dịch mạnh theo hướng gia tăng các sản phẩm chế biến chế tạo, chú trọng các sản phẩm có hàm lượng công nghệ và chất xám cao, bên cạnh đó phải quan tâm khai thác mặt hàng chủ yếu sử dụng nguyên vật liệu tại chỗ, sử dụng nhiều lao động. Chú trọng nâng cao giá trị gia công và chất lượng từng sản phẩm xuất khẩu, giảm xuất khẩu hàng chế biến thô, tăng tỉ trọng hàng chế biến sâu bằng công nghệ mới trong kim ngạch xuất khẩu.

Ngày 7/11/2006, Việt Nam đã chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).Đây là một sự kiện quan trọng, mở ra cơ hội mới cho sự phát triển đất nước đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức mà Việt Nam cần phải vượt qua. Hội nhập kinh tế thế giới là xu thế tất yếu, chỉ có hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta mới mở rộng được thị trường xuất, nhập khẩu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư và tiêu thụ sản phẩm. Trên thực tế, Việt Nam đã hội nhập kinh tế từ rất lâu, nhưng vẫn ở mức độ thấp, nền kinh tế Việt Nam đã tham gia vào AFTA, ASEAN nhưng sự tham gia đó vẫn ở phạm vi hẹp cả về qui mô và khối lượng.

Để chuẩn bị cho một giai đoạn phát triển mới, nhất là chuẩn bị gia nhập WTO, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 156/2006/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2006 phê duyệt Đề án Phát triển xuất khẩu giai đoạn 2006-2010 với mục tiêu tổng quát: phát triển xuất khẩu với tốc độ cao và bền vững. Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng có giá trị gia tăng cao, sản phẩm chế biến, chế tạo, sản phẩm có hàm lượng công nghệ và chất xám cao, giảm dần tỉ trọng hàng xuất khẩu thô. Kiềm chế mức nhập siêu hợp lý, thông qua thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ, phát triển sản xuất các sản phẩm có lợi thế so sánh để bảo đảm nhu cầu trong nước, tiến tới cân bằng xuất khẩu-nhập khẩu vào những năm đầu sau năm 2010.

Từ 2006 đến nay là giai đoạn chúng ta hội nhập kinh tế sâu rộng với sự kiện quan trọng là Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của WTO. Vì thế, tiếp nối các chính sách và chiến lược ngoại thương của những giai đoạn trước, trong giai đoạn này, chúng ta có định hướng là tiếp tục khai thác lợi thế tương đối của Việt Nam cộng với những cơ hội của hội nhập để khai thác tối

NGÀY 7/11/2006, VIỆT NAM ĐÃ CHÍNH THỨC GIA NHẬP TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO). ĐÂY LÀ MỘT SỰ KIỆN QUAN TRỌNG, MỞ RA CƠ HỘI MỚI CHO SỰ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC ĐỒNG THỜI CŨNG ĐẶT RA NHIỀU THÁCH THỨC MÀ VIỆT NAM CẦN PHẢI VƯỢT QUA.

đa các thị trường xuất khẩu, phát triển các thị trường mới. Đặc biệt, việc gia nhập WTO cũng đòi hỏi các chính sách ngoại thương cũng như các công cụ, biện pháp được áp dụng phải phù hợp với những quy định của WTO và những cam kết của Việt Nam. Vì vậy, một trong các chức năng của chính sách ngoại thương là thực hiện các cam kết hội nhập của Việt Nam.

Ngoài ra, một định hướng quan trọng của chính sách ngoại thương, đó là xuất khẩu phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng có giá trị gia tăng cao, sản phẩm chế biến, chế tạo, sản phẩm có hàm lượng công nghệ và chất xám cao, giảm dần tỉ trọng hàng xuất khẩu thô.

Để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ chiến lược trong giai đoạn mới, ngày 28 tháng 12 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2471/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030, trong đó đã đề ra định hướng chung như sau:

- Phát triển xuất khẩu theo mô hình tăng trưởng bền vững và hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô xuất khẩu, vừa chú trọng nâng cao giá trị gia tăng xuất khẩu.

- Chuyển dịch cơ cấu hàng hóa xuất khẩu một cách hợp lý theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tập trung nâng nhanh tỷ trọng các sản phẩm xuất khẩu có giá trị gia tăng cao, sản phẩm chế biến sâu, sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, sản phẩm thân thiện với môi trường trong cơ cấu hàng hóa xuất khẩu.

Định hướng hoạt động ngoại thương là vẫn tiếp tục tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển sản xuất để tăng nhanh xuất khẩu, xây dựng, củng cố các đối tác hợp tác chiến lược để phát triển thị trường bền vững trong đó đặc biệt nhấn mạnh vấn đề gắn phát triển và hội nhập kinh tế với vấn đề phát triển bền vững và giữ vững nền độc lập, tự chủ. Đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu. Tích cực và chủ động tham gia vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu; chú trọng xây dựng và phát triển hàng hóa có giá trị gia tăng cao, có thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước. Điều này đồng nghĩa với việc chúng ta phải có những biện pháp để kiểm soát hoạt động ngoại thương một cách hiệu quả nhằm duy trì sự ổn định của thị trường trong nước.

Năm năm gần đây, kinh tế thế giới có nhiều biến động. Mặc dù các quốc gia tiếp tục phục hồi sau khủng hoảng, những hoạt động xuất nhập khẩu tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức: xung đột, tranh chấp địa chính trị xảy ra ở nhiều khu vực; xu hướng quay lại của chủ nghĩa bảo hộ, áp dụng các rào cản thuế quan và phi thuế quan làm giảm tính cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu, và chính sách tiền tệ chặt chẽ của các quốc gia.

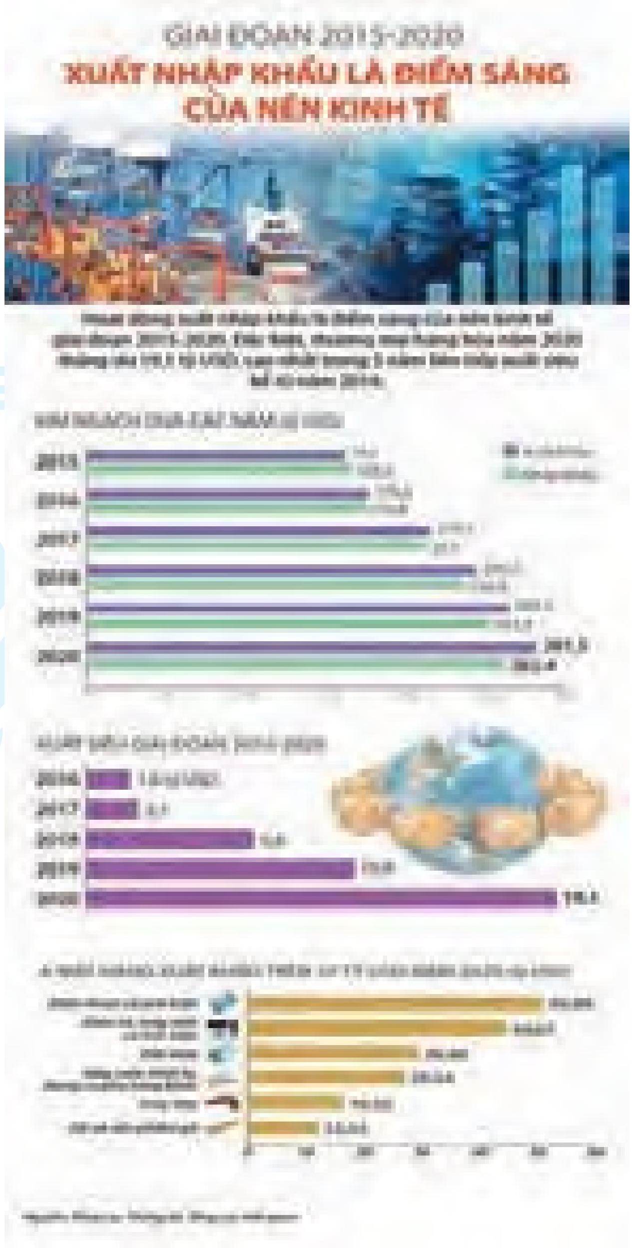

Năm 2020 cũng là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, nước ta nỗ lực để hoàn thành mục tiêu đặt ra trong Kế hoạch. Sự xuất hiện của dịch Covid-19 đã gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh tế, trong đó xuất, nhập khẩu hàng hóa bị ảnh hưởng khá nghiêm trọng. Những biến động, khó khăn đó đã khiến các nước có xu hướng sử dụng sản phẩm nội địa thay cho sản phẩm nhập khẩu khi thực hiện biện pháp đóng cửa biên giới để phòng, chống dịch bệnh. Nhiều nước sử dụng các biện pháp bảo hộ thương mại, các rào cản kỹ thuật để tăng cường bảo hộ sản phẩm nội địa, đặc biệt là các mặt hàng nông sản, thủy sản.

Tuy nhiên, với sự điều hành linh hoạt và kiên quyết của Chính phủ với mục tiêu "vừa phòng, chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội", hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đã đứng vững trong sự đứt gãy thương mại quốc tế trên toàn cầu, giữ được đà tăng trưởng và tạo lực kéo quan trọng cho cả nền kinh tế. Trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều rủi ro, bất ổn, thương mại toàn cầu giảm sút, xuất khẩu của các nước trong khu vực đều giảm so với năm trước, Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng xuất khẩu khả quan trong năm 2020. Cụ thể:

(i) Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam chính thức vượt mốc 500 tỷ USD trong năm 2019 và đạt trên 545 tỷ USD trong năm 2020. Xuất khẩu ghi nhận sự tăng trưởng mạnh về quy mô, từ 176,6 tỷ USD năm 2016 lên 282,7 tỷ USD năm 2020. Tăng trưởng xuất khẩu giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 11,9%/năm, cao hơn mục tiêu 10% do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII đề ra.

(ii) Quá trình hội nhập được khai thác hiệu quả, gắn tăng trưởng xuất khẩu với kiểm soát có hiệu quả hoạt động nhập khẩu giúp cán cân thương mại chuyển từ nhập siêu sang xuất siêu. Theo Chiến lược phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa, mục tiêu cân bằng cán cân thương mại vào năm 2020. Tuy nhiên, từ năm 2016 đến nay cán cân thương mại luôn thặng dư với mức xuất siêu tăng dần qua các năm từ 1,77 tỷ USD năm 2016, 2,1 tỷ USD năm 2017, 6,8 tỷ USD năm 2018, 10,9 tỷ USD năm 2019. Năm 2020, tiếp tục ghi nhận xuất siêu kỷ lục trên 19 tỷ USD.

(iii) Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu tiếp tục cải thiện theo chiều hướng tích cực:

Tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến tăng từ 80,3% kim ngạch xuất khẩu năm 2016 lên mức 84,2% năm 2019 và 85,2% trong năm 2020. Trong khi đó, tỷ trọng nhóm hàng nhiên liệu, khoáng sản giảm từ 2% tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2016 xuống còn 1% năm 2020.

(iv) Số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu đạt trên 1 tỷ USD tăng dần, từ 26 mặt hàng năm 2016 lên 32 mặt hàng năm 2020. Trong đó, 18 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 2 tỷ USD, 9 mặt hàng có kim ngạch trên 5 tỷ USD và 6 mặt hàng có kim ngạch trên 10 tỷ USD. Mặt hàng đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu năm 2020 là điện thoại và linh kiện với giá trị xuất khẩu lớn nhất đạt 51,2 tỷ USD, chiếm 18,1% tổng kim ngạch xuất khẩu điện tử,

Xuất khẩu năm 2020 tiếp tục có sự tăng trưởng ấn tượng

máy tính và linh kiện đạt 44,6 tỷ USD, chiếm 15,8%.

(v) Việc khai thác các hiệp định thương mại tự do cũng đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần phát triển xuất khẩu nhanh và bền vững, giảm dần phụ thuộc vào một hay một vài thị trường. Tính đến cuối năm 2020, Việt Nam đã tham gia 16 hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó có 14 FTA đã ký kết và đang thực thi; 01 FTA đã ký kết và 02 FTA chưa kết thúc đàm phán. Kết quả hoạt động xuất nhập khẩu thời gian qua cho thấy, các FTA đã đưa vào thực thi được các doanh nghiệp tận dụng tốt, tạo đà đẩy mạnh xuất khẩu, ngoài ra, các FTA thế hệ mới được ký kết gần đây như EVFTA, CPTPP bước đầu đã có những tín hiệu tích cực, cụ thể. Tổng kim ngạch xuất khẩu sử dụng các loại C/O ưu đãi theo FTA trung bình đạt 32% - 34%/năm. Kết quả này phản ánh doanh nghiệp và hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam đang dần nâng cao tỷ lệ tận dụng ưu đãi thuế quan tại các thị trường có FTA với Việt Nam. EVFTA dù mới được đưa vào thực thi từ tháng 8 năm 2020 nhưng đã có những tín hiệu tích cực trong công tác cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Tính từ ngày 01 tháng 8 đến ngày 17 tháng 4 năm 2021, các cơ quan, tổ chức được uỷ quyền cấp C/O mẫu EUR.1 đã cấp hơn 138.332 bộ C/O mẫu EUR.1 với kim ngạch hơn 5,16 tỷ USD đi 27 nước EU. Ngoài ra, các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sang EU còn thực hiện tự chứng nhận xuất xứ cho gần 3.743 lô hàng với trị giá hơn 11,3 triệu USD được hưởng ưu đãi thuế quan theo EVFTA.

Hạ tầng và dịch vụ logistics được cải thiện, đáp ứng yêu cầu của tăng trưởng xuất nhập khẩu. Theo Báo cáo của Ngân hàng Thế giới năm 2018, chỉ số năng lực hoạt động logistics (LPI) của Việt Nam xếp hạng 39/160 nước tham gia nghiên cứu, tăng 25 bậc so với năm 2016 và vươn lên đứng thứ 3 trong các nước ASEAN.

Nhờ những nỗ lực từ phía cả khu vực công và cộng đồng doanh nghiệp, hoạt động xuất nhập khẩu, đặc biệt là xuất khẩu trong thời gian qua đã có những kết quả rực rỡ. Xuất khẩu góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế, cải thiện cán cân thanh toán, ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định tỷ giá, kiểm soát lạm phát, tạo hiệu ứng lan toả thúc đẩy sản xuất, tạo việc làm và thu nhập cho hàng triệu lao động và tạo động lực đổi mới sáng tạo trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
MỤC TIÊU KIM NGẠCH XUẤT KHẨU TĂNG 5%/NĂM

Xuất khẩu (XK) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng trưởng
≥5% 1 năm

~ 340 tỷ USD
Kim ngạch XK năm 2025

Tỷ trọng nhóm hàng công nghiệp trong tổng kim ngạch XK năm 2025
85,3%

~13,5%
Giá trị tăng thêm của ngành thương mại trong nước đóng góp vào GDP năm 2025

Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng trưởng bình quân
9-9,5% 1 năm

>45%
Số doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia thương mại điện tử

Nguồn: Bộ Công Thương

CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
TRONG TIẾN TRÌNH
HỘI NHẬP QUỐC TẾ

CÔNG NGHIỆP LÀ NGÀNH KINH TẾ QUAN TRỌNG, NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY CÓ ĐÓNG GÓP LỚN NHẤT CHO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, TRỞ THÀNH NGÀNH XUẤT KHẨU CHỦ ĐẠO VỚI TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG Ở MỨC CAO. NHỮNG THÀNH TỰU CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP SAU 35 NĂM ĐỔI MỚI ĐÃ TẠO ĐỘNG LỰC ĐẨY NHANH QUÁ TRÌNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NỀN KINH TẾ, GÓP PHẦN QUAN TRỌNG THÚC ĐẨY SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC.

QUAN ĐIỂM VÀ ĐƯỜNG LỐI PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA QUA TỪNG THỜI KỲ

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (1960) xác định: "Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ ở nước ta". Trong 20 năm đầu, công nghiệp nước ta diễn ra trong điều kiện chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Những năm tiếp theo, công nghiệp diễn ra trong điều kiện vừa khủng hoảng kinh tế - xã hội, vừa tìm tòi đổi mới nền kinh tế.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: "Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo có tính nền tảng và các ngành công nghiệp có lợi thế". Đại hội Đảng XI (năm 2011) bổ sung "Cơ cấu lại nền công nghiệp theo hướng phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế, từng bước có khả năng tham gia sâu, có hiệu quả vào mạng sản xuất và phân phối toàn cầu; Ưu tiên phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp và nông thôn; Phát triển hợp lý công nghiệp sử dụng nhiều lao động, góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động".

Mới đây nhất, Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đưa ra các định hướng, mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước rất cụ thể, theo đó, đến năm 2025, Việt Nam sẽ là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại; năm 2030 là nước có công nghiệp hiện đại và đến năm 2045 sẽ là nước phát triển, có thu nhập cao. Nghị quyết cũng đề ra các chỉ tiêu kinh tế quan trọng về phát triển kinh tế trong giai đoạn tới, trong đó, đặc biệt là chỉ tiêu đến năm 2025, tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt trên 25%. Bên cạnh đó, định hướng xây dựng nền công nghiệp quốc gia tại Văn kiện Đại hội XIII cũng nhấn mạnh việc tập trung phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, cụ thể: "Cơ cấu lại công nghiệp, nâng cao trình độ công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi sang công nghệ số, tập trung phát triển những ngành công nghiệp nền tảng, nhất là công nghiệp cơ khí, chế tạo, công nghiệp phụ trợ, nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế, có khả năng tham gia sâu, có hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu. Ưu tiên phát triển những ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh kết hợp phục vụ dân sinh. Dựa trên công nghệ mới, hiện đại để phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế (chế biến nông sản, dệt may, da giày...), tạo nhiều việc làm, sản xuất hàng xuất khẩu, đóng góp lớn vào giá trị gia tăng quốc gia. Bố trí lại công nghiệp trên các địa bàn lãnh thổ hợp lý hơn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu công nghệ cao, khu kinh tế, khu công nghiệp".

"Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030" đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 880/2014/QĐ-TTg ngày 9/6/2014 chỉ rõ quan điểm về phát triển ngành Công nghiệp như sau: (a) Phát triển công nghiệp tập trung vào một số ngành công nghiệp đáp ứng nhu cầu trong nước và tăng nhanh xuất khẩu; (b) Tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh

trên thị trường thế giới; phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ để tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu; (c) Khuyến khích phát triển dân doanh, đầu tư nước ngoài; thúc đẩy phát triển bền vững khu vực kinh tế ngoài nhà nước. Chú trọng phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa; (d) Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp là điều kiện quyết định thành công quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; (đ) Phát triển công nghiệp theo các chuẩn mực về môi trường, tiến tới công nghệ xanh giai đoạn sau năm 2020.

Trên cơ sở đó, Quy hoạch tổng thể đã đề ra định hướng phát triển gồm: (a) Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao; (b) Phát triển các ngành công nghiệp nền tảng để sẵn sàng đáp ứng nhu cầu về tư liệu sản xuất cơ bản của nền kinh tế trong giai đoạn phát triển tiếp theo; (c) Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, hướng đến sản xuất một số sản phẩm có thương hiệu tham gia vào chuỗi xuất khẩu trọng điểm của cả nước; (d) Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, hình thành sự phân công sản xuất, liên kết, hợp tác tham gia chế tạo trong từng công đoạn sản phẩm; (đ) Thực hiện phân bố không gian công nghiệp phù hợp nhằm phát huy lợi thế so sánh của các vùng, miền và tạo điều kiện liên kết có hiệu quả.

Bộ Công Thương, với chức năng là cơ quan quản lý nhà nước về công nghiệp và thương mại, thời gian qua, đã có nhiều nỗ lực trong công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực công nghiệp, tham mưu trình Chính phủ ban hành nhiều văn bản quản lý nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ; cụ thể hóa các đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tạo môi trường pháp lý bình đẳng và minh bạch cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế cạnh tranh, phát triển; khơi thông các nguồn lực trong nước và thu hút đầu tư nước ngoài; ban hành các thông tư, quyết định, chỉ thị và các văn bản khác về quản lý nhà nước đối với ngành và lĩnh vực công nghiệp do Bộ quản lý; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Bộ, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về công nghiệp, góp phần thúc đẩy ngành công nghiệp từng bước phát triển và đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

MỘT SỐ THÀNH TỰU CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Sau 35 năm Đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đưa nước ta từ một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới trở thành quốc gia có thu nhập trung bình thấp và ngày càng hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới; đời sống của người dân

CÔNG NGHIỆP LÀ NGÀNH CÓ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CAO NHẤT TRONG CÁC NGÀNH KINH TẾ QUỐC DÂN, ĐÓNG GÓP LỚN TRONG GDP VÀ TẠO RA NHIỀU SẢN PHẨM XUẤT KHẨU CHỦ LỰC CỦA CẢ NƯỚC, GÓP PHẦN ĐƯA VIỆT NAM LÊN VỊ TRÍ THỨ 22 TRONG SỐ CÁC QUỐC GIA XUẤT KHẨU LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀO NĂM 2018. MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP ƯU TIÊN, CÔNG NGHIỆP MŨI NHỌN THEO ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CỦA TA ĐÃ TRỞ THÀNH CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP LỚN NHẤT ĐẤT NƯỚC, QUA ĐÓ ĐƯA NƯỚC TA CƠ BẢN ĐÃ HỘI NHẬP THÀNH CÔNG VÀO CHUỖI GIÁ TRỊ TOÀN CẦU.

ngày càng được cải thiện, vị thế và uy tín của đất nước ta trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Đóng góp vào những thành quả to lớn này của đất nước có vai trò hết sức quan trọng của ngành Công Thương.

Công nghiệp đóng góp ngày càng lớn trong nền kinh tế

Bình quân giai đoạn 2011 - 2020, công nghiệp là ngành có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong các ngành kinh tế quốc dân với xấp xỉ 30% GDP (trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm khoảng 16,5% trong GDP) và trở thành ngành xuất khẩu chủ lực của đất nước, góp phần đưa Việt Nam lên vị trí thứ 22 trong số các quốc gia xuất khẩu lớn nhất thế giới vào năm 2018. Xét về mức độ đóng góp vào GDP của các ngành kinh tế, số liệu thống kê từ 2010 đến nay cho thấy, cơ cấu nền kinh tế Việt Nam đang có sự chuyển đổi tích cực theo hướng công nghiệp hoá, với sự giảm dần của nông nghiệp và tăng dần của công nghiệp và dịch vụ. Bốn ngành có đóng góp lớn nhất cho nền kinh tế gồm chế biến chế tạo, nông nghiệp, bán buôn bán lẻ, và khoáng sản. Các ngành còn lại đều có mức đóng góp dưới 5%. Công nghiệp cũng là ngành đóng góp lớn nhất cho ngân sách nhà nước.

Việt Nam đã vươn lên trở thành một trong những quốc gia có nền công nghiệp có năng lực cạnh tranh toàn cầu (CIP) ở mức khá cao, thuộc vào nhóm các quốc gia có năng lực cạnh tranh công nghiệp trung bình cao với vị trí thứ 44 trên thế giới vào năm 2018 theo đánh giá của UNIDO. Theo đó, trong giai đoạn 1990 - 2018 đã tăng 50 bậc và giai đoạn 2010 - 2018 tăng 23 bậc, tăng nhanh nhất trong các nước thuộc khu vực ASEAN và đã tiệm cận vị trí thứ 5 của Philippines (chỉ thua 0.001 điểm), tiến gần hơn với nhóm 4 nước có năng lực cạnh tranh mạnh nhất trong khối.

Dây chuyền robot hàn tại Tổ hợp cơ khí Thaco Chu Lai

Cơ cấu các ngành công nghiệp có sự chuyển biến tích cực

Cơ cấu các ngành công nghiệp có sự chuyển biến tích cực, tăng tỷ trọng của công nghiệp chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng của ngành khai khoáng, phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành. Công nghiệp chế biến, chế tạo đã trở thành động lực tăng trưởng chính của toàn ngành công nghiệp. Xét cả giai đoạn 2016 - 2020, nhóm ngành này

liên tục được mở rộng và chiếm tỷ trọng cao nhất trong các ngành công nghiệp với đóng góp trong GDP tăng liên tục qua các năm (tăng từ 14,27% năm 2016 lên 16,48% vào năm 2019 và khoảng 16,7% vào năm 2020).

Một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đã có bước phát triển mạnh mẽ, nhất là các ngành điện - điện tử, công nghệ thông tin và viễn thông, chế tạo thiết bị năng lượng, dệt may, da giày, công nghiệp xây dựng... qua đó đưa nước ta cơ bản đã hội nhập có hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Đã bước đầu hình thành được một số doanh nghiệp công nghiệp có quy mô lớn và có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Theo xếp hạng doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2019, trong số 10 doanh nghiệp lớn nhất thì có tới 8/10 doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp, trong đó 7/10 doanh nghiệp nội địa; chiếm 5/10 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất cả nước. Các doanh nghiệp công nghiệp lớn của Việt Nam chủ yếu tập trung vào lĩnh vực dầu khí, điện, khoáng sản, ô tô, thép, sữa và thực phẩm.

Tỷ trọng các doanh nghiệp có trình độ công nghệ cao và công nghệ trung bình ngày càng tăng. Cơ cấu công nghệ trong ngành công nghiệp đã có nhiều thay đổi theo hướng tiếp cận công nghệ tiên tiến, hiện đại hơn với sự dịch chuyển mạnh từ các ngành thâm dụng lao động như dệt may, da giày sang các ngành công nghiệp công nghệ cao như máy vi tính, sản phẩm điện tử, điện thoại. Tỉ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao tăng từ 44,3% năm 2016 lên 49,8% năm 2020.

Công nghiệp trở thành ngành xuất khẩu chủ đạo với tốc độ tăng trưởng ở mức cao; cơ cấu sản phẩm công nghiệp xuất khẩu đã có sự dịch chuyển tích cực.

Nhiều năm trở lại đây, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp tăng nhanh, chiếm hơn 90% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, trong đó tỷ trọng các sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo ngày càng tăng (nhóm hàng công nghiệp chế biến chế tạo có tỷ trọng tăng từ 61,2% năm 2011 lên tới khoảng 84,2% năm 2019. Tỉ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao tăng từ 44,3% năm 2016 lên 49,8% năm 2020). Trong số 32 mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch trên 1 tỷ USD vào năm 2019, công nghiệp chiếm 29/32 mặt hàng và 5/5 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD (điện tử, dệt may, da giày, đồ gỗ, máy móc thiết bị). Một số ngành công nghiệp hiện có vị trí vững chắc trên thị trường thế giới hiện nay như dệt may (đứng thứ 7 về xuất khẩu), da giày (thứ 3 về sản xuất và thứ 2 về xuất khẩu), điện tử (đứng thứ 12 về xuất khẩu, trong đó mặt hàng điện thoại di động đứng thứ 2 về xuất khẩu), đồ gỗ (đứng thứ 5 về xuất khẩu). Năm 2020 có 31 mặt hàng xuất khẩu trên 1 tỷ USD, trong đó có 9 mặt hàng xuất khẩu trên 5 tỷ USD và 6 mặt hàng xuất khẩu

NHIỀU NĂM TRỞ LẠI ĐÂY, KIM NGẠCH XUẤT KHẨU CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP TĂNG NHANH, CHIẾM HƠN 90% TỔNG KIM NGẠCH XUẤT KHẨU CỦA CẢ NƯỚC, TRONG ĐÓ TỶ TRỌNG CÁC SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO NGÀY CÀNG TĂNG (NHÓM HÀNG CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN CHẾ TẠO CÓ TỶ TRỌNG TĂNG TỪ 61,2% NĂM 2011 LÊN TỚI KHOẢNG 84,2% NĂM 2019. TỈ TRỌNG GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO TĂNG TỪ 44,3% NĂM 2016 LÊN 49,8% NĂM 2020).

trên 10 tỷ USD (điện thoại và linh kiện; điện tử, máy tính và linh kiện; dệt may; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng; giày dép; gỗ và sản phẩm gỗ), chiếm tỷ trọng 92% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Với năng lực sản xuất hàng hóa công nghiệp ngày càng được mở rộng, cùng với việc tận dụng có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, trong thời gian qua, kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng bền vững, nhiều năm liên tục Việt Nam xuất siêu, đảm bảo cân đối vĩ mô nền kinh tế. Điều này càng khẳng định vai trò quan trọng của các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng về công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Phát triển công nghiệp - đặc biệt là công nghiệp chế biến, chế tạo đã góp phần tích cực trong giải quyết việc làm và nâng cao đời sống của nhân dân

Công nghiệp chế biến, chế tạo cung cấp khoảng 25,8% việc làm cho nền kinh tế, và bình quân mỗi năm tạo thêm khoảng 300.000 việc làm.

Ngành công nghiệp chế biến chế tạo đã cho thấy vai trò chủ đạo của mình trong việc hấp thụ lao động dịch chuyển từ khu vực nông nghiệp, với tỉ trọng lao động tăng từ 13,5% lên 20,7%, tiếp theo là ngành dịch vụ bán buôn, bán lẻ với tỉ trọng lao động tăng từ 11,3% lên 13,3% trong cùng giai đoạn. Các ngành còn lại đều có tỉ trọng lao động chưa đến 10%. Với xu hướng giảm dần lao động trong ngành nông nghiệp, trong thời gian tới, ngành công nghiệp chế biến chế tạo và dịch vụ bán buôn bán lẻ sẽ phải tạo thêm nhiều việc làm hơn nữa để đáp ứng nhu cầu việc làm của xã hội.

May mặc, da giày và chế biến thực phẩm vẫn là các ngành tạo việc làm chính cho nền kinh tế, với tốc độ tăng trưởng về lao động bình quân giai đoạn 2011- 2020 đạt khoảng 6%. Điện tử thời gian gần đây nổi lên như một ngành thâm dụng lao động, tạo việc làm chủ yếu, với tốc độ tăng trưởng việc làm trong cùng giai đoạn đạt khoảng 21%. Các ngành khác, như cao su - nhựa, cơ khí, ô tô cũng có xu hướng tăng nhu cầu lao động, phù hợp với sự dịch chuyển cơ cấu công nghiệp, với tốc độ tăng trưởng bình quân trên 8%.

Tổng vốn đầu tư ngành công nghiệp tăng dần theo từng năm, đặc biệt là đầu tư nước ngoài

Tổng vốn đầu tư cho phát triển công nghiệp giai đoạn 2011 - 2020 tiếp tục được mở rộng, trong đó, tỷ lệ đầu tư công nghiệp trên tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội luôn chiếm xấp xỉ 40% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, chỉ sau ngành ngành dịch vụ (xấp xỉ 50%) với sự dịch chuyển từ đầu tư của khu vực nhà nước sang đầu tư của khu vực ngoài nhà nước. Trong đó, đầu tư FDI trở thành động lực chính của phát triển công nghiệp và chuyển dịch cơ cấu phát triển các ngành công nghiệp nước ta theo hướng hiện đại (chiếm tỷ trọng xấp xỉ 70% tổng vốn đầu tư FDI vào các ngành kinh tế, trong đó, đầu tư vào công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng lớn nhất với xấp xỉ 60%). Đầu tư FDI có vai trò to lớn trong việc hình thành một số ngành công nghiệp chủ lực của nền kinh tế như viễn thông; khai thác, chế biến dầu khí; điện tử, công nghệ thông tin, thép, xi măng, dệt may, da giày... tạo nền tảng quan trọng cho tăng trưởng dài hạn, cũng như thúc đẩy quá trình hiện đại hóa, công nghiệp hóa đất nước.

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHỦ LỰC

Khoáng sản

Công tác quản lý nhà nước về khoáng sản luôn được triển khai chặt chẽ và có hiệu quả. Bộ Chính trị (khóa VII) đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 01 tháng 3 năm 1996 "Về định hướng chiến lược tài nguyên khoáng sản và phát triển công nghiệp khai khoáng đến năm 2010". Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, năng lực của các cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản từ Trung ương đến địa phương từng bước được nâng cao nhằm đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, ngành công nghiệp khai khoáng đã có bước phát triển, đã đóng vai trò quan trọng trong phát triển công nghiệp Việt Nam, chiếm từ 10% -12% GDP, đáp ứng đủ và kịp thời nguyên liệu như than đá, thiếc, chì, kẽm sắt, đồng, appatit cho một số ngành kinh tế sử dụng nguyên liệu khoáng là nhiệt điện, ximăng, hóa chất, luyện kim... Ngày 25/4/2011, Bộ Chính trị

đã ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TW "về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030", đặc biệt, Luật Khoáng sản năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật đã thể chế hoá được các quan điểm, chính sách mới của Đảng và Nhà nước nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững ngành công nghiệp khai khoáng và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng: Nhận thức của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoạt động khoáng sản và người dân vùng có khoáng sản đã được nâng cao, đã chú trọng đến đổi mới khoa học công nghệ, thiết bị, khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên và chú trọng đến bảo vệ môi trường, tăng cường sự giám sát của cộng đồng và người dân ở vùng có dự án; Hệ thống pháp luật và chính sách về khoáng sản, bảo vệ môi trường đã được sửa đổi, bổ sung cơ bản đã đầy đủ và phù hợp với luật pháp có liên quan cũng như phù hợp với thực tế, vai trò quản lý nhà nước từ cấp Trung ương đến địa phương đã được tăng cường, nâng cao trách nhiệm giải trình. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát được chú trọng và thường xuyên. Công tác cấp phép hoạt động khoáng sản thông qua việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản đảm bảo tính công khai, minh bạch, lựa chọn được nhà đầu tư có năng lực, công nghệ, giảm thiểu tiêu cực.

Một số dự án điển hình của ngành khai thác, chế biến khoáng sản: Khởi công xây dựng dự án Tổ hợp đồng Sin Quyền tại Lào Cai (năm 2003). Đây là mỏ đồng lớn nhất của Việt Nam, cũng như cả khu vực Đông Nam Á, Nhà máy Luyện đồng Lào Cai do Tổng Công ty Khoáng sản thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đầu tư hàng năm cung cấp ra thị trường hơn 11.000 tấn đồng katot/năm và nhiều kim loại khác như vàng, bạc, axit sulfuric, thạch cao...; Hoàn thành dự án đầu tư và đưa vào sản xuất ổn định Tổ hợp Bôxit-Nhôm Lâm Đồng công suất 650.000 tấn alumin/năm (năm 2013; tiếp theo là Dự án khai thác bô-xit, sản xuất alumin Nhân Cơ là 02 dự án thí điểm có quy mô vốn đầu tư lớn nhất, công nghệ phức tạp đầu tiên trong khai thác, chế biến quặng kim loại của Việt Nam, là các dự án thí điểm để phát triển đồng bộ khai thác, chế

Khai trường khai thác than lộ thiên công ty than Hòn Gai

biến quặng bô-xít có tiềm năng tài nguyên, trữ lượng lớn của Việt Nam... Việc tăng tỷ trọng của công nghiệp chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng của ngành khai khoáng trong giai đoạn đã qua phù hợp với định hướng tái cơ cấu ngành công nghiệp của Việt Nam.

Ngành Thép

Thực hiện chủ trương đổi mới kinh tế và chính sách mở cửa của Chính phủ, thời kỳ 1989 - 1995, ngành thép bắt đầu có bước tăng trưởng đáng kể, sản lượng thép sản xuất trong nước vượt ngưỡng 100.000 tấn/năm. Giai đoạn 1996 - 2000, ngành Thép tăng trưởng với tốc độ cao và có nhiều dự án đầu tư mới theo chiều sâu, có thêm 13 dự án liên doanh, trong đó có 12 nhà máy liên doanh cán thép và gia công chế biến sau cán. Năm 2000, ngành đạt sản lượng 1,57 triệu tấn. Từ năm 2000 trở đi, Việt Nam trở thành một trong những địa chỉ tiềm năng thu hút nhiều dự án đầu tư từ phía đối tác nước ngoài. Theo đó, nhu cầu về thép xây dựng cũng như thép dùng trong các ngành công nghiệp khác tăng. Đến nay, nhu cầu thép của Việt Nam đều tăng ở mức 2 con số mỗi năm. Đáp ứng mức tăng ấy, sản lượng sản xuất thép của các doanh nghiệp trong nước tăng mạnh theo từng năm. Sản lượng phôi thép liên tục tăng từ 4,3 triệu tấn năm 2010 lên 7,8 triệu tấn năm 2016 và đạt 17,219 triệu tấn năm 2020 (năm 2020, năng lực sản xuất toàn ngành đạt khoảng 24 triệu tấn/năm).

XN luyện gang Cao Bằng

Toàn ngành đã tập trung đầu tư đổi mới thiết bị, áp dụng công nghệ tiên tiến, đầu tư xây dựng các nhà máy mới với quy mô phù hợp, nâng cao năng lực sản xuất của ngành. Một số dự án sản xuất thép có quy mô lớn, thiết bị hiện đại đã được hình thành và đưa vào hoạt động. Năng lực sản xuất của các nhà máy trong nước đã đáp ứng đủ nhu cầu thép xây dựng. Một số sản phẩm xuất khẩu cao như: tôn mạ, ống thép, thép cuộn cán nguội. Ngành thép cũng đã chú trọng đầu tư vào các dự án quy mô lớn, sản xuất các sản phẩm trước đây chưa có như thép tấm cán nóng, thép lá cán nguội, v.v...

Trong thời gian qua, công tác quản lý nhà nước về ngành thép đã được quan tâm và tích cực triển khai thực hiện. Bộ Công Thương đã tập trung chỉ đạo, triển khai các dự án đầu tư thượng nguồn theo định hướng quy hoạch là tăng năng lực sản xuất phôi thép trong nước, giảm sự phụ

thuộc vào phôi thép nhập khẩu. Kết quả, ngành sản xuất phôi thép và thép dài thành phẩm có mức gia tăng đáng kể, đáp ứng hoàn toàn nhu cầu trong nước, một số doanh nghiệp bước đầu đã tiến hành xuất khẩu.

Đến nay, về cơ bản, ngành Thép đã thực hiện được mục tiêu đáp ứng đủ và kịp thời (bao gồm cả sản xuất và nhập khẩu) về số lượng và chủng loại các sản phẩm thép cho nền kinh tế, không để xảy ra tình trạng thiếu thép. Năng lực sản xuất thép ngày càng tăng về sản lượng và đa dạng về chủng loại.

Nhờ việc tăng cường công tác quản lý nhà nước, có sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Công Thương với các địa phương nên trong thời gian qua không xảy ra tình trạng các địa phương cấp phép đầu tư các dự án ngoài quy hoạch như trước đây.

Ngành Điện tử

Công nghiệp Điện tử Việt Nam tuy còn non trẻ nhưng đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Các doanh nghiệp điện tử hoạt động tại Việt Nam (bao gồm cả doanh nghiệp trong nước và FDI) đã sản xuất được hầu hết các sản phẩm điện tử thiết yếu như điều hòa nhiệt độ, tivi, máy giặt, điện thoại, máy in…. Các sản phẩm điện tử sản xuất trong nước đa dạng về chủng loại, màu sắc, mẫu mã, có chất lượng tốt, đáp ứng phần lớn nhu cầu trong nước và đã xuất khẩu đi một số nước trên thế giới.

Trong ngành công nghiệp Điện tử của Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu nhóm ngành thiết bị truyền thông với tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2006 - 2020 là khoảng trên 60%, tiếp đến là nhóm ngành linh kiện điện tử và nhóm ngành máy vi tính và thiết bị ngoại vi, hai nhóm ngành này có tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2006 - 2020 đạt lần lượt là khoảng trên 40% và trên 19%, sau cùng là nhóm ngành thiết bị điện tử khác và nhóm ngành Điện tử dân dụng có tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2006 - 2020 đạt lần lượt là khoảng 39% và khoảng 35%. Hoạt động sản xuất kinh doanh ngành Điện tử nhìn chung duy trì được tốc độ ổn định và tăng trưởng khá trong giai đoạn vừa qua, đặc biệt là các sản phẩm điện – điện tử tiêu dùng như ti vi, máy giặt, điều hòa, tủ lạnh, điện thoại di động. Việt Nam cũng là quốc gia xuất khẩu điện tử lớn thứ 12 trên thế giới và thứ 3 trong khối ASEAN, trong đó chiếm tỷ lệ lớn là sản phẩm điện thoại di động xuất khẩu của Samsung.

ĐỂ TẠO CƠ HỘI CHO NGÀNH CÔNG NGHIỆP ĐIỆN TỬ PHÁT TRIỂN, BỘ CÔNG THƯƠNG ĐÃ CHỦ ĐỘNG NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH VÀ TÌM KIẾM NHÀ CUNG CẤP TIỀM NĂNG ĐỂ GÓP PHẦN GIÚP DOANH NGHIỆP TRONG NƯỚC GẮN KẾT VỚI CÁC TẬP ĐOÀN ĐA QUỐC GIA, THAM GIA VÀO CHUỖI GIÁ TRỊ TOÀN CẦU.

Để tạo cơ hội cho công nghiệp điện tử phát triển, Bộ Công Thương đã chủ động nâng cao năng lực cạnh tranh và tìm kiếm nhà cung cấp tiềm năng để góp phần giúp doanh nghiệp trong nước gắn kết với các tập đoàn đa quốc gia, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Ngành Ô tô, xe máy

Việt Nam đã trở thành cơ sở sản xuất và thị trường lớn đối với ô tô và xe máy. Tỷ trọng ngành công nghiệp Ô tô - xe máy chiếm khoảng 6% tổng thể ngành chế biến chế tạo, góp phần làm tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp công nghệ cao trung bình trong tổng thể ngành chế biến chế tạo.

Hiện Việt Nam là nhà sản xuất xe máy lớn thứ tư trên thế giới với quy mô khoảng gần 4 triệu xe/năm, chỉ sau Trung Quốc, Ấn Độ và Indonesia. Sản lượng nội địa đạt mức cao nhất vào năm 2011, với số lượng xe máy lắp ráp đạt hơn 4 triệu chiếc, nhưng sản lượng giảm từ đó cho đến năm 2015. Từ năm 2015 đến nay, sản xuất xe máy

TỶ TRỌNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - XE MÁY CHIẾM KHOẢNG 6% TỔNG THỂ NGÀNH CHẾ BIẾN CHẾ TẠO, GÓP PHẦN LÀM TĂNG TỶ TRỌNG CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG BÌNH TRONG TỔNG THỂ NGÀNH CHẾ BIẾN CHẾ TẠO.

có xu hướng tăng trở lại. Hiện việc sản xuất xe máy chủ yếu nằm trong tay các doanh nghiệp FDI, bao gồm Honda, Yamaha, SYM, Piaggio và Suzuki; một số công ty lắp ráp tư nhân trong nước cũng tham gia lắp ráp xe máy nội địa và chủ yếu phục vụ thị trường nông thôn. Năm 2020, sản lượng xe mô tô, xe máy lắp ráp trong nước ước đạt 3.109,5 nghìn sản phẩm.

Kể từ năm 1995, khi các doanh nghiệp lắp ráp ô tô nước ngoài bắt đầu đầu tư vào Việt Nam, số lượng xe ô tô lắp ráp nội địa tăng nhanh, từ 3.500 xe năm 1995 lên 323.892 xe năm 2020. Hiệp hội Các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA) được thành lập năm 2000 với hơn 10 thành viên và hiện có 20 thành viên, cả các nhà sản xuất trong và ngoài nước. Ngành công

Giải pháp tự động hóa trong công nghiệp, cơ khí chế tạo máy

nghiệp Ô tô cũng đã hình thành các doanh nghiệp tư nhân có quy mô rất lớn, trong đó có các doanh nghiệp có vốn Việt Nam như Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải (THACO), Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Công, Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Vinfast..., và các doanh nghiệp 100% FDI như Công ty TNHH Toyota Việt Nam, Công ty TNHH Honda Việt Nam, Công ty TNHH Ford Việt Nam, Công ty TNHH Mercedes-Benz Việt Nam... Một số dự án lớn trong ngành đã được triển khai mạnh mẽ trong thời gian qua như dự án Tổ hợp xuất Ô tô Vinfast (tổng vốn đầu tư 35.000 tỷ đồng với công suất 500.000 xe/năm), Nhà máy Sản xuất Ô tô Thaco Mazda (tổng vốn đầu tư 12.000 tỷ đồng với công suất 100.000 xe/năm); Nhà máy Sản xuất Ô tô Huyndai Thành Công (tổng vốn đầu tư 1.320 tỷ đồng với công suất 40.000 xe/năm)... Tính đến hết năm 2020, ngành công nghiệp ô tô Việt Nam có khoảng trên 40 doanh nghiệp hoạt động sản

xuất, lắp ráp xe ô tô bao gồm: ô tô con, ô tô tải, ô tô khách, ô tô chuyên dùng và ô tô sát xi. Một số doanh nghiệp nội địa đã tham gia tích cực vào chuỗi sản xuất ô tô toàn cầu. Có nhiều hãng ô tô toàn cầu lớn có hoạt động sản xuất, lắp ráp trong nước, đáp ứng khoảng 70% nhu cầu xe trong nước. Các chủng loại xe tải, xe khách từ 10 chỗ ngồi trở lên, xe chuyên dụng sản xuất trong nước đã đạt tỷ lệ nội địa hóa cao, đạt mục tiêu đề ra đáp ứng về cơ bản thị trường nội địa.

Bộ Công Thương đóng vai trò tích cực và tiên phong trong quá trình phát triển của các ngành ô tô, xe máy trong thời gian qua, với việc tham mưu, ban hành nhiều chính sách quan trọng thúc đẩy phát triển ngành như: Quyết định số 24/2002/QĐ-BCN ngày 17 tháng 6 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp xe hai bánh gắn máy; Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; Quyết định số 1211/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 229/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách thực hiện Chiến lược và Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam; Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô... cũng như phối hợp với các bộ, ngành liên quan đề xuất các chính sách ưu đãi quan trọng nhằm khuyến khích phát triển sản xuất ô tô trong nước như chính sách ưu đãi về thuế suất thuế nhập khẩu vật tư, linh kiện sản xuất ô tô và công nghiệp hỗ trợ cho ngành ô tô tại các Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 và Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ... Trong thời gian tới, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành hoàn thiện các chính sách mới để phát triển thị trường và ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đầu tư phát triển ngành ô tô trong nước.

Công nghiệp hỗ trợ

Phát triển công nghiệp hỗ trợ là một trong những giải pháp quan trọng nhất để Việt Nam cải thiện chất lượng nền kinh tế, phát triển bền vững và tránh bẫy thu nhập trung bình; giúp tăng khả năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, đẩy mạnh tiếp nhận, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước. Từ đó, tạo tính lan tỏa mạnh mẽ, giúp các doanh nghiệp trong nước có thể tham gia sâu vào các chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu.

Thời gian qua, dưới sự lãnh đạo quyết liệt của Chính phủ, Bộ Công Thương đã phối hợp với các bộ, ngành triển khai nhiều biện pháp để thúc đẩy sự phát triển của công nghiệp hỗ trợ cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam.

Với sự ra đời của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ và các văn bản chính sách liên quan, hệ thống pháp luật, chính sách về công nghiệp hỗ trợ ngày càng được hoàn thiện, góp phần hỗ trợ thúc đẩy ngành công nghiệp hỗ trợ ngày càng phát triển và lớn mạnh. Cụ thể, số lượng và chất lượng của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam ngày càng được cải thiện rõ rệt. Các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phần nào đáp ứng khá tốt nhu cầu trong nước và được xuất khẩu sang nhiều quốc gia trên thế giới. Một số doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước ngày càng tích cực sử dụng các công cụ quản lý hiện đại vào sản xuất, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, trở thành nhà cung cấp cho các công ty đa quốc gia...

Nhằm để tháo gỡ những hạn chế và bất cập trên, ngày 06 tháng 8 năm 2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 115/NQ-CP về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ với nhiều chính sách mới kỳ vọng sẽ tạo nên cú hích

lớn cho công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo. Nghị quyết đặt ra mục tiêu đến năm 2025, doanh nghiệp Việt Nam có khả năng sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ có tính cạnh tranh cao, đáp ứng được 45% nhu cầu thiết yếu cho sản xuất, tiêu dùng trong nội địa; chiếm khoảng 11% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp; có khoảng 1.000 doanh nghiệp đủ năng lực cung ứng trực tiếp cho các doanh nghiệp lắp ráp và tập đoàn đa quốc gia trên lãnh thổ Việt Nam trong đó, doanh nghiệp trong nước chiếm khoảng 30%. Năm 2030, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ đáp ứng 70% nhu cầu cho sản xuất, tiêu dùng trong nội địa; chiếm khoảng 14% giá trị sản xuất công nghiệp. Có khoảng 2.000 doanh nghiệp đủ năng lực cung ứng trực tiếp cho các doanh nghiệp lắp ráp và tập đoàn đa quốc gia trên lãnh thổ Việt Nam.

Nghị quyết 115 của Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy phát triển CNHT là cơ sở, tiền đề cho các bộ, ngành nghiên cứu đưa ra các chính sách cụ thể để giải quyết các vấn đề nội tại của công nghiệp Việt Nam, nhằm tiếp tục thúc đẩy phát triển CNHT Việt Nam trong thời gian tới. Các chính sách thiết thực, đủ mạnh và kịp thời sẽ thúc đẩy sự phát triển của CNHT, mở ra cơ hội lớn cho Việt Nam đón đầu các dòng vốn đầu tư lớn trong xu thế chuyển dịch của chuỗi giá trị toàn cầu cũng như đổi mới mô hình phát triển công nghiệp.

Ngành Dệt may, da giày

Trong những năm qua, Dệt may và Da giày luôn là những ngành xuất khẩu và tạo việc làm chủ lực với kim ngạch xuất khẩu và lực lượng lao động lớn, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội. Riêng hai ngành Dệt may và Da giày chiếm tới 25% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, tạo ra gần 4 triệu việc làm, chiếm trên 40% lao động trong toàn ngành chế biến chế tạo. Việt Nam cũng là một trong các quốc gia xuất khẩu các sản phẩm dệt may và da giày lớn nhất trên thế giới.

Ngành Dệt may là ngành công nghiệp lớn thứ 5 và là ngành xuất khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam hiện nay với quy mô sản xuất công nghiệp luôn được mở rộng liên tục qua các năm, đặc biệt là trong các năm cuối kỳ kế hoạch. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trung bình giai đoạn 2011-2019 của ngành dệt tăng 11,23% và tăng rất cao trong giai đoạn 2016 - 2019 (17,07%) so với giai đoạn 2011 - 2015 (tăng 6,67%); ngành sản xuất trang phục tăng 11,04% trong giai đoạn 2011 - 2019 và tăng cao trong kỳ Kế hoạch 2016 - 2019 (tăng 12,92%) so với giai đoạn 2011 - 2015 (tăng 9,56%). Xuất khẩu dệt may tăng hơn 2 lần trong giai đoạn 2011 - 2019 và đạt 37,03 tỷ USD năm 2019 (năm 2011 đạt 16,74 tỷ USD) và trở thành quốc gia xuất khẩu đứng thứ 2 trên thế giới, sau Trung Quốc. Thị trường xuất khẩu chủ yếu tập trung vào một số đối tác lớn như Hoa Kỳ (chiếm tỷ trọng xấp xỉ 40%); tiếp theo là EU, Nhật Bản và Trung Quốc, Hàn Quốc (mỗi thị trường chiếm tỷ trọng xấp xỉ 10%).

Da giày đứng ở vị trí thứ 7 trong tỷ trọng đóng góp trong GDP của ngành công nghiệp. Xuất khẩu da giày tăng từ 6,6 tỷ USD năm 2011 lên 18,3 tỷ USD năm 2019 (không bao gồm nguyên phụ liệu) với chỉ số IIP bình quân đạt 15,3% (trong đó giai đoạn 2016 - 2019 tăng 11,1% thấp hơn so với giai đoạn 2011 - 2015 (tăng 18,7%)), qua đó giúp Việt Nam tiếp tục duy trì vị trí là quốc gia xuất khẩu giày dép đứng thứ hai thế giới (sau Trung Quốc). Thị trường xuất khẩu chủ yếu của ngành vẫn tập trung vào 5 thị trường gồm: Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc (chiếm tỷ trọng trên 80%), trong đó 3 vị trí dẫn đầu lần lượt là Hoa Kỳ (xấp xỉ 35%), EU (xấp xỉ 30%) và Trung Quốc (xấp xỉ 10%).

Năm 2020, do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, kim ngạch xuất khẩu của ngành Dệt may, Da giày Việt Nam đều giảm so với cùng kỳ 2019, nhưng vẫn ở mức khả quan so với bối cảnh chung của thế giới. Kim ngạch xuất khẩu của toàn ngành Dệt may đạt khoảng 35,27 tỷ USD, giảm 9,29% so với năm 2019. Tuy nhiên, đây vẫn là mức rất tích cực trong bối cảnh tổng cầu dệt may thế giới giảm 25%. Kim ngạch xuất khẩu ngành Da giày đạt khoảng 20 tỷ USD, giảm khoảng 2 tỷ USD so với 2019.

Trong những năm qua, Bộ Công Thương đã ban hành và tham mưu ban hành các chiến lược, quy hoạch, chương trình đóng vai trò quan trọng nhằm phát triển các ngành Dệt may, Da giày như: Quyết định số 36/2008/QĐ-TTg ngày 10/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020; Quyết định số 3218/QĐ-BCT ngày 11/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp Dệt may Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 6209/QĐ-BCT ngày 25/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Da giày Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025; Quyết định số 29/QĐ-TTg ngày 08/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển cây bông vải Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020... Thời gian tới, Bộ sẽ tiếp tục hoàn thiện và trình Chính phủ Chiến lược phát triển ngành Dệt may, Da giày đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 và các chính sách mới khác nhằm phát triển các ngành công nghiệp xuất khẩu chủ lực này của Việt Nam.

Các ngành công nghiệp thực phẩm

Trong những năm qua, ngành công nghiệp nước ta nói chung và công nghiệp thực phẩm và đồ uống nói riêng đã có những bước phát triển vượt bậc. Từ chỗ hàng hóa hết sức khan hiếm, thiếu thốn, đến nay Việt Nam đã sản xuất được rất nhiều sản phẩm đa dạng và phong phú về chủng loại, mẫu mã; chất lượng sản phẩm thực phẩm và đồ uống ngày càng được nâng cao, đáp ứng được phần lớn nhu cầu trong nước, góp phần thay thế hàng hóa nhập khẩu và một số sản phẩm còn được xuất khẩu sang các nước.

Số lượng doanh nghiệp trong ngành sản xuất thực phẩm và đồ uống tại Việt Nam tăng nhanh, đã hình thành một số doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong nước có uy tín, thương hiệu mạnh được đầu tư thiết bị tiên tiến, công nghệ hiện đại như Vinamilk, THTruemilk, Sabeco, Habeco, Kinh Đô, Bibica,... Bên cạnh đó, cùng với quá trình mở cửa và hội nhập quốc tế của Việt Nam, nhiều hãng thực phẩm và đồ uống nổi tiếng trên thế giới cũng đã đầu tư và phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam như Cocacola, Pepsi, Heineken, Tiger, Carlsberg, Saporo, Orion, FrieslandCampina, Nestle... Sản lượng ngành công nghiệp thực phẩm và đồ uống có sự tăng nhanh cả về số lượng và tốc độ tăng trưởng. Theo số liệu thống kê, năm 2020, sản lượng sữa tươi đạt trên 1,7 tỷ lít, gấp 3,27 lần sản lượng của năm 2010 và tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2010 - 2020 đạt 12,58%/năm; sản lượng sữa bột đạt 131,6 nghìn tấn, gấp 2,23 lần sản lượng của năm 2010 và tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2010 - 2020 đạt 8,37%/năm; sản lượng bia đạt 4,39 tỷ lít, gấp 1,81 lần sản lượng của năm 2010 và tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2010 - 2020 đạt 6,13%/năm.

Các doanh nghiệp ngành công nghiệp thực phẩm và đồ uống trong nước không ngừng đầu tư trang thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến, cải tiến, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh để đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu; không ngừng phát triển mở rộng vùng nguyên liệu (đối với ngành sữa) để từng bước chủ động nguồn nguyên liệu, giảm dần sự phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu.

Để thực hiện các định hướng và mục tiêu của Nghị quyết 23-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cũng như chủ trương về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, trong thời gian tới, ngành Công Thương sẽ tiếp tục tích cực triển khai thực hiện, cụ thể hóa các đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Với phương châm hành động "Đoàn kết, Kỷ cương, Đổi mới sáng tạo, Quyết liệt hành động, Khát vọng phát triển", Bộ Công Thương sẽ nỗ lực ở mức cao nhất để hoàn thành tốt nhiệm vụ được lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao.

HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

HIỆN THỰC HÓA TẦM NHÌN VÀ KHÁT VỌNG CỦA DÂN TỘC

HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ LÀ NỘI DUNG TRỌNG TÂM CỦA HỘI NHẬP QUỐC TẾ VÀ LÀ MỘT BỘ PHẬN QUAN TRỌNG, XUYÊN SUỐT TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA. TỪ NHU CẦU THỰC TẾ PHẢI TĂNG CƯỜNG, MỞ RỘNG QUAN HỆ HỢP TÁC VỚI CÁC QUỐC GIA VÀ VÙNG LÃNH THỔ, CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ ĐỂ PHÁ THẾ BỊ BAO VÂY, CÔ LẬP Ở NHỮNG NĂM ĐẦU THẬP KỶ 90, TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ (HNKTQT) CỦA VIỆT NAM ĐẾN NAY ĐÃ CHUYỂN BIẾN SANG THẾ TÍCH CỰC, CHỦ ĐỘNG, TỪNG BƯỚC KHẲNG ĐỊNH VAI TRÒ, VỊ THẾ CỦA VIỆT NAM TRONG NỀN KINH TẾ KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ. CÓ ĐƯỢC THÀNH TỰU ĐÓ PHẢI KỂ ĐẾN NHỮNG NỖ LỰC ĐÁNG GHI NHẬN CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG TRONG NHỮNG NĂM QUA.

QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG VỀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ QUA CÁC THỜI KỲ

Nhìn lại lịch sử phát triển của Việt Nam, thì chủ trương và tư tưởng mở cửa giao thương đã có từ khá lâu. Từ giữa thế kỷ thứ XVIII, nhà bác học Lê Quý Đôn đã viết rằng, “Phi công bất phú, phi thương bất hoạt”. Trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể, có lúc đất nước buộc phải “bế quan tỏa cảng”, hoặc bị “cấm vận”, song các nhà canh tân của Việt Nam cách đây nhiều thế kỷ đã nhìn thấy tầm quan trọng của việc mở cửa nền kinh tế, giao lưu buôn bán với nước ngoài.

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền non trẻ mới ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện quan điểm nhất quán và rõ ràng về vấn đề hợp tác với các nước là: Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực. Và nguyên tắc ấy vẫn còn nguyên giá trị cho đến ngày nay.

Chỉ sau khi giành được độc lập và thống nhất đất nước (năm 1975), Việt Nam mới thực hiện một phần tư tưởng quan trọng đó bằng việc tham gia liên kết kinh tế XHCN trong khuôn khổ Hội đồng Tương trợ Kinh tế (SEV) do Liên Xô đứng đầu (1978). Tuy nhiên, tiến trình HNKTQT của Việt Nam chỉ thực sự được đẩy mạnh từ sau khi Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI năm 1986 cùng với công cuộc Đổi mới đất nước bắt đầu.

Bước vào thời kì xây dựng và phát triển đất nước, quan điểm chỉ đạo và chủ trương xuyên suốt qua các kỳ đại hội lớn của Đảng và Chính phủ đưa ra về hội nhập kinh tế quốc tế và tham gia vào các hiệp định thương mại tự do (FTA) là:

Thứ nhất, hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế và góp phần tích cực vào phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, thúc đẩy phát triển văn hóa, xã hội; hội nhập trong các lĩnh vực phải được thực hiện đồng bộ trong một chiến lược hội nhập quốc tế tổng thể với lộ trình, bước đi phù hợp với điều kiện thực tế và năng lực của đất nước.

Thứ hai, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu qủa hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa bảo vệ lợi ích dân tộc; an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường.

Thứ ba, đẩy nhanh nhịp độ cải cách thể chế, cơ chế, chính sách kinh tế phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước, chủ động xây dựng các quan hệ đối tác mới, tham gia vào các vòng đàm phán mới, thúc đẩy các quan hệ hợp tác kinh tế song phương, khu vực và đa phương.

Thứ tư, xây dựng và triển khai chiến lược, tham gia các khu vực mậu dịch tự do với các đối tác

kinh tế - thương mại quan trọng trong một kế hoạch tổng thể với lộ trình hợp lý, phù hợp với lợi ích và khả năng của đất nước. Chủ động xây dựng và thực hiện các biện pháp bảo vệ lợi ích chính đáng của Nhà nước, doanh nghiệp và người tiêu dùng trong nước.

Thứ năm, đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác có tầm quan trọng chiến lược đối với sự phát triển và an ninh của đất nước, đưa khuôn khổ quan hệ đã xác lập đi vào thực chất, tạo sự đan xen gắn kết lợi ích giữa nước ta với các đối tác.

Thứ sáu, chủ động và tích cực tham gia các thể chế đa phương, góp phần xây dựng trật tự chính trị và kinh tế công bằng, dân chủ, ngăn ngừa chiến tranh, xung đột, củng cố hòa bình, đẩy mạnh hợp tác cùng có lợi. Trong đó, đặc biệt chú trọng việc tham gia xây dựng Cộng đồng ASEAN, phát huy vai trò của Việt Nam trong ASEAN và các cơ chế, diễn đàn do ASEAN giữ vai trò trung tâm, nhằm tăng cường đoàn kết, gia tăng liên kết nội khối, củng cố quan hệ hợp tác với các bên đối thoại của ASEAN, thúc đẩy xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển trong khu vực.

NHỮNG THÀNH TỰU CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Chiến thắng trong các cuộc kháng chiến cứu quốc, tập trung hàn gắn vết thương chiến tranh,

NHỮNG DẤU MỐC QUAN TRỌNG VIỆT NAM - ASEAN

25 NĂM QUA, KỂ TỪ KHI GIA NHẬP ASEAN, VIỆT NAM LUÔN LÀ THÀNH VIÊN TÍCH CỰC VÀ CÓ TRÁCH NHIỆM. HIỆN VIỆT NAM ĐÃ LÀ THÀNH VIÊN CHỦ CHỐT, CÓ NHỮNG ĐÓNG GÓP ĐÁNG KỂ CHO CÁC THÀNH TỰU CHUNG CỦA ASEAN.

28/7/1995	Chính thức gia nhập ASEAN	2012 - 2015	Đảm nhiệm vai trò điều phối viên quan hệ ASEAN với EU
1995 - 1999	Tích cực thúc đẩy kết nạp các nước Lào, Myanmar và Campuchia vào ASEAN	2016	Tiếp tục tham gia đầy đủ, hoàn thành nghiêm túc các cam kết và đóng góp hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực hợp tác của ASEAN
1998	Tổ chức thành công Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 6	2018	Tổ chức thành công Hội nghị Diễn đàn Kinh tế thế giới về ASEAN (WEF ASEAN)
2000 - 2001	Chủ tịch Ủy ban thường trực ASEAN (ASC)	01/01/2020	Đảm nhận vai trò Chủ tịch ASEAN
2010	Chủ tịch ASEAN Tổ chức thành công Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 17	6/2020	Tổ chức thành công Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ36

Nguồn: Bộ Ngoại giao, TTXVN

tìm mô hình phát triển cho đất nước, dù ở bất cứ thời điểm lịch sử nào, ngành Công Thương Việt Nam cũng luôn bám sát mục tiêu và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó. Bước vào thời kỳ đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước, ngành Công Thương, đảm nhiệm vai trò làm cho nền kinh tế nước nhà vừa giàu mạnh, vừa năng động, tiếp tục được Đảng và Nhà nước giao cho trọng trách to lớn là đi đầu trong công tác HNKTQT. Mỗi thành tựu của đất nước hôm nay luôn có sự đóng góp không nhỏ của các thế hệ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành Công Thương.

Trên cơ sở các chủ trương, định hướng lớn mà Đảng và Chính phủ đã đặt ra về HNKTQT, Bộ Công Thương là đơn vị được giao quản lý nhà nước về HNKTQT, trong thời gian qua, đã tích cực chủ động phối hợp với các bộ, ngành triển khai thực hiện công tác đàm phán, tham gia vào các thiết chế kinh tế đa phương và khu vực với những dấu mốc quan trọng như: gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), thành viên sáng lập của Diễn đàn Kinh tế Á - Âu (ASEM), thành viên của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), kí kết Hiệp định Thương mại Song phương Việt Nam - Hoa Kỳ (BTA), đặc biệt là gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), đánh dấu sự hội nhập toàn diện vào nền kinh tế toàn cầu.

Song song với đó là tích cực đàm phán ký kết và thực thi các FTA. Đến nay, Việt Nam đã kí kết, thực thi và đang đàm phán 17 FTA, cả ở cấp độ song phương và đa phương. Về song phương, ta đã ký kết và thực thi FTA với Nhật Bản, Chile, Hàn Quốc và Anh; về hợp tác khu vực hoặc đa phương, chúng ta đã ký kết và triển khai thực thi FTA với khối Kinh tế Á-Âu, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA). Trong khuôn khổ ASEAN, chúng ta đã cùng với các thành viên ASEAN ký kết một loạt FTA với các nước đối tác gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Australia, New Zealand và Hồng Kông (Trung Quốc), cũng như ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP - giữa ASEAN với 6 nước đối tác gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Australia, New Zealand). Hiện nay, chúng ta đang tiến hành đàm phán FTA với Khối Khu vực thương mại tự do châu Âu (EFTA - gồm 4 nước Thụy Sĩ, Nauy, Iceland và Liechtenstein) và Israel.

Bên cạnh tham gia vào các FTA, trong quá trình hội nhập kinh tế ASEAN, Việt Nam cũng ghi nhiều dấu ấn quan trọng khi hoàn

BÊN CẠNH THAM GIA VÀO CÁC FTA, TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ ASEAN, VIỆT NAM CŨNG ĐÃ GHI NHIỀU DẤU ẤN QUAN TRỌNG KHI HOÀN THÀNH VAI TRÒ CHỦ TỊCH ASEAN TRONG CÁC NĂM 1998, 2010 VÀ MỚI ĐÂY LÀ NĂM 2020.

thành vai trò Chủ tịch ASEAN trong các năm 1998, 2010 và mới đây là năm 2020. Việt Nam đã tổ chức thành công Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 6. Kế hoạch hành động Hà Nội được đưa ra tại Hội nghị đã giúp duy trì sự hợp tác và tăng cường vị thế của Hiệp hội trong suốt cuộc khủng hoảng tài chính châu Á 1997 - 1998. Cũng trong năm 2010, trên cương vị Chủ tịch ASEAN, Việt Nam đã chủ động thúc đẩy tiến trình thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC). Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 16 diễn ra tại Hà Nội, dưới sự chủ trì của Việt Nam, các nhà lãnh đạo ASEAN đã ra Tuyên bố về phục hồi và phát triển bền vững, khẳng định quyết tâm củng cố và xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN vào năm 2015. Năm 2020, với vai trò Chủ tịch ASEAN, Việt Nam đã đề xuất 13 sáng kiến trải rộng trên tất cả các lĩnh vực hợp tác kinh tế.

Vai trò và tầm ảnh hưởng của Việt Nam trong khu vực và quốc tế ngày càng lớn. Trên cả lĩnh vực kinh tế và ngoại giao, Việt Nam ngày càng khẳng định vai trò tích cực, chủ động của mình và có nhiều sáng kiến được ghi nhận. Đặc biệt gần đây, các nước trong khu vực và trên thế giới gặp nhiều khó khăn do các tác động tiêu cực của dịch Covid-19, Việt Nam đã chủ động chuyển sang tổ chức các sự kiện, cuộc họp theo hình thức trực tuyến, nhằm đảm bảo triển khai đầy đủ chương trình công tác như kế hoạch đề ra, không để dịch Covid-19 gây gián đoạn các hoạt động hợp tác kinh tế trong khuôn khổ ASEAN. Việt Nam cũng đã chủ động đề xuất và thúc đẩy các nước ASEAN thống nhất đưa ra các tuyên bố chung, kế hoạch hành động ở cấp cao và cấp Bộ trưởng kinh tế nhằm kêu gọi các nước ASEAN và các nước đối tác duy trì thị trường mở, tăng cường hỗ trợ, hợp tác, đảm bảo chuỗi cung ứng khu vực không bị gián đoạn do tác động của dịch Covid-19.

VAI TRÒ VÀ TẦM ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆT NAM TRONG KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ NGÀY CÀNG LỚN.

Vị thế của Việt Nam thay đổi đáng kể trên thế giới và trong khu vực ASEAN. Nếu giai đoạn 1955 - 1975, quan hệ thương mại giữa miền Bắc nước ta với các nước trên thế giới được mở rộng, từ 10 nước (trong đó có 7 nước xã hội chủ nghĩa) trong năm 1955, đến năm 1965 tăng lên 35 nước (trong đó có 12 nước xã hội chủ nghĩa) thì đến năm 2020, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 189 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới; có quan hệ thương mại với hơn 230 đối tác, trong đó có hơn 70 nước là thị trường xuất khẩu của ta; có quan hệ với hơn 500 tổ chức quốc tế; 71 nước công nhận quy chế kinh tế thị trường cho Việt Nam; các địa phương đã ký kết khoảng 420 thỏa thuận quốc tế với các địa phương, đối tác, doanh nghiệp nước ngoài, tăng 20,3% so với giai đoạn 2014 - 2016. Năm 2019, Việt Nam đứng thứ 8 thế giới và thứ 2 khu vực ASEAN về tốc độ tăng trưởng GDP; là một trong 30 nước có mức tăng trưởng xuất nhập khẩu cao và là nền kinh tế có quy mô xuất khẩu thứ 22 trên thế giới. Chỉ số Năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI) của Việt Nam năm 2019 tăng lên 10 bậc so với năm trước, xếp thứ 67 trong số 141 quốc gia và vùng lãnh thổ; Chỉ số phát triển con người (HDI) xếp hạng 117 trong số 189 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Trong bảng xếp hạng Chỉ số sức mạnh tại châu Á do Viện Lowy (Australia) công bố (19.10.2020), Việt Nam tăng một bậc từ 13 lên 12. Trong đó, về ảnh hưởng ngoại giao, chúng ta tăng 3 bậc, vươn lên đứng thứ 2 trong Đông Nam Á. Về kinh tế,

Việt Nam đã vươn lên thành nền kinh tế lớn thứ 4 trong ASEAN với GDP ở mức hơn 340 tỉ USD. Hãng định giá thương hiệu Brand Finance của Anh nhận định, giá trị thương hiệu quốc gia của Việt Nam năm 2020 đã tăng 29%, hiện đứng ở vị trí thứ 33 trong Top 100 thương hiệu quốc gia giá trị nhất thế giới.

Hoạt động kinh tế đối ngoại phát triển toàn diện và sâu rộng, đưa nước ta hội nhập ngày càng đầy đủ với kinh tế khu vực và thế giới. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa ngoại thương thực hiện trong giai đoạn 2011 - 2019 đạt 3.100,3 tỷ USD, gấp 20,2 lần giai đoạn 1991 - 2000 và gấp 3,6 lần giai đoạn 2001 - 2010. Tỷ lệ tổng kim ngạch xuất nhập khẩu so với GDP từ 112,5% năm 2000 tăng lên 142,2% năm 2005; 152,2% năm 2010 và 210,4% vào năm 2019. Điều này cho thấy nền kinh tế nước ta có độ mở ngày càng cao và tăng nhanh, đã khai thác được lợi thế cạnh tranh và lợi thế so sánh của kinh tế trong nước và nắm bắt được cơ hội từ thị trường thế giới.

Ngay từ những ngày đầu của công cuộc Đổi mới, một trong những ưu tiên của HNKTQT là cùng các bộ, ngành khai thông thị trường xuất nhập khẩu. Việc tham gia vào các FTA chính là cơ hội cho Việt Nam mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, tiếp cận với những thị trường rộng lớn hơn. Từ đó, doanh nghiệp Việt Nam có thể tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng khu vực và toàn cầu. Từ chỗ bị bao vây cấm vận, Việt Nam đã vươn lên thành một cường quốc về xuất khẩu. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường có FTA với ASEAN đến năm 2020 là 23,2 tỷ USD; Trung Quốc đạt 48,87 tỷ USD; Hàn Quốc đạt 19,11 tỷ USD; Nhật Bản đạt 19,28 tỷ USD. Trong khi năm 2004, Việt Nam mới có hai đối tác FTA là ASEAN và Trung Quốc với tổng kim ngạch xuất khẩu đạt gần 7 tỷ USD. Xét về tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân sang các thị trường đối tác FTA kể từ khi có FTA thì Ấn Độ đạt bình quân 35,7%/năm, Hàn Quốc đạt 29,2%/năm, Chile 28,9%/năm và Trung Quốc 20,9%/năm. Riêng Liên minh châu Âu (EU) là khu vực chiếm tỷ trọng lớn trong quan hệ thương mại giữa Việt Nam và châu Âu, là đối tác thương mại lớn hàng đầu và là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam (sau Hoa Kỳ). Quan hệ thương mại Việt Nam - EU đã phát triển rất nhanh chóng và hiệu quả; kim ngạch hai chiều

GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM TĂNG TRƯỞNG CAO NHẤT THẾ GIỚI

THEO BẢNG XẾP HẠNG 100 THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA GIÁ TRỊ NHẤT THẾ GIỚI NĂM 2020 CỦA BRAND FINANCE, THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM TĂNG VỌT 29% LÊN 319 TỶ USD – MỨC TĂNG TRƯỞNG CAO NHẤT THẾ GIỚI.

Xếp hạng *(theo Giá trị thương hiệu)*	Thương hiệu quốc gia	Giá trị thương hiệu quốc gia *(tỷ USD)*	Tăng trưởng giá trị *(%)*
01	MỸ	[illegible]	14,5
02	TRUNG QUỐC	[illegible]	-3,7
03	NHẬT BẢN	[illegible]	-6,0
04	ĐỨC	[illegible]	-21,5
05	ANH	[illegible]	-13,9
06	PHÁP	[illegible]	-12,8
07	ẤN ĐỘ	[illegible]	-20.8
08	CANADA	[illegible]	-13.0
09	ITALY	[illegible]	-15.8
10	HÀN QUỐC	[illegible]	-20,6
33	VIỆT NAM	[illegible]	29,1

Nguồn: Brand Finance

NGÀNH CÔNG THƯƠNG 70 NĂM 14/5/1951 - 14/5/2021

tăng hơn 12 lần từ 4,1 tỷ USD năm 2000 lên gần 50 tỷ USD năm 2020; trong đó xuất khẩu của Việt Nam vào EU tăng gần 13 lần từ 2,8 tỷ USD lên 35,1 tỷ USD năm 2020. Năm 2020, Việt Nam tiếp tục là nước xuất siêu sang thị trường EU với thặng dư thương mại 29.307,1 triệu USD. Các đối tác xuất khẩu chính của Việt Nam tại thị trường EU trong thời gian qua tập trung vào các thị trường truyền thống như Hà Lan, Đức, Pháp, Italia, Áo, Bỉ, Tây Ban Nha, Ba Lan và Thụy Điển. Tỷ lệ sử dụng chứng nhận xuất xứ (C/O) ưu đãi khi xuất khẩu sang các thị trường có FTA ngày càng tăng. Số lượng C/O ưu đãi được cấp trong giai đoạn 2015 - 2020 tăng trung bình 20 - 25%/năm. Năm 2015 là 525 nghìn bộ, đến năm 2020, các cơ quan, tổ chức được ủy quyền cấp C/O đã cấp gần 1 triệu bộ C/O ưu đãi cho hàng hóa xuất khẩu sang các thị trường Việt Nam ký FTA với trị giá 52,8 tỷ, tăng khoảng 6% về trị giá và 9% về số lượng bộ C/O so với năm 2019.

Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ thương mại tự do với hầu hết các nước đối tác quan trọng nhất trên thế giới, tạo cơ sở vững chắc cho tăng cường và thúc đẩy quan hệ thương mại và đầu tư quốc tế cũng như tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế trong khu vực và trên toàn cầu.

Thu hút đầu tư nước ngoài vào nước ta đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Sau hơn ba thập niên mở cửa, Việt Nam đã đạt được thành tựu lớn về lượng và cơ cấu trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Nguồn vốn FDI đóng góp lớn trong tăng trưởng kinh tế (GDP), vốn đầu tư, xuất nhập khẩu, thu ngân sách địa phương và tạo việc làm. Theo Cục Đầu tư nước ngoài, lũy kế đến ngày 20/12/2020, cả nước có 33.070 dự án còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 384 tỷ USD; vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 231,86 tỷ USD, bằng 60,4% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực. Theo lĩnh vực đầu tư, các doanh nghiệp (DN) FDI đã đầu tư vào 19/21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất với khoảng 58% tổng vốn đầu tư; tiếp theo là các lĩnh vực kinh doanh bất động sản (chiếm 16%); và sản xuất, phân phối điện (hơn 7%). FDI đã có mặt ở tất cả 63 tỉnh, thành phố, trong đó TP. Hồ Chí Minh là địa phương dẫn đầu thu hút FDI; tiếp theo là Hà Nội; Bình Dương. Xét theo đối tác đầu tư, đến thời điểm 20/12/2020, có 137 quốc gia, vùng lãnh thổ có dự án đầu tư còn hiệu lực tại Việt Nam. Trong đó, đứng đầu là Hàn Quốc với tổng vốn đăng ký gần 70,6 tỷ USD; thứ hai là Nhật Bản (60,3 tỷ USD). Các nước, vùng lãnh thổ tiếp theo là Singapore và Đài Loan, Hồng Kông... Đầu tư trực tiếp nước ngoài trở thành kênh huy động vốn quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội, có tác dụng to lớn trong việc thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo thêm nhiều việc làm, nâng cao năng lực quản lý và trình độ công nghệ cho nền kinh tế. Đặc biệt, hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài đã thúc đẩy việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại giữa nước ta với các nước trong khu vực và trên thế giới.

ĐẾN NAY, VIỆT NAM ĐÃ THIẾT LẬP QUAN HỆ THƯƠNG MẠI TỰ DO VỚI HẦU HẾT CÁC NƯỚC ĐỐI TÁC QUAN TRỌNG NHẤT TRÊN THẾ GIỚI, TẠO CƠ SỞ VỮNG CHẮC CHO TĂNG CƯỜNG VÀ THÚC ĐẨY QUAN HỆ THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ QUỐC TẾ CŨNG NHƯ TĂNG CƯỜNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ TRONG KHU VỰC VÀ TRÊN TOÀN CẦU.

Giai đoạn 2016 - 2020 được xem là thời kỳ bứt phá trong công tác hội nhập của ngành Công Thương. Nhiều sáng kiến của ngành Công Thương trong năm Chủ tịch ASEAN đã được triển khai có hiệu quả; Ký kết, đàm phán và triển

khai thành công các FTA thế hệ mới (EVFTA và CPTPP). Đặc biệt chỉ riêng trong năm 2020, Việt Nam đã tham gia ba hiệp định thương mại, mở ra thị trường rộng lớn chưa từng có gồm Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực RCEP và Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA). Việc Việt Nam tham gia tích cực vào việc đàm phán cũng như ký kết, phê chuẩn các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương không chỉ góp phần thúc đẩy thương mại và đầu tư cho nền kinh tế Việt Nam, mà còn thể hiện sự chủ động của Việt Nam trong việc hình thành hệ thống thương mại quốc tế. Hoạt động đối ngoại ngày càng được mở rộng và khẳng định rõ bản lĩnh và bản sắc của Việt Nam với tư cách là một thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, đóng góp ngày càng nhiều vào hòa bình, hợp tác và phát triển không chỉ trong khu vực ASEAN mà còn cả trên thế giới.

Có thể nói, HNKTQT sâu rộng thông qua việc tham gia sâu vào các diễn đàn kinh tế thế giới và khu vực cũng như việc kết thúc đàm phán và đưa vào thực thi các FTA, đặc biệt là các FTA thế hệ mới là kết quả của sự quyết tâm và nỗ lực rất lớn của Chính phủ và các bộ, ngành của Việt Nam, trong đó có vai trò to lớn của Bộ Công Thương, ghi dấu mốc lịch sử quan trọng trong quá trình HNKTQT của Việt Nam trong thời gian qua.

Những tác động tích cực đến từ việc thực thi các FTA, thực thi các cam kết FTA thời gian qua đã mở ra không gian phát triển mới cho nền kinh tế Việt Nam, tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Tác động mạnh mẽ đến tăng trưởng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng thị trường trong một số lĩnh vực cụ thể như: công nghiệp, thương mại, các ngành dịch vụ...; thúc đẩy tái cấu trúc nền kinh tế, đặc biệt là chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng tích cực, phù hợp với chủ trương công nghiệp hóa theo hướng hiện đại, theo đó tập trung nhiều hơn vào các mặt hàng chế biến, chế tạo có giá trị và hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao hơn; thúc đẩy thương mại, tăng thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) và mở rộng quan hệ hợp tác phát triển (ODA).

- Góp phần "lan tỏa" tích cực trong nền kinh tế, mở ra "không gian mới" cho sự phát triển, nhất là tạo thêm việc làm, các ngành có tốc độ tăng việc làm cao nhất cũng là những ngành mở cửa nhanh hơn hoặc những ngành áp dụng công nghệ mới để cạnh tranh, tạo tài sản sản xuất và hạ tầng như công nghệ chế tạo, xây dựng, tài chính ngân hàng, khoa học công nghệ; tác động tích cực tới tiền lương và thu nhập của mọi tầng lớp cư dân, tăng năng suất lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh (quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm).

CHỈ RIÊNG TRONG NĂM 2020, VIỆT NAM ĐÃ THAM GIA BA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI, MỞ RA THỊ TRƯỜNG RỘNG LỚN CHƯA TỪNG CÓ GỒM HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM - LIÊN MINH CHÂU ÂU (EVFTA), HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ TOÀN DIỆN KHU VỰC RCEP VÀ HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM - VƯƠNG QUỐC ANH (UKVFTA). VIỆC VIỆT NAM THAM GIA TÍCH CỰC VÀO VIỆC ĐÀM PHÁN CŨNG NHƯ KÝ KẾT, PHÊ CHUẨN CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO SONG PHƯƠNG VÀ ĐA PHƯƠNG KHÔNG CHỈ GÓP PHẦN THÚC ĐẨY THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ CHO NỀN KINH TẾ VIỆT NAM, MÀ CÒN THỂ HIỆN SỰ CHỦ ĐỘNG CỦA VIỆT NAM TRONG VIỆC HÌNH THÀNH HỆ THỐNG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ.

- Tiếp thu khoa học - công nghệ mới và kỹ năng quản lý tiên tiến trên nhiều lĩnh vực: Công nghiệp, nông nghiệp, kỹ thuật, văn hóa - xã hội... góp phần đào tạo nguồn nhân lực có trình độ và năng lực cả về chuyên môn lẫn quản lý.

- Góp phần hoàn thiện thể chế trong nước trên góc độ pháp luật và tổ chức bộ máy, cùng với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tạo hiệu ứng tích cực thúc đẩy cải cách và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đầy đủ, hoàn thiện môi trường kinh doanh, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho nền kinh tế nước ta trong dài hạn, tạo ra môi trường kinh doanh ngày càng bình đẳng, minh bạch, dễ dự đoán hơn và ngày càng phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế...

- Các doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội tham gia chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng và mạng lưới sản xuất khu vực và toàn cầu, chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng tích cực, tập trung nhiều hơn vào các mặt hàng chế biến, chế tạo có giá trị và hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao hơn. Thị trường ngoài nước ngày càng mở rộng, đa dạng. Số lượng thị trường xuất khẩu được duy trì, củng cố và mở rộng, đã tạo lập được uy tín và niềm tin với các đối tác. Cơ cấu thị trường xuất, nhập khẩu đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần tỷ lệ với thị trường châu Á.

Những thành tựu đạt được trong công tác HNKTQT là động lực thúc đẩy tăng trưởng, tiếp tục đổi mới toàn diện, đồng bộ, hiện thực hóa tầm nhìn và khát vọng vươn xa của dân tộc. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, làm thế nào để hội nhập thành công và hiệu quả, là một bài toán còn rất dài, cần sự nỗ lực không ngừng của Chính phủ cùng các bộ, ngành, cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội.

Với rất nhiều khó khăn, thách thức phía trước, song chúng ta vẫn tin tưởng rằng, Bộ Công Thương cùng các bộ, ngành sẽ không ngừng đổi mới phương thức hoạt động, nỗ lực hơn nữa để hoàn thành sứ mệnh được giao phó, trở thành cầu nối hiệu quả giúp nước nhà ngày càng hội nhập toàn diện vào nền kinh tế thế giới.

NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÔNG TÁC HNKTQT LÀ ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG, TIẾP TỤC ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN, ĐỒNG BỘ, HIỆN THỰC HÓA TẦM NHÌN VÀ KHÁT VỌNG VƯƠN XA CỦA DÂN TỘC. TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA HIỆN NAY, LÀM THẾ NÀO ĐỂ HỘI NHẬP THÀNH CÔNG VÀ HIỆU QUẢ, LÀ MỘT BÀI TOÁN CÒN RẤT DÀI, CẦN SỰ NỖ LỰC KHÔNG NGỪNG CỦA CHÍNH PHỦ CÙNG CÁC BỘ, NGÀNH, CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP VÀ TOÀN XÃ HỘI.

CÔNG TÁC

XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

CẦU NỐI

ĐƯA HÀNG HÓA VIỆT VƯƠN XA

NGÀY 10/8/2020 BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG RA QUYẾT ĐỊNH SỐ 2024/QĐ-BCT BAN HÀNH KẾ HOẠCH XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI GIAI ĐOẠN 2020 - 2025 GÓP PHẦN NÂNG CAO KHẢ NĂNG TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG VÀ THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU BỀN VỮNG TRONG BỐI CẢNH THỰC THI EVFTA, CPTPP VÀ CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO.

Thứ trưởng Bộ Công Thương Đỗ Thắng Hải phát biểu tại Diễn đàn Xúc tiến xuất khẩu Việt Nam năm 2019

NHỮNG TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC CỦA HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

Công tác xúc tiến thương mại trong nhiều năm qua được đánh giá là hoạt động trọng tâm của ngành Công Thương thông qua Chương trình cấp quốc gia về XTTM và Chương trình Thương hiệu Quốc gia. Với hình thức triển khai đa dạng, bắt nhịp nhanh xu hướng xúc tiến thương mại mới, Cục Xúc tiến Thương mại - Bộ Công Thương đã nỗ lực phối hợp với các địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp triển khai các hoạt động XTTM, hỗ trợ xuất khẩu tạo cầu nối đưa hàng hoá Việt Nam vươn xa ra thị trường thế giới.

Năm 2003, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 253/2003/QĐ-TTg, giao Bộ Công Thương là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm phối hợp với các bộ, ngành triển khai thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia (THQG). Đây là chương trình xúc tiến thương mại đặc thù, dài hạn và duy nhất của Chính phủ nhằm xây dựng, phát triển THQG thông qua việc hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, phát triển các thương hiệu mạnh trong nền kinh tế để quảng bá hình ảnh đất nước Việt Nam là quốc gia có hàng hóa, dịch vụ chất lượng, tạo dựng uy tín và nâng cao sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp

Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế.

Theo đó, chương trình đã đạt được nhiều kết quả tích cực, đóng góp chủ đạo trong tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu liên tục qua các năm, đặc biệt là việc Việt Nam xuất siêu liên tiếp từ năm 2012 - 2014 và từ năm 2016 - 2019 sau nhiều năm liên tục nhập siêu. Cơ cấu xuất khẩu cũng chuyển dịch tích cực theo hướng nâng cao tỷ trọng chế biến, giá trị gia tăng cho các sản phẩm xuất khẩu và các dịch vụ kèm theo cũng ngày một tăng. Thị trường xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam đã gia tăng đáng kể, từ 15 nước, vùng lãnh thổ năm 2000 lên 72 nước, vùng lãnh thổ năm 2009 và lên đến 180 nước, vùng lãnh thổ năm 2019.

Những thành quả tích cực trên là kết quả của nhiều năm nỗ lực, khắc phục hạn chế về nguồn kinh phí thực hiện thấp để đa dạng hóa hình thức hỗ trợ và đổi mới hoạt động XTTM, đóng góp vào việc nâng cao kim ngạch xuất khẩu, kiềm chế nhập siêu, cải thiện cán cân thanh toán, củng cố phát triển thị trường trong nước. Số liệu từ Bộ Công Thương cũng cho thấy, trong giai đoạn 2003 - 2020 đã có trên 3.200 đề án XTTM quốc gia được phê duyệt với tổng kinh phí hỗ trợ trên 2.100 tỷ đồng. Đây là những đề án có trọng tâm, trọng điểm, bao gồm 3 nội dung: Xúc tiến xuất khẩu, XTTM thị trường trong nước và XTTM khu vực miền núi, biên giới, hải đảo. Các đề án đã hỗ trợ 100.000 lượt doanh nghiệp tham gia; tổng trị giá hợp đồng xuất khẩu hàng hóa được giao dịch và ký kết đạt gần 30 tỷ USD và 1000 tỷ đồng; tổng giá trị hợp đồng mua bán hàng hoá, đại lý tiêu thụ sản phẩm tại thị trường trong nước và doanh số bán hàng đạt gần 3.000 tỷ đồng.

Chương trình cấp quốc gia về XTTM đã tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam phát triển theo chiều sâu tại các thị trường truyền thống như Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc; quay trở lại thị trường Nga, Đông Âu; tăng cường hoạt động tại thị trường ASEAN; khai thác thị trường mới tại Trung Đông, châu Phi và Mỹ La-Tinh. Đồng thời, Chương trình cũng hỗ trợ cho các hiệp hội, ngành hàng tham dự hội chợ, triển lãm chuyên ngành chủ chốt trên thế giới giúp tạo ra hiệu ứng lan tỏa, đóng góp vào sự phát triển mạnh mẽ của các ngành trong thời gian qua cũng như tạo điều kiện để kết nối các nhà sản xuất, doanh nghiệp thương mại, góp phần đảm bảo cân đối cung cầu về hàng hóa, nâng cao nhận thức người tiêu dùng về các sản phẩm sạch, rõ nguồn gốc xuất xứ. Các hoạt động XTTM trong nước, miền núi, biên giới và hải đảo cũng đã góp phần tích cực trong việc phát triển, mở rộng thị trường trong nước, xây dựng kênh phân phối tại các khu vực thị trường nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, góp phần thực hiện hiệu quả cuộc vận động "Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam" do Bộ Chính trị phát động.

CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU VỚI NÒNG CỐT LÀ CHƯƠNG TRÌNH THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

Từ năm 2003, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xây dựng và phát triển thương hiệu hàng hóa Việt Nam, Cục XTTM đã triển khai các chương trình, hoạt động về phát triển thương hiệu, trong đó nòng cốt là Chương trình Thương hiệu Quốc gia (THQG). Trong khuôn khổ Chương trình, định kỳ 2 năm/lần, với vai trò là thường trực Ban Thư ký của Chương trình, Cục XTTM đã tổ chức Lễ Công bố các doanh nghiệp có sản phẩm đạt THQG nhằm khuyến khích các doanh nghiệp tiếp tục chia sẻ và theo đuổi các giá trị của Chương trình THQG là Chất lượng - Đổi mới, sáng tạo - Năng lực tiên phong để không ngừng đổi mới, sáng tạo, nâng cao chất lượng sản phẩm và phát triển doanh nghiệp. Thông qua Chương trình, các doanh nghiệp có sản phẩm đạt THQG đã được hỗ trợ quảng bá, tham gia các hội chợ, triển lãm có quy mô lớn và uy tín ở trong nước theo định hướng xuất khẩu do Bộ Công Thương tổ chức cũng như được Bộ Công Thương hỗ trợ công tác quảng bá, phát triển thương hiệu qua các diễn đàn, hội nghị, hội thảo cũng như các sự kiện trong khuôn khổ Chương trình THQG.

Ngoài ra, Cục XTTM đã tổ chức các hoạt động nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác quảng bá thương hiệu sản phẩm, thương hiệu doanh

Triển lãm quốc tế công nghiệp thực phẩm Việt Nam 2019

nghiệp như: triển khai các hoạt động tập huấn về quảng bá chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, triển khai các hình thức tuyên truyền, quảng bá sản phẩm đạt THQG trên các phương tiện truyền thông số (báo điện tử, mạng xã hội,...), qua các phóng sự, bài viết đăng tải trên báo chí, các ấn phẩm THQG và qua các phóng sự chuyên đề về THQG trên truyền hình (VTV, VTC, SCTV, VNews).

Bên cạnh Chương trình THQG, Cục XTTM triển khai Chương trình Thương hiệu ngành Thực phẩm Việt Nam nhằm hỗ trợ các hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp trong lĩnh vực nông sản về công tác xây dựng, quảng bá thương hiệu theo hướng xây dựng một hình ảnh chung về thương hiệu ngành thực phẩm Việt Nam, tăng cường nhận thức và công nhận ở quy mô quốc tế về giá trị của thực phẩm Việt Nam. Trong khuôn khổ Chương trình, Cục XTTM đã quảng bá hình ảnh thương hiệu thực phẩm Việt Nam (Foods of Vietnam) tại các hội chợ, triển lãm, các sự kiện XTTM lớn trong và ngoài nước nhằm tăng cường nhận thức và quảng bá hình ảnh ngành hàng thực phẩm Việt Nam tại các thị trường xuất khẩu mục tiêu; tổ chức Hội nghị Quốc tế Công nghiệp thực phẩm Việt Nam kết hợp với chương trình giao dịch thương mại nhằm hỗ trợ kết nối một cách trực tiếp giữa các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nông sản Việt Nam với các nhà

NHỮNG THÀNH QUẢ TÍCH CỰC CỦA HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI LÀ KẾT QUẢ CỦA NHIỀU NĂM NỖ LỰC, KHẮC PHỤC HẠN CHẾ VỀ NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN THẤP ĐỂ ĐA DẠNG HÓA HÌNH THỨC HỖ TRỢ VÀ ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG XTTM, ĐÓNG GÓP VÀO VIỆC NÂNG CAO KIM NGẠCH XUẤT KHẨU, KIỀM CHẾ NHẬP SIÊU, CẢI THIỆN CÁN CÂN THANH TOÁN, CỦNG CỐ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC.

14/5/1951 - 14/5/2021

nhập khẩu nước ngoài, các tập đoàn thu mua, các đại siêu thị trong và ngoài nước.

Các hoạt động thuộc Chương trình Thương hiệu ngành Thực phẩm Việt Nam đã góp phần tăng cường nhận thức và công nhận ở quy mô quốc tế về giá trị của thực phẩm Việt Nam, qua đó góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng của ngành thực phẩm, tăng cường công tác XTTM và đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng thực phẩm của Việt Nam ra thị trường thế giới.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG XTTM ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC THÀNH TÍCH ĐÁNG GHI NHẬN:

Đối với công tác xây dựng chính sách và thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xúc tiến thương mại. Trong những năm qua, Cục XTTM liên tục tham mưu đề xuất Bộ Công Thương kiến nghị Chính phủ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thực hiện công tác quản lý nhà nước về hoạt động xúc tiến thương mại (Luật Thương mại năm 2005, Nghị định số 37/2006/NĐ-CP, Luật Ngoại thương năm 2017, Nghị định số 28/2018/NĐ-CP, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP) theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp và thương nhân thực hiện cải cách hành chính áp dụng công nghệ thông tin thống nhất từ Trung ương đến địa phương theo tinh thần cải cách chuyển dịch từ tiền kiểm sang hậu kiểm.

CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC XTTM ĐÃ BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG, GÓP PHẦN ĐẢM BẢO TÍNH NGHIÊM MINH TRONG THỰC THI PHÁP LUẬT NÓI CHUNG CŨNG NHƯ TRONG LĨNH VỰC XTTM NÓI RIÊNG.

Từ năm 2000 đến nay, Cục XTTM đã xác nhận đăng ký cho hơn trên 8.400 chương trình khuyến mại thuộc thẩm quyền của Cục theo quy định của pháp luật; ban hành các quyết định thu nộp ngân sách nhà nước 50% giá trị giải thưởng không có người trúng thưởng của các chương trình khuyến mại đã được Cục xác nhận với tổng số tiền gần 418 tỷ đồng; Cục đã xác nhận cho các thương nhân, tổ chức đăng ký tổ chức 474 hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài và phối hợp với các Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài hỗ trợ và giám sát việc tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại đảm bảo đúng quy định pháp luật Việt Nam và quy định pháp luật của nước sở tại. Đến hết năm 2020, Cục XTTM đã cấp 18 giấy phép thành lập cho các văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Các hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực XTTM đã bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, góp phần đảm bảo tính nghiêm minh trong thực thi pháp luật nói chung cũng như trong lĩnh vực XTTM nói riêng.

HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

Với vai trò là cơ quan đầu mối của Việt Nam trong việc thực hiện, điều phối các hoạt động trong khuôn khổ các tổ chức hợp tác và diễn đàn XTTM trong khu vực, Cục XTTM đã chủ động và tích cực tham gia các hoạt động hợp tác với đối tác nước ngoài, trong đó: tham gia đầy đủ các hoạt động XTTM, đầu tư và du lịch trong khuôn khổ hoạt động của Trung tâm ASEAN - Nhật Bản (AJC); Trung tâm ASEAN - Hàn Quốc (AKC); phối hợp với Cơ quan Xúc tiến Nhập khẩu Hà Lan (CBI), UNTAC, UNIDO, HKTDC... KOTRA (Hàn Quốc), KOIMA, Business France (Pháp) và một số tổ chức XTTM đồng cấp khác triển khai các hoạt động XTTM và xúc tiến đầu tư; tham gia các cuộc họp Nhóm công tác và cấp lãnh đạo Diễn đàn Xúc tiến Thương mại châu Á (ATPF) với tư cách là cơ quan XTTM thành viên; tham dự Diễn đàn doanh nghiệp Á-Âu (AEBF) bên lề Hội nghị Cấp cao Á-Âu (ASEM) với các sáng kiến do Cục XTTM đưa ra đều được ghi nhận và đánh giá cao.

Đến nay, Cục XTTM đã ký thỏa thuận hợp tác (MOU) với hơn 40 tổ chức XTTM trên thế giới

như Hội đồng Kinh doanh Hoa Kỳ - ASEAN, Cơ quan Xúc tiến Thương mại - Đầu tư Hàn Quốc, Cục Phát triển Ngoại thương Pháp, Cục Xúc tiến Ngoại thương Thái Lan, Tổ chức Xúc tiến Đầu tư Xuất khẩu hàng hóa Uruguay, Cục Phát triển Thương mại Đầu tư Slovakia, Hiệp hội Các nhà nhập khẩu Hàn Quốc, Cục Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Hungary, Cục Xúc tiến thương mại Czech, Cục hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ Bungari, Cơ quan quốc gia về Xúc tiến ngoại thương Algeria... Việc ký kết và thực hiện các thỏa thuận hợp tác (MOU) với các đối tác nước ngoài đã giúp tăng cường mối quan hệ hợp tác, trao đổi thông tin trong lĩnh vực XTTM với các cơ quan XTTM quốc gia trong khu vực và trên thế giới, tranh thủ được sự hỗ trợ về mặt kỹ thuật, nguồn nhân lực và kinh nghiệm quốc tế của các tổ chức XTTM lớn trên thế giới.

Bên cạnh các hoạt động hợp tác trên, nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam trong hoạt động thương mại, XTTM, tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm xuất khẩu tại nước ngoài, cung cấp thông tin, tư vấn và hướng dẫn các doanh nghiệp nước ngoài phát triển kinh doanh với Việt Nam, được sự đồng ý của các cấp có thẩm quyền, Cục XTTM đã thành lập 03 trung tâm/văn phòng tại nước ngoài bao gồm: Trung tâm Giới thiệu Sản phẩm Việt Nam tại New York, Hoa Kỳ (2002); Văn phòng XTTM Việt Nam tại Trùng Khánh, Trung Quốc (2015); Văn phòng XTTM Việt Nam tại Hàng Châu, Trung Quốc (2018).

CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI ĐÃ KÝ THỎA THUẬN HỢP TÁC (MOU) VỚI HƠN 40 TỔ CHỨC XTTM TRÊN THẾ GIỚI.

HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TRONG CÔNG TÁC XTTM, TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu, đặc biệt là thông qua các kênh thương mại điện tử, Cục XTTM đã triển khai chương trình hợp tác với Tập đoàn Alibaba (thông qua Alibaba.com theo phương thức B2B) và Tập đoàn Amazon (thông qua Amazon.com theo phương thức B2C). Đây là 02 sàn giao dịch thương mại có quy mô nhất trên thế giới với các sản phẩm đa dạng và cách tiếp cận linh hoạt (B2B và B2C) để doanh nghiệp cận nhắc tham gia. Năm 2020, ngay sau khi ký thoả thuận hợp tác với Tập đoàn Alibaba, Cục XTTM đã triển khai 06 sự kiện huấn luyện về thương mại điện tử tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Quảng Ninh, Lào Cai. Các khóa huấn luyện đã thu hút gần 500 doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia và nhận được đánh giá tích cực từ các doanh nghiệp.

Để hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận đối tác, quảng bá sản phẩm tại các thị trường mục tiêu, từ 2000 đến nay, Cục XTTM đã tổ chức và tổ chức tham gia hàng trăm kỳ hội chợ, triển lãm thương mại định hướng xuất khẩu có uy tín và quy mô lớn mang ý nghĩa chính trị, kinh tế quan trọng ở trong nước và ngoài nước (Hoa Kỳ, Đức, Pháp, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản,...), tổ chức các đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài. Đồng thời, Cục XTTM đã hỗ trợ trực tiếp các doanh nghiệp Việt Nam giới thiệu, quảng bá sản phẩm và tìm kiếm đối tác, thông qua các hội nghị cũng như hỗ trợ các địa phương trong cả nước (Bắc Giang, Hưng Yên, Sơn La, Yên Bái, Quảng Ninh, Hòa Bình,...) tham gia quảng bá cho doanh nghiệp và sản phẩm địa phương và đào tạo kỹ năng XTTM; hỗ trợ các hiệp hội ngành hàng (thủy sản, dệt may, rau quả, da - giày - túi xách,...) giới thiệu, quảng bá về thế mạnh xuất khẩu của các ngành hàng.

Ngoài ra, Cục XTTM đã phát hành trên 560 kỳ Bản tin xuất khẩu với các chuyên đề khá nóng, mang tính thời sự cao như về các sự kiện XTTM, xuất nhập khẩu, chính sách mới...; tư vấn, cung cấp thông tin đáp ứng trên hàng nghìn lượt yêu cầu của doanh nghiệp trong nước và nước ngoài với các nội dung đa dạng như: các vấn đề tiếp

cận và phát triển thị trường, quảng bá thương hiệu sản phẩm, doanh nghiệp, tìm kiếm đối tác,...

Về nhiệm vụ xúc tiến đầu tư, kể từ khi được giao nhiệm vụ xúc tiến đầu tư phát triển Công Thương vào năm 2013 đến nay, Cục XTTM đã tổ chức 69 hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế về xúc tiến đầu tư, đầu tư - thương mại; đã tổ chức 23 đoàn ra nước ngoài giao thương xúc tiến đầu tư, thương mại tập trung vào các thị trường Hoa Kỳ, Liên bang Nga, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản; tổ chức các buổi tập huấn, đào tạo trong nước nâng cao năng lực trong hoạt động xúc tiến đầu tư thu hút sự tham gia của nhiều địa phương, doanh nghiệp trong nước và cùng lượt doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài. Các hoạt động xúc tiến đầu tư đã thu được các kết quả tích cực, có thể kể đến như: Cục XTTM đã phối hợp hỗ trợ tỉnh Hà Nam thu hút 34 dự án đầu tư của Hàn Quốc với tổng số vốn đầu tư đạt được 325 triệu USD; phối hợp hỗ trợ doanh nghiệp tại Bình Phước thu hút đầu tư của Vương quốc Anh với tổng số vốn đầu tư gần 10 triệu đô la Mỹ về lĩnh vực chế biến và xuất khẩu hạt điều,... Đồng thời, Cục XTTM cũng đã cập nhật hơn 1.500 trang thông tin bằng tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Nhật về môi trường đầu tư, các chính sách liên quan đến thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp và thương mại tại 45 địa phương và hơn 100 khu công nghiệp của Việt Nam trên Cổng thông tin xúc tiến đầu tư phát triển công nghiệp Việt Nam (Investvietnam.gov.vn).

HOẠT ĐỘNG KÍCH CẦU TIÊU DÙNG NỘI ĐỊA – BẮT NHỊP XU HƯỚNG MỚI

Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 nên các hoạt động XTTM trực tiếp bị gián đoạn và không thể thực hiện hiện được. Do đó, các hoạt động XTTM thực hiện qua môi trường mạng đã trở thành công cụ, giải pháp thực hiện các hoạt động XTTM phù hợp với xu thế, đồng thời ứng phó hiệu quả những điều kiện thị trường bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh... Trong bối cảnh đó, Cục XTTM và các đơn vị thuộc Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan XTTM nước ngoài và tổ chức trên 500 hội nghị quốc tế trực tuyến với trên 1 triệu phiên giao thương trực tuyến với các đối tác tại thị trường xuất khẩu chủ lực như: Trung Quốc, Hoa Kỳ, EU,... và thị trường xuất khẩu tiềm năng như châu Phi, Australia...; tổ chức tham gia hàng chục hội chợ quốc tế trực tuyến như Triển lãm Vietnam Foodexpo, Hội chợ CIIE, Hội chợ CAEXPO,...

Bên cạnh đó, Cục đẩy mạnh hoạt động hợp tác với các sàn thương mại điện tử quốc tế lớn nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu. Cụ thể, Cục triển khai chương trình hợp tác với Tập đoàn Alibaba (thông qua Alibaba.com theo phương thức B2B) và Tập đoàn Amazon (thông qua Amazon.com theo phương thức B2C). Đây là 2 sàn giao dịch thương mại có quy mô trên thế giới với các sản phẩm đa dạng và cách tiếp cận linh hoạt để doanh nghiệp cân nhắc tham gia. Riêng với Alibaba.com, ngay sau khi ký thoả thuận hợp tác, Cục XTTM đã triển khai 6 sự kiện huấn luyện về thương mại điện tử tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Quảng Ninh, Lào Cai. Các khóa huấn luyện đã thu hút gần 500 doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia và nhận được đánh giá tích cực từ các doanh nghiệp.

CÁC HOẠT ĐỘNG XTTM THỰC HIỆN QUA MÔI TRƯỜNG MẠNG ĐÃ TRỞ THÀNH CÔNG CỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG XTTM PHÙ HỢP VỚI XU THẾ, ĐỒNG THỜI ỨNG PHÓ HIỆU QUẢ NHỮNG ĐIỀU KIỆN THỊ TRƯỜNG BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI THIÊN TAI, DỊCH BỆNH...

VỚI NHIỀU HOẠT ĐỘNG TÍCH CỰC, PHÙ HỢP VỚI XU THẾ, HOẠT ĐỘNG XTTM ĐÃ VÀ ĐANG PHÁT HUY TỐT HIỆU QUẢ, GÓP SỨC LỚN CÙNG CÁC NGÀNH TRỢ SỨC CHO HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU CỦA CẢ NƯỚC VƯỢT VŨ MÔN. TỪ ĐÓ, GÓP PHẦN VÀO MỨC TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ ĐÁNG KHÍCH LỆ CỦA CẢ NƯỚC.

Nhằm đổi mới công tác XTTM để thích nghi với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và hỗ trợ các doanh nghiệp tận dụng các cơ hội từ cuộc cách mạng này, Cục XTTM đã triển khai xây dựng 05 ứng dụng, phần mềm bao gồm: Hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung quản lý khách hàng (CRM); Hệ sinh thái xúc tiến thương mại (VECOBIZ); Cổng truy xuất nguồn gốc xúc tiến thương mại (www.itrace247.com); Cổng thông tin hướng dẫn xuất nhập khẩu hàng hoá (https://vietnam.tradeportal.org); Nền tảng đào tạo XTTM trực tuyến (E-learning).

Trong năm 2020, với mục đích hưởng ứng các hoạt động kích cầu tiêu dùng nội địa nhằm khôi phục và thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp trong bối cảnh đại dịch COVID-19, Cục đề xuất và trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt tổ chức "Tháng khuyến mại tập trung quốc gia 2020 – Vietnam Grand Sale 2020" từ ngày 01 đến ngày 31 tháng 7 trên phạm vi toàn quốc để các thương nhân thực hiện.

Các hoạt động khuyến mại trong Tháng khuyến mại tập trung quốc gia đã góp phần thúc đẩy tiêu dùng trong tháng 7 năm 2020. Cụ thể, theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7 ước tính đạt 431,9 nghìn tỷ đồng, tăng 3,3% so với tháng trước và tăng 4,3% so với cùng kỳ năm trước.

CÔNG TÁC THÔNG TIN, TRUYỀN THÔNG, TRUYỀN HÌNH

Từ năm 2000 đến nay, Cục XTTM đã sản xuất gần 2.300 chương trình Truyền hình Công Thương với hàng chục nghìn tin, bài phóng sự, chuyên đề về hoạt động công nghiệp, thương mại được phát sóng hàng tuần trên kênh VTV1 của Đài Truyền hình Việt Nam và một số đài truyền hình địa phương. Nội dung các chương trình Truyền hình Công Thương luôn được khán giả xem truyền hình đặc biệt là các doanh nghiệp, doanh nhân quan tâm và đánh giá cao bởi tính thiết thực, tính thời sự của từng chương trình, đáp ứng yêu cầu thông tin, tuyên truyền của Bộ Công Thương.

Có thể thấy, với nhiều hoạt động tích cực, phù hợp với xu thế, hoạt động XTTM đã và đang phát huy tốt hiệu quả, góp sức lớn cùng các ngành trợ sức cho hoạt động xuất khẩu của cả nước vượt vũ môn. Từ đó, góp phần vào mức tăng trưởng kinh tế đáng khích lệ của cả nước. Bộ Công Thương tin tưởng rằng với việc đổi mới chính sách của chương trình Thương hiệu Quốc gia và phương thức xúc tiến thương mại thời kỳ mới, cùng với những hành động cụ thể sẽ tạo ra những đột phá trong công tác xuất khẩu đưa hình ảnh và thương hiệu quốc gia Việt Nam ngày càng vững mạnh, chiếm lĩnh vị trí cao trên thị trường quốc tế.

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
NGÀNH CÔNG THƯƠNG
NGHIÊN CỨU PHỤC VỤ THỰC TIỄN

Khoa học và công nghệ có vai trò quan trọng trong nền kinh tế, đặc biệt kể từ khi chúng ta tiến hành Đổi mới, phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh có đóng góp lớn cho tăng trưởng và phát triển đất nước, góp phần xoá đói, giảm nghèo, đảm bảo an ninh, chính trị.

Khoa học và công nghệ có vai trò tích cực trong việc hoàn thiện các định hướng, chính sách phát triển ngành Công Thương: Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của ngành Công Thương, chính sách phát triển kinh tế đã có nhiều thay đổi nhằm phù hợp với tình hình kinh tế, chính trị của đất nước cũng như yêu cầu tất yếu trong phát triển kinh tế, xã hội gắn với mục tiêu xây dựng nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghiên cứu khoa học với vai trò cung cấp luận cứ khoa học, thực tiễn đã góp phần quan trọng trong quá trình định hướng phát triển và ban hành các chính sách, tạo ra các bước phát triển có tính đột phá trong cả ngành, lĩnh vực sản xuất công nghiệp, thương mại nội địa, xuất nhập khẩu và hội nhập kinh tế quốc tế. Nhiều vấn đề mới, có tác động sâu, rộng tới phát triển ngành nhanh chóng được đưa vào nội dung

Ứng dụng công nghệ trong hoạt động sản xuất tại Công ty Yazaki EDS Việt Nam (TX.Dĩ An) (nguồn: baobinhduong.vn)

nghiên cứu khoa học, luận cứ rõ ràng cho những chủ trương, chính sách mà Bộ và Chính phủ đưa ra, trở thành các quyết sách lớn, góp phần tạo cú hích cho mục tiêu tăng trưởng bền vững của ngành như: nghiên cứu chính sách về nội địa hóa của các sản phẩm công nghiệp với khởi điểm từ những năm 2000 đã trở thành tiền đề cho việc hoàn thiện hệ thống chính sách, khung khổ pháp lý tương đối đầy đủ và toàn diện phục vụ việc phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ hiện nay; nghiên cứu chính sách về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong bối cảnh và thách thức về bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên trong các ngành công nghiệp. Đây cũng là căn cứ quan trọng hình thành nên các chính sách, pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả, góp phần quan trọng cho quá trình chuyển đổi từ

mục tiêu tăng trưởng sang phát triển bền vững; nghiên cứu chính sách nhằm hỗ trợ quá trình đàm phán, tham gia các Hiệp định thương mại tự do đa phương và song phương, hỗ trợ chính sách mở cửa và tham gia vào thị trường toàn cầu của doanh nghiệp Việt Nam...

Khoa học công nghệ đóng góp ngày càng cao vào quá trình phát triển của ngành; hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp ngành Công Thương, đặc biệt là các doanh nghiệp chế biến chế tạo liên tục phát triển, đã có những bước tiến hết sức quan trọng. Không chỉ cơ bản đáp ứng các nhu cầu tiêu dùng trong nước, sản phẩm của Việt Nam đã vươn ra chiếm lĩnh thị trường thế giới. Nhiều mặt hàng xuất khẩu của nước ta có vị trí quan trọng trong xếp hạng xuất khẩu của thế giới, như dệt may, thủy sản, đồ gỗ... Việt Nam đã vươn lên trở thành một trong những quốc gia có nền công nghiệp có năng lực cạnh tranh toàn cầu (CIP) ở mức khá cao, thuộc vào nhóm các quốc gia có năng lực cạnh tranh công nghiệp trung bình cao. Các chính sách khoa học và công nghệ cùng nhiều hoạt động hỗ trợ của nhà nước đã tạo ra những đóng góp quan trọng của khoa học và công nghệ cho phát triển của ngành, lĩnh vực cũng như từng doanh nghiệp, đặc biệt trong những năm gần đây. Thống kê cho thấy, trong giai đoạn 2010 - 2018, đóng góp của tăng năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) trong tăng trưởng

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ ĐÓNG GÓP NGÀY CÀNG CAO VÀO QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH; HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ỨNG DỤNG ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH CÔNG THƯƠNG, ĐẶC BIỆT LÀ CÁC DOANH NGHIỆP CHẾ BIẾN CHẾ TẠO LIÊN TỤC PHÁT TRIỂN, ĐÃ CÓ NHỮNG BƯỚC TIẾN HẾT SỨC QUAN TRỌNG.

VA ngành có xu hướng tăng: năm 2010, mức đóng góp TFP là 44.74%, đến năm 2018, lên mức 50,99% cao hơn mức đóng góp TFP của toàn nền kinh tế, đóng góp của tiến bộ công nghệ vào tăng trưởng NSLĐ các ngành công nghiệp chủ lực là 105,8%. Hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) đóng vai trò ngày càng quan trọng đối với các doanh nghiệp, tạo đột phá trong sản xuất, đáp ứng nhu cầu thị trường; trong đó nhiều lĩnh vực có hoạt động tích cực như sản xuất thiết bị điện, máy móc, thiết bị khai khoáng... Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia hoạt động đổi mới công nghệ ngày càng cao. Năm 2017, có 49,8% công nghệ được đổi mới so với nội tại doanh nghiệp, 47,8% so với thị trường và 2,4% so với với thế giới.

Nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ ghi nhận nhiều thành tựu, ứng dụng và thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực công nghiệp chủ lực. Sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam ngày càng cao; chúng ta không chỉ mở rộng thị trường mà còn tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu; hình thành được những doanh nghiệp lớn, có tiềm lực và sức cạnh tranh, có vai trò dẫn dắt cũng như lan tỏa đối với sản xuất trong nước. Điều này có được nhờ một phần quan trọng vào việc tập trung nghiên cứu khoa học và nhanh chóng đưa các kết quả ứng dụng vào thực tiễn sản xuất. Kết quả triển khai các nhiệm vụ đã góp phần tạo ra sản phẩm, hàng hóa thương hiệu Việt Nam có giá trị gia tăng và tính cạnh tranh cao trên thị trường. Nhiều công trình nghiên cứu khoa học đã đạt được những giải thưởng cao, có ý nghĩa to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội cũng như tạo lập vị thế về khoa học của Việt Nam trong khu vực và quốc tế; nhiều sản phẩm ứng dụng mang tầm khu vực và quốc tế trong lĩnh vực thăm dò, khai thác và chế biến dầu khí, khai thác và chế biến khoáng sản, năng lượng điện, cơ khí chế tạo, hóa dược, công nghệ sinh học... được triển khai trong thực tiễn, góp phần phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Các doanh nghiệp ngành Công Thương chủ động đón sóng cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 (nguồn congthuong.vn)

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ GHI NHẬN NHIỀU THÀNH TỰU, ỨNG DỤNG VÀ THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP CHỦ LỰC.

Hoạt động khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương có vai trò đòn bẩy quan trọng nhằm khuyến khích hoạt động đổi mới, sáng tạo tới các doanh nghiệp của ngành Công Thương. Các chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của ngành trong từng giai đoạn luôn thể hiện tính gắn kết và hướng tới yêu cầu hiện thực hóa mục tiêu phát triển ngành; được thể hiện rõ nét thông qua việc thiết kế và triển khai xuyên suốt các chương trình, đề án khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ; góp phần quan trọng trong việc đưa các chủ trương, chính sách lớn của ngành vào cuộc sống.

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG CÓ VAI TRÒ ĐÒN BẨY QUAN TRỌNG NHẰM KHUYẾN KHÍCH HOẠT ĐỘNG ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO TỚI CÁC DOANH NGHIỆP CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG.

Cùng với quá trình triển khai các hoạt động KH&CN, Bộ Công Thương tập trung đổi mới toàn diện công tác quản lý KH&CN từ nội dung tới phương thức quản lý. Điều đó đã làm thay đổi từ tư duy đến hành động, chuyển từ vị trí “quản lý” đơn thuần sang vai trò “đồng hành, phối hợp, hỗ trợ” các doanh nghiệp và tổ chức tham gia các hoạt động KH&CN. Bộ tăng cường đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào trong quá trình quản lý, giám sát thực hiện. Từng bước đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ của ngành; nghiên cứu, đẩy mạnh việc tái cơ cấu các viện nghiên cứu theo hướng nâng cao hiệu

quả, gắn với yêu cầu phát triển ngành và doanh nghiệp. Hệ thống các tổ chức khoa học và công nghệ của ngành Công Thương cũng từng bước được hoàn thiện, phát triển. Với đặc thù và yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ gắn với từng ngành, lĩnh vực, sự phát triển của hệ thống các viện, đơn vị nghiên cứu trực thuộc Bộ, thuộc các tập đoàn đã tạo sự kết nối quan trọng giữa hoạt động nghiên cứu với ứng dụng, giải quyết bài toán về đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp.

Công tác tiêu chuẩn, đo lường và sở hữu trí tuệ liên tục được đổi mới, hoàn thiện đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, góp phần thực thi các hiệp định thương mại mà chúng ta đã ký kết.

Công tác quản lý chất lượng sản xuất hàng hoá luôn được Bộ Công Thương coi là một trong những trọng tâm của công tác quản lý trong bối cảnh hội nhập, hoạt động này đang ngày càng được đẩy mạnh với việc chúng ta từng bước thiết lập hệ thống hàng rào kỹ thuật bảo vệ hợp lý sản xuất trong nước, hỗ trợ các doanh nghiệp cải tiến công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh; đồng thời ngăn chặn các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ kém chất lượng, ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe, tính mạng con người. Ngày 07 tháng 9 năm 2018, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Lộ trình hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia ngành

CÔNG TÁC TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ LIÊN TỤC ĐƯỢC ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN ĐÃ GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, GÓP PHẦN THỰC THI CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI MÀ CHÚNG TA ĐÃ KÝ KẾT.

Công Thương đến năm 2025 tại Quyết định số 3263/QĐ-BCT. Theo đó, Bộ Công Thương ban hành kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) theo kế hoạch được phê duyệt hằng năm để triển khai thực hiện. Bộ Công Thương cũng đang làm đầu mối chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong Bộ tích cực triển khai thực hiện "Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc"; "Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030"; "Đề án tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" và triển khai kế hoạch thực hiện những cam kết của Việt Nam về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và sở hữu trí tuệ trong các FTA như CPTPP, EVFTA, VKFTA...

Việt Nam, với khát vọng phát triển đất nước cùng thế và lực mới đã đặt ra những mục tiêu phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số, xã hội số, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Điều này là sự khẳng định của Đảng, nhà nước về vai trò quan trọng của phát triển khoa học và công nghệ trong công cuộc phát triển đất nước ở giai đoạn tiếp theo; đồng thời, cũng đặt ra cho hoạt động KH&CN của ngành Công Thương những nhiệm vụ và yêu cầu mới. Trong đó, phát triển KH&CN và đổi mới sáng tạo sẽ gắn chặt với quá trình tái cơ cấu ngành Công Thương, thực hiện mục tiêu phát triển ngành, lĩnh vực cụ thể trong giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045; tạo nền tảng vững chắc giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh, từ đó tận dụng tốt các cơ hội tiếp cận thị trường từ các hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết, tham gia sâu vào các chuỗi cung ứng toàn cầu; thực hiện mục tiêu trở thành trung tâm sản xuất của khu vực và thế giới.

SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM, HIỆU QUẢ:

TỪ GÓC NHÌN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ DOANH NGHIỆP

Trong quá trình hình thành và phát triển ngành Công Thương, cùng với sự phát triển kinh tế, xã hội, nhu cầu năng lượng của nước ta ngày càng tăng cao. Để đáp ứng nhu cầu đó, một trong những giải pháp quan trọng hàng đầu mang tính chiến lược đảm bảo sự phát triển bền vững là sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Việt Nam đã ban hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả vào năm 2010. Theo đó, Chính phủ đã đề ra các Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả để triển khai thực hiện.

Năng lượng có vai trò đặc biệt đối với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước, chính vì vậy, những năm qua, Đảng và Nhà nước đặc biệt coi trọng khâu cải thiện chất lượng sử dụng năng lượng trong chính sách phát triển bền vững ngành năng lượng nói riêng và an ninh năng lượng quốc gia nói chung, coi đó là một thành tố chủ chốt trong phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của đất nước.

Các nội dung và mục tiêu về phát triển, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đã được nêu rõ trong nhiều văn bản như: Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/2/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược Phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 140/NQ-CP của Chính phủ ngày 2/10/2020 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 55 NQ/TW; Quyết định số 280/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 13/3/2019 về Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030. Mục tiêu đặt ra là phải tiết kiệm từ 8 - 10% lượng năng lượng cần thiết để phát triển đất nước theo kịch bản phát triển bình thường, tương đương với khoảng 60 triệu tấn dầu quy đổi (TOE - tons of oil equivalent). Quan trọng hơn là nâng cao nhận thức, trách nhiệm và thay đổi hành vi, thói quen của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng và cá nhân trong việc sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả vì sự phát triển bền vững của Việt Nam trong tương lai. Với vai trò là cơ quan quản lý ngành, Bộ Công Thương đã và đang có những hành động và bước đi cụ thể đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, triển khai nhiều giải pháp từ tư vấn xây dựng chính sách, hỗ trợ tài chính, kỹ thuật, công nghệ đến đẩy mạnh thông tin tuyên truyền và đã đạt được những kết quả nhất định. Cụ thể, giai đoạn 2006 - 2015, Việt Nam tiết kiệm khoảng 16 triệu tấn dầu quy đổi tương đương với khoảng 103,7 tỷ kWh điện.

Có thể thấy, Đảng và Nhà nước đặc biệt coi trọng khâu cải thiện chất lượng sử dụng năng lượng trong chính sách phát triển bền vững ngành năng lượng nói riêng và an ninh năng lượng quốc gia nói chung, coi đó là một thành tố chủ chốt trong phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của đất nước. Để triển khai hiệu quả quyết sách này, bên cạnh nỗ lực tổ chức thực hiện của các cơ quan trung ương, hành động các địa phương và đặc biệt là cộng đồng doanh nghiệp được coi là nhân tố chủ đạo, đảm bảo việc thực hiện các mục tiêu đề ra.

MỤC TIÊU TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG, TỪ QUYẾT TÂM CỦA CHÍNH PHỦ ĐẾN HÀNH ĐỘNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Để thực hiện được mục tiêu tiết kiệm từ 8 – 10% tổng năng lượng tiêu thụ so với kịch bản phát triển bình thường đến năm 2030, sự vào cuộc của ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (địa phương) có vai trò đặc biệt quan trọng, mang tính quyết định. Chính vì vậy, tại Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13/3/2019, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Xây dựng, phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình tại địa phương, trong đó nêu rõ lộ trình, mục tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo thẩm quyền; bố trí kinh phí thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng, tiến độ, hiệu quả việc thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại địa phương;
- Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích và khen thưởng đặc thù đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn;
- Tổ chức, phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn;
- Chỉ đạo đơn vị chức năng tăng cường thanh tra, kiểm tra, đôn đốc thực hiện quy định của pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;
- Huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện các nội dung Chương trình thuộc nhiệm vụ do địa phương quản lý;
- Hàng năm báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình về kết quả thực hiện và kế hoạch triển khai Chương trình năm tiếp theo.

Mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ và giải pháp trong việc sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đã được nêu ra và được Thủ tướng Chính phủ giao triển khai thực hiện khá rõ ràng. Vấn đề còn lại phụ thuộc vào việc triển khai, cụ thể hoá của các địa phương phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội thực tế của từng địa phương.

Theo kinh nghiệm của một số quốc gia, cần phải căn cứ tình hình cụ thể của từng địa phương để giao kế hoạch (phân bổ) cụ thể và gắn trách nhiệm của người đứng đầu. Tại Việt Nam, nghiên cứu gần đây của Ngân hàng Thế giới và Bộ Công Thương về khả năng phân bổ mục tiêu quốc gia về tiết kiệm năng lượng cho các địa phương của Việt Nam cho thấy, 63 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có thể chia thành 7 nhóm địa phương với mục tiêu tiết kiệm năng lượng khác nhau căn cứ vào đặc điểm tương đồng về tiềm năng tiết kiệm năng lượng, cơ cấu kinh tế, đặc điểm dân cư... Như vậy, về mặt khoa học, chúng ta có thể phân bổ mục tiêu tiết kiệm 8 – 10% của cả nước cho từng địa phương. Trên cơ sở đó, Bộ Công Thương cùng với các địa phương xác định mục tiêu hàng năm và giai đoạn cho từng tỉnh, thành phố và gắn trách nhiệm của người đứng đầu địa phương đối với việc đảm bảo thực hiện mục tiêu đã được thống nhất xác định.

> **BỘ CÔNG THƯƠNG CÙNG VỚI CÁC ĐỊA PHƯƠNG XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU HÀNG NĂM VÀ GIAI ĐOẠN CHO TỪNG TỈNH, THÀNH PHỐ VÀ GẮN TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI VỚI VIỆC ĐẢM BẢO THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐÃ ĐƯỢC THỐNG NHẤT XÁC ĐỊNH.**

UBND tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, với vai trò quản lý nhà nước tại địa phương cần có những biện pháp cụ thể để đảm bảo mục tiêu tiết kiệm năng lượng của địa phương mình. Tùy thuộc vào đặc điểm tình hình cụ thể của địa phương, những biện pháp sau có thể lồng ghép vào kế hoạch thực hiện tại địa phương.

Hướng giải pháp về cải thiện hành vi sử dụng điện/năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bao gồm:

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức theo hướng đối tượng về cải thiện hành vi sử dụng điện/năng lượng đối với: Người lao động, người quản lý tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Cộng đồng dân cư thông qua các tổ chức đoàn thể xã hội, chính quyền cơ sở như: Chi bộ Đảng cơ sở; Chi hội Nông dân; Chi hội Phụ nữ; Chi hội Cựu chiến binh; Tổ dân phố/Thôn/Bản...; Khách hàng, khách lưu trú tại các cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ, nhà hàng, cơ sở lưu trú...; Người học tại các cơ sở giáo dục và đào tạo.

- Xây dựng và tổ chức triển khai các quy tắc xã hội/cộng đồng, nội quy, quy định về hành vi sử dụng điện/năng lượng: Quy tắc về sử dụng điện tại công sở, văn phòng, trường học, bệnh viện...; Quy tắc về sử dụng điện/năng lượng an toàn, tiết kiệm và hiệu quả tại các cơ sở sản xuất, chế biến, gia công sản phẩm hàng hóa, cơ sở chế tạo, sửa chữa phương tiện, thiết bị, cơ sở khai thác mỏ, cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, cơ sở kinh doanh, dịch vụ (siêu thị, trung tâm thương mại, nhà hàng, cơ sở lưu trú, cửa hàng, cửa hiệu...);

- Xây dựng và tuyên truyền lối sống tiết kiệm điện/năng lượng đến hộ gia đình: Tập huấn, hướng dẫn việc sử dụng các chế độ vận hành tiết kiệm điện đối với các thiết bị gia dụng tiêu thụ nhiều điện (tủ lạnh, điều hòa không khí, quạt, bình nước nóng, máy giặt, hệ thống chiếu sáng...) đến từng hộ gia đình (thông qua sinh hoạt cộng đồng/khu dân cư: tổ dân phố, xóm, bản, thôn...); Phát động phong trào gia đình tiết kiệm điện tại khu dân cư.

- Xây dựng và tổ chức công bố rộng rãi định kỳ kết quả thực hiện tiết kiệm điện/năng lượng của các tổ chức, đơn vị trực thuộc: Các quận, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh; Các xã, phường, thị trấn trực thuộc huyện; Các phòng, ban trong sở, ban, ngành; Các phân xưởng sản xuất, cơ sở kinh doanh, cơ sở dịch vụ trong công ty, doanh nghiệp, trung tâm dịch vụ thương mại.

Hướng giải pháp về công nghệ - kỹ thuật phục vụ tiết kiệm điện/năng lượng.

- Xây dựng và lồng ghép triển khai chương trình tài trợ cho các nghiên cứu, triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ về tiết kiệm điện/năng lượng vào chương trình, kế hoạch nghiên cứu khoa học và công nghệ của địa phương.

- Phát động phong trào về sáng kiến, cải tiến kỹ thuật về tiết kiệm điện tại các cơ sở sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Hỗ trợ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ lựa chọn, ứng dụng các công nghệ, giải pháp kỹ thuật, thiết bị, vật liệu, nguyên liệu đầu vào... có hiệu quả sử dụng năng lượng cao, tiết kiệm điện khi cải tạo, mở rộng, đầu tư mới, chuyển đổi công năng...

- Thúc đẩy việc chuyển đổi công nghệ, thiết bị, máy móc phương tiện, vật liệu, nguyên, nhiên liệu theo hướng tiết kiệm điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn.

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh tận dụng các nguồn năng lượng phát sinh trong quá trình sản xuất như nhiệt thải phục vụ phát điện; tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo vào hệ thống điện, năng lượng nội bộ, giảm nhu cầu điện của đơn vị từ nguồn điện lưới quốc gia;

- Yêu cầu mua sắm các trang thiết bị có hiệu suất sử dụng điện/năng lượng cao, tiết kiệm năng lượng, lắp đặt, tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo phù hợp vào hệ thống điện nội bộ, các hệ thống tự động kiểm soát tiêu thụ điện đối với các hạng mục đầu tư sử dụng hoặc có nguồn gốc từ vốn ngân sách nhà nước.

- Thúc đẩy việc tự động hóa, tối ưu hóa việc sử dụng điện của các thiết bị, phương tiện, máy móc sử điện, hệ thống nhiệt, lạnh chiếu sáng... tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ...

DOANH NGHIỆP, KHÂU ĐỘT PHÁ ĐẢM BẢO HOÀN THÀNH MỤC TIÊU SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

Doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp thuộc ngành/lĩnh vực có mức thâm dụng năng lượng lớn như hóa chất, vật liệu xây dựng (xi măng, gốm sứ...) luyện kim (sản xuất gang, thép...), giấy và bột giấy cũng như doanh nghiệp sử dụng năng lượng trọng điểm là đối tượng cần đặc biệt quan tâm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Chi phí năng lượng đối với nhiều ngành/lĩnh vực sản xuất công nghiệp chiếm hơn 60% giá thành sản phẩm. Nguyên nhân là do nhiều doanh nghiệp đang sử dụng những máy móc, thiết bị cũ, lạc hậu, không hiệu quả về mặt sử dụng năng lượng bên cạnh việc hạn chế về năng lực tài chính để có thể chuyển đổi công nghệ, kỹ thuật, thay thế thiết bị dây chuyền cũ, lạc hậu bằng dây chuyền mới hiệu quả về mặt năng lượng hơn.

Vì vậy, việc triển khai hiệu quả sử trong sử dụng năng lượng tại doanh nghiệp không những làm gia tăng năng lực cạnh tranh của bản thân doanh nghiệp, góp phần bảo vệ môi trường mà còn trực tiếp tác động đến việc hoàn thành mục tiêu tiết kiệm năng lượng của địa phương.

Ở góc độ quản lý nhà nước, chúng ta đã ban hành nhiều thông tư quy định định mức sử dụng năng lượng đối với sản phẩm của nhiều ngành/phân ngành sản xuất công nghiệp bên cạnh các quy định khác liên quan đến việc lựa chọn, trang thiết bị, công nghệ phù hợp, hiệu quả về sử dụng năng lượng cũng như chế tài đảm bảo việc thực thi hiệu quả quy định pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả nhưng mức độ hiệu quả của việc triển khai các quy định này còn chưa cao. Việc này xuất phát từ thực tế khách quan là nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp công nghiệp đang sử dụng những máy móc, thiết bị cũ, lạc hậu, không hiệu quả về mặt sử dụng năng lượng bên cạnh việc hạn chế về năng lực tài chính để có thể chuyển đổi công nghệ, kỹ thuật, thay thế thiết bị dây chuyền cũ, lạc hậu bằng dây chuyền mới hiệu quả về mặt năng lượng hơn. Như vậy, khi xác định vai trò của doanh nghiệp trong việc thực hiện chính sách về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, chúng ta cần phải xuất phát từ thực tế khách quan để đảm bảo doanh nghiệp vừa là nhân tố, vừa là đối tượng then chốt trong chính sách cải thiện chất lượng sử dụng năng lượng. Một số gợi ý sau nhằm cải thiện việc sử dụng năng lượng tại các doanh nghiệp:

- Xây dựng và vận hành quỹ thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Quỹ sẽ là nơi cung cấp các khoản tín dụng ưu đãi, thủ tục thông thoáng nhằm hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thay thế máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất theo hướng hiệu quả về mặt sử dụng năng lượng, bảo vệ môi trường.

- Mở rộng quy định pháp luật liên quan đến việc quy định định mức sử dụng năng lượng trong sản xuất, kinh doanh.

- Đảm bảo việc tuân thủ quy định pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đối với các doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sử dụng năng lượng.

Bộ Công Thương với đầu mối là Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương chịu trách nhiệm trước Chính phủ về hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hoạt động sản xuất và tiêu dùng bền vững trên phạm vi cả nước. Vụ được Chính phủ giao triển khai hai giải pháp quan trọng góp phần giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng và công nghiệp. Với nhiệm vụ được giao, Vụ đã tích cực tham mưu cho Bộ Công Thương và trình Chính phủ ban hành nhiều chính sách quan trọng, góp phần xây dựng một Việt Nam văn minh, xanh sạch và bền vững thông qua các hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả toàn xã hội.

VIỆC TRIỂN KHAI HIỆU QUẢ TRONG SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TẠI DOANH NGHIỆP KHÔNG NHỮNG LÀM GIA TĂNG NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA BẢN THÂN DOANH NGHIỆP, GÓP PHẦN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG MÀ CÒN TRỰC TIẾP TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC HOÀN THÀNH MỤC TIÊU TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG.

DẦU KHÍ VIỆT NAM
VỮNG MẠNH CÙNG ĐẤT NƯỚC

DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC; TỪ Ý NGUYỆN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH, NGÀNH DẦU KHÍ VIỆT NAM ĐÃ LỚN LÊN CÙNG ĐẤT NƯỚC; NHỮNG NGƯỜI LAO ĐỘNG DẦU KHÍ QUA CÁC THỜI KỲ VỚI LÒNG SAY MÊ VÀ KHÁT VỌNG VƯƠN LÊN, LAO ĐỘNG BỀN BỈ, SÁNG TẠO VÀ CỐNG HIẾN ĐÃ VƯỢT QUA MỌI KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC, HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ ĐƯỢC ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ NHÂN DÂN GIAO PHÓ, XÂY DỰNG ĐƯỢC TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM HIỆN ĐẠI VÀ ĐỒNG BỘ, GIỮ VỊ TRÍ HÀNG ĐẦU TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC, CÓ NHIỀU ĐÓNG GÓP TO LỚN VÀO CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC.

Bác Hồ thăm khu công nghiệp dầu khí BaKu năm 1959

SỰ RA ĐỜI CỦA "ĐOÀN THĂM DÒ DẦU LỬA SỐ 36"

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX không ai nghĩ rằng Việt Nam có dầu khí, kể cả những nhà địa chất Pháp nhiều kinh nghiệm đã tiến hành khảo sát, điều tra địa chất, tài nguyên khoáng sản ở Việt Nam. Song, với tầm nhìn xa trông rộng và bằng linh cảm của một thiên tài, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hình dung đất nước muốn hùng mạnh, nhất định phải có một ngành công nghiệp dầu khí hiện đại.

Sau khi miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng, năm 1957, trong chương trình của chuyến thăm các nước Đông Âu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành thời gian đến thăm giàn khoan dầu ở Albani và thăm nhà máy lọc dầu ở Bulgari. Tiếp đó, trong chuyến thăm Liên Xô, với biết bao chương trình nghị sự quan trọng, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn

"SAU KHI VIỆT NAM KHÁNG CHIẾN THẮNG LỢI, LIÊN XÔ NÓI CHUNG VÀ AZERBAIJAN NÓI RIÊNG PHẢI GIÚP ĐỠ VIỆT NAM KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ, XÂY DỰNG ĐƯỢC NHỮNG KHU CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ MẠNH NHƯ BAKU".

dành riêng mối quan tâm cho ngành công nghiệp dầu khí trong tương lai của đất nước. Câu nói của Người vào ngày 23 tháng 7 năm 1959 với các kỹ sư, công nhân dầu khí khu công nghiệp dầu lửa Baku-Azerbaijan, đã thể hiện khát vọng cháy bỏng của cả dân tộc: "Sau khi Việt Nam kháng chiến thắng lợi, Liên Xô nói chung và Baku-Azerbaijan nói riêng phải giúp đỡ Việt Nam khai thác và chế biến dầu khí, xây dựng được những khu công nghiệp dầu khí mạnh như Baku". Đây chính là những dòng chữ vàng đầu tiên của lịch sử ngành Dầu khí nước nhà, là niềm tin, là ước vọng của đất nước, là mục tiêu hành động, là "kim chỉ nam" trong suốt quá trình xây dựng và phát triển của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam hơn 60 năm qua.

Theo đề nghị của Chính phủ Việt Nam, từ năm 1959, Chính phủ Liên Xô đã cử các chuyên gia sang giúp Việt Nam tiến hành điều tra địa chất dầu khí. Từ năm 1959 - 1961, các chuyên gia Liên Xô đã cùng các đồng nghiệp Việt Nam hoàn thành báo cáo tổng hợp "Địa chất và triển vọng dầu khí ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà" đầu tiên ở nước ta.

Xuất phát từ tầm nhìn chiến lược của Đảng và Nhà nước về ngành công nghiệp dầu khí của Việt Nam, cùng với kết luận ban đầu tại báo cáo địa chất dầu khí nói trên, ngày 09 tháng 10 năm 1961, Hội đồng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 159 quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Địa chất trong đó đã xác định rõ có tổ chức Đoàn thăm dò Dầu lửa.

THỂ THEO NGUYỆN VỌNG CỦA CÁC THẾ HỆ LAO ĐỘNG NGÀNH DẦU KHÍ VIỆT NAM, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ ĐÃ CHO PHÉP LẤY NGÀY 27-11 HẰNG NĂM LÀ NGÀY TRUYỀN THỐNG NGÀNH DẦU KHÍ VIỆT NAM.

Ngày 27 tháng 11 năm 1961, Tổng cục Địa chất có Quyết định số 271-ĐC thành lập Đoàn Thăm dò Dầu lửa số 36 (tên quen gọi là Đoàn 36 và từ năm 1969 là Liên đoàn Địa chất 36) trực thuộc Tổng cục Địa chất. Đoàn 36 có nhiệm vụ tiến hành tìm kiếm, thăm dò dầu hỏa và khí đốt trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Thể theo nguyện vọng của các thế hệ lao động Ngành Dầu khí, Thủ tướng Chính phủ đã cho phép lấy ngày 27 - 11 hằng năm là Ngày truyền thống Ngành Dầu khí Việt Nam.

Hơn 10 năm tiếp đó, các kỹ sư Việt Nam đồng hành với chuyên gia Liên Xô tiến hành các hoạt động thăm dò dầu khí, công tác địa vật lý và khoan dầu khí ở Đồng bằng sông Hồng và vùng trũng An Châu, khẳng định kết quả thăm dò, chính xác hóa cấu trúc địa chất của tam giác châu thổ sông Hồng, phát hiện các vết dầu và vỉa khí trong trầm tích Đệ Tam. Đoàn 36 Dầu lửa đã cung cấp rất nhiều tài liệu và thông tin quý giá, những kết luận quan trọng về cấu trúc địa chất, tiềm năng dầu khí ở miền võng Hà Nội, ở vùng trũng An Châu và là "cái nôi" cung cấp nguồn nhân lực quản lý cho Ngành Dầu khí Việt Nam trong giai đoạn đầu.

Ngày 18 tháng 3 năm1975 đánh dấu sự kiện nổi bật về tìm kiếm thăm dò dầu khí ở miền Bắc Việt Nam khi chúng ta phát hiện mỏ khí Tiền Hải với trữ lượng xác minh đến 1,3 tỉ m^3.

NGÀNH DẦU KHÍ VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ

Trong suốt chặng đường phát triển, Bộ Công Thương luôn có những chỉ đạo sát sao trong công tác quản lý nhà nước lĩnh vực dầu khí và đồng hành với Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam xây dựng khuôn khổ, cơ chế hợp tác, phối hợp tìm ra giải pháp, hướng đi, giải quyết các tồn đọng, hướng tới thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch đã đặt ra.

Tổng cục Dầu mỏ và khí đốt Việt Nam (1975-1990)

Ngay sau khi thống nhất đất nước, cả nước bước vào thời kỳ khôi phục toàn diện sau chiến tranh, Đảng và Nhà nước ta đã xác định phải nhanh chóng tìm ra và khai thác dầu khí, nguồn năng lượng quan trọng cho phát triển đất nước.

Ngày 6 tháng 8 năm 1975, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra tuyên bố xúc tiến việc tìm kiếm và khai thác dầu mỏ trên lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam, đồng thời mở cửa, sẵn sàng thảo luận với các chính phủ và các công ty nước ngoài muốn tham gia hợp tác. Ngày 9 tháng 8 năm 1975, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 244-NQ/TW về việc triển khai thăm dò dầu khí trên cả nước. Đây là văn bản đầu tiên về dầu khí của Đảng ta, thể hiện sự sáng suốt, tầm nhìn chiến lược, là

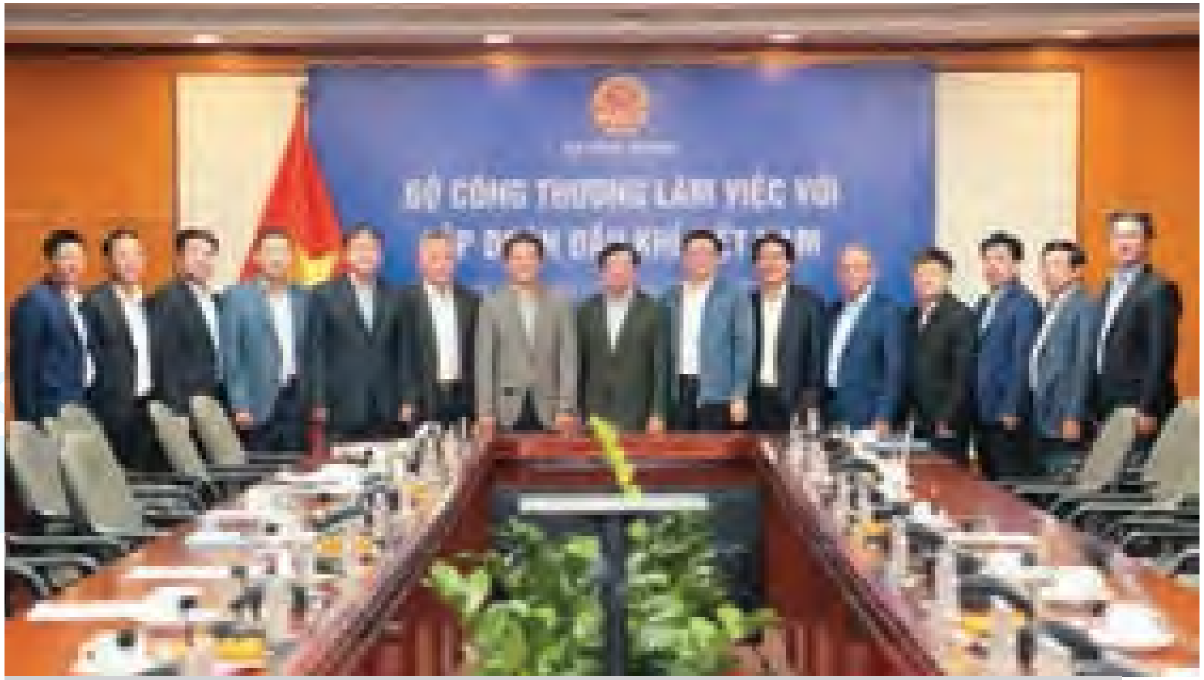

Lãnh đạo Bộ Công Thương và lãnh đạo Petrovietnam tại buổi làm việc giữa Bộ Công Thương với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

"sợi chỉ đỏ" xuyên suốt quá trình xây dựng và phát triển của ngành Dầu khí Việt Nam.

Năm 1975, sau khi được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn, ngày 3 tháng 9 năm 1975, Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 170/CP về việc thành lập Tổng cục Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam, đánh dấu một giai đoạn phát triển mới của Ngành Dầu khí Việt Nam, chấm dứt thời kỳ hoạt động của các tổ chức riêng rẽ thuộc Tổng cục Địa chất, Tổng cục Hóa chất... Tổng cục Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam là tổ chức nhà nước đầu tiên quản lý một ngành kinh tế kỹ thuật thống nhất trong cả nước. Nghị định số 170/CP có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự phát triển Ngành Dầu khí non trẻ của Việt Nam. Từ đó, hoạt động tìm kiếm, thăm dò dầu khí được triển khai mạnh mẽ ở cả miền Bắc, miền Nam, thềm lục địa phía Nam và chúng ta đã có nhiều phát hiện dầu khí ở cả trên đất liền và ở thềm lục địa.

Cuối năm 1978, con tàu địa chấn đầu tiên mang tên Bình Minh đã ra đời để thực hiện phương án khảo sát địa chấn phản xạ vùng Tây Bắc Vịnh Bắc Bộ.

Năm 1980, Việt Nam và Liên Xô ký Hiệp định Hợp tác về thăm dò và khai thác dầu khí thềm lục địa Việt Nam.

Từ Đại hội VI (1986), Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát động và lãnh đạo công cuộc Đổi mới đất nước. Nghị quyết 15-NQ/TW, ngày 07 tháng 7 năm 1988 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển ngành Dầu khí đến năm 2000 đã khai thông con đường hợp tác đa phương "với các nước và các công ty nước ngoài" và "tích cực xây dựng công nghiệp lọc hóa dầu và sử dụng khí thiên nhiên". Nhờ có chủ trương và chính sách đối ngoại đúng đắn của Đảng, các hoạt động dầu khí đã được thúc đẩy một cách mạnh mẽ.

Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam (1990-2006)

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) họp tháng 8 năm 1987, trong đó chủ trương "chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế". Ngày 06 tháng 7 năm 1990, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 250-HĐBT về việc thành lập Tổng Công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam dưới sự quản lý nhà nước trực tiếp của Bộ Công nghiệp nặng.

Đây là sự kiện có tính bước ngoặt của ngành Dầu khí Việt Nam chuyển từ vai trò vừa quản lý nhà nước và triển khai các công việc tìm kiếm, thăm dò, khai thác, dịch vụ dầu khí sang quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất-kinh doanh trong khuôn khổ của một tổ chức hạch toán kinh tế. Từ thời điểm này cơ chế hoạt động của Tổng Công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam có những biến chuyển mạnh mẽ theo hướng mô hình doanh nghiệp nhà nước, phi hành chính hóa, là xu thế chung trong cả nước sau khi đường lối đổi mới của Đại hội Đảng lần thứ VI bắt đầu được triển khai.

Ngày 14 tháng 04 năm 1992, Chính phủ ra Quyết định số 125/HĐBT về việc đặt Tổng Công ty Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng; tiếp đó ngày 29 tháng 5 năm 1995, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 330/TTg về việc thành lập Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại Tổng Công ty Dầu mỏ và khí đốt Việt Nam.

Trong giai đoạn 1990-2006, ngành Dầu khí Việt Nam có những bứt phá về mô hình tổ chức và hoạt động, trở thành một tổ chức sản xuất kinh doanh-Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam), tăng cường hợp tác quốc tế, thu hút nhiều các công ty dầu khí hàng đầu thế giới đầu tư vào Việt Nam. Với nhiều mỏ mới được phát hiện, sản lượng dầu khí tăng nhanh, công nghiệp khí Việt Nam phát triển mạnh với 3 hệ thống đường ống dẫn khí ở các bể Cửu Long, Nam Côn Sơn và Malay-Thổ Chu, Nhà máy đạm Phú Mỹ ra đời, các công trình lọc hoá dầu được xúc tiến, các loại hình cũng như các cơ sở dịch vụ dầu khí, kể cả nghiên cứu khoa học công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực được phát triển. Về căn bản, ngành Dầu khí Việt Nam đã khá hoàn chỉnh trong nhiều lĩnh vực và bắt đầu triển khai hoạt động dầu khí ra thế giới (Mông Cổ, Malaysia, Algeria...). Petrovietnam đã đóng góp từ một phần tư đến một phần ba nguồn thu ngân sách Nhà nước hàng năm.

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM

Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam ra đời ngày 29 tháng 8 năm 2006 (Quyết định số 198/2006/QĐ-TTg và 199/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hình thành Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và thành lập Công ty mẹ-Tập đoàn Dầu khí Việt Nam). Giai đoạn 2006-2010 là giai đoạn đầu Tập đoàn triển khai thực hiện Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025. Đây cũng là lúc cả nước tập trung vào thực hiện các nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm 2006-2010 nhằm thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001-2010 của đất nước, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Trong 5 năm (2006-2010), với tinh thần "Đổi mới quyết liệt, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, quyết định kịp thời" và phương châm "Đồng tâm hiệp lực, hiện đại, hội nhập, tăng tốc phát triển", Tập đoàn đã đạt những thành tựu

vượt trội. Với việc Nhà máy Lọc dầu Dung Quất cho dòng sản phẩm đầu tiên từ tháng 02/2009, Tập đoàn đã xây dựng được ngành Công nghiệp Dầu khí Việt Nam hoàn chỉnh từ khâu tìm kiếm thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, phân phối, dịch vụ và xuất nhập khẩu; đưa thêm 05 nhóm sản phẩm mới vào phục vụ nền kinh tế quốc dân, đó là: sản phẩm điện khí, xăng dầu, khí nén cao áp, hạt nhựa polypropylene và năng lượng sạch.

Giai đoạn 2010 - 2015, với mục tiêu: "Giữ vững vị trí đầu tàu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước", Tập đoàn đã đạt được những thành tựu cơ bản: Tổng doanh thu toàn Tập đoàn đạt 3.675 nghìn tỷ đồng, vượt 2,4% so với kế hoạch, tốc độ tăng bình quân đạt 10%/năm, tăng gấp 2,5 lần so với giai đoạn 2006-2010; nộp ngân sách nhà nước 880 nghìn tỷ đồng, vượt 4,5% kế hoạch, tăng 73% so với thực hiện 2006 – 2010; tổng tài sản đạt 800 nghìn tỷ đồng, tăng 334 nghìn tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2010; tổng vốn chủ sở hữu đạt 414 nghìn tỷ đồng, tăng 182 nghìn tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2010; tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân đạt 13%/năm. Tập đoàn luôn có đóng góp lớn và giữ vai trò quan trọng đảm bảo cân đối ngân sách nhà nước.

Từ 2015 đến nay, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do giá dầu thô giảm sâu, song với tinh thần cầu thị và ý chí quyết tâm vượt qua thử thách, tập thể cán bộ, đảng viên, công nhân viên lao động dầu khí luôn đoàn kết, nỗ lực phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được Chính phủ giao hằng năm. Các sản phẩm của Tập đoàn là dầu thô, xăng dầu, khí thiên nhiên, khí hóa lỏng, điện, đạm... đóng vai trò chủ lực với tỷ trọng lớn góp phần rất quan trọng trong phát triển kinh tế – xã hội đất nước và đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Bên cạnh phát triển kinh tế, Tập đoàn góp phần rất tích cực trong việc khẳng định, bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền của Tổ quốc trên Biển Đông. Chú trọng công tác an sinh xã hội, xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Luôn phát huy hiệu quả vai trò là trụ cột, đầu tàu của kinh tế.

Ngày 23 tháng 7 năm 2015, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 41-NQ/TW về định hướng Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 với trọng tâm là: tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến, tồn trữ, phân phối, dịch vụ và xuất nhập khẩu; trong đó tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí là lĩnh vực cốt lõi, cần phải được quan tâm chú trọng, cần phải tăng cường đầu tư phát triển không chỉ ở trong nước mà vươn ra thế giới.

Giàn khai thác mỏ Sư Tử Vàng

Những thành tựu nổi bật

- Xây dựng được hệ thống cơ sở vật chất công nghiệp dầu khí hoàn chỉnh, đồng bộ từ tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí, công nghiệp khí, điện và dịch vụ dầu khí. Đến nay công tác tìm kiếm thăm dò dầu khí đã xác định được trữ lượng dầu khí của các phát hiện tới trên 1,4 tỉ tấn quy dầu và đã nghiên cứu đánh giá tiềm năng còn lại của Việt Nam là 1,6-2,8 tỉ tấn quy dầu, có khả năng cân đối bền vững cho hoạt động khai thác, bảo đảm an ninh năng lượng của đất nước trong những thập niên tới.
- Hoàn chỉnh hoạt động theo mô hình tập đoàn, thực hiện thành công tái cơ cấu doanh nghiệp, tập trung vào các lĩnh vực cốt lõi. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa XI) về tái cấu trúc nền kinh tế và Chiến lược Phát triển ngành Dầu khí Việt Nam theo Kết luận số 41 của Bộ Chính trị, chuyển đổi thành công từ hoạt động theo mô hình tổng công ty sang hoạt động theo mô hình tập đoàn kinh tế Nhà nước từ tháng 8/2006; hoàn thiện hệ thống chính trị đồng bộ trong toàn Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và hiện đang từng bước triển khai cơ cấu lại toàn diện Tập đoàn trong giai đoạn từ nay tới năm 2025.
- Luôn ở trong Top đầu những doanh nghiệp đóng góp lớn nhất vào ngân sách nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội. Tổng doanh thu đạt trên 398 tỉ USD, nộp ngân sách nhà nước gần 109 tỉ USD.
- Trở thành tập đoàn tiên phong trong hợp tác, hội nhập quốc tế. Song song với việc đầu tư phát triển ở trong nước, Tập đoàn đã tích cực tìm kiếm, mở rộng đầu tư ra nước ngoài; nâng cao uy tín và thương hiệu Petrovietnam trên thị trường quốc tế; góp phần tích cực đưa hình ảnh đất nước Việt Nam tới bạn bè quốc tế.
- Xây dựng được đội ngũ những người làm dầu khí với số lượng lao động hiện có trên 60 nghìn người có trình độ cao, đủ khả năng làm chủ các hoạt động dầu khí ở trong và ngoài nước. Trong đó, trên 5.500 người có trình độ trên đại học; trên 25.000 người có trình độ đại học và cao đẳng; trên 25.000 công nhân lành nghề, đáp ứng cơ bản nhu cầu phát triển của ngành Dầu khí Việt Nam trong hiện tại cũng như tương lai.
- Tích cực phát huy và thực hiện hiệu quả vai trò là "đầu tàu" kinh tế của đất nước. Từ kết quả triển khai các công trình dầu khí thời gian qua, Tập đoàn đã trở thành nòng cốt, là hạt nhân trong việc hình thành các khu công nghiệp tập trung tại: Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai - Hiệp Phước, Cà Mau, Dung Quất - Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Vũng Áng - Hà Tĩnh, Nghi Sơn - Thanh Hóa...
- Tích cực tham gia bảo vệ chủ quyền và biên giới quốc gia trên biển. Nơi nào có hoạt động dầu khí, có giàn khoan đặt chân, ở đó chủ quyền quốc gia được khẳng định.
- Có trách nhiệm cao trong chia sẻ với cộng đồng, trung bình hằng năm đóng góp vào công tác an sinh xã hội khoảng 500 tỉ đồng.

TIẾP NỐI TRUYỀN THỐNG, VỮNG BƯỚC TƯƠNG LAI

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Nhà nước, đồng hành với hành trình 70 năm của ngành Công Thương sáu thập kỷ qua, tập thể cán bộ, công nhân lao động ngành Dầu khí Việt Nam qua các thời kỳ đã cống hiến không mệt mỏi, vượt qua mọi thử thách, khó khăn, xây dựng ngành Dầu khí Việt Nam trở thành ngành kinh tế- kỹ thuật then chốt và chủ lực của đất nước, đóng góp to lớn vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, gặt hái được nhiều thành tựu, làm nên thương hiệu Petrovietnam uy tín cả trong và ngoài nước. Từ điểm mốc khai thác dòng khí đầu tiên từ mỏ khí Tiền Hải - Thái Bình năm 1981 và khai thác tấn dầu thô đầu tiên từ mỏ Bạch Hổ năm 1986, đến nay Tập đoàn đang khai thác 25 mỏ dầu khí ở trong nước và 10 mỏ dầu khí ở nước ngoài.

Mặc dù còn nhiều khó khăn và thách thức rất lớn ở phía trước nhưng Tập đoàn luôn giữ vững vị thế là đơn vị nòng cốt của ngành Dầu khí, góp phần quan trọng xây dựng và phát triển ngành Dầu khí là ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc như mục tiêu chiến lược đề ra. Trong 5 năm tới, thực hiện đồng bộ 07 nhóm giải pháp, trong đó quản trị và quản lý doanh nghiệp là giải pháp trung tâm; quản trị nguồn nhân lực là giải pháp đột phá. Giải pháp trọng tâm của năm 2021 với chủ đề: "Quản trị biến động - Tối đa giá trị - Mở rộng thị trường - Tận dụng cơ hội - Liên kết đầu tư - Phục hồi tăng trưởng".

Nhìn lại 60 năm đồng hành, phát triển cùng ngành Công Thương, những thành tựu kỳ diệu của ngành Dầu khí Việt Nam rất đáng tự hào và trân trọng. Đó là thành quả của tầm nhìn vĩ đại, thiên tài của Bác Hồ, là trí tuệ và quyết tâm, sự chỉ đạo sáng suốt, kịp thời của Bộ Chính trị, Chính phủ, là kết quả của lao động sáng tạo, kiên trì, lòng kính yêu đối với Bác của nhiều thế hệ người Dầu khí.

Nhân dịp Kỷ niệm 70 năm truyền thống ngành Công Thương và 60 năm Ngày truyền thống ngành Dầu khí Việt Nam, cùng ôn lại chặng đường lịch sử vinh quang để mỗi người Dầu khí đều nhận thức được trách nhiệm cao cả song cũng rất nặng nề, khó khăn với nhiều thách thức (bao gồm cả khách quan và chủ quan), nhằm cùng nhau phát huy truyền thống của các thế hệ những người đi tìm lửa, bình tĩnh, tự tin vượt qua mọi trở ngại, khó khăn tiếp tục hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

Với sự chung sức chung lòng, gìn giữ bản sắc và giá trị cốt lõi của văn hóa Dầu khí, bằng tất cả nhiệt huyết, ý chí quyết tâm và khát vọng vươn lên, sẵn sàng cống hiến sức lực và trí tuệ cho sự nghiệp Dầu khí của tập thể CBCNV-LĐ toàn Tập đoàn, chắc chắn ngọn lửa Dầu khí, tinh thần Dầu khí sẽ mãi tỏa sáng, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam sẽ phát triển và không ngừng lớn mạnh sánh vai cùng các công ty, tập đoàn dầu khí lớn trong khu vực và trên thế giới như mong ước của Bác Hồ kính yêu./.

VỚI SỰ CHUNG SỨC CHUNG LÒNG, GÌN GIỮ BẢN SẮC VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA VĂN HÓA DẦU KHÍ, BẰNG TẤT CẢ NHIỆT HUYẾT, Ý CHÍ QUYẾT TÂM VÀ KHÁT VỌNG VƯƠN LÊN, SẴN SÀNG CỐNG HIẾN SỨC LỰC VÀ TRÍ TUỆ CHO SỰ NGHIỆP DẦU KHÍ CỦA TẬP THỂ CBCNV-LĐ TOÀN TẬP ĐOÀN, CHẮC CHẮN NGỌN LỬA DẦU KHÍ, TINH THẦN DẦU KHÍ SẼ MÃI TỎA SÁNG, TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM SẼ PHÁT TRIỂN VÀ KHÔNG NGỪNG LỚN MẠNH SÁNH VAI CÙNG CÁC CÔNG TY, TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ LỚN TRONG KHU VỰC VÀ TRÊN THẾ GIỚI.

NHỮNG MỐC SON MỞ RA NHỮNG TRANG SỬ MỚI

19/4/1981

Đánh dấu sự khởi đầu khai thác khí và công nghiệp khí Việt Nam bằng việc đưa mỏ khí Tiền Hải C-Thái Bình vào khai thác nhằm cung cấp khí khô cho tổ máy phát điện tuốc bin khí công suất 15MW và các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng tại Khu công nghiệp Tiền Hải, Thái Bình.

26/6/1986

Tấn dầu thô đầu tiên được khai thác từ mỏ Bạch Hổ đã chính thức đưa Việt Nam vào danh sách các nước sản xuất, xuất khẩu Dầu mỏ trên thế giới và là đóng góp quan trọng cho nền kinh tế bắt đầu bước vào thời kỳ đổi mới.

6/9/1988

Tấn dầu đầu tiên từ trong tầng chứa phi truyền thống đá móng nứt nẻ của mỏ Bạch Hổ được đưa lên tàu chứa Crưm từ giếng khoan BH-1. Kể từ đó đến nay, hơn 240 triệu tấn dầu từ đối tượng này được khai thác, mang về cho đất nước nguồn doanh thu ngoại tệ hơn 88 tỉ USD.

20/9/1990

Tổng công ty Dầu khí Việt Nam được thành lập, đánh dấu bước phát triển mới của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, tạo tiền đề để xây dựng, phát triển công nghiệp dầu khí Việt Nam.

1991

Với sản lượng dầu 3,96 triệu tấn nên cân đối được lượng ngoại tệ, góp phần quyết định giữ gìn an ninh chính trị, giữ vững thể chế XHCN trước sự tan rã của hệ thống XHCN ở Liên Xô và Đông Âu. Đến 1995 đạt 8 triệu tấn; năm 2000 đạt 16 triệu tấn; năm 2005 đạt 18 triệu tấn và 2010 đạt 23 triệu tấn.

5/1995

Thu gom và đưa khí đồng hành vào bờ cung cấp 1 triệu m3 khí/ngày đêm cho Nhà máy điện Bà Rịa đặt nền móng cho phát triển công nghiệp khí của Việt Nam.

10/1998

Nhà máy xử lý Dinh Cố đi vào hoạt động. Lần đầu tiên, LPG & Condensate được sản xuất tại Việt Nam.

12/2002

Khánh thành Đường ống khí Nam Côn Sơn - công trình dẫn khí bằng đường ống 2 pha dài nhất thế giới được xây dựng tại Việt Nam; công trình trọng điểm quốc gia, có vai trò then chốt trong việc góp phần bảo đảm an ninh năng lượng và sự phát triển công nghiệp khí Việt Nam.

15/12/2004

Khánh thành Nhà máy đạm Phú Mỹ và đã sản xuất tấn đạm đầu tiên đặt nền móng cho phát triển công nghiệp hóa dầu, tạo ra tính chủ động cung ứng phân bón trong sản xuất, xuất nhập khẩu, góp phần bảo đảm an ninh lương thực.

23/9/2006

Khai thác tấn dầu thô đầu tiên ở nước ngoài, mỏ Cendor PM - 304 (Malaysia).

27/12/2008

Khánh thành Nhà máy Điện Cà Mau 1, 2 và Đường ống dẫn khí PM3-Cà Mau thuộc tổ hợp dự án cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau là một trong những công trình trọng điểm quốc gia về dầu khí do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được giao làm chủ đầu tư.

06/01/2011

Khánh thành Nhà máy Lọc dầu (NMLD) Dung Quất - NMLD đầu tiên của Việt Nam - tại huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Dự án xây dựng NMLD Dung Quất là quyết sách quan trọng của Đảng và Chính phủ trong việc hình thành ngành Công nghiệp Lọc hóa dầu của Việt Nam và phát triển vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Với việc hoàn thành công trình này, ngành Công nghiệp Dầu khí Việt Nam đã phát triển đồng bộ từ tìm kiếm thăm dò, khai thác đến lọc hóa dầu, công nghiệp khí, công nghiệp điện và dịch vụ dầu khí chất lượng cao.

2012

Khánh thành Nhà máy Đạm Cà Mau Đây là sự kiện đánh dấu bước hoàn chỉnh của cụm dự án Khí-Điện-Đạm Cà Mau, có ý nghĩa rất lớn trong việc phát triển kinh tế - xã hội của toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long và khánh thành giàn khoan tự nâng Tam Đảo 03 là công trình cơ khí trọng điểm quốc gia lần đầu tiên được chế tạo tại Việt Nam.

15/01/2017

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có 3 công trình, cụm công trình tiêu biểu được nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về khoa học công nghệ.

2018

Vận hành thương mại Khu liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn; tập trung mạnh mẽ, thực hiện cổ phần hoá thành công 3 doanh nghiệp: Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Dầu Việt Nam và Công ty Lọc Hoá dầu Bình Sơn.

11/2019

Petrovietnam tổ chức thành công Kỳ họp lần thứ 45 Hội đồng Dầu khí các quốc gia Đông Nam Á (ASCOPE) và lần đầu tiên đảm nhận vai trò Tổng thư ký ASCOPE.

2020

Được coi là năm khó khăn nhất trong lịch sử phát triển của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam nhưng Tập đoàn đã ngoạn mục vượt qua khủng hoảng kép do đại dịch Covid-19 và giá dầu giảm sâu bằng việc kịp thời xây dựng, thực hiện hiệu quả gói giải pháp ứng phó tác động kép. Tổng doanh thu toàn Tập đoàn đạt 566 nghìn tỷ đồng; tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 17,5 nghìn tỷ đồng; hoàn thành kế hoạch nộp ngân sách (82,1 nghìn tỷ đồng), góp phần quan trọng vào tăng trưởng GDP cả nước và cân đối ngân sách Nhà nước.

AN TOÀN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP & BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

NGÀNH CÔNG THƯƠNG

Hội thảo "Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện hiệu quả Luật Bảo vệ môi trường 2020"

Nước ta đang đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa, phát triển kinh tế nhằm thực hiện các mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII và mới đây là Đại hội XIII đề ra. Đi liền với phát triển kinh tế, vấn đề đảm bảo an toàn trong sản xuất và bảo vệ môi trường phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững luôn được Bộ Công Thương chú trọng, quan tâm thực hiện và đã thu được những kết quả đáng khích lệ.

Từ năm 1997, Cục Kiểm tra Giám sát kỹ thuật an toàn Công nghiệp trực thuộc Bộ Công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 378/TTg ngày 04 tháng 6 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ, nay là Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường Công nghiệp trực thuộc Bộ Công Thương, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật đối với lĩnh vực an toàn, bảo vệ môi trường trong công nghiệp và thương mại. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường Công nghiệp đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao, góp phần vào việc đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường đối với các lĩnh vực sản xuất ngành Công Thương.

Về công tác quản lý an toàn công nghiệp

Công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn công nghiệp luôn được Bộ Công Thương coi là nhiệm vụ hàng đầu để thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn công nghiệp và quy định các nội dung đảm bảo an toàn cho sản xuất trong toàn ngành. Các văn bản đã ban hành trong lĩnh vực an toàn công nghiệp đã giúp các doanh nghiệp xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các quy định về an toàn, đảm bảo an toàn cho sản xuất và dẫn định hướng công tác an toàn hội nhập quốc tế.

Đặc biệt, sau khi Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật có hiệu lực, Bộ Công Thương đã ban hành gần 40 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn (QCVN), trong đó, có 10 QCVN trong lĩnh vực khai thác than hầm lò; 20 QCVN về an toàn trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp; 08 QCVN về an toàn trong lĩnh vực dầu khí, khí dầu mỏ hóa lỏng và 01 QCVN về an toàn điện. Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn giúp các doanh nghiệp có các căn cứ đối với việc đầu tư trang thiết bị, máy móc đảm bảo công tác an toàn và góp phần

đảm bảo an toàn đối với các lĩnh vực sản xuất ngành Công Thương.

Công tác chỉ đạo, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về an toàn cũng được quan tâm thực hiện hàng năm với nhiều hình thức phong phú như hội thảo, hội nghị phổ biến văn bản quy phạm pháp luật, trong các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ quốc gia về an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) hàng năm (từ 2016 trở về trước) hoặc Tháng hành động về ATVSLĐ (từ năm 2017 trở lại đây) và nhiều Hội nghị phổ biến về công tác quản lý, đánh giá rủi ro trong các lĩnh vực Than, Thép, Dầu khí, Xăng dầu, Hóa chất, Điện, v.v... Công tác huấn luyện, bồi huấn về an toàn, thực hiện đúng quy trình cho người lao động trong các ngành có nguy cơ, rủi ro về vệ sinh, an toàn lao động như Mỏ, Điện, Hóa chất... nhằm hạn chế tai nạn lao động, phòng tránh bệnh nghề nghiệp luôn được Bộ Công Thương chỉ đạo các đơn vị quan tâm đúng mức và duy trì thường xuyên.

Để đảm bảo công tác an toàn công nghiệp, Bộ Công Thương luôn thường xuyên theo dõi, đôn đốc và kiểm tra công tác an toàn tại các tập đoàn, doanh nghiệp trực thuộc, yêu cầu các đơn vị này củng cố đội ngũ làm công tác an toàn, rà soát, hoàn thiện quy trình sản xuất, nội quy an toàn lao động, củng cố mạng lưới chăm sóc sức khỏe, cấp cứu tại chỗ cho người lao động; nhận diện, kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, có hại, đánh giá rủi ro nhằm giảm đến mức thấp nhất tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cũng như các sự cố cháy nổ.

Đối với công tác quản lý máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý, Bộ Công Thương đã ban hành các Thông tư hướng dẫn hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, ban hành 16 quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động. Chỉ đạo các đơn vị kiểm định thực hiện công tác kiểm định đảm bảo đúng quy trình, áp dụng đúng các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành, đảm bảo an toàn, không để xảy ra sự cố nghiêm trọng do thiết bị gây ra.

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN), tiền chất thuốc nổ (TCTN), Bộ Công Thương thực hiện ban hành danh mục VLNCN, TCTN được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng tại Việt Nam; tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật trong hoạt động VLNCN, TCTN; xây dựng cơ sở dữ liệu về VLNCN, TCTN; cấp giấy phép, giấy chứng nhận hoạt động VLNCN cho các đối tượng không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

Đối với lĩnh vực quản lý an toàn đập, Bộ Công Thương đã Quyết định thành lập Ban Chỉ huy, Văn phòng thường trực phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Bộ Công Thương; thực hiện kiểm tra công tác quản lý an toàn, vận hành, phòng chống thiên tai tại công trình thủy điện; ban hành kịp thời các Công điện chỉ đạo các Tập đoàn, Tổng công ty, Sở Công Thương các tỉnh, các Chủ đập thủy điện và các đơn vị liên quan chủ động ứng phó, khắc phục hậu quả do bão, lũ; đảm bảo an toàn công trình và hạ du hồ chứa thủy điện; quản lý vận hành nhà máy thủy điện; cung cấp hiện trạng quản lý an toàn đập và dữ liệu các hồ chứa thủy điện.

Công tác hội nhập quốc tế về an toàn công nghiệp cũng luôn được quan tâm thực hiện, qua các hợp tác về an toàn đối với Tập đoàn An toàn gas Hàn Quốc (Korea Gas Safety Corporation), Tập đoàn an toàn Điện Hàn Quốc (KESCO), Cơ quan Giám sát về môi trường, công nghiệp và nguyên tử Cộng hòa Liên bang Nga về an toàn công nghiệp, an toàn năng lượng, v.v... và các quy định, quy chuẩn kỹ thuật an toàn phù hợp theo thông lệ quốc tế.

Về công tác quản lý môi trường ngành Công Thương

Để thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường (BVMT), từ 2011 đến nay, Bộ đã ban hành nhiều văn bản pháp luật như Thông tư về quản lý môi trường ngành Công Thương, Thông tư về quản lý nhiệm vụ BVMT của Bộ Công Thương, Thông tư về quản lý hồ chứa quặng đuôi, Thông tư về quản lý cơ sở dữ liệu ngành Công Thương; Quyết định của Bộ Công Thương về xử lý tiêu thụ tro xỉ, thạch cao nhà máy nhiệt điện, hóa chất. Đặc biệt, Bộ đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1375/QĐ-TTg ngày 08 tháng 9 năm 2020 về việc phê duyệt Kế hoạch bảo vệ môi trường ngành Công Thương giai đoạn 2020 - 2025, là cơ sở để ngành Công Thương định hướng, tập trung giải quyết các vấn đề môi trường trong giai đoạn trước mắt và lâu dài. Bên

cạnh đó, Bộ trưởng Bộ Công Thương cũng ban hành các văn bản về tăng cường công tác bảo vệ môi trường, giải quyết các vấn đề nóng của ngành Công Thương như: Chỉ thị về tăng cường công tác BVMT ngành Công Thương, đặc biệt là đối với các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; Chỉ thị về tăng cường các biện pháp giảm thiểu chất thải nhựa trong ngành Công Thương...

Công tác kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường ngành Công Thương luôn được chú trọng và thực hiện nghiêm túc. Hàng năm, Bộ Công Thương tổ chức đoàn kiểm tra về việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất thuộc ngành Công Thương, trong đó tập trung chủ yếu tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm cao như nhiệt điện, hóa chất, luyện kim, khai thác khoáng sản... Đồng thời, kiểm tra đột xuất theo phản ánh của địa phương và các tổ chức, cá nhân như: Khí thải, tro xỉ tại Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, Duyên Hải; hồ thải quặng đuôi Công ty nhôm Đăk Nông, Công ty Apatit Việt Nam; bãi thải Gyps tại Công ty DAP Hải Phòng, sự cố vỡ đê chắn hồ chứa bã Gyps tại Công ty DAP Lào Cai...; tham gia các đoàn công tác, kiểm tra về khắc phục các sự cố môi trường Công ty Formosa Hà Tĩnh, đoàn Đoàn Giám sát Quốc hội giám sát kết luận thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại Lào Cai, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hải Phòng, Quảng Ninh...

Công tác truyền thông, tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường ngày càng được nâng cao và triển khai sâu rộng đến các cơ quan, đơn vị và tổ chức dưới nhiều hình thức đổi mới và đa dạng, thu hút sự quan tâm cũng như hưởng ứng tích cực của mọi đối tượng tham gia hoạt động bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, nhiều chương trình hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương cũng được đẩy mạnh và triển khai thực hiện. Từ năm 2010 đến nay, Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các bộ ban ngành, đơn vị liên quan thực hiện các dự án như Quản lý PCBs tại Việt Nam, Hợp phần sản xuất sạch hơn trong công nghiệp (Đan Mạch); Dự án Áp dụng phương pháp luận BAT và BEP để trình diễn giảm phát thải các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân huỷ phát sinh không chủ định (U-POP) từ ngành công nghiệp Việt Nam; Triển khai thực hiện Tuyên bố chung kinh tế tuần hoàn giữa Bộ Công Thương Việt Nam và Bộ Quản lý nước và Cơ sở hạ tầng Hà Lan. Tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế về môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý cũng như tiếp thu các kiến thức, công nghệ tiên tiến của các nước phát triển trên thế giới.

Phát huy những kết quả đạt được, trong thời gian tới, Bộ Công Thương sẽ tập trung xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật thuộc lĩnh vực an toàn và bảo vệ môi trường ngành Công Thương; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về công tác an toàn, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp; ngăn chặn, kiểm soát các nguồn chất thải gây ô nhiễm và phòng ngừa các sự cố môi trường; sử dụng hiệu quả các loại tài nguyên, nâng cao tỷ trọng tái chế, tái sử dụng các loại phế liệu, sản phẩm phụ và chất thải, hướng tới xây dựng, phát triển và đảm bảo mục tiêu cơ cấu lại ngành Công Thương theo hướng bền vững, thân thiện môi trường.

Với sự chủ động vào cuộc và quyết liệt trong điều hành của Bộ Công Thương, trên cơ sở hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện, hy vọng công tác đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất công nghiệp của ngành Công Thương ngày càng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước nói chung cũng như ngành Công Thương nói riêng.

CÔNG THƯƠNG ĐỊA PHƯƠNG
VỚI NHIỆM VỤ
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

ĐƯỢC THÀNH LẬP NĂM 2003, CỤC CÔNG THƯƠNG ĐỊA PHƯƠNG (TIỀN THÂN LÀ CỤC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG) - BỘ CÔNG THƯƠNG, THỰC HIỆN CHỨC NĂNG QUẢN LÝ VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP; KHUYẾN CÔNG; CỤM CÔNG NGHIỆP; DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA; TỔNG HỢP CHUNG TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRONG CẢ NƯỚC. KỂ TỪ KHI THÀNH LẬP ĐẾN NAY, TRẢI QUA CÁC THỜI KỲ, CỤC CÔNG THƯƠNG ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ DẦN KHẲNG ĐỊNH ĐƯỢC VAI TRÒ, VỊ TRÍ TRONG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG, ĐẶC BIỆT LÀ TẠI KHU VỰC NÔNG THÔN THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG VÀPHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP.

Bộ trưởng Bộ Công Thương Trần Tuấn Anh chụp ảnh với đại biểu của 14 tỉnh tham dự hội nghị (tháng 12 năm 2020)

CÔNG TÁC QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP

Trước tháng 8/2009 công tác quản lý cụm công nghiệp (CCN) tại các địa phương được thực hiện theo các quy định riêng do các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương ban hành. Điều đó đã dẫn đến một số tình trạng bất cập trong quản lý, thiếu tính định hướng và không có cơ quan đầu mối thống nhất quản lý CCN ở Trung ương và địa phương. Ngày 19/8/2009, Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg về Quy chế quản lý CCN. Qua đó, đã tạo ra khung pháp lý thống nhất quản lý CCN từ Trung ương đến các địa phương; làm cơ sở cho các cơ quan quản lý, chủ đầu tư hạ tầng và các đơn vị liên quan chấp hành đúng chủ trương, quy định của nhà nước về phát triển CCN. Căn cứ vào nhiệm vụ được giao tại Quy chế quản lý CCN, các Bộ, ngành đã chủ động, kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến Quy chế: Công

tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch; lập quy hoạch chi tiết xây dựng CCN; trình tự đầu tư hạ tầng CCN; hướng dẫn thành lập Trung tâm phát triển CCN; hướng dẫn triển khai cơ chế ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư hạ tầng CCN tại các địa phương có điều kiện KT-XH khó khăn; xử lý các CCN hình thành trước Quy chế; theo dõi thống kê tình hình quy hoạch, thành lập, đầu tư, hoạt động của các CCN.

Để tiếp tục đẩy mạnh đầu tư xây dựng phát triển CCN một cách hiệu quả, chặt chẽ, hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh theo chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước, khắc phục những bất cập của Quy chế quản lý CCN, Bộ Công Thương trình Chính phủ ban hành Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 01/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP về quản lý, phát triển CCN. Căn cứ vào Nghị định và các văn bản hướng dẫn, các địa phương đã ban hành và tổ chức thực hiện quy hoạch, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển CCN, thành lập, mở rộng CCN, đầu tư xây dựng hạ tầng, thu hút đầu tư vào các CCN theo quy định pháp luật; đến nay 58/63 địa phương đã ban hành và thực hiện Quy chế phối hợp quản lý CCN trên địa bàn; 15/63 địa phương đã ban hành Chương trình riêng hỗ trợ đầu tư hạ tầng CCN do ngân sách địa phương đảm bảo, đa số các địa phương còn lại lồng ghép chính sách hỗ trợ CCN vào chính sách chung của địa phương.

VIỆC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG, PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP THỜI GIAN QUA ĐÃ GÓP PHẦN THU HÚT CÁC DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP Ở CÁC ĐỊA PHƯƠNG, KHU VỰC NÔNG THÔN; LÀ GIẢI PHÁP QUAN TRỌNG THỰC HIỆN CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ, LAO ĐỘNG THEO ĐỊNH HƯỚNG CÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI.

Tính đến hết ngày 31/12/2020, cả nước đã thành lập 968 CCN với tổng diện tích trên 30.900ha. Trong đó, có 450 CCN do doanh nghiệp làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng; các CCN còn lại do Trung tâm phát triển CCN, Ban Quản lý CCN cấp huyện, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương và các đơn vị khác làm chủ đầu tư. Về hoạt động, cả nước có 730 CCN với tổng diện tích trên 22.300ha đi vào hoạt động, thu hút gần 13.500 dự án đầu tư sản xuất kinh doanh, tỷ lệ lấp đầy bình quân 65,8%; tạo việc làm cho khoảng 600.000 lao động.

Nhìn chung, việc đầu tư xây dựng hạ tầng, phát triển CCN thời gian qua đã góp phần thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp ở các địa phương, khu vực nông thôn; là giải pháp quan trọng thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động theo định hướng công nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Thông qua hoạt động của CCN đã thúc đẩy việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của các địa phương. Các CCN làng nghề đã góp phần tích cực di dời các doanh nghiệp, cơ sở gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư, giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường. Việc quản lý, phát triển CCN hiệu quả sẽ góp phần khai thác được các lợi thế về tài nguyên, lao động và hạ tầng tại địa phương; đồng thời phát triển CCN gắn với bảo vệ môi trường; xây dựng được các mối liên kết kinh tế trong khu vực, vùng, cả nước sẽ tạo điều kiện thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn nói riêng và kinh tế - xã hội nói chung cả nước phát triển bền vững.

NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG

Ngay khi được thành lập, thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao trong công tác khuyến công, Cục Công Thương địa phương đã tham mưu Lãnh đạo Bộ và xây dựng Nghị định về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn. Ngày 09/6/2004 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 134/2004/NĐ-CP về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn. Nhằm xác định mục tiêu,

chương trình, kế hoạch hoạt động khuyến công từng giai đoạn, ngày 20/8/2007 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 136/2007/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2012.

Trong giai đoạn này, hoạt động khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn trên cả nước đã bắt đầu được tổ chức triển khai thực hiện một cách đồng bộ và có hệ thống từ Trung ương đến địa phương. Công tác khuyến công cả nước đã tích cực hướng các nội dung hoạt động vào thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, tháo gỡ các khó khăn cho các cơ sở công nghiệp nông thôn (CNNT) và góp phần thúc đẩy kinh tế trong nước phát triển.

Kế thừa và phát huy những kết quả của các hoạt động khuyến công đã đạt được, đồng thời để nâng cao chất lượng về mọi mặt của các hoạt động khuyến công, bổ sung các nhiệm vụ mới, ngày 21/5/2012, Chính phủ ban hành Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, thay thế Nghị định số 134/2004/NĐ-CP về khuyến công và Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Khuyến công Quốc gia đến năm 2020. Từ đó, công tác khuyến khích, hỗ trợ thúc đẩy phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của các địa phương trên cả nước đã ngày một được nâng cao hơn, có bước tiến vững chắc hơn, có những đóng góp hiệu quả hơn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Chương trình khuyến công đã đạt được một số kết quả như sau:

Hỗ trợ đào tạo nghề, truyền nghề và nâng cao tay nghề

Giai đoạn 2014 - 2020 đã tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề, nâng cao tay nghề cho 18.400 lao động (đạt 13,14% mục tiêu giai đoạn). Trong đó, đào tạo nghề, tạo việc làm mới cho khoảng 18.000 lao động. Do các đề án đào tạo nghề đều gắn với nhu cầu sử dụng lao động của các cơ sở CNNT, nên hầu hết lao động đều có việc làm ổn định sau đào tạo (tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo trung bình đạt trên 90%).

Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở công nghiệp nông thôn

Nhằm hỗ trợ tích cực cho các cấp quản lý của các cơ sở CNNT nâng cao kỹ năng quản trị doanh nghiệp, kỹ năng lãnh đạo, điều hành các tổ nhóm sản xuất; nâng cao nhận thức và các kỹ năng áp dụng quy chuẩn trong sản xuất, Chương trình đã tổ chức các lớp đào tạo nâng cao năng lực quản lý cán bộ; quản lý, điều hành sản xuất cho 14.185 học viên (tăng 1,32% so với mục tiêu giai đoạn); đào tạo nâng cao nhận thức và khả năng áp dụng hệ thống quản lý chất lượng HACCP, ISO 22000; áp dụng các công cụ nâng cao năng suất chất lượng như 5s, Kaizen... cho các cơ sở CNNT.

Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật

Đây là chương trình trọng tâm trong hoạt động khuyến công, được nhiều địa phương quan tâm tổ chức thực hiện, nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, đổi mới thiết bị, công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh cho các cơ sở CNNT. Trong giai đoạn 2014-2020, chương trình đã hỗ trợ xây dựng 273 mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới, công nghệ mới (tăng 36,5% so với mục tiêu giai đoạn); hỗ trợ cho 998 cơ sở CNNT chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (ứng dụng máy móc tiên tiến) (tăng 14,83% so với mục tiêu giai đoạn); nhằm nâng cao được năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường so với máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ cơ sở sản xuất đang sử dụng hoặc tạo ra sản phẩm mới.

Một số ngành nghề được tập trung hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến gồm: khuyến khích cơ giới hoá trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm; khuyến khích các cơ sở công nghiệp đầu tư chế biến nông, lâm, thuỷ sản; sản xuất, gia công, sửa chữa cơ khí phục vụ nông nghiệp, nông thôn; sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; đầu tư xử lý nước thải, rác thải trong các cụm công nghiệp; xử lý ô nhiễm môi trường của các doanh nghiệp chế biến thực phẩm;...

Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; tư vấn, trợ giúp các cơ sở CNNT

Giai đoạn 2014-2020, chương trình đã tổ chức thành công 21 hội chợ triển lãm hàng CNNT tiêu biểu cấp khu vực; 12 cuộc bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực và 03 cuộc bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp quốc gia. Chương trình đã tôn vinh 880 sản phẩm cấp khu vực và 312 sản phẩm cấp quốc gia có chất lượng, có tiềm năng phát triển sản xuất, mở rộng thị trường. Bên cạnh đó, hỗ trợ 51 cơ sở CNNT xây dựng, đăng ký thương hiệu sản phẩm nhằm nâng cao giá trị cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, hỗ trợ gần 5.700 lượt cơ sở CNNT tham gia hội chợ triển lãm trong nước và ngoài nước (tăng gần 200% so với mục tiêu giai đoạn). Hỗ trợ thành lập 01 phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm hàng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp khu vực phía Bắc, hơn 30 cơ sở CNNT đầu tư phòng trưng bày sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực và cấp quốc gia.

Từ 2014 đến 2020, chương trình đã hỗ trợ thuê 409 gian hàng cho các cơ sở CNNT tham gia 03 hội chợ được tổ chức thường niên tại nước ngoài (Đức, Hồng Kông, Trung Quốc). Đây là hoạt động xúc tiến thương mại nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đóng vai trò quan trọng trong quảng bá sản phẩm và thương hiệu của các cơ sở CNNT Việt Nam, mở rộng thị trường xuất khẩu.

Chương trình đã hỗ trợ thành lập 186 doanh nghiệp sản xuất tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn của một số tỉnh như Nghệ An, Quảng Bình,..bao gồm các nội dung: hoàn thiện kế hoạch kinh doanh khả thi, dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp.

Hỗ trợ cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công

Giai đoạn 2014 - 2020, công tác thông tin tuyên truyền được duy trì và ngày càng nâng cao về chất lượng. Cục Công Thương địa phương định kỳ xuất bản 1200 cuốn/số/tháng Bản tin Khuyến công; phối hợp với các đơn vị báo chí (Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương, Thời báo làng nghề Việt, Tạp chí Công nghiệp và Tiêu dùng...) thông tin tuyên truyền, quảng bá về hoạt động khuyến công nhằm hỗ trợ, thúc đẩy thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công thương địa phương; tạo cầu nối tiêu thụ sản phẩm và cung cấp dịch vụ của địa phương với thị trường trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, Cục Công Thương địa phương hỗ trợ cho các cơ sở CNNT có sản phẩm đạt giải sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp quốc gia xây dựng mới 412 Website/ phần mềm ứng dụng giải pháp quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn; xây dựng trang tin khuyến công điện tử www.khuyencongonline.gov.vn; tiếp tục duy trì trang thông tin điện tử www.ipc1.gov.vn. Ngoài ra, Cục cũng xây dựng và in ấn một số tài liệu, ấn phẩm phục vụ cho công tác khuyến công như: catalogue sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp quốc gia, Sổ tay Công Thương...

Hỗ trợ liên doanh, liên kết hợp tác kinh tế và phát triển các cụm công nghiệp

Giai đoạn 2014 - 2020, chương trình hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết và hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp (CCN) cho 21 địa phương. Sau khi hỗ trợ, nhiều CCN đã triển khai đầu tư hạ tầng, tạo mặt bằng thu hút các doanh nghiệp, cơ sở CNNT đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm; tạo việc làm cho lao động nông thôn. Các doanh nghiệp, cơ sở CNNT hoạt động tại các CCN bước đầu đã thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách cho nhà nước hàng năm.

Hỗ trợ hợp tác quốc tế về khuyến công

Chương trình đã tổ chức 18 đoàn công tác học tập, nghiên cứu chính sách phát triển công nghiệp địa phương cho các cán bộ Cục CTĐP, đại diện Lãnh đạo Sở Công Thương, Trung tâm khuyến công và đại diện cơ sở CNNT một số tỉnh, thành phố tại nhiều nước trong khu vực và trên thế giới: Nhật Bản, Ấn Độ, Đức, Pháp, Malaysia, Singapore, Myanmar, Trung Quốc, Indonexia, Philippines, Hồng Kong...

Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công

Hàng năm, chương trình tổ chức 03 hội nghị khuyến công vùng tại 03 khu vực Bắc - Trung - Nam; tổ chức một số hội nghị với chuyên đề về hoạt động phát triển cụm công nghiệp; tổ chức được các hội nghị lấy ý kiến góp ý của các địa

phương và đơn vị có liên quan về việc sửa đổi bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về khuyến công. Xây dựng được chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ làm công tác khuyến công thống nhất phục vụ cho việc phát triển CNNT. Hàng năm, tổ chức các chương trình kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, thanh quyết toán các đề án khuyến công quốc gia; hướng dẫn thực hiện hoạt động khuyến công trên địa bàn cả nước.

Ngoài các hoạt động khuyến công trên, tại các địa phương còn thực hiện một số nội dung hoạt động khác để hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn như: hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; hỗ trợ vốn cho các cơ sở CNNT đầu tư sản xuất kinh doanh có thu hồi; hỗ trợ xây dựng các dự án phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho các trung tâm, điểm tư vấn khuyến công.

Nhìn chung, hoạt động khuyến công từ khi bắt đầu triển khai đến nay đã có bước phát triển đáng kể. Bên cạnh việc thực hiện tốt mục tiêu huy động các nguồn lực tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp, hoạt động khuyến công đã góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần xây dựng nông thôn mới; đồng thời khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm; bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, sức khỏe con người, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp một cách bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ trưởng Bộ Công Thương Cao Quốc Hưng tham quan gian hàng giới thiệu sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (2017)

Để tiếp tục triển khai có hiệu quả các chủ trương của Đảng và Nhà nước về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo tinh thần Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, khắc phục những nguyên nhân của bất cập, hạn chế thời gian qua, đồng thời tiếp tục cụ thể hóa nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công trong giai đoạn mới, Cục Công Thương địa phương đã xây dựng dự thảo, để Bộ Công Thương xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20/11/2020 phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021-2025 nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả của hoạt động khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn giai đoạn 2021 - 2025, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa khu vực nông thôn.

NHỮNG THÀNH TỰU CỦA

THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VIỆT NAM

THỜI GIAN QUA

Bộ Công Thương là cơ quan của chính phủ có vai trò quan trọng trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với lĩnh vực thương mại điện tử và kinh tế số. Bộ có nhiệm vụ: Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình phát triển thương mại điện tử; Tổ chức thực hiện các cơ chế khuyến khích, hỗ trợ và định hướng phát triển những mô hình kinh doanh mới trên nền tảng ứng dụng thương mại điện tử, ứng dụng công nghệ số; Hướng dẫn kiểm tra về nội dung, điều kiện hoạt động thương mại điện tử, quản lý, giám sát hoạt động thương mại điện tử và các mô hình hoạt động kinh doanh dựa trên ứng dụng công nghệ số; Thiết lập, vận hành những hạ tầng thiết yếu cho thương mại điện tử, xây dựng khung kiến trúc và nền tảng kỹ thuật dùng chung cho mô hình kinh doanh dựa trên ứng dụng công nghệ số; Nghiên cứu phát triển và đưa vào triển khai các công nghệ mới để hỗ trợ doanh nghiệp kết nối theo cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, định hướng gắn kết đến thị trường quốc tế.

Thứ trưởng Bộ Công Thương Cao Quốc Hưng phát biểu tại Lễ ký kết chương trình hợp tác hỗ trợ doanh nghiệp khai thác EVFTA bằng nền tảng thương mại điện tử

Ngày 05 tháng 10 năm 2017 trên cơ sở đổi tên Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin thành Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Bộ Công Thương ra Quyết định số 3839/QĐ-BCT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục: Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật trong lĩnh vực thương mại điện tử và hoạt động kinh tế số; tổ chức, quản lý hoạt động sự nghiệp dịch vụ công thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật và phân cấp, uỷ quyền của Bộ trưởng.

Sau hơn 30 năm Đổi mới, kinh tế - xã hội Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu vô cùng to lớn, trong đó, các hoạt động thương mại điện tử đã góp phần không nhỏ vào mức tăng trưởng của lĩnh vực thương mại nói riêng và nền kinh tế nói chung. Có thể nói, thương mại điện tử là một trong những lĩnh vực tiên phong của nền kinh tế số, nơi các công nghệ tiên tiến của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) được ứng dụng rộng rãi để tăng hiệu quả của chu trình kinh doanh, góp phần hiện đại hóa hệ thống phân phối, nâng cao năng

lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu. Việc hỗ trợ, tạo động lực phát triển cho thương mại điện tử được thực hiện theo mô hình: lựa chọn và hỗ trợ có trọng tâm trọng điểm một số lĩnh vực/địa phương phát triển thương mại điện tử để đóng vai trò đầu tàu, dẫn dắt, tạo sự lan tỏa trong xã hội.

Theo các chuyên gia kinh tế, Việt Nam hiện đang có nền tảng vững chắc để phát triển thương mại điện tử. Thống kê cho thấy, Việt Nam nằm trong số 78% các quốc gia trên thế giới có giao dịch điện tử và nằm trong số 38% quốc gia có chính sách bảo vệ người tiêu dùng; 45% quốc gia có chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân và 75% quốc gia có Luật An ninh mạng... Việt Nam cũng có hơn 64 triệu người sử dụng Internet (chiếm 66% dân số), 62 triệu người dùng mạng xã hội (64% dân số), số thuê bao di động đạt 143 triệu trong đó 72% dân số sử dụng smartphone, 67% người dùng internet đã từng mua hàng trực tuyến ít nhất 1 lần... Đặc biệt, Chính phủ Việt Nam rất quan tâm đến việc ứng dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 bằng việc đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách cho thương mại điện tử phát triển nhanh, bền vững trong vài năm tới.

Trong giai đoạn 2016 - 2019, các quốc gia phát triển thương mại điện tử (TMĐT) đang có dấu hiệu chững lại thì tại Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng, lĩnh vực này lại phát triển có tính nhảy vọt, thể hiện ở tốc độ tăng trưởng và quy mô thị trường.

Tại Việt Nam, thị trường TMĐT bán lẻ năm 2020 ghi nhận doanh thu 11,8 tỷ USD, chiếm 5,4% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước. TMĐT đang trở thành một hình thái kinh doanh phổ cập của doanh nghiệp và có sức lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng người tiêu dùng Việt Nam.

Việc mua bán qua các website TMĐT từ 2013 đến nay trở thành hoạt động phổ biến với doanh nghiệp và cộng đồng. Phương thức thanh toán và giao hàng cũng được các doanh nghiệp thực hiện tương đối linh hoạt, đáp ứng hầu hết các yêu cầu của người mua từ chuyển khoản, thanh toán bằng thẻ cho đến thanh toán bằng tiền mặt khi nhận hàng - COD. Giao dịch TMĐT không chỉ diễn ra trên website, qua các thiết bị điện tử truyền thống như máy tính để bàn, máy tính xách tay, mà còn phát triển mạnh trên các ứng dụng qua các thiết bị điện tử khác như điện thoại thông minh, đồng hồ thông minh, máy tính bảng. Tỷ lệ người dùng Internet tham gia mua sắm trực tuyến tăng từ 57% năm 2013 lên 77% năm 2019, bao gồm các hình thức mua sắm thông qua website TMĐT (năm 2013: 61%, năm 2019: 52%), diễn đàn/mạng xã hội

THIẾT LẬP HÀNH LANG PHÁP LÝ CHO CÁC GIAO DỊCH TMĐT ĐƯỢC TIẾN HÀNH MỘT CÁCH MINH BẠCH, TRÊN CƠ SỞ CẠNH TRANH LÀNH MẠNH, QUA ĐÓ TẠO ĐIỀU KIỆN ĐỂ TMĐT PHÁT TRIỂN, GÓP PHẦN NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH CỦA DOANH NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG CÁC TẬP QUÁN THƯƠNG MẠI HIỆN ĐẠI CHO VIỆT NAM...

(năm 2013: 45%, năm 2019: 57%), ứng dụng được cài đặt trên thiết bị di động (tăng trưởng có tính nhảy vọt, từ 6% năm 2013 lên đến 57% năm 2019). Hình thức thanh toán linh hoạt, đa dạng và hầu hết người tiêu dùng đều rất hài lòng.

Đối với các doanh nghiệp, việc bán hàng qua TMĐT được đánh gía cao, nhiều doanh nghiệp xây dựng website bán hàng cho riêng mình và cập nhật thông tin trên website hàng ngày/hàng tuần; một số doanh nghiệp tham gia Sàn giao dịch TMĐT hoặc bán hàng qua mạng xã hội.

Tình hình sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong doanh nghiệp tăng (từ 57% năm 2013 lên 74% năm 2019). Riêng năm 2019, trong 74% doanh nghiệp đã từng sử dụng dịch vụ công trực tuyến ít nhất 1 lần/năm, khai báo thuế điện tử là dịch vụ công trực tuyến được sử dụng nhiều nhất với 85% doanh nghiệp khảo sát đã sử dụng, tiếp đến là đăng ký kinh doanh với 57% doanh nghiệp sử dụng, khai báo hải quan có 19% doanh nghiệp sử dụng, 12% doanh nghiệp thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận xuất xứ, và các doanh nghiệp cũng rất hài lòng đối với dịch vụ này.

Với tốc độ phát triển nhanh chóng của TMĐT, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về TMĐT là hết sức cần thiết. Chính phủ cũng như Bộ Công Thương ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể về các hoạt động TMĐT cũng như công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực này, với mục tiêu thiết lập hành lang pháp lý cho các giao dịch TMĐT được tiến hành một cách minh bạch, trên cơ sở cạnh tranh lành mạnh, qua đó tạo điều kiện để TMĐT phát triển, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp và xây dựng các tập quán thương mại hiện đại cho Việt Nam. Những văn bản này cũng là cơ sở pháp lý để cơ quan chức năng thực hiện tốt hơn công tác kiểm tra, giám sát hoạt động TMĐT nhằm phát hiện, xử lý nghiêm những sai phạm trong lĩnh vực quản lý của mình.

Để quản lý hoạt động TMĐT, từ năm 2013 Bộ Công Thương đã tiếp nhận hồ sơ đăng ký/thông báo website, ứng dụng TMĐT của thương nhân, tổ chức, cá nhân qua Cổng thông tin quản lý hoạt động TMĐT (www.online.gov.vn). Việc thực hiện thông báo, đăng ký website/ứng dụng TMĐT là bước quan trọng trong việc minh bạch hóa thông tin, chuẩn hóa hoạt động TMĐT, ngăn ngừa các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, đồng thời hỗ trợ công tác bảo vệ người tiêu dùng và giải quyết tranh chấp khi các giao dịch có vấn đề xảy ra.

Đối với hoạt động thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm thông qua Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT, Bộ Công Thương đã tiếp nhận nhiều thông tin phản ánh của các tổ chức, cá nhân về các trường hợp vi phạm liên quan đến TMĐT, Cục TMĐT và KTS chủ trì và phối hợp với các đơn vị như: Cục tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông yêu cầu các sàn và website TMĐT rà soát gỡ bỏ các thiết bị âm thanh không dây chưa được chứng nhận hợp quy; Cục An toàn thực phẩm (Bộ Y Tế); Cơ quan Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc - New Zealand cảnh báo các sản phẩm sữa không đủ tiêu chuẩn. Tháng 8 năm 2020, Cục đã yêu cầu các website, các sàn rà soát và gỡ bỏ các sản phẩm có dán bản đồ Việt Nam thể hiện sai lệch chủ quyền, biên giới quốc gia, như dán hình ảnh bản đồ Việt Nam trên kính xe, thân xe và khung biển số xe nhưng thiếu quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.

Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số phối hợp với Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng, Cục An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công

nghệ cao trực tiếp tiến hành kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính, xử lý nhiều tổ chức, cá nhân vi phạm liên quan đến hàng giả hàng nhái trên môi trường mạng.

Việc thực hiện các nội dung của Chương trình Phát triển thương mại điện tử Quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 đã đạt được những kết quả khả quan:

- Xây dựng, phát triển các hệ thống kết cấu hạ tầng cho TMĐT, cụ thể như: Hệ thống thanh toán thương mại điện tử quốc gia; giải pháp thẻ thanh toán thương mại điện tử tích hợp; hệ thống quản lý trực tuyến hoạt động vận chuyển cho thương mại điện tử; các tiêu chuẩn trao đổi thông điệp dữ liệu trong thương mại điện tử; hệ thống đảm bảo lòng tin cho hoạt động mua sắm trực tuyến và cơ chế tranh chấp trực tuyến.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về thương mại điện tử qua các hình thức truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, mạng xã hội và các hình thức khác; tổ chức các sự kiện thúc đẩy phát triển thương mại điện tử ở thị trường trong nước như tổ chức Chương trình Ngày mua sắm trực tuyến Xây dựng "Gian hàng Việt" trên các sàn thương mại điện tử trong nước... xây dựng và quảng bá chỉ số phát triển thương mại điện tử Việt Nam.

- Đào tạo, phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại điện tử: Xây dựng hệ thống học liệu phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và học tập, tham khảo kinh nghiệm quản lý nhà nước về thương mại điện tử tại các quốc gia phát triển về thương mại điện tử; Tập huấn ngắn hạn trong nước và nước ngoài.

- Phát triển các sản phẩm, giải pháp thương mại điện tử: Xây dựng và duy trì sàn giao dịch thương mại điện tử, giải pháp bán hàng trực tuyến nhằm quảng bá hình ảnh, thương hiệu và giúp các doanh nghiệp Việt Nam ứng dụng thương mại điện tử; Hỗ trợ, nâng cao năng lực cho doanh nghiệp xuất khẩu tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử uy tín trong nước và thế giới; Phát triển giải pháp bảo mật và an toàn thông tin cho các giao dịch điện tử; Xây dựng các ứng dụng dịch vụ công trực tuyến hỗ trợ cho các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp.

- Điều tra, khảo sát, thống kê về tình hình ứng dụng thương mại điện tử: Kết quả điều tra, khảo sát mỗi năm được tổng hợp trong Sách trắng TMĐT, là cơ sở dữ liệu tin cậy cho công tác hoạch định chính sách của cơ quan quản lý nhà nước và quyết định, chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế, thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử qua biên giới và thương mại phi giấy tờ.

Thương mại điện tử Việt Nam trong bối cảnh dịch Covid 19: TMĐT tại Việt Nam đang phát triển với tốc độ rất nhanh, từ 25 - 30%/năm, cao hơn mức trung bình thế giới (gần 20%). Trong và sau dịch Covid-19, do tâm lý ngại ra ngoài đi chợ, mua hàng trực tiếp vì sợ lây nhiễm bệnh, nhiều người dân đã lựa chọn mua các sản phẩm thiết yếu, các vật dụng y tế qua mạng Internet. Vì thế, TMĐT vẫn có sự phát triển bứt phá và được xem là "cứu cánh" cho các nhà bán lẻ trong việc duy trì hoạt động kinh doanh, bù đắp phần nào việc sụt giảm doanh số trong thời gian Covid-19 diễn ra mạnh. Đặc biệt là phía các doanh nghiệp kinh doanh mô hình siêu thị, dựa trên nhu cầu mua sắm mới đã mở rộng mảng mua sắm online của siêu thị trên các sàn TMĐT như Sendo, Shopee, Lazada, Tiki với các hình thức như Senmart, Shopeemart, Lazmart,...để kịp thời đáp ứng nhu cầu của người dân cũng như tăng doanh thu cho doanh nghiệp.

Theo Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021-2025, Chính phủ đã đặt các mục tiêu tổng quát đến năm 2025 gồm: Hỗ trợ, thúc đẩy việc ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng; Thu hẹp khoảng cách giữa các thành phố lớn và các địa phương về mức độ phát triển thương mại điện tử; Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững; Mở rộng thị trường tiêu thụ cho hàng hóa Việt Nam trong và ngoài nước thông qua ứng dụng thương mại điện tử; đẩy mạnh giao dịch, thương mại điện tử xuyên biên giới. Mục tiêu tổng thể là đưa Việt Nam trở thành quốc gia có thị trường thương mại điện tử phát triển thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu khu vực Đông Nam Á.

Bộ Công Thương đã chỉ đạo Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số với chức năng quản lý nhà nước về TMĐT tiếp tục nghiên cứu và đề xuất các nhóm giải pháp trọng tâm để đạt được các mục tiêu nêu trên, tăng cường bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người tiêu dùng trong TMĐT, thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia ứng dụng TMĐT, phát triển thị trường TMĐT theo hướng cạnh tranh lành mạnh và phát triển bền vững, cụ thể là: hoàn thiện khung pháp lý cho TMĐT, xây dựng và triển khai các chính sách, chương trình giải pháp khuyến khích, hỗ trợ TMĐT, hoàn thiện cơ chế quản lý đối với hoạt động thương mại điện tử và xây dựng nền tảng tín nhiệm cho TMĐT Việt Nam.

PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI
GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

CHỦ ĐỘNG THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Các biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM) đã có lịch sử gần 100 năm, nhiều nước phát triển đã thiết lập được nền tảng vững chắc về PVTM như hệ thống pháp luật, thể chế, cơ quan điều tra, nguồn nhân lực... Cộng đồng doanh nghiệp ở các nước này cũng quen với việc sử dụng hay ứng phó với công cụ PVTM và coi đây là một phần quan trọng trong môi trường kinh doanh.

Trong khi đó, tại Việt Nam, PVTM vẫn còn là một lĩnh vực khá mới mẻ, đặc biệt đối với cộng đồng doanh nghiệp. Trong bối cảnh nước ta đang hội nhập kinh tế quốc tế sâu, rộng, việc nâng cao năng lực và nhận thức về phòng vệ thương mại là chủ trương nhất quán và xuyên suốt của Đảng và Nhà nước. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã nêu rõ: "Tận dụng tối đa các điều kiện thuận lợi của các hiệp định, thỏa thuận thương mại để thúc đẩy xuất khẩu; đồng thời có biện pháp phòng vệ thích hợp để bảo vệ sản xuất và lợi ích người tiêu dùng". Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cũng nêu chủ trương "chủ động hoàn thiện hệ thống phòng vệ để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế". Thực hiện chủ trương đó, việc triển khai các biện pháp phòng vệ thương mại, bảo đảm lợi ích của Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế đã được thực hiện một cách đồng bộ, toàn diện trên các khía cạnh sau:

Hoàn thiện cơ sở pháp lý: Luật Quản lý ngoại thương được Quốc hội thông qua năm 2017 đã tạo ra khung pháp lý quan trọng về PVTM. Cùng với đó, các nghị định, thông tư hướng dẫn về PVTM cũng được ban hành, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, phù hợp với cam kết quốc tế và thực tiễn để triển khai công tác phòng vệ thương mại một cách hiệu quả.

Về tổ chức: Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 98/2017/NĐ-CP về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương đã quy định thành lập cơ quan quản lý nhà nước về PVTM (Cục Phòng vệ thương mại) để thúc đẩy chủ trương bảo vệ sản xuất trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế. Hành lang pháp lý, thể chế mới cho phép chủ động thực hiện các chủ trương, chính sách về PVTM, đồng thời tuân thủ các điều ước quốc tế mà chúng ta là thành viên và thực tiễn về phòng vệ thương mại trên thế giới, tạo điều kiện xây dựng các chương trình hành động cụ thể, xuyên suốt và thống nhất trong các giai đoạn ngắn, trung và dài hạn.

Ban hành các chương trình, đề án lớn nhằm nâng cao năng lực thực thi các biện pháp PVTM. Cụ thể là: Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 04/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án Tăng cường quản lý nhà nước về chống lẩn tránh biện pháp PVTM và gian lận xuất xứ; Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 31/12/2019 của Chính phủ về một số biện pháp cấp bách nhằm tăng cường quản lý nhà nước về phòng chống gian lận xuất xứ, chuyển tải hàng hóa bất hợp pháp; Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 01/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án Xây dựng và vận hành hiệu quả Hệ thống cảnh báo sớm về PVTM; Quyết định số 755/QĐ-BCT ngày 28/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Chương trình tổng thể về sử dụng và ứng phó với các biện pháp PVTM nhằm hỗ trợ phát triển một số ngành công nghiệp Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020, xét đến năm 2025; Quyết định số 1347/QĐ-BCT ngày 19/5/2020 của Bộ Công Thương triển khai một số hoạt động của Bộ Công Thương nhằm nâng cao năng lực PVTM cho các ngành sản xuất trong nước trong bối cảnh Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới.

Mặc dù PVTM là nội dung tương đối mới với Việt Nam, nhưng trong những năm gần đây, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, Việt Nam cũng đã bắt đầu chủ động sử dụng công

cụ này để thiết lập môi trường cạnh tranh công bằng và bảo vệ lợi ích chính đáng của các ngành sản xuất trong nước. Với việc triển khai các đề án và chương trình nêu trên, công tác PVTM thời gian gần đây đã có bước tiến rõ rệt. Kết quả là số lượng vụ việc khởi xướng điều tra, áp dụng biện pháp PVTM đã gia tăng nhanh chóng. Tính đến hết tháng 4 năm 2021, Bộ Công Thương đã khởi xướng điều tra áp dụng tổng cộng 23 vụ việc PVTM (gồm chống bán phá giá, chống trợ cấp, biện pháp tự vệ và chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại). Các mặt hàng điều tra tương đối đa dạng, từ thép, kính nổi, kim loại cho đến hàng công nghiệp, hàng tiêu dùng và cả nông sản (các mặt hàng quan trọng với người nông dân). Đáng chú ý, một số biện pháp PVTM đang điều tra với đường mía, đường lỏng nhập khẩu cũng góp phần tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho ngành mía đường và người nông dân trồng mía.

Thống kê cho thấy, các biện pháp PVTM đã áp dụng với hàng nhập khẩu hiện đang bảo vệ các ngành sản xuất trong nước chiếm gần 6% GDP của Việt Nam (tính theo GDP năm 2019) và công ăn việc làm của hàng trăm nghìn lao động. Nhờ áp dụng biện pháp PVTM hợp lý, phù hợp với cam kết quốc tế, các ngành sản xuất trong nước được bảo vệ trước những hành vi cạnh tranh không bình đẳng của hàng nhập

Thứ trưởng Bộ Công Thương Trần Quốc Khánh phát biểu tại Hội thảo Phòng vệ thương mại trong bối cảnh tham gia các hiệp định thương mại tự do (11/2020)

khẩu, từ đó tạo điều kiện để doanh nghiệp trong nước phát triển, tạo thêm việc làm và giá trị gia tăng cho nền kinh tế. Ở góc độ tiêu dùng, các biện pháp PVTM trong dài hạn giúp nền kinh tế không bị phụ thuộc hoàn toàn vào nhập khẩu, đem lại sự ổn định và chống chịu tốt hơn trước các tác động và cú sốc từ bên ngoài. Trong nhiều trường hợp, việc áp dụng PVTM cũng giúp tăng khả năng tận dụng cam kết trong các FTA, đồng thời làm giảm nguy cơ Việt Nam bị nước ngoài điều tra lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại do ta đã chủ động và bảo vệ được nguồn nguyên liệu sản xuất trong nước.

Việc điều tra, áp dụng biện pháp PVTM phải đáp ứng những điều kiện và quy định rất chặt chẽ của WTO cũng như pháp luật PVTM của Việt Nam. Một trong những điều kiện tiên quyết và quan trọng nhất là các doanh nghiệp trong nước cần tập hợp lực lượng để đáp ứng yêu cầu được coi là đại diện cho ngành sản xuất trong nước (chiếm ít nhất 25% tổng sản lượng sản xuất trong nước).

Đây là trở ngại khá lớn, vì các doanh nghiệp của chúng ta đa phần là doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tuy nhiên, gần đây, sự quan tâm cũng như mức độ nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam cũng như các hiệp hội ngành nghề có liên quan đã có chuyển biến tích cực, đặc biệt là nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp về PVTM đã được nâng cao hơn hẳn. Trước đây, chỉ một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tìm hiểu công cụ và biện pháp này thì đến nay, các doanh nghiệp trong nước đã chiếm phần lớn trong các vụ yêu cầu điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại. Điều này có được là do hiệu quả của công tác truyền thông và tuyên truyền về các biện pháp PVTM, cũng như sự chủ động hơn của cộng đồng doanh nghiệp trong việc tìm hiểu và sử dụng các biện pháp PVTM.

ĐẤU TRANH VỚI HÀNH VI LẨN TRÁNH BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Thương mại quốc tế đang đan xen cả hai xu hướng tự do hoá và bảo hộ, cạnh tranh khốc liệt và có những diễn biến hết sức phức tạp, số vụ điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM, gian lận xuất xứ đối với hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam ngày càng gia tăng, nhất là đối với một số sản phẩm đang trong tình trạng dư thừa công suất. Trong bối cảnh đó, Việt Nam đã khẳng định chủ trương kiên quyết ngăn chặn các hành vi lẩn tránh bất hợp pháp biện pháp PVTM, kể cả thông qua giả mạo, gian lận xuất xứ và chuyển tải bất hợp pháp, xử lý nghiêm minh, triệt để các hành vi này nhằm bảo vệ lợi ích của nền kinh tế, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh chân chính, góp phần nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là thực thi các hiệp định thương mại tự do đã ký kết.

Thực hiện chủ trương này, Bộ Công Thương phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 04/7/2019 phê duyệt Đề án Tăng cường quản lý nhà nước về chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận xuất xứ và Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 31/12/2019 về một số biện pháp cấp bách nhằm tăng cường quản lý nhà nước về phòng chống gian lận xuất xứ, chuyển tải hàng hóa bất hợp pháp.

Ngay sau khi Đề án và Nghị quyết được ban hành, Bộ khẩn trương chỉ đạo các đơn vị chức năng và phối hợp với các bộ, ngành liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao, xây dựng chương trình hành động cụ thể, thành lập các tổ công tác liên quan. Để có căn cứ xác định trọng tâm đấu tranh, phòng, chống các hoạt động lẩn tránh PVTM, Bộ xây dựng và thường xuyên cập nhật Danh sách cảnh báo các mặt hàng có nguy cơ gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp, lẩn tránh biện pháp PVTM, đăng tải công khai trên

VIỆT NAM ĐÃ KHẲNG ĐỊNH CHỦ TRƯƠNG KIÊN QUYẾT NGĂN CHẶN VIỆC GIẢ MẠO, GIAN LẬN XUẤT XỨ VÀ CHUYỂN TẢI BẤT HỢP PHÁP, XỬ LÝ NGHIÊM MINH, TRIỆT ĐỂ VÀ KHÔNG CÓ NGOẠI LỆ NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ...

cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và trang thông tin điện tử của Bộ, gửi các bộ/ngành, ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố phối hợp tăng cường theo dõi và tiến hành kiểm tra, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Hiện, danh sách đã được cập nhật đến hết Quý I năm 2021 với 11 mặt hàng (trong tổng số 33 mặt hàng đang được theo dõi) có nguy cơ cao để các cơ quan quản lý có thể dựa vào đó tiến hành các nhiệm vụ cần thiết nhằm xử lý vấn đề gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp.

Với mục tiêu đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, trong quá trình triển khai, Bộ Công Thương cũng như các bộ/ngành đều nghiên cứu, xem xét rất kỹ lưỡng các biện pháp

đưa ra nhằm hài hòa giữa nhiệm vụ xử lý, hạn chế hành vi vi phạm nhưng vẫn tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2020, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam chỉ bị khởi kiện 02 vụ việc lẩn tránh biện pháp PVTM. Điều này cho thấy, các nỗ lực trong việc đấu tranh với các hành vi gian lận xuất xứ, lẩn tránh biện pháp PVTM đã đạt kết quả tích cực.

Tuy nhiên, trong quá trình xử lý các nghi vấn của nước ngoài, bên cạnh những nỗ lực của Chính phủ, cần có sự tích cực, chủ động tham gia, phối hợp của doanh nghiệp - những người hưởng lợi cũng như bị ảnh hưởng trực tiếp từ biện pháp của nước ngoài áp dụng. Các doanh nghiệp cần tuân thủ chặt chẽ các quy định về chứng nhận xuất xứ; không tiếp tay cho các hành vi gian lận xuất xứ, đồng thời phối hợp theo dõi sát thị trường để có thể kịp thời cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý khi thấy có dấu hiệu bất thường, tránh để các ngành sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam bị liên lụy và bị ảnh hưởng bởi các biện pháp chống lẩn tránh PVTM tại một số thị trường nhập khẩu; thận trọng trong việc tăng công suất, tránh đầu tư ồ ạt, đặc biệt là đầu tư để phục vụ xuất khẩu, tránh để tăng trưởng chỉ phụ thuộc vào xuất khẩu sang một thị trường duy nhất; tìm hiểu cơ chế, quy định, thủ tục điều tra của các nước (trong thời gian qua, các thị trường xuất khẩu lớn như Hoa Kỳ, EU, Canada thường xuyên thay đổi quy định, thủ tục điều tra theo hướng dễ khởi xướng điều tra, áp dụng hơn. Trong nhiều trường hợp, cơ quan điều tra (như Cơ quan Hải quan và Biên phòng Hoa Kỳ) có thể chủ động điều tra mà không công bố công khai, quy định về “chuyển đổi đáng kể” hay yêu cầu “hợp tác”, “cung cấp thông tin” cũng có thể thay đổi qua từng vụ việc, do đó, các doanh nghiệp cần tìm hiểu để kịp thời nắm bắt các thay đổi này); có chiến lược phát triển nguồn nguyên liệu trong nước; phối hợp với các cơ quan quản lý trong quá trình xử lý vụ việc.

ỨNG PHÓ HIỆU QUẢ VỚI BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI CỦA NƯỚC NGOÀI

Việc hiểu rõ các quy định về thương mại của quốc gia xuất khẩu, đặc biệt là các quy định về PVTM được áp dụng ở mỗi quốc gia đang ngày càng trở nên quan trọng, giúp các doanh nghiệp ứng phó nhanh với các vụ kiện tranh chấp thương mại ở nước ngoài, bảo vệ lợi ích hợp pháp của các nhà xuất khẩu Việt Nam trước các cuộc điều tra về PVTM nhằm bảo vệ các ngành sản xuất trong nước hoặc trong các vụ kiện giải quyết tranh chấp tại WTO.

Tính đến tháng 4 năm 2021, Bộ Công Thương đã xử lý 204 vụ việc PVTM do nước ngoài áp dụng với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, bao gồm 112 vụ việc điều tra chống bán phá giá, 23 vụ việc điều tra chống trợ cấp, 23 vụ việc điều tra chống lẩn tránh và 43 vụ việc tự vệ. Số lượng vụ việc năm 2020 là 39 vụ, cao gấp gần 2,5 lần tổng số vụ việc trong cả năm 2019 (16 vụ việc). Đặc biệt, đa số vụ việc nhằm vào các sản phẩm có thế mạnh của Việt Nam như nông thủy hải sản, sản phẩm thâm dụng lao động...

Là cơ quan đại diện cho Chính phủ xử lý các vụ việc liên quan đến PVTM, Bộ Công Thương đã chủ động thực hiện các biện pháp nhằm bảo hộ lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu ra nước ngoài như: (i) phối hợp với các bộ/ngành liên quan và các địa phương cung cấp thông tin chính thức để trả lời cơ quan điều tra nước ngoài theo yêu cầu; (ii) đề nghị cơ quan điều tra nước ngoài tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam có thể tham gia vụ việc nhằm bảo vệ quyền lợi của mình; (iii) theo dõi, giám sát quá trình điều tra để kịp thời có ý kiến khi cơ quan điều tra nước ngoài có dấu hiệu vi phạm quy định của WTO; (iv) khiếu nại biện pháp của nước ngoài tới cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO nếu có dấu hiệu vi phạm các quy định của WTO rõ ràng.

Đối với các vụ việc giải quyết tranh chấp về phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương phối hợp chặt chẽ với các bộ/ngành liên quan để tiến hành tham vấn, đàm phán, tranh thủ tìm kiếm sự ủng hộ của các nước thành viên khác của WTO, phối hợp với luật sư nghiên cứu các thủ tục pháp lý thực hiện công tác khiếu kiện ở nước ngoài theo cơ chế giải quyết tranh chấp tại WTO. Chính vì vậy, trong 5 vụ Việt Nam tiến hành khiếu nại theo cơ chế này, 3 vụ đã kết thúc với kết quả tích cực, 2 vụ việc còn lại vẫn đang trong giai đoạn xét xử.

Hội thảo Phòng vệ thương mại Công cụ bảo vệ lợi ích ngành sản xuất nội địa trong bối cảnh hội nhập (10/2020)

Bên cạnh các vụ việc điều tra mới khởi xướng, Bộ Công Thương luôn theo dõi, hỗ trợ doanh nghiệp xử lý các vụ việc rà soát biện pháp với mục tiêu giảm thiểu tác động tiêu cực tới doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam. Điển hình là các vụ việc điều tra rà soát thuế chống bán phá giá với sản phẩm tôm và cá tra do Hoa Kỳ điều tra, áp dụng từ những năm 2002. Tính đến hết năm 2019, sản phẩm tôm đã trải qua 14 lần rà soát, sản phẩm cá tra đã trải qua 15 lần rà soát. Trong mỗi lần rà soát, doanh nghiệp và Chính phủ đều phải đầu tư nguồn lực để xử lý vụ việc. Tuy nhiên, với tinh thần hỗ trợ cao nhất cho doanh nghiệp xuất khẩu để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng trong thương mại quốc tế, Bộ Công Thương luôn đồng hành và có những phương án xử lý kịp thời nhằm tháo gỡ khó khăn doanh nghiệp. Chính vì vậy, mặc dù bị Hoa Kỳ áp thuế chống bán phá giá nhưng sản phẩm tôm và cá tra của Việt Nam vẫn đạt kim ngạch xuất khẩu lớn, giữ ổn định thị trường trong suốt những năm qua.

Thời gian tới, Bộ Công Thương tiếp tục phối hợp các bộ ngành và hiệp hội liên quan thực hiện nhiệm vụ kháng kiện, đặc biệt là củng cố cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương và hiệp hội, đồng thời tiến hành trao đổi song phương với các cơ quan cùng cấp tại nước nhập khẩu, yêu cầu các quốc gia tuân thủ quy định của WTO cũng như các điều khoản trong các FTA khi áp dụng các biện pháp PVTM để hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam ứng phó kịp thời với các vụ kiện ở nước ngoài, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho doanh nghiệp trong nước.

TẠO LẬP MÔI TRƯỜNG CẠNH TRANH
VÀ BẢO VỆ
QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

CỤC CẠNH TRANH VÀ BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG (TIỀN THÂN LÀ CỤC QUẢN LÝ CẠNH TRANH), ĐƯỢC GIAO THỰC HIỆN CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CẠNH TRANH, BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO PHƯƠNG THỨC ĐA CẤP. THỰC HIỆN SỰ CHỈ ĐẠO VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG, CỤC ĐÃ TRIỂN KHAI CÓ HIỆU QUẢ CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN.

XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN KHUNG KHỔ PHÁP LÝ VỀ CẠNH TRANH

Luật Cạnh tranh năm 2004 được ban hành là dấu mốc quan trọng trong quá trình tạo lập hành lang pháp lý chính thức và thống nhất cho hoạt động cạnh tranh của các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường nội địa. Sau hơn 12 năm thực thi, nhận thấy những hạn chế và bất cập, Bộ Công Thương đã chủ động nghiên cứu, đề xuất Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi Luật Cạnh tranh nhằm hoàn thiện khung khổ pháp lý, đáp ứng những thay đổi của bối cảnh kinh tế - xã hội và xu hướng hội nhập quốc tế.

Luật Cạnh tranh năm 2018 kết hợp chặt chẽ giữa tư duy kinh tế và tư duy pháp lý, trong đó nhấn mạnh mục tiêu tăng cường hiệu quả thực thi, có những điểm sửa đổi, bổ sung quan trọng: (i) Mở rộng phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; (ii) Sửa đổi và bổ sung hành vi cấm đối với cơ quan nhà nước; (iii) Hoàn thiện quy định kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh và bổ sung quy định về chính sách khoan hồng nhằm tăng cường hiệu quả thực thi; (iv) Bổ sung tiêu chí xác định sức mạnh thị trường đáng kể làm cơ sở xác định doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền; (v) Thay đổi căn bản cách tiếp cận để hoàn thiện các quy định kiểm soát tập trung kinh tế; (vi) Hoàn thiện quy định kiểm soát hành vi cạnh tranh không lành mạnh; (vii) Tổ chức lại cơ quan cạnh tranh để tăng cường hiệu quả thực thi; và (viii) Hoàn thiện quy định về trình tự, thủ tục trong tố tụng cạnh tranh.

Để triển khai Luật vào thực tiễn, Bộ Công Thương đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 75/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2019 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh và Nghị định số 35/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh.

TẠO LẬP MÔI TRƯỜNG CẠNH TRANH LÀNH MẠNH, KIỂM SOÁT ĐỘC QUYỀN

Thực thi quy định của pháp luật cạnh tranh, Bộ Công Thương đã triển khai có hiệu quả công cụ quản lý nhà nước nhằm từng bước tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh, kiểm soát độc quyền trong kinh doanh. Cụ thể:

- Điều tra và xử lý các vụ việc liên quan đến hành vi hạn chế cạnh tranh (thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền). Triển khai Luật Cạnh tranh năm 2004, Bộ Công Thương đã chủ động tiến hành điều tra tiền tố tụng đối với nhiều thị trường, lĩnh vực có tính chất nhạy cảm trong nền kinh tế cũng như nhiều vụ việc có dấu hiệu của hành vi hạn chế cạnh tranh. Tính đến hết năm 2017, Bộ đã tiến hành 82 cuộc điều tra tiền tố tụng để thu thập, đánh giá các thông tin, tài liệu về các hoạt động kinh doanh có biểu hiện hạn chế cạnh tranh; điều tra 08 vụ việc hạn chế cạnh tranh với gần 70 doanh nghiệp bị điều tra, trong đó, 06 hồ sơ vụ việc được Hội đồng Cạnh tranh xử

lý theo quy định của pháp luật. Trong số 08 vụ việc, có 3 vụ xuất phát từ đơn khiếu nại của doanh nghiệp và 5 vụ do Bộ phát hiện dấu hiệu và khởi xướng điều tra theo quy định của Luật Cạnh tranh 2004, dựa trên kết quả của các cuộc điều tra tiền tố tụng.

- Kiểm soát tập trung kinh tế. Tính đến hết năm 2018, Bộ Công Thương thụ lý 41 vụ việc thông báo tập trung kinh tế và nhiều vụ việc tham vấn khác cả trước và trong quá trình các doanh nghiệp thực hiện tập trung kinh tế theo quy định của Luật Cạnh tranh năm 2004. Theo quy định của Luật Cạnh tranh năm 2018, tính đến nay, Bộ Công Thương đã tiếp nhận và thụ lý trên 55 vụ việc thông báo tập trung kinh tế.
- Điều tra và xử lý các hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Đến hết năm 2018, Bộ Công Thương tiếp nhận hơn 360 khiếu nại, tiến hành điều tra hơn 200 vụ và ra quyết định xử phạt khoảng 190 vụ đã điều tra.

Để thực thi Luật Cạnh tranh năm 2018, Bộ Công Thương đã và đang tiếp tục báo cáo Bộ Chính trị, Chính phủ về việc kiện toàn mô hình tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia (thành lập trên cơ sở hợp nhất, tổ chức lại Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng và Hội đồng Cạnh tranh) trực thuộc Bộ Công Thương.

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

Sự phát triển nhanh chóng về kinh tế xã hội đã làm nảy sinh nhiều hành vi vi phạm quyền lợi người tiêu dùng, nhu cầu hoàn thiện quy định pháp luật và hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng được đặt ra cấp thiết. Trước thực trạng này, Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 và nhiều văn bản pháp luật như: Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định số 19/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2012 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg về việc ban hành Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2012 về việc ban hành Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung...

Đặc biệt, để nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Bộ đã chủ trì xây dựng, trình Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

Với chủ trương, chính sách và cơ sở pháp lý dần hoàn thiện và đầy đủ, đã góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng, xã hội trong việc tham gia công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Thời gian qua, Bộ Công Thương cũng đạt được những kết quả đáng khích lệ trong công tác này:

- Tiếp nhận, tư vấn và giải quyết khiếu nại của người tiêu dùng, từ năm 2011 đến năm 2014, số lượng khiếu nại được các cơ quan quản lý nhà nước tiếp nhận và giải quyết khá hạn chế, khoảng dưới 100 vụ ở cơ quan Trung ương (Bộ Công Thương) và hầu như chưa được triển khai tại các địa phương. Từ năm 2015 đến nay, công tác này được quan tâm và thực hiện nhiều hơn. Trong giai đoạn 2015 - 2018, trung bình mỗi năm, Bộ tiếp nhận và giải quyết hơn 1.500 vụ việc khiếu nại từ người tiêu dùng. Trong đó, nhiều vụ việc có tính chất phức tạp, liên quan tới số lượng hàng trăm người tiêu dùng hoặc liên quan đến hoạt động của các tập đoàn quốc tế, đến lĩnh vực của nhiều bộ, ngành tại Việt Nam. Cùng với đó, thông qua Tổng đài tư vấn, hỗ trợ người tiêu

dùng tại đầu số miễn phí toàn quốc 1800.6838, hàng năm, Bộ Công Thương tiếp nhận và trả lời tư vấn cho 6.000 – 7.000 cuộc gọi.

Năm 2019, Tổng đài hỗ trợ, tư vấn người tiêu dùng 1800.6838 tiếp nhận 9.140 cuộc điện thoại; Bộ cũng giải quyết 568 đơn khiếu nại của người tiêu dùng qua Email, bưu điện và gửi trực tiếp (80% đơn khiếu nại được gửi qua phương thức email). Năm 2020, Bộ tiếp nhận hơn 14.000 phản ánh, khiếu nại, yêu cầu tư vấn từ người tiêu dùng, giải quyết hầu hết các yêu cầu, phản ánh, khiếu nại của người tiêu dùng.

- Giám sát thực hiện thu hồi hàng hóa khuyết tật, theo số liệu thống kê, từ năm 2012 đến nay, Bộ Công Thương tiếp nhận và giám sát việc thực hiện trên 160 chương trình thu hồi hàng hóa có khuyết tật, sản phẩm thuộc phạm vi của các chương trình thu hồi, bao gồm hàng hóa trong nhiều lĩnh vực của nền kinh tế: phương tiện cơ giới, đồ điện tử gia dụng, văn phòng, thực phẩm, sản phẩm chăm sóc sắc đẹp, đồ chơi trẻ em, bánh kẹo...

Đáp ứng nhu cầu chia sẻ và cảnh báo thông tin về sản phẩm có khuyết tật, Bộ Công Thương đã tham gia và trở thành thành viên tích cực, chủ động của nhiều cổng thông tin về sản phẩm có khuyết tật, cụ thể: Cổng thông tin về sản phẩm khuyết tật trong khu vực các quốc gia Đông Nam Á (https://aseanconsumer.org/); Cổng

Hội nghị Tổng kết thi hành Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các văn bản hướng dẫn (11/2018)

thông tin về sản phẩm khuyết tật của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế Quốc tế - OECD (http://www.oecd.org.)

- Kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung. Năm 2015, Bộ tiếp nhận 755 hồ sơ, gần gấp 2 lần của cả giai đoạn 2012 - 2014, năm 2016 là 1.342 hồ sơ, năm 2017 là 939 hồ sơ. Bên cạnh đó, từ năm 2013, Bộ bắt đầu tiến hành công tác kiểm tra doanh nghiệp. Số lượng doanh nghiệp được kiểm tra trung bình hàng năm giai đoạn 2014 - 2015 là 40 doanh nghiệp. Đối với công tác xử lý vi phạm pháp luật, giai đoạn 2013 - 2015, Bộ đã tiến hành xử phạt vi phạm hành chính 5 doanh nghiệp và đình chỉ hoạt động ký kết hợp đồng có thời hạn do hành vi không đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

Giai đoạn 2018 - 2020, Bộ tiếp nhận và xử lý trên 900 hồ sơ đăng ký, tiếp nhận và giải quyết

trên 80 khiếu nại liên quan tới việc kiểm soát hợp đồng mẫu và điều kiện giao dịch chung, các vụ việc khiếu nại chủ yếu liên quan đến mua bán nhà chung cư, bảo hiểm...

LÀNH MẠNH HÓA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO PHƯƠNG THỨC ĐA CẤP

Trong những năm qua, Bộ Công Thương đã tăng cường các giải pháp nhằm chấn chỉnh hoạt động bán hàng đa cấp như kiến nghị Chính phủ trình Quốc hội thông qua Điều 217a Bộ luật Hình sự về tội kinh doanh theo phương thức đa cấp để có cơ sở xử lý sớm các hành vi lợi dụng hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp, thu lợi bất chính; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 40/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp, trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành khác nhau trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp. Bên cạnh đó, Bộ tham mưu xây dựng, ban hành và triển khai có hiệu quả các văn bản nhằm tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp, như Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp; Chỉ thị số 02/CT-BCT ngày 9 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong hoạt động bán hàng đa cấp;...

Song song với đó, từ năm 2018 đến nay, Bộ Công Thương đưa ra hàng chục cảnh báo công khai về các trường hợp có dấu hiệu hoạt động kinh doanh đa cấp không phép, biến tướng để người dân biết và phòng tránh liên quan đến các Công ty Jeunesse, Atomy, Greenleaf, Dự án Hoàng Gia, Vital4u, FutureNet, Vision... hay các doanh nghiệp có dấu hiệu kinh doanh đa cấp tiền ảo: BBI, My Aladdinz... Các tin cảnh báo của Bộ được nhiều đơn vị báo chí, truyền thông đăng lại, đạt được hiệu quả truyền thông đáng kể, nâng cao nhận thức và ngăn ngừa các thiệt hại cho người dân. Đồng thời, Bộ cũng chuyển thông tin hàng chục trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật về kinh doanh theo phương thức đa cấp đến các cơ quan công an có thẩm quyền để có biện pháp theo dõi, xử lý theo thẩm quyền.

Công tác giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm được thực hiện quyết liệt trong thời gian qua đã giúp thị trường dần ổn định trở lại. Trong giai đoạn 2016 - 2018, Bộ Công Thương đã thu hồi giấy chứng nhận hoạt động bán hàng đa cấp của 18 doanh nghiệp, đồng thời có thêm 20 doanh nghiệp tự chấm dứt hoạt động. Số lượng người tham gia bán hàng đa cấp trong những năm qua cũng giảm mạnh, từ 1,2 triệu người cuối năm 2015 xuống còn hơn 630.000 người cuối năm 2016. Đến hết năm 2018, số người tham gia bán hàng đa cấp là 1.246.195 người. Tuy nhiên, chỉ có khoảng 270.000 người (28%) có hoạt động bán hàng đa cấp (có bán hàng), còn lại 72% chỉ mua hàng nhưng vẫn ký hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp để được mua với mức giá chiết khấu dành cho người tham gia bán hàng đa cấp. Như vậy, trên thực tế số lượng người tham gia bán hàng đa cấp đã giảm hẳn so với trước đây.

Số lượng người tham gia bán hàng đa cấp tiếp tục có xu hướng giảm trong giai đoạn 2019 - 2020. Năm 2019, tổng số người tham gia là 1.104.989 người. Đến năm 2020 giảm còn 832.385 người, trong đó chỉ khoảng 60% người tham gia có bán hàng và có hoa hồng.

Trong bối cảnh nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng vào kinh tế thế giới và phát triển nền kinh tế số, công tác quản lý cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là vô cùng cần thiết. Để thực hiện và khai thác hiệu quả các cam kết hội nhập và tạo lập môi trường cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, cần có sự quan tâm, nâng cao nhận thức và sự vào cuộc của toàn xã hội. Với vai trò là cơ quan nhà nước quản lý lĩnh vực này, Cục Quản lý cạnh tranh sẽ luôn chủ động và tích cực triển khai nhiệm vụ được giao, góp phần tạo lập môi trường kinh doanh lành mạnh và đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ HÓA CHẤT
GÓP PHẦN VÀO SỰ TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

NHỮNG THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH, SỬ DỤNG HÓA CHẤT

Cục Hóa chất - Bộ Công Thương, được thành lập từ 02/01/2009 với chức năng tham mưu quản lý nhà nước về hoạt động hoá chất, và đề xuất cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp hoá chất. Thực hiện chức năng của Cục, đến nay, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quản lý hoá chất khá toàn diện, đồng bộ làm cơ sở cho việc thực thi công tác quản lý nhà nước về hóa chất, đồng thời từng bước đề xuất cơ chế chính sách phát triển công nghiệp hoá chất theo cơ cấu phù hợp, có lợi thế và thân thiện môi trường..

Công tác quản lý hoạt động hóa chất từ nhập khẩu, sử dụng, vận chuyển, sản xuất, kinh doanh, thải bỏ... là rất quan trọng và cần tuân thủ một cách nghiêm ngặt các quy định của pháp luật, các tiêu chuẩn và quy phạm an toàn để ngăn ngừa ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường. Trong những năm qua, Cục Hóa chất đã chú trọng công tác quản lý và phát triển công nghiệp hoá chất; kịp thời đề xuất xây dựng và

XÂY DỰNG VÀ BAN HÀNH CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHÙ HỢP DIỄN BIẾN THỰC TIỄN, PHÙ HỢP XU HƯỚNG QUẢN LÝ HOÁ CHẤT CỦA THẾ GIỚI; ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, CẮT GIẢM VÀ ĐƠN GIẢN HOÁ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH, TĂNG CƯỜNG HIỆU LỰC HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỒNG THỜI TẠO THUẬN LỢI PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP, TĂNG NĂNG LỰC CẠNH TRANH QUỐC GIA.

ban hành các quy định pháp luật phù hợp diễn biến thực tiễn, phù hợp xu hướng quản lý hoá chất của thế giới. Thực hiện chủ trương về cải cách thủ tục hành chính của Bộ Công Thương, Cục Hóa chất đã đẩy mạnh cải cách hành chính, cắt giảm và đơn giản hoá điều kiện đầu tư kinh doanh, tăng cường hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước đồng thời tạo thuận lợi phát triển doanh nghiệp, tăng năng lực cạnh tranh quốc gia...

Bên cạnh việc trình Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, kế hoạch phát triển công nghiệp hóa chất; quy chuẩn kỹ thuật về an toàn hóa chất, Bộ Công Thương còn chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng và trình Chính phủ ban hành: Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện; Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh, danh mục hóa chất cấm; Danh mục hóa chất phải khai báo danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất. Quản lý hóa chất sử dụng trong công nghiệp, hóa chất là tiền chất sử dụng trong công nghiệp và hóa chất thuộc Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; Quản lý hóa chất sử dụng trong các sản phẩm công nghiệp tiêu dùng; Ban hành Danh mục các hóa chất không được sử dụng trong các sản phẩm gia dụng, sản phẩm tiêu dùng. Xây dựng Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia, thống nhất quản lý hoạt động phân loại, ghi nhãn hóa chất nguy hiểm; Đăng ký, khai báo hóa chất; Thông tin an toàn hóa chất, tổng hợp, thống kê tình hình thực hiện an toàn hóa chất trong phạm vi cả nước, hướng dẫn xây dựng, tổ chức việc thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Phối hợp với các cơ quan hữu quan trong việc phòng

ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố hóa chất. Thực hiện hợp tác quốc tế trong hoạt động hóa chất và an toàn hóa chất....

Công tác quản lý về hóa chất trong những năm qua của Bộ Công Thương đã đạt được kết quả như sau:

Xây dựng và ban hành các quy định pháp luật phù hợp diễn biến thực tiễn, phù hợp xu hướng quản lý hoá chất của thế giới; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm và đơn giản hoá điều kiện đầu tư kinh doanh, tăng cường hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước đồng thời tạo thuận lợi phát triển doanh nghiệp, tăng năng lực cạnh tranh quốc gia

Từ 2009 đến nay, Bộ Công Thương đã trình Chính Phủ ban hành 01 pháp lệnh, 09 nghị định, 21 thông tư hướng dẫn, 06 quy hoạch phát triển ngành và rất nhiều đề án, các dự án về hóa chất. Về cơ bản, đã phủ kín được quy định cần thiết trong hoạt động hoá chất. Thực hiện chủ trương cải cách hành chính, cắt giảm và đơn giản hoá điều kiện đầu tư kinh doanh, các nghị định và thông tư nêu trên đã được hợp nhất thành 03 nghị định và 04 thông tư hướng dẫn thực hiện, rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa 46/130 điều kiện đầu tư kinh doanh.

Một trong những điểm sáng về cải cách hành chính trong công tác quản lý hóa chất phải kể đến thủ tục hành chính khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin Một cửa Quốc gia. Từ chỗ doanh nghiệp phải nộp 70.000 bộ hồ sơ giấy/năm tại Cục Hóa chất, sau 05 ngày mới nhận kết quả, đến nay, doanh nghiệp ở mọi nơi, mọi lúc chỉ cần vào mạng điền thông tin nhập khẩu, gửi thông tin và sau 10-15s là hoàn thành khai báo hóa chất để làm thủ tục thông quan.

Để tăng cường sự tiện ích và hiệu quả quản lý, ngày 6/12/2018, Bộ Công Thương đã tổ chức Lễ công bố vận hành cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia tại địa chỉ www.chemicaldata.gov.vn. Đây là một công cụ rất hữu ích trong việc báo cáo hoạt động hoá chất của doanh nghiệp, lưu trữ thông tin, sự chia sẻ thông tin, cải cách, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương, hỗ trợ các doanh nghiệp trong hoạt động hóa chất.

Thông thoáng ở khâu tiền kiểm, Bộ Công Thương chỉ đạo cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm mục đích nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, phát hiện và xử lý vi phạm về hoạt động hóa chất, phát hiện những lỗ hổng trong công tác quản lý nhà nước về hóa chất.

Quan tâm phát triển công nghiệp hoá chất, xây dựng ngành hóa chất thân thiện với môi trường:

Với 06 đề án quy hoạch ngành hoá chất và các tiểu ngành được ban hành, đây là một bước quan trọng nhằm mục tiêu phát triển công nghiệp hoá chất một cách hài hoà về cơ cấu sản phẩm, hài hoà về sự phân bổ theo vùng miền có tính đến các đặc điểm có lợi thế vùng miền, các yếu tố thuận lợi, khó khăn góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng công nghiệp hoá chất theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường.

Kiên trì và quyết tâm với định hướng, mục tiêu quản lý, phát triển ngành, thời gian qua, Bộ Công Thương đã chủ trương tháo gỡ, hỗ trợ các dự án, doanh nghiệp hóa chất thua lỗ, coi trọng việc theo dõi, hướng dẫn doanh nghiệp trong xây dựng kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; đôn đốc việc tổ chức huấn luyện an toàn hóa chất nhằm hạn chế những tổn thất, thiệt hại khi xảy ra sự cố hóa chất.

Tranh thủ sự hỗ trợ có hiệu quả từ hợp tác song phương, từ các tổ chức quốc tế, nguồn lực các

TRANH THỦ SỰ HỖ TRỢ CÓ HIỆU QUẢ TỪ HỢP TÁC SONG PHƯƠNG, TỪ CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ, NGUỒN LỰC CÁC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ HOÁ CHẤT, THAM GIA HỘI NHẬP SÂU RỘNG VÀO MẠNG LƯỚI QUẢN LÝ HÓA CHẤT

Công ước quốc tế về hoá chất, tham gia hội nhập sâu rộng vào mạng lưới quản lý hóa chất

Bộ Công Thương luôn chú trọng công tác hợp tác quốc tế về hóa chất thông qua hợp tác đa phương, song phương. Theo đó, Bộ giao Cục Hóa chất là đầu mối quốc gia thực hiện 04 công ước quốc tế/chiến lược về hóa chất: Công ước Cấm vũ khí hóa học, Công ước Minamata về thủy ngân, Công ước Rotterdam, Đầu mối quốc gia hợp phần hóa chất công nghiệp; thực hiện thủ tục xác nhận thông báo xuất nhập khẩu hóa chất thuộc Công ước; xây dựng quy định về quản lý Amiang trắng. Đồng thời, Cục Hóa chất tiếp cận chiến lược quản lý hóa chất quốc tế (SAICM): Đầu mối SAICM quốc gia; thực hiện các nhiệm vụ về quản lý hóa chất trong sản phẩm (chì trong sơn).

Trong hợp tác quốc tế, Bộ đã hợp tác với Bộ Kinh tế Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản (METI) trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia và Danh mục hóa chất quốc gia; Cục Hóa chất hợp tác song phương với Cục Hóa chất Thụy Điển (KEMI) đề xuất sửa đổi Luật Hóa chất, rà soát các quy định về hóa chất, về phân loại và ghi nhãn hóa chất.

Tại Diễn đàn khu vực Đông Dương (Lào, Campuchia, Myanmar) và một số quốc gia Đông Nam Á về quản lý hóa chất, Việt Nam luôn được biểu dương là quốc gia có hệ thống pháp luật về quản lý hoá chất tương đối toàn diện. Bên cạnh đó, Cục Hóa chất cũng tăng cường triển khai xây dựng các dự án hợp tác quốc tế về hóa chất: Dự án "Tăng cường năng lực quản lý hóa chất tại Việt Nam"; Dự án "Quản lý an toàn các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy POP và hóa chất nguy hại tại Việt Nam"; Dự án "Áp dụng Hóa học xanh tại Việt Nam để hỗ trợ phát triển xanh và giảm thiểu việc sử dụng và làm phát thải POPs và các hóa chất nguy hại".

Đến nay các dự án đã hoàn thành được các nhà tài trợ đánh giá cao, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong hoạt động hóa chất, bước đầu tiến tới nền công nghiệp hoá học xanh theo xu hướng thế giới.

Hội thảo "Tiêu chuẩn an toàn hóa chất trong lĩnh vực khí công nghiệp" là một trong những hoạt động đầu tiên, hiện thực hóa nội dung Biên bản ghi nhớ, hợp tác giữa Cục Hóa chất và Hiệp hội Khí công nghiệp châu Á (AIGA) với mục tiêu chia sẻ kiến thức và những phương pháp tốt nhất trong huấn luyện an toàn hóa chất; nâng cao nhận thức về sức khỏe và an ninh trong sản xuất, phân phối khí công nghiệp; áp dụng công nghệ mới trong quản lý, sử dụng khí công nghiệp, khí y tế để ngăn ngừa tai nạn và sự cố hóa chất; thúc đẩy việc đồng bộ các tiêu chuẩn liên quan; hỗ trợ tổ chức các hội nghị, hội thảo và thực hiện các chiến dịch nâng cao nhận thức về an toàn hóa chất.

Thông qua công tác hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hóa chất, vấn đề quản lý hóa chất tại Việt Nam đã được các nước nhìn nhận đánh giá một cách hiệu quả, từ đó giúp tiếp cận những xu hướng quản lý tiên tiến của thế giới nhằm nâng cao việc quản lý, giám sát hóa chất tại Việt Nam.

HƯỚNG TỚI MÔ HÌNH QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH, CHUYÊN SÂU VỀ HÓA CHẤT

Trong giai đoạn tới, công tác quản lý hóa chất đặt ra một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm là:

Đổi mới mạnh mẽ, nâng cao năng lực hệ thống quản lý và điều hành, tham khảo và áp dụng mô hình quản lý hóa chất tiên tiến của các nước trên thế giới; Tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống quy phạm pháp luật về quản lý hóa chất theo hướng quản lý hiệu quả, tạo môi trường thuận lợi trong hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất. Bên cạnh đó cải cách hành chính, hiện đại hóa môi trường làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực cải cách hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hoàn thiện và nâng cấp các phần mềm quản lý văn bản; đơn giản hóa các thủ tục hành chính, các điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực hóa chất; Tiếp tục hỗ trợ

Thứ trưởng Bộ Công Thương Đặng Hoàng An làm việc với Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (7/2018)

và có các giải pháp để phát triển ngành công nghiệp hóa chất, ngành công nghiệp hóa dược; Tăng cường công tác hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hóa chất.

- Chủ động và luôn phối hợp tốt với các đơn vị trong và ngoài Bộ xử lý những nhiệm vụ có sự "giao thoa" trong chức năng nhiệm vụ. Yêu cầu đối với công tác quản lý, kiểm soát hóa chất là vừa đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, vừa phòng ngừa sử dụng hoá chất vào mục đích bất hợp pháp. Điều này đặt ra bài toán trong công tác quản lý, làm sao có thể vừa phát triển ngành, vừa có thể kiểm soát an toàn đảm bảo an ninh trong hoạt động hoá chất.

Cục Hóa chất đã làm tốt vai trò đầu mối tham gia các quy định pháp luật về phòng chống các hoạt động bất hợp pháp về ma tuý do Bộ Công an chủ trì. Đưa ra nhiều giải pháp thiết thực để các doanh nghiệp phòng ngừa thất thoát hóa chất, tiền chất công nghiệp vào sản xuất bất hợp pháp các chất ma túy.

Tiền chất thuốc nổ và vật liệu nổ công nghiệp cũng là một lĩnh vực quản lý nhạy cảm, trong các năm qua, Cục đã phối hợp với Cục An toàn kỹ thuật và Môi trường công nghiệp, Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Pháp chế từng bước hoàn thiện các quy định pháp luật và không để xảy ra sai sót.

Trong giai đoạn tới, Bộ Công Thương chỉ đạo và định hướng phát triển Cục Hóa chất trở thành một cơ quan quản lý chuyên ngành, chuyên sâu về hóa chất và phù hợp xu hướng quản lý hóa chất thế giới. Tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống quy phạm pháp luật về quản lý hóa chất theo hướng quản lý hiệu quả, tạo môi trường thuận lợi trong hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan để thực hiện tốt chức năng quản lý ngành, phát triển công nghiệp hoá chất một cách bền vững, phù hợp với xu thế phát triển của thế giới.

NGÀNH THAN - KHOÁNG SẢN

NỖ LỰC TRỞ THÀNH MỘT TRONG NHỮNG TRỤ CỘT CHÍNH - ĐẢM BẢO AN NINH NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA

Ngành Than Việt Nam đã có lịch sử khai thác gần 180 năm, với trên 80 năm truyền thống vẻ vang, từ cuộc tổng bãi công ngày 12 tháng 11 năm 1936 của hơn 3 vạn thợ mỏ đã giành thắng lợi rực rỡ. Bước vào công cuộc Đổi mới, những năm đầu thập niên 1990, ngành Than phải đối mặt với những khó khăn, thách thức gay gắt, như: nạn khai thác than trái phép phát triển tràn lan làm tài nguyên môi trường vùng mỏ bị hủy hoại nghiêm trọng, trật tự và an toàn xã hội diễn biến phức tạp...; nhiều đơn vị sản xuất than phải thu hẹp sản xuất, giảm đào lò, giảm bóc đất, công nhân thiếu việc làm, thu nhập và đời sống khó khăn.

QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN - MỤC TIÊU - SỨ MỆNH

Quan điểm phát triển: Phát triển Tập đoàn các công ty Than - Khoáng sản Việt Nam theo phương châm phát triển bền vững: "Từ tài nguyên kháng sản và nguồn nhân lực đi lên giàu mạnh; thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; hài hoà với địa phương và cộng đồng; hài hoà với đối tác và bạn hàng; hài hoà giữa các công ty thành viên và người lao động" với mục tiêu "Vì một Tập đoàn các công ty Than - Khoáng sản Việt Nam Giàu mạnh - Thân thiện - Hài hoà".

Mục tiêu: Xây dựng Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam thành Tập đoàn kinh tế nhà nước mạnh, có cơ cấu hợp lý; tập trung vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh than, khoáng sản, điện, vật liệu nổ công nghiệp. Nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Sứ mệnh: (1) Phát triển công nghiệp than, công nghiệp khoáng sản, công nghiệp điện, vật liệu nổ công nghiệp và các ngành, nghề khác một cách bền vững; (2) Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại Tập đoàn, bảo đảm an toàn lao động và bảo vệ môi trường sinh thái; (4) Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại địa phương và phát triển cộng đồng; (5) Không ngừng nâng cao trình độ nghề nghiệp, đời sống vật chất, tinh thần của công nhân viên chức và người lao động; (6) Đáp ứng nhu cầu than của nền kinh tế; đóng góp ngày càng nhiều vào việc thực hiện mục tiêu "Dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh".

DẤU MỐC QUAN TRỌNG TRONG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH THAN

- Tổng Công ty Than Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 563/TTg ngày 10 tháng 10 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ngày 08/8/2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 198/2005/QĐ-TTg và Quyết định số 199/2005/QĐ-TTg tổ chức lại Tổng Công ty Than Việt Nam và các đơn vị thành viên, thành lập Tập đoàn Than Việt Nam, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

- Ngày 26/12/2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 345/2005/QĐ-TTg thành lập Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) trên cơ sở Tập đoàn Than Việt Nam và Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam và hoạt động theo Điều lệ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 228/2006/QĐ-TTg ngày 11/10/2006.

- Ngày 25/6/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 989/QĐ-TTg về việc chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

- Ngày 08/8/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 105/2018/NĐ-CP về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (thay thế Nghị định số 212/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam).

Lò chợ cơ giới hóa công suất 1,2 triệu tấn than của Công ty CP Than Hà Lầm

Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) là một tập đoàn kinh tế mạnh, giữ vai trò rất quan trọng, chủ lực trong bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Trong thời gian qua, Tập đoàn đã có nhiều đổi mới, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nền kinh tế, nhất là cung cấp than cho điện, bảo đảm việc làm cho nhiều người lao động. Những kết quả về sản xuất, doanh thu, nộp ngân sách, lợi nhuận rất đáng mừng.

Có thể thấy, từ khi thành lập cho đến nay, Bộ Công Thương luôn đồng hành cùng ngành Than từng bước tháo gỡ khó khăn, xây dựng mục tiêu chiến lược đúng đắn cho sự phát triển, từ đó, đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong suốt chặng đường hình thành và phát triển.

THÀNH TỰU VỀ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC THAN VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH

Trước hết, trong lĩnh vực kinh doanh chủ lực công nghiệp than, các đơn vị ngành Than-Khoáng sản (Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Đông Bắc) đã đẩy nhanh tốc độ phát triển một cách bền vững để đáp ứng nhu cầu sử dụng than trong nước ngày càng tăng cao, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, ổn định kinh tế vĩ mô và phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể: năm 1995 (năm đầu thành lập Tổng Công ty Than Việt Nam) sản lượng than khai thác mới đạt trên 7 triệu tấn, đến nay sản lượng than nguyên khai khai thác đã đạt khoảng 45 triệu tấn, tăng gấp hơn 6 lần; tổng doanh thu than từ 1,3 nghìn tỷ đồng vào năm 1994 đã tăng lên 87 nghìn tỷ đồng vào năm 2020, tăng gấp 67 lần; năng suất lao động tính theo than nguyên khai từ tăng 165 tấn/người/năm lên 773 tấn/người/năm hiện nay, tăng gấp 4,68 lần.

Đáng chú ý, trong điều kiện sản xuất các mỏ hầm lò ngày càng xuống sâu, gặp không ít khó khan, ngành Than đã chuyển hướng đổi mới ứng dụng mạnh mẽ "3 hóa" (cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa) vào các công đoạn sản xuất và kinh doanh.

Ngành Than đã đẩy mạnh ứng dụng khoa học -

công nghệ hiện đại vào sản xuất để gia tăng sản lượng khai thác, tăng năng suất lao động và đặc biệt là tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản của đất nước.

- Đối với các mỏ hầm lò, ngành tăng cường đưa vào nghiên cứu, áp dụng công nghệ khai thác hiện đại, như: hệ thống khai thác than lò chợ cơ giới hóa đồng bộ có công suất 600 - 1.200 nghìn tấn/năm; lò chợ chống bằng giàn mềm có công suất từ 150 - 220 nghìn tấn/năm và nhiều lò chợ chống bằng cột thủy lực đơn, giá khung, giá xích có công suất từ 100 - 250 nghìn tấn/năm. Việc nghiên cứu và đưa vào áp dụng công nghệ cơ giới hóa đồng bộ trong khai thác than đã góp phần nâng cao sản lượng lò chợ từ 2 - 3 lần, năng suất lao động tăng từ 3 - 5 lần; về tỷ trọng sản lượng, nếu như năm 2008, tỷ lệ khai thác than bằng cơ giới hóa chỉ chiếm khoảng 3% tổng sản lượng than khai thác, thì đến nay đã tăng lên 15%; số mét lò chống bằng công nghệ neo năm 2019 vượt trên 40.000 mét, đạt trên 18% tổng số mét lò đào. Cùng với đó, cơ giới hoá, tự động hoá cũng được đẩy mạnh áp dụng vào các khâu thông gió và kiểm soát khí mỏ, thoát nước trong hầm lò.

- Đối với các mỏ lộ thiên, ngành đầu tư các loại ô tô vận tải chở đất đá có tải trọng lên đến 130 tấn; khai thông các mỏ lộ thiên để tạo ra những khai trường lớn hơn; từng bước băng tải hóa vận chuyển than, đất đá và sử dụng công nghệ vận tải liên hợp ô tô - băng tải với công suất 20 triệu m^3/năm nhằm giảm giá thành và cải thiện bờ mỏ.

- Đối với công tác sàng tuyển, chế biến than, ngành đẩy mạnh hiện đại hóa khâu sàng tuyển, chế biến than như: công nghệ xử lý bùn nước bằng máy lọc ép tăng áp, đưa xoáy lốc phân cấp tận thu than bùn; công nghệ xử lý bùn nước bằng lọc ép tăng áp thu hồi; công nghệ xử lý bùn nước bằng lọc ép khung bản; công nghệ pha trộn than để sản xuất ra các loại than phù hợp nhu cầu sử dụng của các hộ tiêu thụ, đặc biệt là cho sản xuất điện, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Bên cạnh đó, ngành Than còn chủ động ứng dụng tự động hoá, tin học hoá vào quá trình sản xuất kinh doanh và công tác quản lý điều hành, như: đầu tư mạng hạ tầng truyền thông số tốc độ cao, kết hợp xây dựng các trung tâm điều khiển giám sát tập trung hiện đại có khả năng bao quát toàn mỏ và điều khiển tập trung; triển khai các phần mềm ứng dụng phục vụ công tác điều hành sản xuất (phần mềm hoá đơn điện tử; phần mềm quản lý, dự báo tâm lý an toàn, sức khoẻ cho người lao động mỏ hầm lò; hệ thống giám sát lưu chuyển than)... Qua đó, ngành Than đã khẳng định vị trí vững vàng, sẵn sàng cho việc đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về quản trị doanh nghiệp, đồng thời góp phần quan trọng cho sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Với việc đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng cơ giới hóa, tự động hóa, tin học hóa trong khai thác hầm lò; đầu tư đồng bộ thiết bị công suất lớn trong khai thác lộ thiên đã góp phần không nhỏ cho sự phát triển trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị ngành Than đảm bảo luôn có lãi, bảo toàn, phát triển vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, đồng thời không ngừng tăng cường năng lực tài chính của các đơn vị trong Ngành. Từ năm 2005 đến nay, lợi nhuận trước thuế và tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu luôn đạt mức cao trung bình, từ 32 - 42% (đối với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam). Ngành Than đã luôn hoàn thành nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước ở mức cao nhất, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, cải thiện cán cân thương mại và thực hiện nghiêm túc trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng.

Đồng hành với tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội, ngành Than còn thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh, với chiến lược phát triển bền vững, trong những năm qua, ngành đã giải quyết cơ bản những tác động của quá trình khai thác tới môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và

Cầu trục rót than tại cảng Cửa Ông

nhiều địa phương khác. Hàng năm, ngành đã chi khoảng trên 1.000 tỷ đồng cho công tác bảo vệ môi trường; đã trồng cây phủ xanh trên 1.000ha bãi thải, tương đương hơn 30% diện tích bãi thải ngoài hiện có; lắp đặt nhiều hệ thống quan trắc môi trường tự động theo dõi lượng bụi, khí phát thải; đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành các trạm xử lý nước thải mỏ công suất trên 120 triệu m^3/năm, đảm bảo 100% nước thải hầm lò được xử lý theo tiêu chuẩn môi trường. Cùng với đó, ngành tiến hành di chuyển nhiều cơ sở vật chất kỹ thuật sản xuất than ra khỏi các trung tâm thành phố, góp phần cải thiện môi trường cảnh quan và phát triển đô thị của vùng Mỏ.

HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH KHÁC

Trong công nghiệp khai thác khoáng sản: TKV đã phát triển theo hướng tăng cường chế biến sâu, tạo ra sức đột phá mạnh mẽ, nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả kinh tế của Tập đoàn. TKV đã đầu tư đồng bộ các tổ hợp khai thác chế biến kim loại bao gồm: alumina, đồng, chì, kẽm, thiếc, gang thép, cromit và các kim loại khác. Mỗi năm, Tập đoàn sản xuất trên 11 nghìn tấn đồng tấm; 11 nghìn tấn kẽm thỏi, 180 nghìn tấn phôi thép.

Đặc biệt, với việc thực hiện thành công hai dự án thí điểm khai thác bauxite tại địa bàn chiến lược Tây Nguyên theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, TKV đã đặt nền móng cho nền công nghiệp mới của Việt Nam, đó là ngành công nghiệp chế biến alumin - nhôm. Năm 2018, TKV sản xuất và tiêu thụ 1,3 triệu tấn alumina, giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt trên 520 triệu USD; đã đóng góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế Vùng Tây Nguyên. Các dự án bauxite đã bước vào giai đoạn có lãi.

- Trên nền của ngành công nghiệp than, TKV đã phát triển thành công các lĩnh vực nhiệt điện, thủy điện; vật liệu nổ công nghiệp, cơ khí, vật liệu xây dựng và các lĩnh vực khác liên quan đến

ngành nghề kinh doanh chính. Hiện, TKV đã đầu tư 7 nhà máy điện với tổng công suất thiết kế 1.730 MW. Sản lượng điện sản xuất và tiêu thụ hàng năm của TKV từ 9,5 -10 tỷ kWh, với doanh thu 12,5 nghìn tỷ đồng/năm.

Tính đến cuối năm 2019, TKV đã sản xuất và tiêu thụ trên 84 tỷ Kwh điện, sản xuất và tiêu thụ 5,5 triệu tấn Alumin, sản xuất 950 tấn thuốc nổ, sản xuất và tiêu thụ 22 triệu tấn xi măng các loại.

Đặc biệt, 5 năm gần đây (2015 - 2019), khối Khoáng sản, Điện lực, Hoá chất của Tập đoàn đã tăng trưởng mạnh mẽ, khẳng định vai trò, vị trí và sự đóng góp ngày càng quan trọng đối với sự phát triển bền vững của Tập đoàn. Cụ thể, doanh thu của Khối Khoáng sản, Hóa chất và Điện lực đã đạt xấp xỉ 30% tổng doanh thu của Tập đoàn với tốc độ tăng trưởng bình quân 9,6%/năm; lợi nhuận chiếm tỷ trọng 34,4% toàn Tập đoàn. Điều này đã khẳng định chiến lược phát triển hết sức đúng đắn mà các thế hệ lãnh đạo của Tập đoàn đã xây dựng và chỉ đạo thực hiện thành công.

TKV đã khẳng định vị trí vững vàng của ngành Than Việt Nam sẵn sàng đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về quản trị doanh nghiệp, đồng thời góp phần quan trọng cho sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

TKV cũng đồng thời là công cụ để Nhà nước điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Thông qua việc kiểm soát giá bán than của TKV, Nhà nước điều tiết giá đầu vào của các ngành công nghiệp khác, đặc biệt là than dùng để phát điện, từ đó góp phần bình ổn sản xuất trong nước và ổn định đời sống nhân dân. Thực tế từ năm 2014 trở về trước, giá than của TKV bán cho các nhà máy điện luôn thấp hơn giá thành sản xuất, cụ thể: năm 2011 thấp hơn giá thành 5,6 ngàn tỷ đồng, năm 2012 thấp hơn giá thành 6,4 ngàn tỷ đồng, năm 2013 thấp hơn giá thành 3 ngàn tỷ đồng... Nói cách khác, lợi nhuận của TKV đã được điều tiết cho ngành điện và một số ngành khác để thực hiện chính sách điều tiết vĩ mô nền kinh tế của Nhà nước.

Cùng với tiến trình hội nhập quốc tế của cả nước, trong những năm qua từ Tổng Công ty Than Việt Nam đến Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ngày nay, TKV đã có quan hệ hợp tác và là bạn hàng thân thiết của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các Tập đoàn, Tổng Công ty Nhà nước, các Ngân hàng Thương mại, các Doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế của Việt Nam. TKV cũng là bạn hàng, đối tác tin cậy của các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp và định chế tài chính lớn trên thế giới ở ASEAN, ở châu Á, châu Âu, châu Mỹ...; TKV có được thành công như hôm nay là nhờ sự hợp tác, giúp đỡ to lớn và hiệu quả của các bạn hàng, đối tác.

***

Thời gian tới, mục tiêu chiến lược của Tập đoàn là xây dựng TKV thực sự trở thành một tập đoàn kinh tế nhà nước mạnh, có thương hiệu và sức cạnh tranh trong khu vực, có cơ cấu sản xuất - kinh doanh hợp lý, tập trung vào các lĩnh vực SXKD than - khoáng sản, điện, vật liệu nổ công nghiệp; cơ khí, vật liệu xây dựng; mở rộng hợp tác kinh doanh quốc tế; nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và thúc đẩy các ngành kinh tế đất nước cùng phát triển. Đồng thời, ý thức sâu sắc về kế tục sự nghiệp vẻ vang của các thế hệ thợ mỏ, tiếp tục thực hiện tốt lời Bác Hồ đã dạy, cán bộ, đảng viên, CNVC-LĐ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam nguyện mãi mãi nhiệt huyết, xây đắp truyền thống anh hùng của giai cấp công nhân vùng mỏ bất khuất, phát huy sức mạnh "Kỷ luật và Đồng tâm", tinh thần lao động sáng tạo, biến chủ nghĩa anh hùng cách mạng và truyền thống vẻ vang của ngành Than – Khoáng sản Việt Nam thành nguồn lực để vượt qua mọi khó khăn, thách thức./.

QUAN HỆ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC

HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ LÀ MỘT CHỦ TRƯƠNG LỚN CỦA ĐẢNG TA, LÀ NỘI DUNG TRỌNG TÂM CỦA HỘI NHẬP QUỐC TẾ VÀ LÀ MỘT BỘ PHẬN QUAN TRỌNG, XUYÊN SUỐT CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI.

Trên cơ sở các chủ trương, định hướng lớn mà Đảng và Chính phủ đã đặt ra về hội nhập kinh tế quốc tế, ta đã chủ động và tích vực tham gia vào các thiết chế kinh tế đa phương và khu vực, với các dấu mốc quan trọng như gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN - năm 1995), là thành viên sáng lập của Diễn đàn Kinh tế Á - Âu (ASEM - năm 1998), trở thành thành viên của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC - năm 1998), ký Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ (Hiệp định BTA - ký năm 2000) và đặc biệt là gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO - năm 2007), đánh dấu sự hội nhập toàn diện vào nền kinh tế toàn cầu. Hiện nay, Việt Nam cũng đã hoàn thành ký kết và thực thi 15 Hiệp định thương mại tự do (FTA) ở cấp độ song phương và khu vực và đang đàm phán 2 FTA. Trong số đó, nổi bật nhất là 3 FTA thế hệ mới gồm Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) và Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA); và 01 FTA có quy mô lớn nhất thế giới trong khuôn khổ ASEAN là Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP). Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 189 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới; có quan hệ thương mại với hơn 230 đối tác, trong đó có hơn 70 nước là thị trường xuất khẩu của ta; có quan hệ với hơn 500 tổ chức quốc tế. Có thể nói, HNKTQT sâu rộng thông qua việc tham gia sâu vào các diễn đàn kinh tế thế giới và khu vực cũng như việc kết thúc đàm phán và đưa vào thực thi các FTA đặc biệt là các FTA thế hệ mới là kết quả của sự quyết tâm và nỗ lực rất lớn của Chính phủ Việt Nam và ngành Công Thương, ghi dấu mốc lịch sử quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong thời gian qua.

Đến nay, Việt Nam đã thiết lập được quan hệ thương mại tự do với hầu hết các nước là đối tác quan trọng nhất trên thế giới thuộc hai khu vực thị trường châu Âu - châu Mỹ và châu Á - châu Phi.

KHU VỰC THỊ TRƯỜNG CHÂU Á - CHÂU PHI

Trong mỗi một giai đoạn lịch sử, quan hệ thương mại giữa Việt Nam với các nước thuộc khu vực châu Á - châu Phi luôn có sự tăng trưởng và phát triển không ngừng. Khu vực châu Á vẫn là thị trường xuất khẩu truyền thống và quan trọng đối với Việt Nam, với tỷ trọng ổn định trên dưới 50% trong tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam. Việt Nam cũng đã và đang đẩy mạnh đa dạng hóa mặt hàng xuất khẩu theo từng thị trường cụ thể, cũng như đa dạng hóa thị trường cho các nhóm mặt hàng xuất khẩu cụ thể, để linh hoạt với sự thay đổi của nhu cầu thị trường. Có thể nói, tình hình quan hệ thương mại và mở rộng thị trường các nước trong khu vực châu Á - châu Phi xuyên suốt các thời kỳ trong 70 năm qua cho thấy lĩnh vực hội nhập đã bước sang một trang mới, với tầm cao mới.

Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2007 là cột mốc quan trọng đối với hoạt động thương mại của Việt Nam. Khu vực Đông Bắc Á, ASEAN, Nam Á, Tây Á và châu Phi vẫn là những thị trường cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào phong phú và đa dạng cho Việt Nam với các mặt hàng như nguyên phụ liệu dệt may, hóa chất, sắt thép, xăng dầu, khí đốt hay các nhóm mặt hàng mà Việt Nam chưa có thế mạnh sản xuất trong nước.

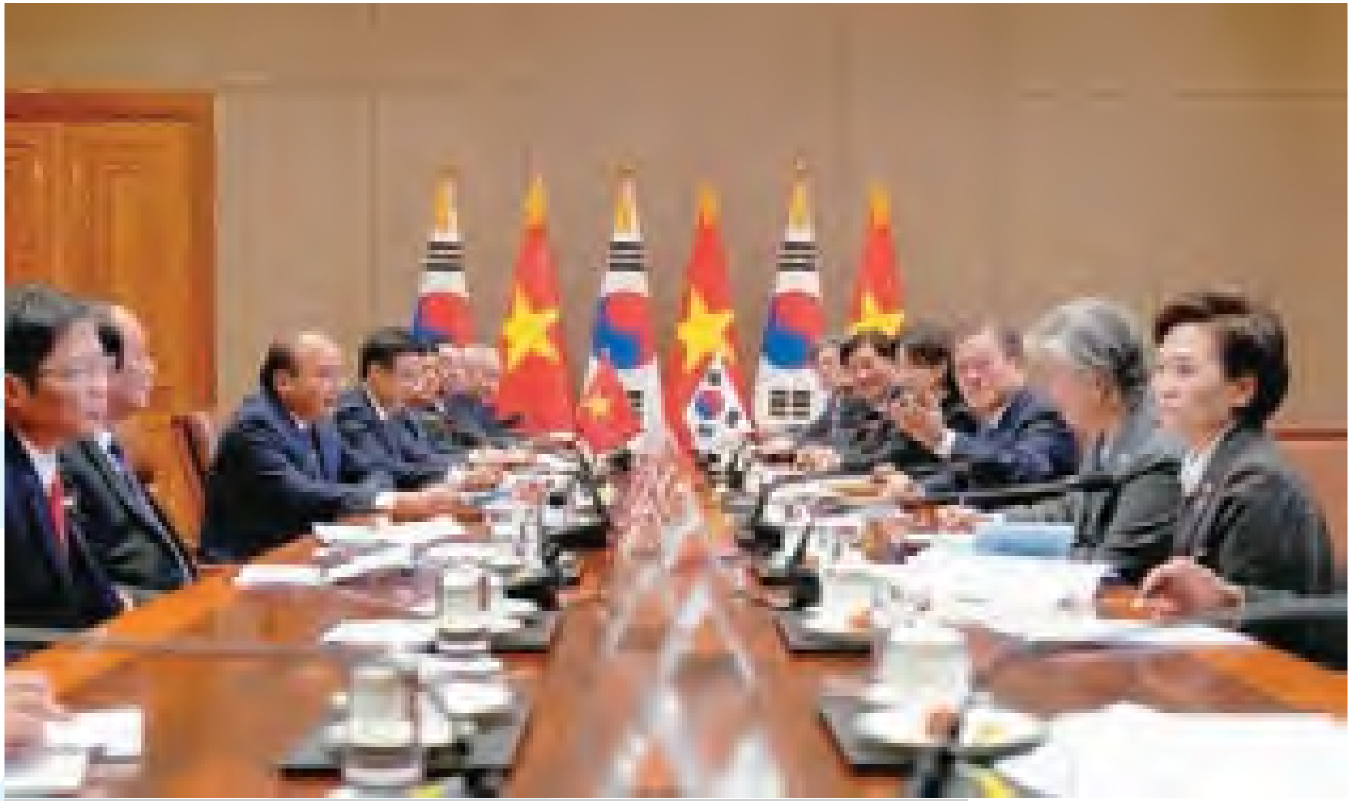
Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc hội đàm với Tổng thống Hàn Quốc Moon Jae-in tại Seoul, Hàn Quốc (2019).

Quy mô thương mại khu vực thị trường châu Á ngày càng được mở rộng. Năm 1995, Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN. Sau 25 năm Việt Nam gia nhập ASEAN, khu vực này đã trở thành một trong những đối tác kinh tế - thương mại quan trọng của Việt Nam. So với thời điểm bắt đầu tham gia Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA) năm 1996, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu

giữa Việt Nam và khu vực ASEAN đã tăng hơn 9,7 lần, từ 5,9 tỷ USD năm 1996 lên 57,5 tỷ USD trong năm 2019. Năm 2020, kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam - ASEAN đạt 53,7 tỷ USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 23,2 tỷ USD và kim ngạch nhập khẩu đạt 30,5 tỷ USD năm 2020.

Đối với khu vực Đông Bắc Á, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản là những đối tác quan trọng hàng đầu của Việt Nam về đầu tư, thương mại, ODA. Cụ thể, với Hàn Quốc, trước khi quan hệ ngoại giao giữa hai nước chính thức được thiết lập, quan hệ thương mại Việt Nam - Hàn Quốc còn ở mức rất thấp. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam với Hàn Quốc năm 1983 mới chỉ đạt 22,5 triệu USD. Tuy nhiên, đến năm 2015, quan hệ thương mại giữa hai nước đã phát triển vượt bậc khi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA) chính thức có hiệu lực. Đến nay Hàn Quốc là đối tác thương mại lớn thứ 3 của Việt Nam (sau Trung Quốc và Hoa Kỳ) với kim ngạch thương mại song phương đạt khoảng 66 tỷ USD; là thị trường xuất khẩu lớn thứ 5 của Việt Nam (sau Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản và ASEAN) và là thị trường nhập khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam chỉ sau Trung Quốc. Hàn Quốc cũng là nhà đầu tư FDI lớn nhất vào Việt Nam với tổng số vốn lũy kế đến đầu năm 2021 đạt 70,4 tỷ USD, đứng thứ hai về hỗ trợ phát triển chính thức (vốn ODA sau Nhật Bản). Với Nhật Bản, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Nhật Bản cũng ghi nhận tốc độ tăng trưởng nhanh chóng. Nếu như năm 2005, đạt 8,5 tỷ USD, thì đến năm 2009 đã tăng 13,7 tỷ USD và lên tới gần 40 tỷ USD vào năm 2019. Nhật Bản hiện là thị trường xuất khẩu lớn thứ 3 của Việt Nam (sau Hoa Kỳ, Trung Quốc) và là thị trường nhập khẩu lớn thứ 3 (sau Trung Quốc và Hàn Quốc). Việt Nam cũng đang là đối tác thương mại lớn thứ 7 của Nhật Bản. Còn với Trung Quốc, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc đã phát triển sâu rộng trên tất cả lĩnh vực, đặc biệt là quan hệ thương mại song phương. Quy mô thương mại hai chiều từ mức chỉ 30 triệu USD năm 1991 đã tăng trưởng vượt bậc (gần 4.000 lần) sau 30 năm. Đặc biệt, sau hơn 10 năm thực thi Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Trung Quốc (ACFTA), quy mô thương mại Việt Nam - Trung Quốc đã đạt tới 133,1 tỷ USD vào năm 2020. Tốc độ tăng trưởng thương mại của Việt Nam với Trung Quốc luôn tăng nhanh hơn tốc độ tăng trưởng thương mại của Việt Nam với thế giới và chiếm tỷ trọng gần 1/4 tổng kim ngạch ngoại thương Việt Nam. Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam trong suốt 15 năm qua, Việt Nam cũng đã vươn lên trở thành đối tác thương mại lớn thứ 6 của Trung Quốc trên toàn cầu và là đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc trong khối các nước ASEAN (ASEAN hiện là đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc). Trong khi đó, với khu vực châu Đại Dương, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với Australia từ năm 1973 và với New Zealand từ năm 1975. Trong hơn 40 năm qua, quan hệ giữa Việt Nam với Australia và New Zealand đã được liên tục củng cố và phát triển, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với Australia và New Zealand cao hơn sau khi hiệp định có hiệu lực vào năm 2010. Trong cả năm 2020, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với châu Đại Dương đạt 9,4 tỷ USD, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2019.

Một khu vực có nhiều tiềm năng hợp tác với Việt Nam phải kể đến nữa là Tây Á - châu Phi, khu vực với quy mô dân số hơn 1,6 tỷ dân. Trong 70 năm qua, quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với các nước trong khu vực Tây Á - châu Phi đã có những bước phát triển vượt bậc, cả ngoại giao, kinh tế lẫn thương mại. Trong số 70 nước ở khu vực Tây Á - châu Phi, đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 69 trong số 70 quốc gia. Với những nỗ lực không ngừng nghỉ của ngành Công Thương, quy mô thương mại giữa Việt Nam với các nước Tây Á - châu Phi cũng tăng trưởng vượt bậc, từ vài trăm triệu USD những năm 90 của thế kỷ trước đã tăng lên 31 tỷ USD vào năm 2019.

KHU VỰC THỊ TRƯỜNG
CHÂU ÂU - CHÂU MỸ

Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và các nước khu vực châu Âu - châu Mỹ tăng trưởng không ngừng gắn liền với quá trình hội nhập kinh tế của Việt Nam với thế giới. Sau khi ký Hiệp định thương mại với Hoa Kỳ năm 2000, gia nhập WTO năm 2007, Việt Nam đã ký một loạt các hiệp định thương mại tự do đa phương, song phương với các đối tác khu vực châu Âu - châu Mỹ (FTA đa phương: Việt Nam với Liên minh Kinh tế Á - Âu (VN-EAEU FTA), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA); FTA song phương với: Chile, Vương quốc Anh và Bắc Ailen) và đang tiếp tục tiến hành đàm phán, nghiên cứu khả năng đàm phán FTA với các đối tác khác trong khu vực. Nhờ vậy, quan hệ thương mại giữa Việt Nam và các đối tác khu vực Âu - Mỹ đã có bước phát triển vượt bậc. Cụ thể, năm 2000, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (XNK) giữa Việt Nam và khu vực Âu - Mỹ chỉ đạt khoảng 6,6 tỷ USD chiếm tỷ trọng 22% XNK của Việt Nam (xuất khẩu 4,3 tỷ USD chiếm 30% XK, nhập khẩu 2,3 tỷ USD chiếm 15% NK). Đến năm 2020, con số này tăng 26 lần lên gần 175 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 32% XNK của Việt Nam (xuất khẩu tăng 31 lần lên hơn 134 tỷ USD, chiếm 47,5% XK của Việt Nam; nhập khẩu tăng 17 lần lên gần 41 tỷ USD, chiếm 15,4% NK của Việt Nam). Từ năm 2000 đến năm 2020, Việt Nam liên tục xuất siêu sang thị trường này (năm 2000 xuất siêu 2 tỷ USD, năm 2020 tăng 47 lần lên mức 93,5 tỷ USD). Cùng với việc chiếm tỷ trọng lên đến 47,5% xuất khẩu của Việt Nam, Thị trường châu Âu - châu Mỹ hiện đang là thị trường xuất khẩu quan trọng hàng đầu của Việt Nam.

Tình hình thương mại giữa Việt Nam và các nước châu Âu

Quy mô thương mại giữa Việt Nam và thị trường châu Âu tăng trưởng đều qua các năm và luôn duy trì là đối tác thương mại quan trọng của Việt Nam. Năm 2000, tổng kim ngạch XNK giữa Việt Nam và khu vực châu Âu chỉ đạt 5,2 tỷ USD (trong đó, xuất khẩu đạt 3,34 tỷ USD, nhập khẩu đạt 1,86 tỷ USD). Đến năm 2020, con số này là 63 tỷ USD, tăng 12 lần (xuất khẩu đạt khoảng 44 tỷ USD, tăng 13 lần; nhập khẩu gần 19 tỷ USD, tăng hơn 10 lần).

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, tình hình thương mại với thị trường châu Âu có xu hướng chững lại trong năm 2020. Tuy nhiên, với việc EVFTA và UKVFTA có hiệu lực, dự báo tổng kim ngạch XNK giữa Việt Nam và châu Âu sẽ tăng mạnh trong các năm tiếp theo.

Các đối tác thương mại chính của Việt Nam tại khu vực này gồm: Các nước thuộc Liên minh châu Âu (EU), Vương quốc Anh, các nước thuộc khối Liên minh kinh tế Á - ÂU (EAEU) và một số nước khác.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang châu Âu gồm: Điện thoại và linh kiện; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; giày dép; dệt may; máy móc, thiết bị phụ tùng khác; cà phê; thủy sản...

Các mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam từ châu Âu gồm: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác; dược phẩm; thức ăn gia súc và nguyên liệu; nguyên phụ liệu dệt may, da giày; phân bón; khoáng sản (sắt thép, than)...

Họp Ủy ban Hỗn hợp về kinh tế giữa Việt Nam - Rumani (Rumani là Chủ tịch EU 2019)

Tình hình thương mại giữa Việt Nam và các nước châu Mỹ

Thị trường châu Mỹ từng bước trở thành thị trường quan trọng và là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam (chủ yếu là Hoa Kỳ), đặc biệt sau khi Hiệp định BTA với Hoa Kỳ được ký kết năm 2000 và Hiệp định CPTPP ký năm 2018. Cụ thể, năm 2000, tổng kim ngạch XNK giữa Việt Nam và thị trường châu Mỹ chỉ có khoảng 1,4 tỷ USD chiếm tỷ trọng 4,7% tổng kim ngạch XNK của Việt Nam (xuất khẩu 960 triệu USD, tương đương 6,6% XK của Việt Nam; nhập khẩu 470 triệu USD, tương đương 3% NK của Việt Nam).

Đến năm 2020, con số này tăng 78 lần lên gần 112 tỷ USD (XK tăng 94 lần lên gần 90 tỷ USD, chiếm tỷ trọng gần 32% XK của Việt Nam; NK tăng 46 lần lên gần 22 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 8% NK của Việt Nam).

Năm 2020, tuy chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhưng với những tác động tích cực từ việc Hoa Kỳ tăng cường hợp tác thương mại với Việt Nam và Hiệp định CPTPP được triển khai có hiệu quả, kim ngạch XNK giữa Việt Nam và thị trường châu Mỹ có mức tăng trưởng rất tốt, đặc biệt xuất khẩu sang các nước CPTPP có mức tăng trưởng rất ấn tượng. Cụ thể, tổng kim ngạch XNK với Hoa Kỳ năm 2020 đạt gần 91 tỷ USD, tăng 20% so với cùng kỳ 2019. Đối với các nước CPTPP thuộc khu vực châu Mỹ, sau hai năm CPTPP đi vào thực thi, kim ngạch xuất khẩu sang hai quốc gia đã phê chuẩn CPTPP là Canada và Mexico đã tăng trưởng mạnh mẽ, lần lượt đạt kim ngạch 4,4 tỷ USD, tăng 45% và 3,17 tỷ USD, tăng 41% so với cùng kỳ năm 2018. Các nước còn lại dù chưa phê chuẩn hiệp định nhưng cũng chứng kiến tốc độ tăng trưởng rất nhanh (Chile 30%, Peru 21% so với năm 2018). Những con số này khẳng định CPTPP đã và đang trở thành động lực mở rộng đường cho hàng Việt sang thị trường các nước châu Mỹ, vốn còn rất mới mẻ và tiềm năng.

Hoa Kỳ là đối tác lớn nhất của Việt Nam trong khu vực châu Mỹ, chiếm khoảng 80% kim ngạch thương mại. Tiếp đến là các thị trường Canada, Brazil, Argentina, Mexico, Chile, v.v...

Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường châu Mỹ bao gồm: điện thoại và linh kiện điện thoại, máy tính và sản phẩm điện tử, dệt may và da giày, gỗ và sản phẩm từ gỗ, máy móc và thiết bị phụ tùng, các mặt hàng nông và thủy sản.

Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam từ khu vực châu Mỹ bao gồm: ngô, đậu tương, thức ăn chăn nuôi, máy vi tính và sản phẩm điện tử, bông các loại...

THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI NƯỚC NGOÀI - PHÁT HUY VAI TRÒ TRONG CÔNG TÁC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI, ĐẦU TƯ VÀ MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG

Những thành quả về phát triển kinh tế, thương mại và đầu tư của Việt Nam thời gian qua có sự đóng góp quan trọng của hoạt động công tác Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài. Mạng lưới Thương vụ đã phát huy được vai trò là người khai mở, dẫn đường, hỗ trợ, tư vấn cho các doanh nghiệp Việt Nam và các tổ chức, doanh nghiệp nước sở tại tìm hiểu các chính sách, luật lệ của hai nước về lĩnh vực thương mại và đầu tư, là cầu nối thiết lập quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư giữa các tổ chức, doanh nghiệp các nước.

Trong suốt chiều dài lịch sử 70 năm hình thành và phát triển ngành Công Thương, hệ thống Thương vụ Việt Nam ở ngoài nước đã đồng hành cùng toàn Ngành không ngừng nỗ lực tìm kiếm và mở đường cho hàng hóa Việt Nam đến được với nhiều thị trường khác nhau, cũng như tìm kiếm nguồn hàng nhập khẩu cho thị trường trong nước, từ đó tiếp tục thiết lập và củng cố quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư giữa Việt Nam với các quốc gia và vùng lãnh thổ trong khu vực và trên thế giới. Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ thương mại với gần 230 quốc gia và vùng lãnh thổ; là thành viên tích cực của trên 70 tổ chức khu vực và quốc tế, đã ghi dấu ấn thành công của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước. Hiện ta đã có mạng lưới hơn 57 thương vụ và 7 chi nhánh thương vụ tại các nước, thuộc khu vực thị trường châu Âu - châu Mỹ và châu Á - châu Phi. Công tác dự báo thị trường của các Thương vụ thời gian qua về phân tích, đánh giá, dự báo động thái chính sách của các nước, nhất là các đối tác thương mại lớn đã đáp ứng được yêu cầu của Bộ Công Thương và các doanh nghiệp; cảnh báo kịp thời các rủi ro trong hoạt động kinh tế đối ngoại; có giải pháp ứng phó phù hợp; bảo đảm ổn định thị trường xuất khẩu.

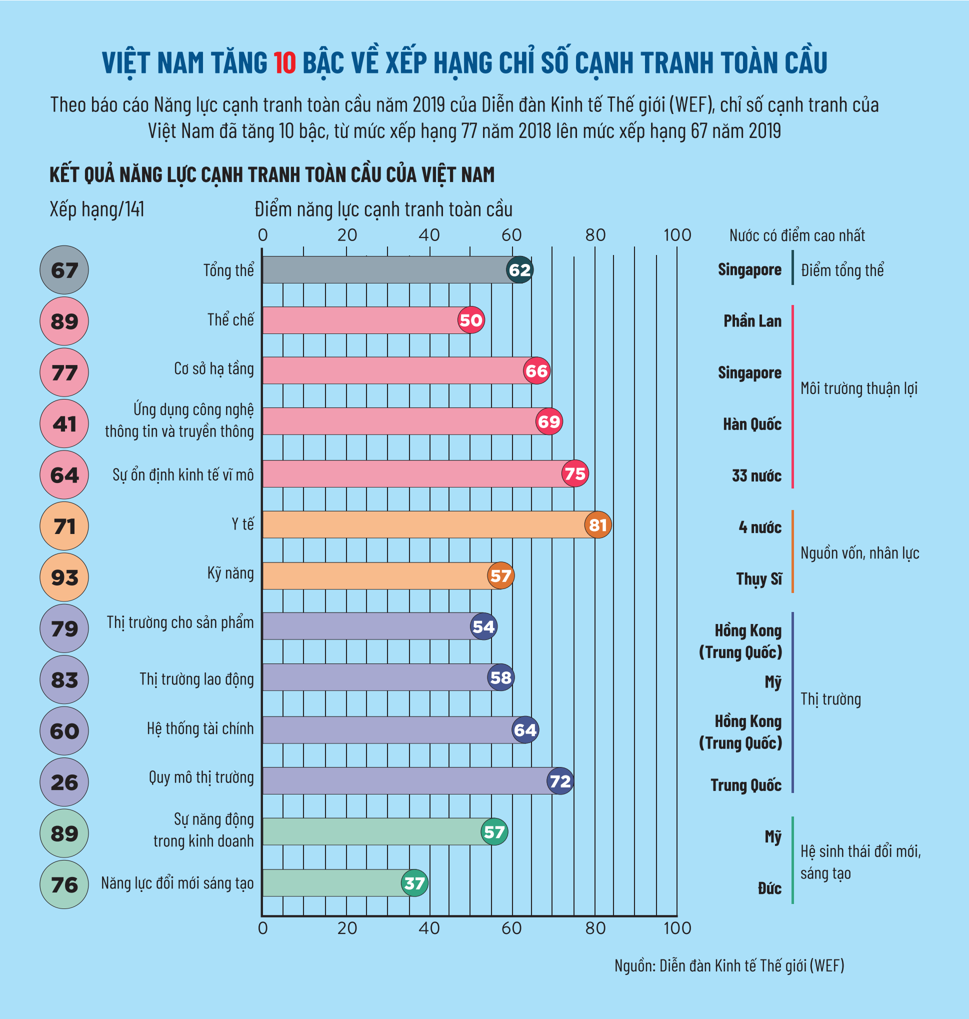

Đổi mới công tác xúc tiến thương mại, đầu tư phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ trong tình hình mới.

Việt Nam ngày càng chủ động hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới thông qua việc đàm phán và kí kết, thực thi 17 hiệp định thương mại tự do, trong đó có những hiệp định thế hệ mới với những yêu cầu cao như CPTPP, EVFTA, RCEP. Do đó, một trong những nhiệm vụ quan

trọng hiện nay của các Thương vụ là kịp thời phát hiện việc các nước sở tại áp dụng các biện pháp làm hạn chế hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, như: chống bán phá giá, trợ cấp, tự vệ, các rào cản thương mại, phân biệt đối xử, đưa thông tin sai lệch về hàng hóa xuất khẩu gây bất lợi cho hàng hóa của Việt Nam... và có đề xuất các biện pháp xử lý nhanh chóng và phù hợp; kiến nghị Chính phủ, Bộ Công Thương và các ngành hữu quan để tháo gỡ rào cản, đàm phán, thương lượng với nước sở tại nhằm bảo vệ các dự án cũng như quyền lợi của các doanh nghiệp Việt Nam tại nước ngoài.

Trong thời gian qua, Việt Nam đã phải đối mặt với hơn 150 vụ việc phòng vệ thương mại do 19 quốc gia và vùng lãnh thổ khởi xướng điều tra với sự tập trung vào các vấn đề về chống bán phá giá, tự vệ, chống trợ cấp... Tuy nhiên, nhờ sự phối hợp kịp thời của các ban ngành, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của các Thương vụ, đã có những giải pháp hiệu quả ứng phó với vấn đề này. Việt Nam đã thu được một số kết quả tích cực trong các vụ việc trên, cụ thể là kháng kiện thành công (không áp dụng biện pháp/không gia hạn áp dụng biện pháp) đối với 57/137 vụ việc đã kết thúc điều tra, chiếm tỷ lệ khoảng 42%. Đồng thời, đảm bảo nhiều mặt hàng của Việt Nam, đặc biệt là các mặt hàng như cá basa, tôm... tiếp tục được xuất khẩu sang các thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU... với thuế suất bằng 0% hoặc ở mức rất thấp. Phía Việt Nam cũng khiếu kiện 5 vụ ra Cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO, trong đó 3 vụ đã kết thúc (với kết quả tích cực).

Công tác xúc tiến thương mại của các Thương vụ đã đổi mới theo hướng tập trung xúc tiến thương mại một số mặt hàng cụ thể mà Việt Nam có thế mạnh, giảm bớt các hoạt động xúc tiến chung chung. Thực hiện chỉ đạo của Bộ Công Thương (thông qua các Vụ Thị trường nước ngoài), các Thương vụ tại Hoa Kỳ, Canada, Hà Lan, Italy, Liên bang Nga, Pháp, Bỉ, Thụy Điển, Nhật Bản, Australia, Lào, Thái Lan, Philippines, Hàn Quốc... đã tích cực thực hiện việc đẩy mạnh đưa hàng Việt Nam tiếp cận các chuỗi phân phối tại nước sở tại, định kỳ tổ chức ngày bán hàng, tuần bán hàng Việt Nam tại các chuỗi phân phối này, đồng thời kết nối doanh nghiệp Việt Nam với các chợ nông sản đầu mối tại nước sở tại. Thông qua sự hỗ trợ của các thương vụ, hàng hóa mang thương hiệu Việt đã xuất hiện tương đối nhiều và phong phú tại siêu thị và hệ thống phân phối hàng hoá của nhiều nước. Ngoài các sản phẩm truyền thống, chúng ta đã xuất khẩu được nhiều mặt hàng mới, đặc biệt là nông sản như: Xoài, vải, thanh long... vào Hoa Kỳ, Canada, EU, Australia, Nhật Bản..., vốn là những thị trường khó tính với các yêu cầu cao về chất lượng và an toàn thực phẩm.

Các Thương vụ đã thể hiện được sự chủ động, tích cực trong công tác nghiên cứu nhu cầu thị trường đối với các mặt hàng mà Việt Nam có thế mạnh như gạo, dệt may, giày dép, thủy hải sản, nông sản... và đồng hành cùng doanh nghiệp trong việc tháo gỡ khó khăn khi kí kết hợp đồng giao dịch hàng hóa với đối tác ở nước sở tại, đồng thời giúp Bộ Công Thương đưa ra được định hướng phát triển thị trường cho mặt hàng có liên quan.

Trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 trên thế giới, Bộ Công Thương đã cùng với các hiệp hội ngành hàng, cơ quan thương vụ nước ngoài không ngừng đổi mới cách thức triển khai hoạt động xúc tiến thương mại, đa dạng hóa hình thức xúc tiến thương mại và nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại. Việt Nam là một trong hai quốc gia đầu tiên trên thế giới tổ chức các hội nghị giao thương xúc tiến thương mại trực tuyến trong bối cảnh Covid-19. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng các nền tảng số vào xúc tiến thương mại và quảng bá thương hiệu theo hướng kết hợp trực tiếp và trực tuyến giúp doanh nghiệp tiếp cận đối tác, thị trường xuất khẩu có hiệu quả ngay tại "nhà".

Toàn cầu hóa đang tạo ra nhiều cơ hội và thách thức đan xen lẫn nhau. Với rất nhiều khó khăn còn phía trước, đặc biệt là trong bối cảnh các FTA thế hệ mới bắt đầu có hiệu lực, nhiệm vụ của các Thương vụ sắp tới sẽ rất nặng nề. Nhưng với tinh thần quyết tâm, chủ động sáng tạo, không ngừng đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động, cùng với sự hỗ trợ và điều hành sát sao của Bộ Công Thương, công tác Thương vụ sẽ hoàn thành sứ mệnh cao cả của mình - mở rộng "biên giới mềm" của Việt Nam thông qua sự hiện diện của hàng hoá Việt trên toàn thế giới, là cầu nối hiệu quả giúp nước nhà ngày càng hội nhập thành công vào nền kinh tế thế giới.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC

HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC

Cục Điều tiết điện lực thuộc Bộ Công Thương được thành lập theo quy định tại Luật Điện lực năm 2004, có trách nhiệm thực hiện điều tiết các hoạt động điện lực gồm các mảng công việc chính về: thị trường điện, cân bằng cung cầu điện năng, cấp phép, giá điện.

Từ khi thành lập năm 2005 đến nay, Cục Điều tiết điện lực (ĐTĐL) đã thực hiện được vai trò điều tiết hoạt động điện lực, góp phần phát triển ngành điện, bảo đảm hài hoà quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng sử dụng điện, đơn vị điện lực và Nhà nước.

Tạo cơ sở pháp lý cho hình thành thị trường điện cạnh tranh

Hình thành và phát triển thị trường điện cạnh tranh là định hướng phát triển được quy định tại Luật Điện lực năm 2004, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012 và được cụ thể hóa trong Quyết định số 63/2013/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình, các điều kiện và cơ cấu ngành điện để hình thành và phát triển các cấp độ thị trường điện lực tại Việt Nam. Theo đó, lộ trình hình thành và phát triển thị trường điện lực tại Việt Nam sẽ được thực hiện qua ba cấp độ: Thị trường phát điện cạnh tranh; Thị trường bán buôn điện cạnh tranh; Thị trường bán lẻ điện cạnh tranh.

Bộ Công Thương đã chủ trì phối hợp với các đơn vị điện lực để đưa thị trường phát điện cạnh tranh chính thức vận hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2012. Đây là bước cải cách lớn của ngành điện khi đã thành công trong việc chuyển đổi khâu phát điện tại Việt Nam sang vận hành hoàn toàn theo cơ chế thị trường cạnh tranh. Kế thừa các kết quả đạt được từ thị trường phát điện cạnh tranh, nhằm tiếp tục mở rộng quy mô cạnh tranh trên thị trường điện, Bộ Công Thương đã đưa thị trường bán buôn điện cạnh tranh vào vận hành chính thức từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. Việc vận hành thị trường điện cạnh tranh đã giúp nâng cao tính minh bạch trong huy động các nhà máy điện, tạo môi trường cạnh tranh giữa các đơn vị phát điện, tăng cường tính chủ động của các nhà máy điện trong công tác vận hành, đồng thời từng bước xóa bỏ độc quyền trong ngành điện theo đúng tinh thần Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Hiện Bộ Công Thương tiếp tục chủ trì, thực hiện các công tác hoàn thiện thị trường bán buôn điện cạnh tranh và triển khai xây dựng thị trường bán lẻ điện cạnh tranh theo lộ trình đã được đề ra.

Hoàn thành khung pháp lý cho công tác chỉ đạo điều hành giá điện

- Về giá điện theo cơ chế thị trường: Quy định về giá bán điện theo cơ chế thị trường được quy định tại Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân, bao gồm cơ chế điều chỉnh giá điện hàng năm và trong năm. Thực hiện các cơ chế này, giá điện được điều chỉnh theo biến động các thông số đầu vào và phản ánh sát với biến động thực tế các thông số đầu vào.

- Về biểu giá điện: Nhằm xây dựng đầy đủ khuôn khổ pháp lý về biểu giá điện, Bộ Công Thương đã xây dựng và được Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012, trong đó quy định "Giá bán lẻ điện do đơn vị bán lẻ điện xây dựng căn cứ khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân, cơ chế điều chỉnh giá và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện do Thủ tướng Chính phủ quy định phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện lực".

Tại quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, giá bán lẻ điện của các nhóm khách hàng được

quy định phù hợp với cơ cấu phụ tải từng nhóm và giảm thiểu bù chéo giữa các nhóm. Giá bán lẻ điện cho các nhóm khách hàng được căn cứ theo mức giá bán lẻ điện bình quân và phù hợp với cơ cấu biểu giá bán lẻ điện.

- Về cơ chế giá điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội: Bộ Công Thương xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành và áp dụng từ năm 2011, theo đó các hộ thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ giá điện cho 50kWh/tháng, mức hỗ trợ là 30.000 đồng/hộ/tháng.

Tiếp tục hỗ trợ giá điện cho người nghèo và mở rộng phạm vi cho đối tượng thuộc diện chính sách xã hội, Bộ Công Thương đã kiến nghị xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế hỗ trợ mới và áp dụng từ năm 2014. Theo đó, hộ nghèo, hộ chính sách xã hội có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50kWh được hỗ trợ tiền điện hàng tháng tương đương với tiền điện sử dụng 30kWh tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 hiện hành. Đối với khu vực nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa kết nối lưới điện quốc gia, khách hàng sử dụng điện sẽ được áp dụng giá bán lẻ điện như các khu vực nối lưới. Kinh phí hỗ trợ tiền điện được trích từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Về giảm giá điện, giảm tiền điện do dịch Covid-19. Thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về phương án hỗ trợ giảm điện, giảm tiền điện (đợt 2) cho các khách hàng sử dụng điện, để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của người dân do tác động của dịch Covid-19, trong năm 2020, Bộ Công Thương đã hướng dẫn Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) giảm giá điện, giảm tiền điện 2 đợt. Tổng số tiền hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện của 2 đợt trong năm 2020 ước khoảng gần 12.400 tỷ đồng. Việc thực hiện giảm giá điện, giảm tiền điện đã góp phần phục hồi kinh tế và hỗ trợ trực tiếp cho các khách hàng sử dụng điện trên cả nước đặc biệt là các hộ thu nhập thấp, yếu thế trong xã hội, các cơ sở lưu trú du lịch, các doanh nghiệp hoạt động logistics.

- Về cơ chế giá điện khuyến khích, thu hút đầu tư. Để đảm bảo công bằng minh bạch trong mua bán điện trên thị trường phát điện cạnh tranh, thị trường bán buôn điện cạnh tranh cho các đơn vị phát điện đàm phán mua bán điện với bên mua điện, khuyến khích đầu tư phát triển nguồn điện đáp ứng nhu cầu của hệ thống điện quốc gia và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 41/2010/TT-BCT ngày 14 tháng 12 năm 2010, Thông tư số 56/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 quy định phương pháp xác định giá phát điện; trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành khung giá phát điện và phê duyệt hợp đồng mua bán điện, và hiện nay là Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra Hợp đồng mua bán điện.

- Tách bạch giá điện các khâu. Để đảm bảo minh bạch về các thành phần cấu thành nên giá bán lẻ điện, Cục ĐTĐL đã xây dựng, trình Bộ Công Thương ban hành các Thông tư quy định về giá/chi phí các khâu phù hợp với sự phát triển của thị trường điện, bao gồm thông tư quy định về giá phát điện, giá truyền tải điện, giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện và chi phí điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực.

- Công tác kiểm tra giá thành sản xuất kinh doanh điện hàng năm.Để công khai minh bạch về giá điện, Bộ Công Thương đã tham mưu Thủ tướng Chính cho phủ kiểm tra giá thành sản xuất kinh doanh điện hàng năm trên cơ sở báo cáo chi phí và giá thành sản xuất kinh doanh điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được kiểm toán. Đoàn kiểm tra gồm đại diện các bộ, ngành, hiệp hội, doanh nghiệp; kết quả đoàn kiểm tra cung cấp công khai cho các cơ quan báo chí.

TẠO CƠ SỞ CHO TRIỂN KHAI XÂY DỰNG LƯỚI ĐIỆN THÔNG MINH

Đề án phát triển Lưới điện thông minh (LĐTM) tại Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 08/11/2012. Lộ trình phát triển LĐTM bao gồm các nhiệm vụ chính: Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, quy định kỹ thuật; Chương trình tăng cường hiệu quả vận hành hệ thống điện (gồm lưới truyền tải điện và phân phối điện); Các chương trình thử nghiệm công nghệ lưới điện thông minh; Chương trình phát triển công tơ điện tử và Chương trình truyền thông cho cộng đồng. Bên cạnh đó, Quyết định số 1670/QĐ-TTg cũng đưa ra các mục tiêu cụ thể cần thực hiện như chỉ tiêu nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, giảm tổn thất điện năng, tiến độ triển khai các chương trình, dự án.

NGÀNH CÔNG THƯƠNG

Lưới điện thông minh (nguon cosodulieu.evn.com.vn)

Việc phát triển Lưới điện Thông minh tại Việt Nam đã đạt một số kết quả khả quan, như: Hệ thống tự động hóa nhà máy điện/trạm biến áp để chuyển các nhà máy điện/trạm biến áp thành không người trực đã được hoàn thiện và đi vào vận hành; Hình thành các trung tâm điều khiển xa các nhà máy điện/trạm biến áp; Triển khai các công tơ điện tử đo xa cùng với việc thu thập dữ liệu tự động từ xa; Phát triển, bổ sung các thiết bị đóng cắt có khả năng thu thập dữ liệu, điều khiển xa trên lưới phân phối điện để đẩy mạnh khả năng tự động hóa lưới điện phân phối; Giám sát việc ngừng giảm cung cấp điện để nâng cao độ tin cậy; Phát triển hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin cáp quang trong ngành điện; Triển khai các hệ thống tự động trên hệ thống điện: hệ thống sa thải phụ tải tần số thấp, hệ thống sa thải phụ tải đặc biệt... Các đơn vị phân phối điện cũng đã triển khai hệ thống tổng đài dịch vụ chăm sóc khách hàng của ngành điện nhằm đảm bảo tiếp nhận và xử lý nhanh chóng mọi thông tin và yêu cầu của khách hàng đối với dịch vụ điện năng.

Xây dựng và triển khai Chương trình quốc gia về quản lý nhu cầu điện (DSM)

Căn cứ Luật Điện lực năm 2004, Nghị định số 105/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn

thi hành một số điều của Luật Điện lực, ngày 17 tháng 7 năm 2007, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) đã ký ban hành Quyết định số 2447/QĐ-BCN phê duyệt Chương trình quốc gia về DSM giai đoạn 2007 - 2015. Sau đó, ngày 08 tháng 3 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 279/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia về Quản lý nhu cầu điện giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030. Các chương trình DSM với mục tiêu chính là giảm công suất phụ tải đỉnh của hệ thống điện quốc gia, hệ thống điện vùng, miền nhằm giảm nhu cầu về vốn đầu tư để xây dựng mới, mở rộng hệ thống điện, góp phần giảm áp lực tăng giá điện, khai thác hợp lý các tài nguyên năng lượng và phát triển bền vững.

Các chương trình DSM đã được thực hiện thí điểm và chính thức, từng bước tác động vào nhận thức của khách hàng sử dụng điện trong việc sử dụng điện hiệu quả. Khách hàng đã có nhận thức ban đầu và thay đổi dần thói quen sử dụng điện theo hướng hiệu quả, chuyển sử dụng điện từ giờ cao điểm sang giờ thấp điểm hoặc bình thường, giảm dần nhu cầu tiêu thụ điện vào giờ cao điểm thông qua việc đầu tư, trang bị và sử dụng thiết bị điện có hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng. Trong bối cảnh các dự án nguồn điện và lưới điện chậm tiến độ so với quy hoạch phát triển điện được duyệt và kế hoạch đầu tư của các đơn vị thì các chương trình DSM đã và sẽ góp phần giảm tăng trưởng nhu cầu điện, qua đó góp phần đảm bảo cân bằng cung cầu, từng bước nâng cao chất lượng cung cấp điện và độ tin cậy cung cấp điện.

CÁC CHƯƠNG TRÌNH DSM ĐÃ ĐƯỢC THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM VÀ CHÍNH THỨC, TỪNG BƯỚC TÁC ĐỘNG VÀO NHẬN THỨC CỦA KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG ĐIỆN TRONG VIỆC SỬ DỤNG ĐIỆN HIỆU QUẢ.

Ngoài ra, để đảm bảo quyền lợi cho khách hàng sử dụng điện, Cục Điều tiết điện lực đã chủ động làm việc với các đơn vị điện lực, Sở Công Thương các tỉnh để giải quyết kịp thời các kiến nghị của người dân, khách hàng và các đơn vị điện lực. Đồng thời, Cục kiểm tra việc thực hiện quy định vận hành thị trường điện lực; Giấy phép hoạt động điện lực; hợp đồng mua bán điện song phương có thời hạn (PPA); biểu giá điện...; cấp giấy phép hoạt động điện theo thẩm quyền cho các tổ chức, cá nhân đúng quy định trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung và thời hạn giấy phép hoạt động điện lực đối với từng lĩnh vực hoạt động điện lực.

CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG NHẰM ĐẢM BẢO CUNG CẤP ĐIỆN CHO SẢN XUẤT VÀ SINH HOẠT

Bộ Công Thương đã ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn kỹ thuật và vận hành cũng như hỗ trợ phát triển lưới điện thông minh gồm: các thông tư quy định Quy định hệ thống điện phân phối, hệ thống truyền tải điện; các quy trình điều độ, thao tác, đo đếm và xử lý sự cố trong hệ thống điện quốc gia.

Bộ Công Thương thường xuyên giám sát cung cấp điện và vận hành hệ thống điện để có các chỉ đạo điều hành kịp thời, góp phần đảm bảo cung cấp đủ điện cho phát triển kinh tế - xã hội, đời sống của nhân dân và vận hành hệ thống điện quốc gia an toàn, tin cậy, ổn định.

Hàng năm, Bộ phê duyệt Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện làm cơ sở để chỉ đạo điều hành cung ứng điện hàng tháng, đặc biệt là các tháng mùa khô;

Chỉ đạo các đơn vị cung cấp nhiêu liệu nỗ lực đảm bảo cung cấp đủ nguồn nhiên liệu than, khí, dầu cho phát điện;

Chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và các nhà máy điện đảm bảo độ sẵn sàng của các tổ máy phát điện, đặc biệt các chủ hồ chứa thủy

điện thực hiện nghiêm túc các quy trình điều tiết liên hồ chứa, điều tiết hồ chứa, các chỉ thị về việc triển khai các giải pháp cấp bách phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, phối hợp vận hành các hồ thủy điện nhằm góp phần đảm bảo cung cấp nước cho nhu cầu sản xuất, sinh hoạt ở hạ du của các hồ thủy điện;

Yêu cầu các chủ đầu tư nhà máy nhiệt điện than chủ động chuẩn bị nguồn nhiên liệu, đảm bảo khả dụng cao nhất các tổ máy để phục vụ phát điện theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc điều tiết hợp lý các hồ thủy điện để đảm bảo đáp ứng nhu cầu nước hạ du và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước xả từ các hồ chứa thủy điện;

Chỉ đạo EVN và các đơn vị đẩy nhanh tiến độ đảm bảo đưa các công trình nguồn và lưới điện mới vào vận hành đúng tiến độ, phục vụ việc giải toả công suất các dự án nguồn điện, đặc biệt là các dự án năng lượng mặt trời ở khu vực các tỉnh Nam Trung Bộ và miền Nam trong những năm gần đây.

Chỉ đạo EVN triển khai các chương trình quản lý nhu cầu phụ tải, chương trình điều chỉnh phụ tải điện, nhằm mục tiêu cắt giảm phụ tải đỉnh, áp dụng các giải pháp để giảm tổn thất điện năng, nâng cao năng suất lao động, góp phần đảm bảo cung cấp điện.

Để đáp ứng nhu cầu truyền tải, phân phối điện, hạ tầng lưới điện trong những năm gần đây đã được đầu tư lớn về quy mô và khối lượng và tăng cường kết nối lưới điện với các nước láng giềng, đáp ứng yêu cầu đấu nối giải tỏa công suất các dự án nguồn điện, đặc biệt là nguồn điện năng lượng tái tạo và tăng cường năng lực truyền tải, góp phần trong việc đảm bảo cung cấp điện cho phụ tải kể cả những vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; cải thiện chất lượng điện năng và độ ổn định vận hành của toàn hệ thống điện.

BỘ CÔNG THƯƠNG THƯỜNG XUYÊN GIÁM SÁT CUNG CẤP ĐIỆN VÀ VẬN HÀNH HỆ THỐNG ĐIỆN ĐỂ CÓ CÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH KỊP THỜI, GÓP PHẦN ĐẢM BẢO CUNG CẤP ĐỦ ĐIỆN CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐỜI SỐNG CỦA NHÂN DÂN VÀ VẬN HÀNH HỆ THỐNG ĐIỆN QUỐC GIA AN TOÀN, TIN CẬY, ỔN ĐỊNH.

NGÀNH CÔNG THƯƠNG 70 NĂM 14/5/1951 - 14/5/2021

70 NĂM NGÀNH CÔNG THƯƠNG

NHỮNG DẤU ẤN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Năng lượng là yếu tố quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các nước trên thế giới. Để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế nhanh và bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, Đảng ta luôn dành sự quan tâm sâu sắc đến vấn đề phát triển điện lực và năng lượng tái tạo.

Ngày 11 tháng 2 năm 2020, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng ký Nghị quyết số 55/NQ-TW của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Nghị quyết khẳng định, sau 15 năm thực hiện Kết luận số 26-KL/TW ngày 24/10/2003 của Bộ Chính trị khoá IX về Chiến lược và quy hoạch phát triển ngành điện lực Việt Nam và 10 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2007 của Bộ Chính trị khoá X về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050

Thực hiện đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, sự chỉ đạo, điều hành sát sao của Bộ Công Thương, sự phối hợp của các bộ, ngành liên quan, đặc biệt là sự quan tâm, ủng hộ của nhân dân cả nước, ngành Điện Việt Nam đã có bước phát triển mạnh mẽ, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống dân sinh. Đến nay, ngành Điện đã phát triển vượt bậc, cơ cấu nguồn điện gồm đủ các loại hình: thủy điện, nhiệt điện than, nhiệt điện khí, nhiệt điện dầu và các nguồn điện năng lượng tái tạo (mặt trời, gió). Việc đầu tư xây dựng hạ tầng cung cấp điện có sự phát triển mạnh mẽ, là điều kiện quan trọng cho việc bảo đảm an ninh năng lượng và cung ứng điện. Đưa điện lưới quốc gia tới hầu hết mọi miền của đất nước, kể cả vùng sâu, vùng xa, biên cương, hải đảo. Tiêu thụ năng lượng gia tăng đáng kể, cơ cấu tiêu thụ năng lượng chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá. Việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày càng được quan tâm. Đã tích cực thực hiện chuyển đổi ngành năng lượng sang hoạt động theo cơ chế thị trường; huy động được nguồn lực lớn cho đầu tư phát triển với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, nòng cốt là các doanh nghiệp nhà nước. Năng lượng trở thành ngành kinh tế năng động, đóng góp rất quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các địa phương trên cả nước.

Từ chỗ điện chỉ đủ cung cấp cho các trung tâm thành phố và khu công nghiệp, đến năm 2020 sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống đạt trên 260,5 tỷ kWh (trong đó, điện sản xuất của Tập đoàn Điện lực Việt Nam - EVN và các tổng công ty phát điện, kể cả các công ty cổ phần đạt trên 140,8 tỷ kWh). EVN đã bảo đảm cung cấp đủ điện cho nhu cầu phát triển kinh tế

NGÀY 11 THÁNG 2 NĂM 2020, TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG KÝ NGHỊ QUYẾT SỐ 55/NQ-TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050. NGHỊ QUYẾT KHẲNG ĐỊNH, SAU 15 NĂM THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 26-KL/TW NGÀY 24/10/2003 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ KHOÁ IX VỀ CHIẾN LƯỢC VÀ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH ĐIỆN LỰC VIỆT NAM VÀ 10 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 18-NQ/TW NGÀY 25/10/2007 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ KHOÁ X VỀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050.

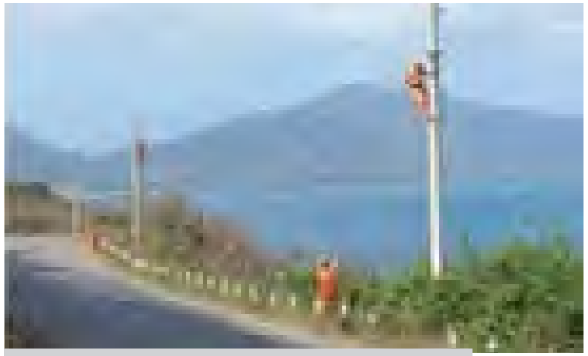
Hệ thống lưới điện phân phối ở Côn Đảo năm 2014.

- xã hội của đất nước và đời sống sinh hoạt của nhân dân, góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế của nước ta ở mức cao nhiều năm liên tục.

Đặc biệt, EVN đã đầu tư và cung cấp điện cho 11/12 huyện đảo. Các đảo có vị trí chiến lược trên biển như Phú Quốc, Cô Tô, Lý Sơn, Kiên Hải, Lại Sơn, Tiên Hải... đều được đầu tư cấp điện lưới quốc gia bằng cáp ngầm xuyên biển.

Những bước tiến thần kỳ của ngành Điện còn được thể hiện qua việc xây dựng và đưa vào vận hành nhiều công trình điện trọng điểm mang tầm quốc tế và khu vực như Nhà máy Thủy điện Hòa Bình, Nhà máy Thủy điện Trị An, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại, đường dây truyền tải điện siêu cao áp 500kV Bắc - Nam từ mạch 1 nay đã được bổ sung thêm mạch 2 rồi mạch 3, Nhà máy Thủy điện Sơn La là nhà máy thủy điện lớn nhất Đông Nam Á và gần đây nhất là Nhà máy Thủy điện Lai Châu...

Về điện gió, tuy chỉ bắt đầu xây dựng nhà máy điện gió từ năm 2012 với Nhà máy Điện gió Tuy Phong (nay gọi là Điện gió Bình Thạnh), đến nay đã có vài chục dự án có công suất lắp máy từ 20 đến 250MW đã hoặc sắp hoàn thành, như Nhà máy Điện gió V1-2 Trà Vinh và các nhà máy Quốc Vinh Sóc Trăng, Hiệp Thạnh, Số 3 Sóc Trăng, Lạc Hòa, Tân Thuận, HBRE Chư Prông, Nexif Energy, Hòa Bình 1, Win Energy Chính Thắng, KOSY Bạc Liêu, Hướng Hiệp, Hướng Phùng 3, Hướng Phùng 2, Hướng Phùng 1, Bình Đại, Công Lý Sóc Trăng, Fujiwara Bình Định, Côn Đảo, Bạc Liêu, Phú Quý...

Về điện mặt trời, được xây dựng đầu tiên là Nhà máy Điện mặt trời Thiên Tân ở Mộ Đức, Quảng Ngãi với tổng diện tích 24ha, công suất 19.2MW. Nhà máy được khởi công xây dựng vào ngày 29/08/2015 - cung cấp 28 triệu KWh điện mỗi năm cho lưới điện quốc gia. Đáng kể nhất là Nhà máy Điện mặt trời Dầu Tiếng tại Tân Châu (Tây Ninh), khánh thành vào ngày 7/9/2019. Cụm nhà máy gồm 1.3 triệu tấm pin có công suất 420MW. Với mức đầu tư 9.100 tỷ đồng, đây là nhà máy điện mặt trời lớn nhất Đông Nam Á. Ngoài hai nhà máy điện mặt trời nói trên, nước ta còn có hàng loạt nhà máy điện mặt trời như Dự án Điện mặt trời Hồng Phong 1, Nhà máy Điện mặt trời Tuy Phong và các nhà máy Phong Phú, Phước Hữu, Hòa Hội, Xuân Thọ, Europlast Phú Yên,

Nhà máy thủy điện Sơn La

Cam Lâm, Ami Khánh Hòa và Nhà máy Điện mặt trời Sông Giang. Ngoài ra, còn có rất nhiều dự án khác đã và đang được thi công...

Trước đây, chúng ta chỉ có các cánh đồng, các trang trại trong nông nghiệp, như cánh đồng lúa, cánh đồng bông, trang trại lợn, trang trại bò... thì nay đã có cánh đồng và trang trại trong công nghiệp, cụ thể là công nghiệp năng lượng. Đó là các cánh đồng điện gió với những cánh quạt trắng, những ngôi sao ba cánh khổng lồ, không chỉ tạo ra điện mà còn là điểm hấp dẫn khách du lịch. Đó là những trang trại điện mặt trời như những tấm gương khổng lồ, biến nhiệt năng từ mặt trời thành điện năng phục vụ nhu cầu của con người...

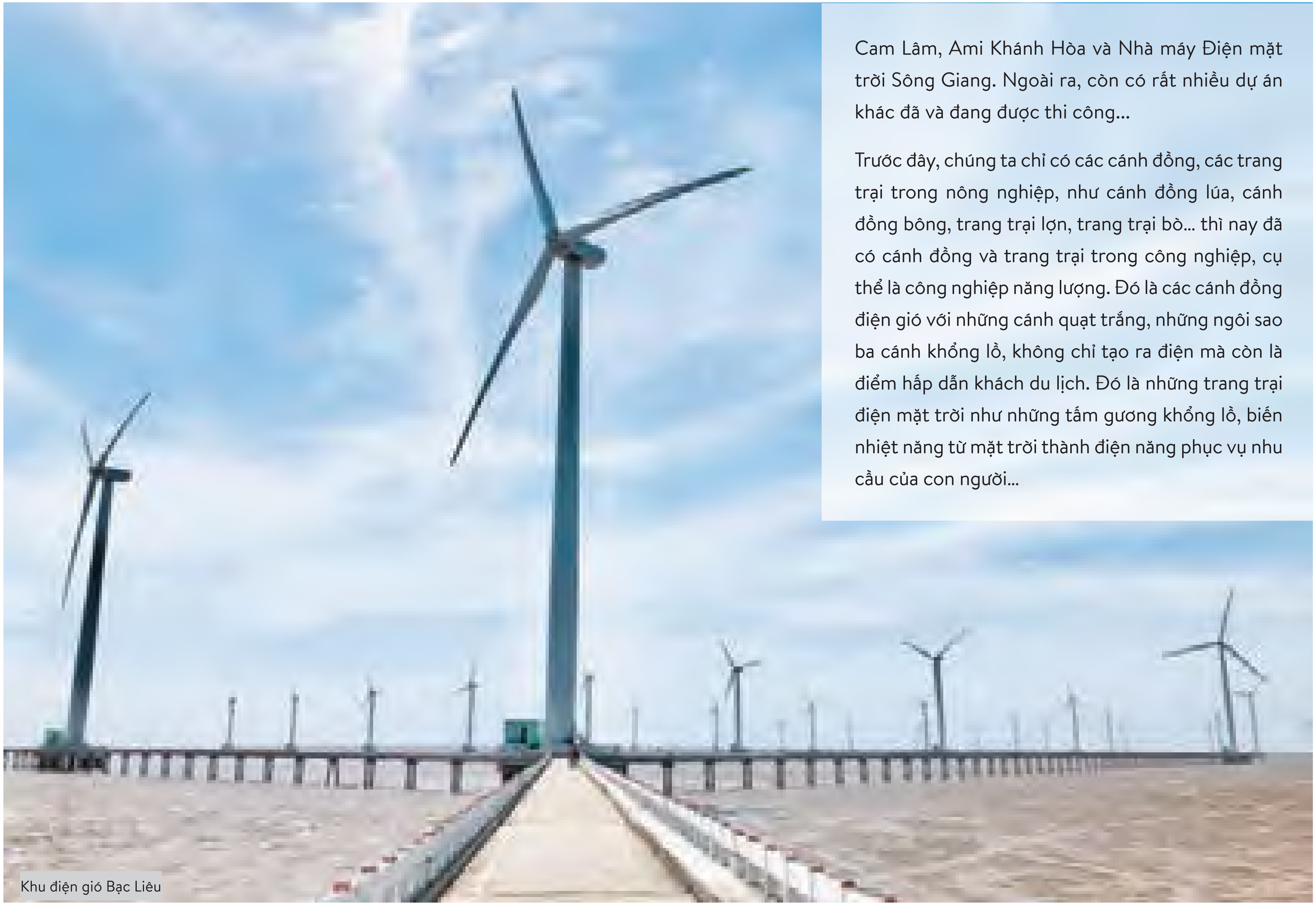

Khu điện gió Bạc Liêu

ĐIỆN ĐI TRƯỚC MỘT BƯỚC

Hơn 60 năm qua, EVN luôn khẳng định vai trò chủ đạo trong đầu tư, phát triển nguồn và lưới điện; bảo đảm "điện đi trước một bước" trong công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, góp phần duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức cao nhiều năm liên tục.

Giai đoạn 2010 - 2020 điện thương phẩm tăng trưởng với tốc độ cao, từ 85,4 tỷ kWh năm 2010 lên khoảng 225,4 tỷ kWh năm 2020; tốc độ tăng trưởng bình quân 9,66%/năm, gấp khoảng 1,6 lần so với tăng trưởng GDP. Tập đoàn đã cung cấp đủ điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu của các thành phần kinh tế, với sứ mệnh "điện đi trước một bước" theo Nghị quyết của Đảng. Sản lượng điện thương phẩm bình quân trên người dân đến cuối năm 2020 ước tính đạt khoảng 2.200 kWh/người/năm, tăng 2,24 lần so với năm 2010 (982,7kWh/người/năm).

Trong công tác đầu tư xây dựng, khối lượng đầu tư nguồn và lưới điện được giao đòi hỏi nhu cầu vốn lớn nhưng Chính phủ không còn bảo lãnh cho các khoản vay để đầu tư của EVN. Với quyết tâm cao, EVN chỉ đạo các đơn vị nỗ lực phấn đấu, vượt qua những khó khăn, thu xếp đủ vốn cho các dự án công trình điện. Hệ thống điện quốc gia liên tục mở rộng phạm vi, quy mô và năng lực sản xuất, đáp ứng tốc độ tăng trưởng cao về nhu cầu điện của đất nước.

Về lưới điện, trong giai đoạn 2010 - 2019, EVN đã hoàn thành đóng điện 1.936 công trình từ 110 - 500kV với tổng chiều dài đường dây 8.290km, tổng công suất các trạm biến áp 26.123MVA; bảo đảm đấu nối, truyền tải công suất phát các nguồn điện, tăng cường năng lực truyền tải của hệ thống.

Lưới điện của Việt Nam cũng đã kết nối với lưới điện các nước láng giềng Trung Quốc, Lào, Campuchia ở các cấp điện áp từ 22kV tới 220kV. Trong đó đã hoàn thành các công trình quan trọng như: (i) Các mạch vòng 500kV quan trọng khu vực TP. Hà Nội, TP. HCM và lân cận, các đường dây tăng cường năng lực truyền tải hệ thống như Pleiku - Mỹ Phước - Cầu Bông; (ii) Các công trình lưới điện 500kV đấu nối hoặc giải tỏa các nguồn điện quan trọng như: Thủy điện Sơn La, Thủy điện Lai Châu...; các Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, Duyên Hải, Vũng Áng... (iii) Các công trình giải tỏa thủy điện khu vực miền Bắc, các nguồn điện năng lượng tái tạo khu vực Ninh Thuận, Bình Thuận; (iv) Các công trình lưới điện bảo đảm cấp điện miền Nam, TP. Hà Nội và các phụ tải lớn.

HỆ THỐNG ĐIỆN QUỐC GIA LIÊN TỤC MỞ RỘNG PHẠM VI, QUY MÔ VÀ NĂNG LỰC SẢN XUẤT, ĐÁP ỨNG TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CAO VỀ NHU CẦU ĐIỆN CỦA ĐẤT NƯỚC.

Bên cạnh đó, EVN và các đơn vị đang tập trung hoàn thiện phân đoạn cuối cùng của mạch 3 đường dây 500kV Bắc - Nam, tạo nên trục truyền tải siêu cao áp 500 kV Bắc - Nam hoàn thiện gồm 3 mạch với tổng chiều dài gần 4.000km, kết nối vững chắc hệ thống điện toàn quốc đáp ứng yêu cầu về độ an toàn và tin cậy.

Đến hết năm 2020, hệ thống lưới điện quốc gia đã là một thể thống nhất, vươn tới mọi miền của đất nước với trên 8.500km đường dây 500kV, gần 20.000km đường dây 220kV, hơn 23.000km đường dây 110kV và 33 trạm biến áp 500kV, 137 trạm biến áp 220kV, 886 trạm biến áp 110kV.

Về nguồn điện, giai đoạn 2010 - 2019, EVN đã đưa vào vận hành 21 dự án với tổng công suất 17.120MW, bằng 48% tổng công suất phát điện được đưa vào khai thác trong giai đoạn 2010 - 2019 trên toàn quốc. Từ chỗ chỉ có 31,5MW công suất năm 1954, đến hết năm 2020 tổng công suất lắp đặt của hệ thống điện quốc gia ước đạt trên 61.000MW, trong đó công suất nguồn điện do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) sở hữu là 29.638MW.

Để đáp ứng nhu cầu truyền tải, phân phối điện, trong giai đoạn 2016 - 2020, hạ tầng lưới điện đã được đầu tư lớn về quy mô và khối lượng, tăng cường kết nối lưới điện với các nước láng giềng,

THỰC HIỆN THÀNH CÔNG NHIỀU GIẢI PHÁP ĐỒNG BỘ CẢI THIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH, TỶ LỆ TỔN THẤT ĐIỆN NĂNG TOÀN EVN ĐÃ GIẢM TỪ 10,25% (NĂM 2010) XUỐNG 6,5% (KẾ HOẠCH NĂM 2020). NHƯ VẬY, TÍNH CẢ GIAI ĐOẠN 2010 - 2020, TỶ LỆ TỔN THẤT ĐIỆN NĂNG CỦA EVN GIẢM ĐƯỢC 3,75%, BÌNH QUÂN MỖI NĂM GIẢM 0,34% VÀ ĐÃ TIỆM CẬN VỚI MỨC TỔN THẤT ĐIỆN NĂNG CỦA CÁC NƯỚC PHÁT TRIỂN.

đáp ứng yêu cầu đấu nối giải tỏa công suất các dự án nguồn điện, đặc biệt là nguồn điện năng lượng tái tạo và tăng cường năng lực truyền tải, góp phần trong việc đảm bảo cung cấp điện cho phụ tải, kể cả những vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; cải thiện chất lượng điện năng và độ ổn định vận hành của toàn hệ thống điện.

Thực hiện thành công nhiều giải pháp đồng bộ cải thiện các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tỷ lệ tổn thất điện năng toàn EVN đã giảm từ 10,25% (năm 2010) xuống 6,5% (kế hoạch năm 2020). Như vậy, tính cả giai đoạn 2010 - 2020, tỷ lệ tổn thất điện năng của EVN giảm được 3,75%, bình quân mỗi năm giảm 0,34% và đã tiệm cận với mức tổn thất điện năng của các nước phát triển.

ĐƯA ĐIỆN VỀ NÔNG THÔN, MIỀN NÚI VÀ RA HẢI ĐẢO

Theo thống kê, đến cuối năm 2020, đã có 100% số xã và 99,54% số hộ dân có điện (tăng 1,65% so với cuối năm 2012). Bên cạnh đó, để các hộ dân được hưởng giá điện theo quy định của Chính phủ, EVN thực hiện tiếp nhận lưới điện hạ áp nông thôn để bán điện trực tiếp đến từng hộ dân. Đến nay, EVN đã bán điện trực tiếp tới 10.285 xã phường, tăng tỷ lệ số hộ dân nông thôn được mua điện trực tiếp của ngành Điện từ 89,9% năm 2012 lên 93,7% năm 2020.

Sau khi tiếp nhận lưới điện hạ áp của tất cả các xã, EVN và các đơn vị đều phải sửa chữa cải tạo, nâng cấp, mở rộng lưới điện để vận hành an toàn, cung cấp điện ổn định, liên tục tới các hộ dân với chi phí cải tạo tối thiểu bình quân 1,2 - 1,5 tỷ đồng/xã. Tổng chi phí cải tạo tối thiểu lưới điện sau tiếp nhận hơn 8.000 tỷ đồng.

Để lưới điện nông thôn đáp ứng tiêu chí số 4 trong Chương trình xây dựng nông thôn mới, EVN đã đầu tư lưới điện phân phối cung cấp cho khu vực nông thôn trong 10 năm là hơn 89.200 tỉ đồng. Tới cuối năm 2019, có 8.072/8.902 xã đạt tiêu chí số 4, góp phần quan trọng để phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến và ngành nghề dịch vụ nông nghiệp; làm thay đổi diện mạo nông thôn, thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Bên cạnh đó, với quyết tâm cấp điện ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng sâu vùng xa, khu vực biển đảo và bảo đảm an ninh quốc phòng, trong những năm qua, EVN đã hoàn thành xuất sắc các dự án cấp điện cho đồng bào dân tộc tại các tỉnh: Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Bắc Kạn; đưa lưới điện quốc gia vượt trùng khơi vươn tới các huyện đảo tiền tiêu Tổ quốc với việc hoàn thành tiếp nhận và bán điện trực tiếp tại 11/12 huyện đảo, 82/85 xã đảo bao gồm: huyện đảo Vân Đồn (năm 1992), huyện đảo Cát Hải gồm 2 cụm đảo Cát Hải (năm 1991) và Cát Bà (năm 1998), huyện

đảo Phú Quý (năm 1998), huyện đảo Lý Sơn (năm 2002), huyện đảo Phú Quốc (năm 2002), huyện đảo Cô Tô (năm 2013), huyện đảo Côn Đảo (năm 2014), huyện đảo Kiên Hải (năm 2014), huyện đảo Bạch Long Vỹ (năm 2016), huyện đảo Trường Sa và huyện đảo Cồn Cỏ (năm 2017).

Việc đưa điện đến vùng sâu vùng xa, khu vực bên giới hải đảo vượt qua ý nghĩa kinh tế đơn thuần, đây còn là việc làm tri ân đối với đồng bào và chiến sĩ sinh sống và làm việc ở khu vực này đã có nhiều hi sinh, đóng góp cho cách mạng trong các cuộc chiến tranh giành độc lập dân tộc cũng như bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

ỨNG DỤNG CHUYỂN ĐỔI SỐ MẠNH MẼ

Nhiều năm qua ngành Điện đã có nhiều đổi mới trong công tác kinh doanh và dịch vụ khách hàng với việc tích cực ứng dụng công nghệ thông tin và từng bước số hóa các dịch vụ, ứng dụng chuyển đổi số mạnh mẽ với phương châm "Lấy khách hàng làm trung tâm mọi hoạt động".

EVN là đơn vị đầu tiên trong cả nước thực hiện thí điểm hóa đơn điện tử vào năm 2012 và cũng là tập đoàn đầu tiên triển khai áp dụng hóa đơn điện tử trên toàn quốc vào năm 2015. Sau đó, vào năm 2016, EVN đã đẩy mạnh quá trình chuyển đổi hình thức thu tiền điện tại nhà sang thu tiền qua điểm thu tập trung, các tổ chức trung gian thanh toán, ví điện tử và qua ngân hàng...

Đến cuối năm 2018, EVN công bố cung cấp các dịch vụ điện trực tuyến cấp độ 4, là cấp độ cao nhất trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ, tăng tính công khai minh bạch và tạo mọi thuận lợi cho khách hàng. Cũng trong năm 2018, EVN hoàn thành việc kết nối cung cấp dịch vụ điện tại trung tâm hành chính công và các cổng thông tin dịch vụ công trực tuyến tại 63/63 tỉnh/thành phố.

Ngày 24/12/2019, EVN hoàn thành đưa 12/12 dịch vụ điện mức độ 4 kết nối Cổng Dịch vụ công Quốc gia và cũng là doanh nghiệp nhà nước đầu tiên hoàn thành việc tích hợp, cung cấp tất cả các dịch vụ điện năng ở mức độ 4 cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Cùng với đó, chỉ số tiếp cận điện năng Việt Nam cũng có bước tiến vượt bậc, góp phần đáng kể trong việc cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

EVN là đơn vị đi đầu trong nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật điện, đổi mới công nghệ, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin và thành quả của cuộc CMCN 4.0 cho mọi hoạt động từ sản xuất, truyền tải, phân phối, kinh doanh - dịch vụ khách hàng, đến vận hành hệ thống điện và thị trường điện. Công nghệ tự động hóa điều khiển, kỹ thuật số cũng được ứng dụng rộng rãi trong xây dựng và vận hành hệ thống điện, thị trường điện.

> EVN LÀ ĐƠN VỊ ĐẦU TIÊN TRONG CẢ NƯỚC THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ VÀO NĂM 2012 VÀ CŨNG LÀ TẬP ĐOÀN ĐẦU TIÊN TRIỂN KHAI ÁP DỤNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ TRÊN TOÀN QUỐC VÀO NĂM 2015. SAU ĐÓ, VÀO NĂM 2016, EVN ĐÃ ĐẨY MẠNH QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI HÌNH THỨC THU TIỀN ĐIỆN TẠI NHÀ SANG THU TIỀN QUA ĐIỂM THU TẬP TRUNG, CÁC TỔ CHỨC TRUNG GIAN THANH TOÁN, VÍ ĐIỆN TỬ VÀ QUA NGÂN HÀNG...

Bên cạnh đó, công nghệ thông tin cũng là công cụ tiện lợi, hữu ích trong việc tăng tính hiệu quả, minh bạch, cạnh tranh trong công tác đấu thầu. Từ khi thực hiện thí điểm đấu thầu qua mạng vào

năm 2009 với hơn chục gói thầu, đến nay EVN luôn là đơn vị dẫn đầu cả nước trong việc thực hiện đấu thầu qua mạng. Hiện EVN đang tiếp tục triển khai nghiên cứu, phát triển các công nghệ tiên tiến, thực hiện chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực và dự kiến đến 2025 cơ bản hoàn thành chuyển đổi doanh nghiệp số.

HƯỚNG ĐẾN CÔNG NGHỆ SẠCH, HỆ THỐNG XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG HIỆN ĐẠI

Những năm gần đây, trước sự quan tâm ngày càng lớn về vấn đề bảo vệ môi trường (BVMT), EVN đã chủ động trong đầu tư nguồn lực cả về cơ sở vật chất, kỹ thuật và con người, qua đó đã có những kết quả khả quan. Việc tiếp thu được công nghệ mới để đưa các bộ lọc bụi tĩnh điện của nhà máy nhiệt điện than vào vận hành ngay từ thời điểm đốt lò đã tránh được khói bụi phát sinh vào thời điểm khởi động lò máy. Hệ thống lọc nước biển thành nước ngọt dùng cho tưới tro xỉ thải tại nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và Duyên Hải 1 cũng đã được vận hành tốt. Đây là nỗ lực rất lớn của các nhà máy vì các khu vực này là khu vực khô hạn, ít mưa, nguồn nước ngọt thiếu. Nếu có đủ nước ngọt sẽ hạn chế bụi phát tán, tiếp tục sử dụng được tro xỉ làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng, giảm bớt chất thải rắn tồn đọng.

Ngoài ra, EVN cũng đã bắt đầu thử nghiệm công nghệ siêu tới hạn cho Nhà máy điện Duyên Hải 3 mở rộng với đặc điểm hiệu suất cao, phát thải thấp, thân thiện hơn với môi trường. Đây là dự án nhà máy nhiệt điện đầu tiên ở Việt Nam với quy mô lớn (công suất tổ máy 600MW) bước đầu áp dụng công nghệ này.

Các dự án điện của EVN đều được lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và được duyệt trong giai đoạn dự án đầu tư và là cơ sở để thực hiện, kiểm tra, giám sát suốt vòng đời của dự án. Tất cả dự án thủy điện của EVN đều thực hiện tốt công tác đền bù tái định cư, trồng rừng tái tạo cảnh quan, thực hiện xả dòng chảy môi trường, tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa, đảm bảo nước cho nhu cầu dân sinh, nông nghiệp, thủy sinh tại các khu vực hạ lưu bị ảnh hưởng. ENV cũng đã triển khai xác định các dự án có tiềm năng xây dựng theo cơ chế phát triển sạch (CDM) và phối hợp với các đối tác xây dựng các dự án theo cơ chế CDM như: Thủy điện Đồng Nai 4; Thủy điện Trung Sơn và dự án 1 triệu bóng đèn compact (của Tổng công ty Điện lực miền Nam). Ngoài ra, EVN còn xây dựng được Hệ thống quản lý môi trường thống nhất xuyên suốt, toàn Tập đoàn; xây dựng, hoàn thiện và thực hiện nghiêm túc Quy chế bảo vệ môi trường của EVN.

Việc xây dựng và phát triển luôn tiềm ẩn những thách thức to lớn đối với môi trường. Để hài hòa cân bằng giữa phát triển và BVMT cần sự nỗ lực của tất cả các bên liên quan. Trên cương vị là chủ đầu tư của nhiều công trình nguồn và lưới điện, EVN sẽ thực hiện nhiều giải pháp để bảo vệ môi trường như: xây dựng hệ thống quản lý môi trường thống nhất trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam, kiện toàn bộ máy, nhân lực được trang bị tốt kiến thức về BVMT, về Luật BVMT để hoàn thành các công việc liên quan đến BVMT; hợp tác chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình lập quy hoạch, phê duyệt dự án, xây dựng hành lang pháp lý cho công tác đầu tư xây dựng cơ bản cũng như công tác BVMT; làm tốt công tác phối hợp với các bộ/ngành sẽ giảm được những vấn đề bất cập trong thực hiện quy hoạch, các dự án đầu tư, tuân thủ tốt được Luật BVMT và các luật liên quan khác.

Việc nghiêm túc tuân thủ Luật BVMT cũng được EVN chú trọng như đầu tư các thiết bị xử lý môi trường, khí thải, nước thải đạt các QCVN; không để xảy ra sự cố môi trường; quản lý tốt chất thải rắn và chất thải nguy hại; thực hiện công tác giám sát môi trường trực tuyến và định kỳ; có đầy đủ các giấy phép liên quan trong quá trình vận hành; nộp đầy đủ các loại thuế và phí; thường xuyên có các hoạt động tuyên truyền phổ biến văn bản pháp luật về BVMT, nâng cao kiến thức về BVMT cho tất cả các cán bộ và công nhân viên trong ngành; Thực hiện, tuyên truyền chương trình tiết kiệm điện, giảm tổn thất, phát triển năng lượng tái tạo, các chương trình phát triển xanh, sạch.

EVNNPC

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
KHÔNG NGỪNG LỚN MẠNH
Vì sự phát triển của điện lực Việt Nam

"NĂM 1969, CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 106/QĐ-TC CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ ĐIỆN VÀ THAN. TRẢI QUA HƠN 50 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VỚI NHIỀU LẦN ĐỔI TÊN VÀ THAY ĐỔI CƠ QUAN CHỦ QUẢN, ĐẾN NAY, TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC TRỞ THÀNH CÁNH CHIM ĐẦU ĐÀN CỦA TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM.

Có thể nói, từ năm 1995 trở đi Tổng Công ty Điện lực miền Bắc (lúc này có tên Công ty Điện lực 1) hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình - về cơ bản, đã xây dựng và hoàn thiện khép kín hệ thống điện miền Bắc Việt Nam, bàn giao nhiệm vụ phát tải cho Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Công ty chỉ còn thực hiện nhiệm vụ chính là phân phối điện năng.

Giai đoạn 2000 - 2009, cùng với cả nước, Công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành vượt mức toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch, tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm đạt từ 10,3 - 13%. Suốt thời gian dài, Công ty là đơn vị dẫn đầu toàn ngành điện về công tác tiếp nhận lưới điện trung áp, hạ áp nông thôn và bán điện đến từng hộ dân nông thôn với việc đưa điện về 220/222 huyện (99%), 4.406/4.605 xã (95,7%) và 5.128.715 số hộ dân nông thôn có điện lưới quốc gia (93%). Với nỗ lực nâng cao chất lượng phục vụ và dịch vụ, năm 2007, Công ty Điện lực 1 được trao Cúp vàng ISO.

Ngày 5/2/2010, lịch sử Công ty bước sang trang mới với sự ra đời Tổng Công ty Điện lực miền Bắc theo Quyết định số 0789/QĐ-BCT của Bộ Công Thương, trên cơ sở tổ chức lại Công ty Điện lực 1 và tiếp nhận trở lại các Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng, Hải Dương và Ninh Bình. Việc chuyển đổi mô hình tổ chức từ Công ty Điện lực 1 thành Tổng Công ty Điện lực miền Bắc, đánh dấu bước chuyển lớn cả về lượng và chất - đây là mô hình ổn định, lâu dài, phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thế giới.

Để phù hợp với phương thức quản trị hiện đại, kể từ tháng 6/2019, Tổng Công ty hoạt động theo mô hình tổ chức hội đồng thành viên, tổng giám đốc và kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mô hình này sẽ phát huy được sức mạnh tập thể, trí tuệ của từng cá nhân trong Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động quản lý, chỉ đạo và điều hành; tách bạch rõ vai trò và trách nhiệm trong quản lý, giám sát của Hội đồng Thành viên với vai trò và trách nhiệm trong lãnh đạo, điều hành các hoạt động hàng ngày của Tổng Giám đốc.

Tính đến tháng 7/2019, Tổng Công ty quản lý vận hành 254 trạm biến áp 110kV với tổng công suất 19.188MVA, 8.866,41km đường dây 110kV, 191 trạm biến áp trung gian, 52.410 trạm biến áp phân phối, 138.394km đường dây trung thế và 152.150,87km đường dây hạ thế; sản lượng điện thương phẩm của Tổng Công ty năm 2019 ước đạt 70,4 tỷ kWh; số lượng khách hàng trên 10,2 triệu, chiếm hơn 1/3 tổng lượng khách hàng của toàn Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Từ chỗ lưới điện chắp vá, cũ nát, lạc hậu, độ phủ điện chỉ đạt 40 - 50%, đến nay, 100% số huyện, 100% số xã, 98,65% số hộ dân nông thôn thuộc địa bàn Tổng Công ty quản lý được cấp điện lưới quốc gia. Những con số thống kê thật khô khan nhưng nói lên rất nhiều điều, bởi đó là một trong những chỉ tiêu cao nhất khu vực và đạt tầm cao nhất của thế giới đối với ngành điện.

Qua hơn 50 năm với nhiều lần đổi tên, thay đổi cơ quan chủ quản, thay đổi về mô hình tổ chức, Tổng Công ty Điện lực miền Bắc đã có những bước đi vững chắc, vượt qua khó khăn thách thức, từng bước phát triển và không ngừng lớn mạnh, luôn khẳng định được vai trò, vị trí nòng cốt của mình trong công cuộc phát triển ngành điện lực Việt Nam. Các thế hệ lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Tổng Công ty luôn phát huy cao độ tinh thần trách nhiệm, sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước.

Với hành trang đáng tự hào là truyền thống vẻ vang hơn 50 năm được xây dựng, vun đắp qua nhiều thế hệ, toàn thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Tổng Công ty Điện lực miền Bắc sẽ tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, ý thức trách nhiệm, sức mạnh trí tuệ, truyền thống lao động cần cù, sáng tạo, nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, xứng đáng với vai trò "điện đi trước một bước", góp phần thiết thực vào công cuộc xây dựng đất nước ta "đàng hoàng hơn, to đẹp hơn" như mong ước của Bác Hồ kính yêu.

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 1
VỮNG BƯỚC CÙNG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

LÀ ĐƠN VỊ THUỘC EVN, DO EVN SỞ HỮU 100% VỐN ĐIỀU LỆ, NHỮNG CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH ĐƯỢC TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 1 (EVNGENCO 1) TRIỂN KHAI THỰC HIỆN LUÔN HƯỚNG TỚI HOÀN THÀNH TỐT NHIỆM VỤ ĐƯỢC TẬP ĐOÀN GIAO NHƯ: TỔ CHỨC SẢN XUẤT ĐIỆN MỘT CÁCH AN TOÀN, ỔN ĐỊNH VÀ HIỆU QUẢ; VẬN HÀNH THƯƠNG MẠI TRONG THỊ TRƯỜNG PHÁT ĐIỆN CẠNH TRANH; ĐỒNG THỜI ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN NGUỒN ĐIỆN MỚI NHẰM ĐẢM BẢO AN NINH NĂNG LƯỢNG CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI, ĐỜI SỐNG SINH HOẠT CỦA NHÂN DÂN VÀ SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC.

Từ những ngày đầu thành lập và đi vào hoạt động đến nay, Tổng công ty Phát điện 1 luôn được EVN chỉ đạo sát sao và quan tâm, hỗ trợ kịp thời. Nhờ vậy, EVNGENCO 1 tuy thành lập chưa lâu nhưng lại có những bước phát triển rất nhanh và vững chắc của EVN. Giai đoạn 2016 - 2020, sản lượng điện sản xuất của EVNGENCO 1 tăng trưởng mạnh qua từng năm, góp phần quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu cung ứng điện cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. 55,7% - mức tăng trưởng sản lượng điện sản xuất năm 2020 so với năm 2016 - thể hiện rõ điều đó.

Năm 2020 là một năm đầy thách thức, khó khăn và bất ổn với dịch bệnh Covid-19 bùng phát và lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam không phải là ngoại lệ. Trong bối cảnh đó, bằng sự chủ động đối mặt với những khó khăn thách thức, EVNGENCO 1 là đơn vị dẫn đầu thuộc EVN hoàn thành vượt kế hoạch sản lượng 6 tháng mùa khô năm 2020 của

Tổng công ty Phát điện 1 (EVNGENCO 1) là đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) được thành lập theo Quyết định số 3023/QĐ-BCT của Bộ Công Thương ngày 01/6/2012 và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2013. EVNGENCO 1 có 16 đơn vị thành viên, liên kết, trước đây hoạt động dưới quyền quản lý của EVN. Nhiều đơn vị đã có lịch sử hình thành và phát triển lâu dài, gắn với sự phát triển của Tập đoàn như Công ty Nhiệt điện Uông Bí với 60 năm thành lập. Cán bộ chủ chốt của EVNGENCO 1 là những người được đào tạo và có quá trình làm trong ngành điện từ 20 - 30 năm.

Trung tâm Điện lực Duyên Hải – một trong những trung tâm điện lực lớn nhất cả nước

Tập đoàn giao với 20.494 triệu kWh, từ đó hoàn thành tốt kế hoạch năm 2020.

Một trong những điểm sáng nổi bật nữa mà EVNGENCO 1 đạt được trong thời gian qua chính là giải thưởng “Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc năm 2020” - giải thưởng có uy tín của Hội Truyền thông số Việt Nam với sự bảo trợ của Bộ Thông tin và Truyền thông. Chuyển đổi số là xu hướng tất yếu của thế giới, được EVN quyết tâm thực hiện một cách mạnh mẽ, quyết liệt. Tập đoàn đã ban hành Nghị quyết về “Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn” với mục tiêu xây dựng EVN trở thành doanh nghiệp số. Chuyển đổi số cũng được xác định là Chủ đề năm 2021. Phát huy những thành công trong lĩnh vực này cũng như bám sát chủ trương của EVN, EVNGENCO 1 đã xây dựng chương trình và kế hoạch chuyển đổi số của Tổng công ty đến năm 2022, có tính đến năm 2025.

Những nỗ lực và kết quả EVNGENCO 1 đạt được trong thời gian qua nhận được sự đánh giá rất cao của Lãnh đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Tổng công ty Phát điện 1 được coi là điểm sáng trong khối các đơn vị nguồn điện. Sự ghi nhận đó đi kèm với những kỳ vọng của Tập đoàn đối với EVNGENCO1. Để đạt được kỳ vọng đó, EVNGENCO 1 đặt mục tiêu phát huy tối đa lợi thế năng lực của các đơn vị trong chuyển đổi số để công tác vận hành đạt hiệu quả tối ưu, nắm bắt tốt các quy định chung để chuyển đổi mô hình quản trị sang công ty cổ phần, đa dạng hóa các hình thức đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay...

Trong thời gian tới, EVNGENCO 1 phấn đấu trở thành một Tổng công ty Phát điện hàng đầu Việt Nam và khu vực. Với lộ trình đó, EVNGENCO 1 đề ra các chiến lược:

- Đảm bảo các tổ máy/nhà máy vận hành an toàn, hiệu quả và sẵn sàng huy động trong mọi thời điểm theo yêu cầu của hệ thống điện Quốc gia.
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện đáp ứng tiến độ, chất lượng đề ra, nhằm đảm bảo công tác đầu tư xây dựng các dự án có hiệu quả.
- Đa dạng hóa các nguồn lực, hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để huy động các nguồn vốn phục vụ công tác đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện.
- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh và hội nhập quốc tế.
- Sản xuất kinh doanh có hiệu quả, từng bước nâng cao thu nhập cho người lao động.
- Chú trọng công tác nghiên cứu cải tiến khoa học kỹ thuật, hợp tác chuyển giao công nghệ.
- Công tác sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Tổng Công ty phải luôn gắn liền với tiêu chí phát triển bền vững, thân thiện với môi trường.

Công ty Nhiệt điện Uông Bí (EVNGENCO 1) - đơn vị có 60 năm phát triển đã song hành với EVN từ giai đoạn đầu tiên

HOẠT ĐỘNG PHONG TRÀO ĐẢNG, ĐOÀN THỂ

Lãnh đạo Bộ, Đoàn Chủ tịch, Đoàn Thư ký bỏ phiếu tại Đại hội Đảng bộ Bộ Công Thương

Lãnh đạo Đảng ủy Khối các cơ quan TW, Lãnh đạo Bộ Công Thương dự Đại hội Đảng bộ Bộ Công Thương

Đồng chí Trương Xuân Cừ - Phó Bí thư Đảng ủy Khối các cơ quan TW, đồng chí Trần Tuấn Anh, tặng hoa chúc mừng Đại hội Đảng bộ Bộ Công Thương

Đại biểu biểu quyết tại Đại hội Đảng bộ Bộ Công Thương

Công đoàn Bộ tổ chức cho nữ đoàn viên tham quan đền thờ Hai Bà Trưng năm 2019

Công đoàn Bộ tổ chức gặp mặt Ban Liên lạc thương binh Cơ quan Bộ nhân Kỷ niệm ngày Thương binh liệt sỹ 27.7.2020

Công đoàn Bộ tổ chức Hội thao mở rộng lần thứ X năm 2019

Công đoàn cơ quan Bộ Công Thương hưởng ứng Ngày hội hiến máu tình nguyện năm 2018

Lễ bàn giao Công trình Thanh niên cấp Trung ương Đoàn: "Cổng trường và sân chơi cho các em học sinh trường mẫu giáo Trà Leng, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam"

CÔNG ĐOÀN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM được thành lập theo Quyết định số 1353/QĐ-TLĐ ngày 11/10/2007 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, trên cơ sở hợp nhất Công đoàn Công nghiệp Việt Nam và Công đoàn Thương mại - Du lịch Việt Nam.

CÔNG ĐOÀN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM quản lý lao động trong các ngành, lĩnh vực: Kim khí; Công nghiệp tiêu dùng; Giấy; Nhựa, sành sứ, thủy tinh, bóng đèn, phích nước; Hóa chất; Xây dựng công nghiệp; Kinh doanh xăng dầu, Thương mại - dịch vụ; Kinh doanh xuất nhập khẩu và kho vận; Khối các trường đào tạo và các cơ quan quản lý, nghiên cứu.

Hiện **CÔNG ĐOÀN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM** trực tiếp quản lý và chỉ đạo 16 Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở và 531 Công đoàn cơ sở (trong đó có 403 Công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở); Phối hợp với các Liên đoàn lao động, tỉnh, thành phố chỉ đạo 22 công đoàn ngành Công Thương địa phương. Toàn ngành hiện có 146.266 đoàn viên/159.979 lao động.

CĐCTVN nhận cờ Thi đua xuất sắc trong phong trào CNVCLĐ và hoạt động công đoàn của TLĐLĐVN năm 2020

Phó Chủ tịch CĐCTVN Vũ Trường Sơn trao nhà mái ấm công đoàn cho người lao động thuộc Tổng Công ty Giấy Việt Nam

Phó Chủ tịch CĐCTVN Quách Văn Ngọc ký thỏa thuận hợp tác phúc lợi đoàn viên cùng Công ty Sữa Hà Lan

Mục lục

02
Thư chúc mừng của đồng chí
Phạm Minh Chính - Ủy viên Bộ Chính trị -
Thủ tướng Chính phủ

04
Thư chức mừng của đồng chí
Trần Tuấn Anh - Ủy viên Bộ Chính trị -
Trưởng Ban Kinh tế Trung ương

06
Lời tựa

08
Ngành Công Thương Việt Nam - 70 năm
xây dựng và phát triển
Đồng chí Nguyễn Hồng Diên - Ủy viên
Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Công Thương

15
Phần I: Bảng vàng ngành
Công Thương Việt Nam

31
Phần II: Ngành Công Thương Việt Nam
70 năm vững mạnh cùng đất nước

153
Phần III: Cơ cấu tổ chức Bộ Công Thương

201
Phần IV: Công Thương Việt Nam:
Công nghiệp vững mạnh, Thương mại
phát triển, Hội nhập vươn xa

NGÀNH CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
70 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG
Trụ sở: Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: 024-3 934 1562 * Fax: 024-3 938 7164
Website: http://nhaxuatbancongthuong.com.vn
Email: nxbct@moit.gov.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên tập
NGUYỄN MINH HUỆ

Biên tập: Nguyễn Thị Thanh Thảo; Trương Hữu Thắng;
Tôn Nữ Thanh Bình; Đồng Thị Thu Thủy; Lương Thị Ngọc Bích
Thiết kế bìa: Vương Nguyễn
Trình bày: Vũ Lê Thư

In 1.000 cuốn, khổ 28 x 20,5cm tại Công ty TNHH In và Thương mại Trần Gia
Địa chỉ: Số 43 ngõ 406, đường Âu Cơ, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội
Số xác nhận đăng kí xuất bản: 1440-2021/CXBIPH/02-58/CT
Số Quyết định xuất bản: 132/QĐ - NXBCT ngày 05 tháng 5 năm 2021
In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2021.
Mã số ISBN: 978-604-311-621-2.

NGÀNH CÔNG THƯƠNG

70 NĂM

14/5/1951 - 14/5/2021

ISBN: 978-604-311-621-2
9 786043 116212

SÁCH KHÔNG BÁN